Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tuần 1

Tiết 1- Văn bản : **PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

# MỤC TIÊU :

1. **Kiến thức**: Học sinh : - Hiểu được một số biểu hiện của phong cách HCM trong đời sống và trong sinh hoạt.

* Hiểu ý nghĩa của phong cách HCM trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.
* Nắm được đặc điểm của kiểu bài nghị luận xã hội qua một đoạn văn cụ thể.

1. **Kĩ năng**: HS : - Nắm bắt nội dung văn bản nhật dụng thuộc chủ đề hội nhập với thế giới và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc.

* Vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong việc viết văn bản về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa, lối sống.

1. **Thái độ**: Bồi dưỡng cho các em lòng tự hào, kính yêu Bác, biết học tập theo gươngBác.

# Phẩm chất - năng lực:

* Tự tin trong giao tiếp, sống và học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, yêu quê hương đất nước.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, máy chiếu
* Dự kiến phương án tích hợp – Liên hệ :

+ Văn - Văn: Văn bản '' Đức tính giản dị của Bác Hồ ''

+ Văn - Tập làm văn: văn nghị luận

1. ***Trò:***- Soạn bài

* Đọc lại văn bản '' Đức tính giản dị của Bác Hồ '', sưu tầm những tài liệu viết về Bác.

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, phân tích bình giảng, dùng lời có nghệ thuật, hoạt động nhóm...
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, động não, kĩ thuật đặt câu hỏi.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. **Hoạt động khởi động *:***

* Ổn định lớp
* Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh ( Bài soạn)
* Vào bài mới

GV giới thiệu ( ... ) Chiếu đoạn clip về hình ảnh HCM

Những mẫu chuyện trong cuộc đời của Hồ Chủ Tịch là tấm gương mà mỗi chúng ta phải học tập. Vẻ đẹp văn hoá chính là nét nổi bật trong phong cách của Người.

# Hoạt động hình thành kiến thức

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| **Hoạt động 1 : Đọc , tìm hiểu chung**  \* PP : gợi mở – vấn đáp, trực quan, dùng lời có nghệ thuật | **I. Đọc - tìm hiểu chung** |

\* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não GV : Giới thiệu vài nét về tác giả.

? Văn bản được trích trong tác phẩm nào ?

? Theo em vb này cần được đọc với giọng đọc ntn ?

* + GV hướng dẫn đọc và đọc mẫu
  + Gọi 2 HS đọc
  + Yêu cầu HS khác theo dõi và nhận xét
  + GV yêu cầu HS giải thích nghĩa của từ : phong cách , truân chuyên, uyên thâm.

? Bài viết trên thuộc kiểu loại văn bản nào ?

? Chủ đề chính của vb?

? Để giúp người đọc hiểu rõ nội dung đó tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chính nào.?

? Văn bản được chia làm mấy phần. Nêu rõ giới hạn và nội dung từng phần?

# Hoạt động 2 : Phân tích

\* **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, phân tích bình giảng, dùng lời có nghệ thuật, hoạt động nhóm...

**\* Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, động não, kĩ thuật đặt câu hỏi.

-Yêu cầu HS chú ý phần 1

? Em biết danh hiệu cao quý nào của Hồ Chí Minh về văn hoá ?

? Quá trình tiếp thu văn hóa của Hồ Chí Minh gắn với một cuộc đời như thế nào ?

? Trong cuộc đời ấy, vốn tri thức văn hoá của Bác được thể hiện ra sao ?

? Tìm những câu văn nêu bật quá trình tiếp thu văn hóa của Hồ Chí Minh ?

1. Tác giả : Lê Anh Trà
2. Tác phẩm

a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ

- Vb được trích trong HCM và văn hóa Việt Nam ( 1990)

b, Đọc, tìm hiểu chú thích

- Giọng đọc: Nhẹ nhàng, tình cảm, thể hiện rõ niềm tự hào về Bác...

- Chú thích (sgk)

c. Kiểu loại văn bản nhật dụng

- Chủ đề: Hội nhập với thế giới và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc.

d, PTBĐ : Nghị luận + tự sự, biểu cảm.

e. Bố cục

+ Phần 1 ( Đoạn 1 ): Quá trình tiếp thu văn hóa nhân loại của Hồ Chí Minh.

+ Phần 2 ( Đoạn 2,3,4 ): Lối sống của chủ tịch Hồ Chí Minh.

# II. Phân tích

**1.Vẻ đẹp trong phong cách văn hoá của Bác.**

\*Hồ Chí Minh: Danh nhân văn hoá thế giới (UNEECO-1990)

\* Con đường hình thành phong cách vh của Bác

- Quá trình ấy gắn với cuộc đời đi tìm đường cứu nước đầy '' truân chuyên ''

-Người tiếp xúc với văn hoá của nhiều nước, nhiều vùng (phương Đông, phương Tây)

- '' Trên những ... châu Mĩ ''

- '' Người đã từng sống... Anh ''

? Tác giả đã sử dụng bpnt nào qua các chi tiết trên ?

? Qua đó em hiểu gì về Hồ Chí Minh ?

- GV: giảng và cung cấp tư liệu về cuộc đời HCM trong quá trình người tìm đường cứu nước.

- Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Cách tiếp thu văn hóa của Hồ Chí Minh có gì đặc biệt? Và đây là cách tiếp thu ntn?

- GV gọi HS trình bày, NX

- GV; giảng

? Cách lập luận của tg ở đoạn văn trên?

- GV sử dụng kĩ thuật động não

? Qua đv trên, em hiểu gì về vẻ đẹp trong phong cách văn hoá của HCM?

? Điều này có ý nghĩa như thế nào với quá trình hội nhập của chúng ta?

- GV khái quát

- '' Người nói ... nghề ''

-'' Có thể nói ... Hồ Chí Minh ''

- '' Đến đâu ... uyên thâm ''

+ NT: kể xen lẫn bình luận, so sánh

-> Bác là người đi nhiều, biết nhiều, có nhu cầu cao về văn hoá, am hiểu văn hóa thế giới uyên thâm . Người có vốn văn hóa sâu rộng.

\* Cách tiếp thu văn hóa của Bác:

- Tiếp thu mọi cái đẹp, cái hay đồng thời phê phán những tiêu cực

->Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nước ngoài.

- Những ảnh hưởng quốc tế...nhào nặn với gốc vh dân tộc không gì lay chuyển được

->Bác tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trên cơ sở giữ vững giá trị vh dân tộc.

+Lập luận chặt chẽ; kết hợp giữa bình luận, kể.

=> Một nhân cách rất Việt Nam, rất Phương Đông nhưng đồng thời rất mới, rất hiện đại.

* Chúng ta có định hướng đúng đắn, biết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc văn hóa nhân loại.

# Hoạt động luyện tập:

? Vốn tri thức văn hóa của Hồ Chí Minh sâu rộng nh thế nào?

?Cách lập luận của tg có gì đặc biệt?

# Hoạt động vận dụng:

* Em học tập được ở Bác cách tiếp thu tri thức,văn hóa của nhân loại như thế nào?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Sưu tầm 1 số tài liệu về quá trình tự học , tiếp nhận tri thức của Bác.
* Học bài cũ

- Soạn tiếp phần 2 ( Câu hỏi 2,3,4 - SGK )

* Sưu tầm những bài thơ , câu chuyện kể về lối sống của Bác

Ngày soạn: .../.../2018 Ngày dạy: .../.../2018

# TUẦN 1

Tiết 2- Văn bản : **PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH** ( Tiếp )

# MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. **Kiến thức**: Học sinh : - Hiểu được một số biểu hiện của phong cách HCM trong đời sống và trong sinh hoạt.

* Hiểu ý nghĩa của phong cách HCM trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.
* Nắm được đặc điểm của kiểu bài nghị luận xã hội qua một đoạn văn cụ thể.

1. **Kĩ năng**: HS : - Nắm bắt nội dung văn bản nhật dụng thuộc chủ đề hội nhập với thế giới và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc.

* Vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong việc viết văn bản về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa, lối sống.

1. **Thái độ**: Bồi dưỡng cho các em lòng tự hào, kính yêu Bác, biết học tập theo gương Bác.

# Phẩm chất - năng lực:

* Tự tin trong giao tiếp, sống và học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh,yêu quê hương đất nước.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập, máy chiếu.
* Dự kiến phương án tích hợp - liên hệ :

+ Văn - Văn: Văn bản '' Đức tính giản dị của Bác Hồ ''

+ Văn - Tập làm văn: Văn nghị luận

1. ***Trò***:

* Soạn bài ( Câu hỏi 2,3,4 )
* Đọc lại văn bản '' Đức tính giản dị của Bác Hồ ''
* Chuẩn bị phần luyện tập – SGK

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, phân tích bình giảng, dùng lời có nghệ thuật, hoạt động nhóm...
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật hỏi và trả lời.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định lớp:

\*Kiểm tra bài cũ

* Phân tích nét đẹp trong phong cách tiếp thu văn hóa của Hồ Chí Minh?
* Vào bài mới : GV cung cấp clip thể hiện phong cách sinh hoạt của Bác.

# Hoạt động hình thành kiến thức

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2 : Phân tích (tiếp)**  \* **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, phân tích bình giảng, dùng lời có nghệ | 1. **Đọc -Tìm hiểu chung** 2. **Phân tích ( Tiếp** )   **2. Vẻ đẹp trong phong cách sinh hoạt của chủ tịch Hồ Chí Minh** |

thuật, hoạt động nhóm...

**\* Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, kĩ thuật đặt câu hỏi.

# GV yêu cầu HS chú ý phần 2

? Tác giả đã giới thiệu về nơi ở và nơi làm việc của Bác qua các chi tiết nào ?

? Em hiểu gì về nơi ở và nơi làm việc của Bác ?

- GV giảng+ cung cấp thơ

?Trang phục của Bác được giới thiệu ra sao ?

? Đây là những trang phục ntn ?

? Em hãy tìm những chi tiết nói về bữa ăn của Bác,và nx về những món ăn đó ? GV giảng

? Những chi tiết nào nói về tư trang của Bác ?

? Phương thức lập luận nào được tg sử dụng ở những chi tiết trên ?

? Với cách lập luận chặt chẽ em hiểu gì về lối sống của Bác ?

?Em hãy hình dung về cuộc sống của các vị nguyên thủ quốc gia ở các nước trên thế giới ?

(Giáo viên lấy VD: Tổng thống Mỹ Bin Clintơnsang trọngbảo vệ uy nghiêm.)

* Gv giảng, liên hệ với văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ”

? Về phía tác giả, tác giả đã có những nhận xét, đánh giá nào về lối sống của Bác?

? Em hiểu nh thế nào về nội dung lời nhận xét, bình luận ấy ?

? Em đã được học, đọc bài thơ bài văn nào nói về cuộc sống giản dị của Bác ?

* Tức cảnh Pác Bó.
* Đức tính giản dị (Phạm Văn Đồng).

-Thăm cõi Bác xưa (Tố Hữu).

* GV:giảng, chốt

# - GV yêu cầu HS chú ý Đ3, Đ4

? Lối sống của Bác còn được thể hiện qua những chi tiết nào?

* GV cho HS thảo luận theo 4 nhóm :
* Nơi ở, làm việc: chiếc nhà sàn gỗ cạnh chiếc ao ,chỉ vẻn vẹn vài phòng

->Nơi ở, làm việc đơn sơ.

- Trang phục : quần áo bà ba nâu, áo trấn thủ, đôi dép lốp

->Trang phục giản dị, khi là người nông dân, khi là người chiến sĩ.

* Ăn uống : cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa...->dân dã, không cầu kỳ.

-Tư trang: ít ỏi, một chiếc va ly con,vài bộ quần áo.

+Dẫn chứng tiêu biểu.Bình luận xen chứng minh.

-> Lối sống giản dị, thanh đạm, trong sáng.

'' Lần đầu tiên... có một vị chủ tịch n- ớc''

'' quả nh một câu chuyện thần thoại...cổ tích ''

-> Sự đặc biệt, hiếm có được một lối sống

như của Bác.

* 1. Khi viết về lối sống của Bác, tác giả đã dùng bpnt nào?
  2. Qua đó em hiểu ntn về lối sống của Bác ?
  3. Cách sống đó có ý nghĩa nh thế nào ?
  + GV gọi đại diện HS trình bày, HS nhận xét -> GV chốt kiến thức
  + GV: yêu cầu hs cảm nhận cái đẹp của lối sống giản dị qua hai câu thơ / sgk.

? Cảm nhận chung của em về Bác qua văn bản ?

? Tình cảm của tg đối với Bác được thể hiện ra sao ?

? Qua văn bản này, em học tập được điều gì ở Bác ?

Học sinh trao đổi.

* Mở rộng giao lưu,học hỏi những tinh hoa của nhân loại, có ý thức tự học...
* Tiếp thu có chọn lọc,...lối sống giản dị.

GV:khái quát, liên hệ, giáo dục đạo đức

* ăn mặc, vật chất, nói năng, ứng xử

# Hoạt động 3: Tổng kết

\*Kĩ thuật hỏi và trả lời

* HS đặt câu hỏi và yêu cầu các bạn trả lời về NT và ND văn bản.

*-* Tôi dám chắc ...như vậy

* Bất giác ...thuần đức
* Nếp sống ...không phải tự thần thánh hóa

+ Hình thức so sánh: Bác với các vị tổng thống, lãnh tụ, vua hiền, bậc hiền triết

+Đối lập:vĩ nhân mà hết sức giản dị.

+ Đan xen thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, cách dùng từ Hán Việt -> Gợi cho người đọc thấy sự gần gũi giữa Hồ Chí Minh với các bậc hiền triết của dân tộc.

**=> Lối sống**: giản dị và thanh cao – một biểu hiện trong phong cách văn hóa của HCM.

- Cách sống có văn hóa trở thành quan điểm thẩm mĩ

-> Lối sống đó là một cách di dưỡng tinh thần, có khả năng mang lại hạnh phúc cho tâm hồn và thể xác.

Bác có vẻ đẹp riêng trong phong cách văn hóa và trong lối sống :

-Truyền thống - hiện đại

* Dân tộc - nhân loại
* Thanh cao - giản dị

*\**Tự hào, kính yêu, ngưỡng mộ

# III. Tổng kết

**1. Nghệ thuật**

* Đan xen kể, biểu cảm, bình luận
* lấy dẫn chứng tiêu biểu

# Hoạt động luyện tập:

? Vì sao Người lại có đợc vốn tri thức sâu rộng nh thế?

?Tác giả so sánh lối sống của Bác với Nguyễn Trãi (thế kỷ 15)?Theo em giống và khác nhau giữa hai lối sống của Bác và Nguyễn Trãi ? (Giáo viên đưa dẫn chứng qua bài Côn Sơn ca) so sánh với các bậc hiền triết như Nguyễn Trãi.

*Học sinh thảo luận.*

+ Giống: giản dị, thanh cao.

+ Khác: Bác gắn bó, chia sẻ khó khăn, gian khổ cùng dân. Các vị hiền triết khác sống ẩn dật, lánh đời

? GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm : Vẽ sơ đồ t duy khái quát về văn bản : Tác giả, tác phẩm, nội dung chính, nghệ thuật tiêu biểu

# Hoạt động vận dụng:

? Kể lại một câu chuyện về lối sống giản dị của Bác?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Sưu tầm những chuyện kể về đức tính giản dị của Bác

- Chuẩn bị: Các phương châm hội thoại

+ Đọc vd-sgk

+Trả lời các câu hỏi trong bài

=====================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 1- Bài 1

Tiết 3: TV - **CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI**

# MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

* 1. **Kiến thức**: Học sinh nắm được nội dung phương châm về lượng và phương châm về chất.
  2. **Kĩ năng**: HS nhận biết và phân tích được cách sử dụng phương châm về lượng và phương châm về chất trong một tình huống giao tiếp cụ thể.
* HS vận dung các phương châm này trong giao tiếp.
  1. **Thái độ**: Có thái độ phê phán thói khoác lác của người đời.

# Phẩm chất – năng lực

* Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề
* Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu thảo luận, bảng phụ
* Dự kiến phương án tích hợp – liên hệ

+ TV - Văn: Truyện cười dân gian

1. ***Trò***:- Trả lời các câu hỏi SGK

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành
2. Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định lớp:
* Kiểm tra bài cũ

\*Vào bài mới

Trong chương trình ngữ văn lớp 8, các em đã được tìm hiểu về vai XH trong

hội

thoại, lượt lời trong hội thoại. Để hoạt động hội thoại có hiệu quả, chúng ta cần nắm được tư tưởng chủ đạo của hoạt động này, đó chính là phương châm hội thoại.

# Hoạt động hình thành kiến thức

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| **Hoạt động 1: Phương châm về lượng**  \*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành  \* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm.  -GV cho HS đọc  ? Từ ‘bơi’ trong câu hỏi của An có nghĩa là gì ?  ? Câu trả lời của Ba có đáp ứng yêu cầu của An không ,vì sao ?  ? Vậy Ba cần trả lời như thế nào để đáp ứng điều An muốn biết?  ? Từ đó em rút ra bài học gì về giao tiếp ?   * Yêu cầu HS đọc truyện và trả lời câu hỏi: * GVyêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm   ? Vì sao truyện '' Lợn cưới, áo mới '' lại gây cười? | **I. Phương châm về lượng**  1. Tìm hiểu ví dụ  a. Ví dụ 1 ( SGK/8 )  *-*Bơi :di chuyển trong nước hoặc trên mặt nước bằng cử động của cơ thể.   * Câu trả lời không đáp ứng yêu cầu. Bởi điều An muốn biết là một địa điểm bơi cụ thể   ( còn nước là một môi trường tất yếu của hoạt động bơi)   * Có thể trả lời :Mình bơi ở hồ, ao, sông, bể bơi nào đó ( tên, địa điểm cụ thể)   -> Khi giao tiếp, câu nói phải có nội dung đúng với yêu cầu của giao tiếp, không nên nói ít hơn những gì mà giao tiếp đòi hỏi.  b. Ví dụ 2 ( SGK/9 )  - Truyện gây cười vì cả 2 nhân vật đều nói nhiều và thừa những gì cần nói  Anh có lợn hỏi thừa từ '' cưới '  Anh có áo mới trả lời: thừa từ '' mới '' |

? Theo em hai anh có '' lợn cưới '' và '' áo mới '' cần phải hỏi và trả lời như thế nào để người nghe đủ biết được điều cần hỏi và điều cần trả lời?

? Như vậy, chúng ta cần phải tuân thủ yêu cầu gì khi giao tiếp ?

* Gv gọi HS trình bày , NX và chốt

? Cả 2 trường hợp trên là những trường hợp vi phạm phương châm về lượng. Vậy trong giao tiếp, nói như thế nào để đảm bảo phương châm về lượng?

* GV cho HS đọc ghi nhớ -> GV khái quát
* GV sử dụng kĩ thuật động não và yêu cầu hs làm bài tập bổ trợ :cho biết vì sao truyện lại gây cười?

# \*Phụ nữ và bác sĩ

Bác sĩ dặn bệnh nhân:

* Bà bị thiếu vitamin và chất xơ nghiêm trọng, *cần ăn thật nhiều quả màu xanh và phải ăn cả vỏ không được gọt bỏ.*
* Tôi xin ghi nhận lời khuyên của ông. Đến hẹn khám lại, bác sĩ hỏi:
* Cách ăn hoa quả như vậy có ảnh hưởng gì không ?
* Thưa không! Đào, lê, táo, nho... đều ổn cả, chỉ có...quả dừa thì ăn hơi lâu.

→ Vi phạm phương châm về lượng

# Hoạt động 2: Phương châm về chất

\*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành

\* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm.

* GV yêu cầu HS đọc truyện cười

?Truyện cười này phê phán điều gì?

? Như vậy trong giao tiếp cần tránh điều gì ?

* GV đưa ra tình huống

? Nếu không biết chắc là bạn A lấy

- Anh có lợn cưới chỉ cần hỏi: '' Bác có thấy con lợn nào chạy qua đây không-''

Anh có áo mới chỉ cần trả lời: '' Nãy giờ tôi chẳng thấy có con lợn nào chạy qua đây cả ''

-> Khi giao tiếp, không nên nói nhiều hơn những gì cần nói

**2. Ghi nhớ 1** ( SGK/9 )

# II. Phương châm về chất

1. **Xét ví dụ** ( SGK/9 )

* Truyện cười này phê phán tính nói khoác ( quả bí to bằng cái nhà, cái nồi to bằng cái đình )

-> Trong giao tiếp, không nên nói những điều mà mình không tin là đúng sự thật

sách của bạn B ,thì em có thể trả lời cô bạn A lấy không? vì sao?

? Từ tình huống này em rút ra lưu ý gì khi giao tiếp ?

? Qua các vd trên, phải nói như thế nào là đảm bảo phương châm về chất?

* GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ

GV cung cấp thêm VD để học si về cnh phân tích pc về chất.

Có một cậu bé rất lười. Một hôm cậu ta đến lớp muộn. Cô giáo hỏi:

* Vì sao hôm nay em đến lớp muộn như vậy ?

Cậu bé trả lời:

* Em đến lớp muộn vì trên đường em bị một tên cướp tấn công ạ ?

Cô giáo ngạc nhiên hỏi:

* Một tên cướp tấn công em à ? Nó đã cướp cái gì của em ?

*- Thưa cô, nó đã cướp bài tập ở nhà của em ạ.*

* Không ,vì không có bằng chứng.

-> Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không có bằng chứng xác thực

1. **Ghi nhớ 2** ( SGK/10 )

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Hoạt động luyện tập** |  |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| \*Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành  \* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, trình bày, NX  ? Vận dụng phương châm về lượng để phân tích lỗi trong câu sau?  ? Chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống?  ? Đọc truyện cười và cho biết phương châm hội thoại nào đã không được tuân thủ? | **III. Luyện tập**  **Bài tập 1** ( SGK/10 )   1. Thừa cụm từ '' nuôi ở nhà '' vì từ ''gia súc ''đã hàm chữa nghĩa là thú nuôi trong nhà. 2. Thừa '' có 2 cánh '' vì tất cả các loài chim đều có 2 cánh.   **Bài tập 2** ( SGK/10 )  a, ... nói có sách, mách có chứng b, ... nói dối  c, ... nói mò  d, ... nói nhăng nói cuội e, ... nói trạng  **Bài tập 3** ( SGK/11 )  Câu nói của anh chàng '' Rồi có nuôi được không- '' đã vi phạm phương châm về lượng ( hỏi một điều rất thừa |

# Hoạt động vận dụng

* Khái quát nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy
* Tập viết các đoạn hội thoại vi phạm 2 phương châm trên.
* Lấy một Ví dụ vi phạm phương châm về chất ? (trong thực tế)

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* Học bài, thuộc ghi nhớ
* Hoàn chỉnh các bài tập
* Sưu tầm 1 số đoạn thoại trong thực tế có vi phậm về lượng và chất
* Chuẩn bị: Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh

+ Ôn lại kiến thức về văn thuyết minh

+ Đọc vb-sgk

+Trả lời các câu hỏi trong bài

========================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# TUẦN 1

**Tiết 4**: TLV - **SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH.**

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**
     1. **Kiến thức**:
* Học sinh nêu được khái niệm, đặc điểm của văn bản thuyết minh và các phương pháp thuyết minh thường dùng.

- HS hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh làm cho văn bản thuyết minh sinh động, hấp dẫn.

* + 1. **Kĩ năng**: HS nhận ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các văn bản thuyết minh.
* HS vận dụng các biện pháp nghệ thuật khi viết văn thuyết minh.
  + 1. **Thái độ**: Có ý thức trân trọng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên quý giá của đất nước.

# Phẩm chất – năng lực.

* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
* Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ,yêu quê hương.

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan
* Dự kiến phương án tích hợp - liên hệ

+ TLV - TLV: Phương pháp thuyết minh ( Lớp 8 )

+ TLV - TV: Các biện pháp tu từ

1. ***Trò***:

* Xem lại phần văn thuyết minh ( lớp 8 )
* Đọc và trả lời câu hỏi SGK

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Đặt và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, thực hành luyện tập, hợp đồng...
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm,đặt câu hỏi.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. **Hoạt động khởi động**

## Kiểm tra sĩ số

* ***Kiểm tra bài cũ****:* ( Lồng trong nội dung bài học)
* ***Vào bài mới:*** GV giới thiệu bài *bằng một clip về* ***Hạ Long***

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản**  \*Phương pháp : Gợi mở vấn đáp,Đặt và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, thực hành luyện tập, hoạt động nhóm, hợp đồng.  \*Kĩ thuật: Thảo luận nhóm,đặt câu hỏi.  - GV yêu cầu HS thanh lí hợp đồng  ? Văn bản thuyết minh là gì?  ? Đặc điểm chủ yếu của văn bản thuyết minh?  ? Kể tên các phương pháp thuyết minh chủ yếu?  - Gv yêu cầu HS nhận xét và bổ sung | 1. **Tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh**.    1. **Ôn tập văn thuyết minh**  * Khái niệm: là kiểu vb thông dụng trong đời sống nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm , tính chất, nguyên nhân   ...của các sự vật hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.   * Đặc điểm : Cung cấp tri thức tri thức khách quan có tính phổ thông. * Phương pháp thuyết minh: Phương pháp định nghĩa, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh, phân loại, phân tích.   **2. Viêt văn bản thuyết minh có sử** |

- GV yêu cầu HS đọc văn bản

? Bài văn thuyết minh về đối tượng nào?.

? Bài viết thuyết minh về đặc điểm nào của Hạ Long ?

? Hãy tìm câu văn nêu khái quát về sự kỳ lạ của Hạ Long?

? Nx về vần đề được thuyết minh qua câu văn trên?

? Theo em văn bản đã sử dụng những phương pháp thuyết minh nào ?.

? Nếu chỉ có những phương pháp đó bài văn có nêu bật được sự kì lạ của Hạ Long không?

- GV:yêu cầu hs chú ý vào đoạn 2

? Theo tg, nước Hạ Long có gì kỳ lạ?

? Sự di chuyển của nước sẽ tạo nên hoạt động của con thuyền ra sao?

?Với từ “có thể’’, ta thấy có phải tg trực tiếp nhìn thấy các hoạt động đó hay không?

? Như vậy khi viết vb thuyết minh,ta có thể sử dụng bpnt gì?

? BPNT tưởng tượng giúp hình ảnh nước Hạ Long hiện lên ntn?

? Vẻ đẹp nào khác của Hạ Long được tg thuyết minh?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm

? Sự kỳ lạ của đá Hạ Long được hiện lên qua các chi tiết nào?

? ở phần này tg đã sử dụng bpnt nào để thuyết minh?

? BPNT đó giúp em thấy đá Hạ Long hiện lên ntn?

* HS trình bày -> bổ sung

? Nx về đoạn văn mà tg thuyết minh về đá và nước?

? Làm thế nào để vb thuyết minh sinh động, hấp dẫn?

? Em có nx gì về cách sử dụng các

# dụng một số biện pháp nghệ thuật

* 1. Đọc văn bản: Hạ Long - Đá và Nước
  2. Nhận xét:
* Bài văn thuyết minh về vịnh Hạ Long
* Đặc điểm: Sự kì lạ của Hạ Long là nước và đá

-“Chính nước…tâm hồn”

->Vấn đề trừu tượng, không dễ dàng thuyết minh bằng đo đếm, liệt kê.

* Phương pháp thuyết minh: Nêu định nghĩa, giải thích, liệt kê

-> Chưa thể nêu bật được sự kì lạ của Hạ Long.

\*Nước Hạ Long.

-Nước: tạo sự di chuyển,di chuyển theo mọi cách.

-Con thuyền có thể hoạt động một cách tuỳ ý,du khách có thể thưởng ngoạn.

-Tác giả tưởng tượng ra khả năng hoạt động của con thuyền

+Bpnt tưởng tượng

-> Sự kì lạ của nước Hạ Long

\*Đá Hạ Long

-Già đi,trẻ lại...vui hơn

-Hướng ánh sáng...không còn có tuổi

-Những con người bằng đá toả ra

-Dưới ánh sao …cuộc tụ họp

+Biệnpháp nhân hoá,miêu tả,liêntưởng.

-> Đá có tâm hồn và tri giác

->Đoạn văn sống động, hấp dẫn

=>ghi nhớ –ý1(sgk)

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| \*Phương pháp : Gợi mở vấn đáp,Đặt và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, thực hành luyện tập, hoạt động nhóm.  \*Kĩ thuật: Thảo luận nhóm,đặt câu hỏi.  ? Theo em văn bản '' Ngọc Hoàng xử tội Ruồi xanh '' có phải là văn bản thuyết minh không. Ngoài yếu tố thuyết minh còn có yếu tố nào ?  - Gv yêu cầu HS thảo luận theo 5 nhóm.  ? Vậy tính chất thuyết minh được thể hiện như thế nào. ?  ? Trong văn bản những phương pháp thuyết minh nào được sử dụng. Các phương pháp đó được thể hiện như thế nào ?  ? Tác giả dùng những biện pháp nghệ thuật gì ?  - HS trình bày -> NX | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1** ( SGK/14 )  a, Đây là văn bản thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật   * Tính chất thuyết minh được thể hiện: Giới thiệu loài ruồi rất có hệ thống ( những t/c chung về họ, giống, loài, về các tập tính sinh sống, sinh đẻ, đặc điểm cơ thể, cung cấp kiến thức chung các tin cậy về loài ruồi, thức tỉnh ý thức giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh, ý thức diệt ruồi.   b, Phương pháp thuyết minh:   * Định nghĩa: Thuộc họ côn trùng 2 cánh * Phân loại: Các loài ruồi * số liệu: Số vi khuẩn, số lượng sinh sản * Liệt kê: Mắt lưới, chân tiết ra chất dính   c, Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng  + Nhân hóa  + Có tình tiết |

# Hoạt động vận dụng

+Nhóm 1+3: Thuyết minh về cái quạt

+ Nhóm 2+4: Thuyết minh về chiếc nón

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* Học bài, thuộc ghi nhớ. Hoàn chỉnh các bài tập

-Tìm hiểu thêm các văn bản thuyết minh có sử dụng biện pháp nghệ thuật.

* Chuẩn bị: Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh .

+Nhóm 1+3: Thuyết minh về cái quạt

+ Nhóm 2+4: Thuyết minh về chiếc nón

+ Yêu cầu chung : Nắm được dàn ý của bài văn thuyết minh về một thứ đồ dùng. Có sử dụng BPNT khi thuyết minh.

===================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 1- Bài 1

# Tiết 5: TLV- LUYỆN TẬP SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

1. **MỤC TIÊU:**
   1. **Kiến thức**: Học sinh hiểu được cách làm bài thuyết minh về một thứ đồ dùng.

* Hiểu được tác dụng của BPNT trong văn bản thuyết minh.
  1. **Kĩ năng**: HS biết xác định yêu cầu của đề bài thuyết minh về một đồ dùng cụ thể.
* HS biết cách lập dàn ý chi tiết và viết phần mở bài cho bài văn thuyết minh.
  1. **Thái độ**: Có ý thức hơn trong việc sử dụng và bảo quản đồ dùng.

# Phẩm chất - năng lực:

* Tự tin trong giao tiếp
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan,
* Dự kiến phương án tích hợp- liên hệ

+ TLV - TV : Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh

+ TLV - Đ/S: Kiến thức thực tế

1. ***Trò***:- Học bài cũ, chuẩn bị yêu cầu luyện tập, lập dàn ý

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP luyện tập thực hành.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

**1. Hoạt động khởi động *:***

## Kiểm tra sĩ số.

* + ***Kiểm tra bài cũ****:* ( không)

## \*Vào bài mới : GV cung cấp đoạn văn thuyết minh có sử dụng BPTN và yêu cầu HS xác định BPNT, tác dụng.

***2. Hoạt động luyện tập***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| **\* Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,nêu và giải quyết vấn đề, PP luyện tập thực hành.  **\*Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm,đặt câu hỏi  -GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS  ? Đối tượng được thuyết minh ?  ? Nội dung thuyết minh ?  ? Hình thức thuyết minh ?   * GV chia lớp thành 4 nhóm để thảo luận -> trình bày -> NX   + Nhóm 1,3: Cái quạt  + Nhóm 2,4: Chiếc nón (GVcó thể gợi ý theo câu hỏi:   * Cần mở bài như thế nào? * Các ý chính nào được triển khai trong phần thân bài? * Kết bài em phải làm gì?) | **I,Chuẩn bị**   * Đối tượng thuyết minh: cái quạt, chiếc nón * Nội dung thuyết minh : lịch sử của đồ dùng, chủng loại, cấu tạo, công dụng, cách sử dụng và bảo quản. * Hình thức thuyết minh : vận dụng các bpnt như kể chuyện, nhân hoá, hỏi đáp..   **II. Luyện tập**  **1. Trình bày dàn ý**  **\* Nhóm 1 ,3**: Thuyết minh về cái quạt   1. Mở bài: Nêu định nghĩa về cái quạt 2. Thân bài:  * Các loại quạt: quạt giấy, quạt nan, quạt hòm, quạt kéo, quạt điện * Cấu tạo và công dụng ( theo từng loại   )   * Bảo quản: Của bền tại người   + Quạt điện: Lau bụi, tra dầu, rút điện ( an toàn và tiết kiệm )  + Quạt giấy: Dồn dẻ quạt lại, tránh nước, tránh lửa  + Quạt nan: Phơi kĩ, tránh nước...  c. Kết bài: Khẳng định vai trò của chiếc nón  **\* Nhóm 2,4:** Thuyết minh về chiếc nón  a. Mở bài: Định nghĩa về chiếc nón ( Từ |

* GV: Yêu cầu HS viết phần mở bài. Sau đó yêu cầu HS trình bày.Các HS khác nhận xét, bổ sung.
* GV đưa ra một số kiểu mở bài để HS tham khảo

điển )

1. Thân bài:

* Các loại nón: Nón bài thơ, nón dấu, nón chóp, nón quai thao.
* Cấu tạo: Thường làm bằng lá, có hình một vòng tròn nhỏ dần lên đỉnh ( trừ nón quai thao ).
* Công dụng: Chính là che mưa, che nắng, ngoài ra còn làm quạt mát, làm vật kỉ niệm.
* Bảo quản: Quang dầu, cất nơi khô ráo

1. Kết bài: Chiếc nón lá một biểu tượng của văn hóa Việt Nam

# 2. Viết phần mở bài

* **Mở bài 1**: Thưa các quý khán giả xem vô tuyến. Tôi là phóng viên Chuột đồng. Tôi đang có mặt tại nhà kho của anh Hai Lúa. Điều ấn tượng nhất với tôi là nhà kho có rất nhiều quạt, thứ đồ dùng để làm cho không khí chuyển động tạo thành gió.
* **Mở bài 2**: Chào các bạn! Mình rất vui được có mặt cùng các bạn trong chuyến đi dài đến châu Âu để giới thiệu về văn hóa Việt Nam. Mình xin tự giới thiệu mình là nón bài thơ, nhóm trưởng của nhóm nón, đồ dùng để đội đầu, che mưa, che nắng.

# Hoạt động vận dụng

? Tiết luyện tập giúp em nắm được điều gì ?

* Rèn kĩ năng xây dựng đề, lập dàn ý, biết cách sử dụng nghệ thuật vào bài văn thuyết minh, biết xây dựng phần mở bài hoàn chỉnh, mạnh dạn trình bày trước lớp **5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**
* Hoàn chỉnh dàn ý 2 đề trên lớp . Lập dàn ý cho 2 đề còn lại.
* Sưu tầm các bài tập về văn thuyết minh có sử dụng BPNT.
* Chuẩn bị: '' Đấu tranh cho một thế giới hòa bình '' bằng cách soạn bài, trả lời các câu hỏi phần '' Đọc - hiểu văn bản, tìm các tư liệu liên quan.

================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 2- Bài 2

# Tiết 6 - VB : ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH

**Mác - két**

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**
     1. **Kiến thức :** HS cần
* Hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản.
* Hiểu hệ thống luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.
* Hiểu được việc chạy đua vũ trang, vũ khí hạt nhân là vô cùng tốn kém và phi lí. Cần phải đấu tranh chống vũ khí hạt nhân, bảo vệ hoà bình.
  + 1. **Kĩ năng :** HS có kĩ năng đọc – hiểu văn bản nhật dụng bàn luận về một vấn đề liên quan đến nhiệm vụ đấu tranh vì hòa bình của nhân loại.
    2. **Thái độ :** HS có ý thức bảo vệ hoà bình, quan tâm tới tình hình thế giới.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Sống có trách nhiệm.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

# CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu

-Tích hợp- liên hệ : + Văn với tập làm văn nghị luận

+ Văn với đời sống: Tình hình thời sự thế giới.

1. Trò:Soạn bài, theo dõi tình hình thời sự thế giới, sưu tầm tranh, ảnh về bom hạt nhân.

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, Hoạt động nhóm.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, thuyết trình tích cực.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

**1. Hoạt động khởi động**

## ổn định tổ chức

* ***Kiểm tra bài cũ****:* - Phân tích vẻ đẹp trong lối sống của Bác?

***\*Vào bài mới :*** GV cung cấp một đoạn video về bộ phim Mĩ thả bom nguyên tử xuống hai thành phố của Nhật và yêu cầu HS nêu suy nghĩ của mình về hậu quả của chiến tranh hạt nhân và trách nhiệm của con người trước nguy cơ chiến tranh hạt nhân ?

## 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
|  |  |
| **Hoạt động 1**: **Đọc- Tìm hiểu chung**  \***Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, Hoạt động nhóm.  **\* Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, thuyết trình tích cực.  - GV sử dụng kĩ thuật thuyết trình tích cực và yêu cầu HS nêu những hiểu biết của em về tác giả ?  GV: cung cấp tư liệu  ? Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của tác phẩm ? | **I.Đọc- Tìm hiểu chung**  1. Tác giả   * Mác-két là nhà văn Cô-lôm-bi-a , sinh 1928 * Tác giả của nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo. * Ông được nhận giải thưởng Nô-ben về văn học.   2.Tác phẩm  a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ  -VB được trích từ bài tham luận **Thanh gươm Đa-mô-clet** của Mác-két khi tham dự hội nghị nguyên thủ sáu nước |

? VB cần được đọc với giọng điệu ntn ?

-GV :đọc mẫu, gọi HS đọc và nx

? Giải nghĩa của từ “dịch hạch, kỉ địa chất”

? Văn bản trên có chủ đề là gì, qua đó đoạn trích trên thuộc kiểu loại văn bản nào?

? PTBĐ của văn bản?

* GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Văn bản trên có thể được chia làm mấy phần, giới hạn và nội dung từng phần ?

* GV gọi HS trình bày, NX

# Hoạt động 2 : Phân tích

* GV yêu cầu HS theo dõi đv1

? Vấn đề mà tác giả đề cập trong hội nghị được thể hiện rõ qua câu văn nào?

? Theo em tác giả đang đề cập tới vấn đề gì?

? Nhận xét cách vào đề của tác giả? Tác dụng của cách vào đề đó?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Để là rõ nguy cơ chiển tranh tác giả đã đưa ra những dc và lí lẽ nào ?

? Em có nhận xét gì về những dẫn chứng này?

? Tác dụng của những dẫn chứng trên ?

- HS thảo luận -> trình bày, bổ sung

# GV ; Giảng

? Vấn đề chiến tranh hạt nhân còn được tác giả đề cập đến qua chi tiết nào?

? Em hiểu gì về BPNT được tác giả sử dụng qua chi tiết này?

? Bằng cách nói đó em thấy nguy cơ chiến tranh hạt nhân như thế nào?

tại Mê-hi-cô vào tháng 8-1986 b, Đọc và tìm hiểu chú thích

\*.Đọc : Giọng rõ ràng, rứt khoát, đanh thép.

\* Chú thích (sgk)

1. Văn bản nhật dụng

- Chủ đề: Chống chiến tranh bảo vệ hòa bình.

1. Phương thức biểu đạt: Nghị luận
2. Bố cục: 4 phần

+ ĐV1: Nguy cơ chiến tranh hạt nhân và sự tàn phá khủng khiếp của nó.

+ĐV2-6: Cuộc chạy đua c.tranh hạt nhân cực kì tốn kém

+Đ7-9 : Chiến tranh hạt nhân là hành động phi lí

+Đ10,11: Đoàn kết ngăn chặn vũ khí hạt nhân,bảo vệ hoà bình TG

# II. Phân tích

**1. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân**

- Hôm nay ngày 8-8-1986, hơn 50.000 đầu đạn hạt nhân đã được bố trí trên khắp hành tinh.

-> Nguy cơ chiến tranh hạt nhân

->Vào đề trực tiếp, xác định cụ thể thời gian.

->Làm nổi rõ tính thời sự và hệ trọng của v.đề

- 50000 đầu đạn hạt nhân.

=Mỗi người ngồi trên 4 tấn thuốc nổ.

-Làm biến hết thảy12 lần...trái đất.

-Tiêu diệt tất cả các hành tinh ...phá huỷ thế cân bằng của hệ mặt trời.

+ NT:Dẫn chứng cụ thể xác thực

-> Gây ấn tượng khủng khiếp về sức mạnh tàn phá của kho vũ khí hạt nhân.

* Nguy cơ...như thanh gươm Đa-mô-clet

+ So sánh, điển tích thần thoại Hi Lạp

-> C.tr hạt nhân có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

|  |  |
| --- | --- |
| **- GV; giảng** – nói về tình trạng ngàn cân treo sợi tóc  ? Nói về nguy cơ ấy, thái độ của tác giả được bộc lộ qua chi tiết nào? Và em hiểu gì về thái độ của tg ?  **-Giáo viêng giảng** : Tác giả đã nhận ra mặt trái của những phát minh khoa học.Nếu phát minh không gắn với lương tri sẽ dẫn đến tội ác.  ? Em có n.xét gì vê nt lập luận trong đoạn văn trên ?  ? Với cách lập luận đó , đoạn văn trên giúp chúng ta nhận rõ vấn đề gì ?  - GV: liên hệ tình hình thực tế về những nước trên thế giới đang chạy đua vũ trang hạt nhân  + Các cuộc thử bom nguyên tử .  + Các lò phản ứng hạt nhân .  + Tên lửa đạn đạo... GV; Khái quát bài | - Không có...Thế giới  ->Mỉa mai, lên án thành tựu của CN hạt nhân  +Dcvà lí lẽ sắc bén  => Sự tàn phá của c.tr hạt nhân là vô cùng khủng khiếp và c.tr hạt nhân sẽ xảy ra bất cứ lúc nào |
|  |  |

# Hoạt động luyện tập

* + Nguy cơ của vũ khí hạt nhân ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của con người?
  + Suy nghĩ của em khi biết được nguy cơ này?

# Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về hậu quả của chiến tranh.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

-Nắm vững nội dung bài học.

-Soạn tiếp văn bản: tiếp tục tìm hiểu về vũ khí hạt nhân ( theo nội dung hợp đồng).Sưu tầm tranh ảnh và tư liệu liên quan.

======================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 2- Bài 2

**Tiết 7**- VB : ***ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH***

Mác -két

# MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

* + 1. **Kiến thức :** HS cần

- Hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản.

- Hiểu hệ thống luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.

- Hiểu được việc chạy đua vũ trang, vũ khí hạt nhân là vô cùng tốn kém và phi lí. Cần phải đấu tranh chống vũ khí hạt nhân, bảo vệ hoà bình.

* + 1. **Kĩ năng :** HS có kĩ năng đọc – hiểu văn bản nhật dụng bàn luận về một vấn đề liên quan đến nhiệm vụ đấu tranh vì hòa bình của nhân loại.
    2. **Thái độ :** HS có ý thức bảo vệ hoà bình, quan tâm tới tình hình thế giới.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Sống có trách nhiệm.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

# CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu.

* Tích hợp văn- đời sống

1. Học sinh: chuẩn bị bài

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, Hoạt động nhóm,Hợp đồng.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, thuyết trình tích cực, động não.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. **Hoạt động khởi động *:***

## ổn định tổ chức

* ***Kiểm tra bài cũ****:* -Trình bày về nguy cơ chiến tranh hạt nhân ?

***\*Vào bài mới :*** GV tổ chức cho học sinh thi hát giữa các đội ( HS hát được những câu hát về chủ đề chiến tranh và hòa bình)

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| Hoạt động 2 : Phân tích ( tiếp)   * **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, Hoạt động nhóm. * **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, thuyết trình tích cực, động não.   - Gv :Y.cầu hs theo dõi phần 2(từ đv2- đv6)  ? Sự tốn kém của chạy đua vũ trang hạt nhân được tác giả đề cập tới qua những chi tiết nào ?  ? ở đoạn văn này, tác giả đã sử dụng BPNT gì ?  ? Qua đó, đoạn văn trên đã khẳng định điều gì ?  GV : giảng | **2. Sự tốn kém của chạy đua vũ khí hạt nhân**  **-**Việc bảo tồn sự sống trên TĐ ít tốn kém hơn là “dịch hạch” hạt nhân.  - Chỉ sự tồn tại của nó không thôi…cũng đã làm tất cả chúng ta mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn.  + Phép so sánh , lối nói ẩn dụ , từ ngữ giàu hình ảnh  ->Việc chạy đua vũ trang hạt nhân đã tước đi khả năng cải thiện cuộc sống của con người. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên yêu cầuHS thảo luận nhóm và thanh lí hợp đồng  ? Tìm những dẫn chứng mà tg đưa ra để giúp ta thấy được chiến tranh hạt nhân đã tước đi cơ hội được sống tốt đẹp của con người ? | **Lĩnh vực xã hội**   * Giải quyết vấn đề cấp bách: y tề, giáo dục... cho 500 triệu trẻ em trên thế giới. * Là một giấc mơ không thể thực hiện vì tốn kém 1 tỉ đô la | Gần bằng chi phí cho 100 máy bay ném bom B.1B của Mĩ và cho dưới 7000 tên lửa. |
|  | **Lĩnh vực y tế** |  |
|  | Kinh phí của  chương trình phòng bệnh trong 14 năm, bảo vệ 1 tỉ người và cứu 14 triệu trẻ em Châu Phi. | Bằng giá 10 tàu  sân bay vũ khí hạt nhân... |
|  | **Lĩnh vực tiếp tế thực phẩm.**  -Số tiền để cứu 575 triệu người thiếu dinh dưỡng.   * Tiền nông cụ cho các nước nghèo để họ có TP trong 4 năm.   **Lĩnh vực *giáo dục***   * Tiền xoá nạn mù chữ toàn thế giới. | -Không bằng kinh phí 149 tên lửa MX.  -Bằng chi phí cho 27 tên lửaMX  - Bằng chi phí cho 2chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân. |
| ? Đây là những lĩnh vực ntn?  ? Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả ?  ? Từ đó em nhận thấy chi phí cho cuộc chạy đua vũ trang như thế nào? GV: gọi HS trình bày -> bổ sung  * **Giáo viên kết luận**: Những con số trong bảng so sánh cho thấy sự tốn kém và tính chất phi nghĩa của chạy đua vũ khí hạt nhân. Nó đã và đang cướp đi của thế giới nhiều điều kiện để cải thiện đi cuộc sống của con người.  GV: cung cấp một số tranh ảnh về | - Lĩnh vực xã hội, y tế,thực phẩm, giáo dục =>lĩnh vực thiết yếu trong đời sống.  +NT:-Lập luận chứng minh  -Dẫn chứng cụ thể và toàn diện  -Bp so sánh, đối lập  **-> Chạy đua vũ trang hạt nhân là vô cùng tốn kém và phi nhân đạo**. | |

|  |  |
| --- | --- |
| cuộc sống của những người nghèo ( Châu Phi) để làm rõ tính chất phi  nhận đạo của việc chạy đua vũ trang hạt nhân. |  |
| - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân  ? Tác giả đã có những suy nghĩ gì về cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân ? | **3**. **Chiến tranh hạt nhân là hành động**  **phi lí**.   * Chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí * “Chạy đua vũ trang là đi ngược lại lý trí tự nhiên” |
| ? Để làm rõ điều đó tác giả đã đưa ra dẫn chứng như thế nào? | - 380 triệu năm con bướm mới có thể bay, 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở, trải qua 4 kỉ địa chất con người mới hát hay hơn chim và mới chết vì yêu.  - Chỉ cần bấm nút một cái... trở về điểm xuất phát ban đầu. |
| ? Nghệ thuật gì được tác giả sử dụng?  ? Những chi tiết đó đã thể hiện rõ điều gì ? | NT:   * Đối lập: Hàng triệu năm và một khoảnh khắc   -Lời văn truyền cảm ,sinh động   * Dẫn chứng xác thực   => **Làm nổi bật hiểm hoạ hạt nhân phản tiến hoá , phản tự nhiên**. |
| ? Nhận xét về thái độ của tác giả qua  các chi tiết trên ? | * Thái độ mỉa mai, lên án việc chạy đua   vũ khí hạt nhân.   * Trân trọng, nâng niu cuộc sống. |
| - GV:Qua 1 quá trình tiến hoá lâu  dài,kì công và vĩ đại,những gì tinh tuý và đáng yêu nhất của sự sống mới được hình thành.Thế nhưng ,chỉ trong nháy mắt chiến tranh hạt nhân sẽ tiêu huỷ tất cả những thành quả kì diệu và thiêng liêng của sự sống |  |
|  | **4. Đoàn kết để ngăn chặn chiến tranh hạt nhân.** |
| ? Nhiệm vụ của loài người trước  hiểm họa hạt nhân ? | -“Chúng ta đến đây...công bằng.” |
| ? Em hiểu thế nào là “Bản đồng ca”? | - Tiếng nói chung của nhân dân yêu  chuộng hòa bình trên thế giới. |
| ? Nhà văn muốn kêu gọi điều gì?  ? Em nghĩ gì về khát vọng này ?  - GV: giảng và liên hệ tình hình thực tế  ( Các nước kí hiệp ước cắt giảm vũ khí hạt nhân, các phong trào phản đối chiến tranh trên thế giới hiện nay) | -> Kêu gọi mọi người: đấu tranh ngăn  chặn chiến tranh hạt nhân cho 1 thế giới hoà bình.  ->K.vọng của toàn thể nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới |

|  |  |
| --- | --- |
| ? Tác giả đưa ra ý tưởng gì? | -Thành lập nhà băng lưu trữ trí nhớ. |
| ? Qua đó, tác giả muốn gửi thông điệp  gì cho mai sau? | -> Muốn cho thời đại sau biết rằng cuộc  sống của con người đã từng tồn tại và những kẻ dã man đã huỷ diệt cuộc sống bằng vũ khí hạt nhân |
| ? Em có suy nghĩ gì về thông điệp của tác giả? | - Thông điệp đúng đắn và cần thiết vì sự tồn vong của loài người |
| ? Qua bài viết em hiểu thêm gì về tác  giả?  - GV sử dụng kĩ thuật động não.  ? Theo em chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ hòa bình ?   * HS liên hệ * Gv :Mỗi chúng ta,dù ai cũng có cuộc sống của riêng mình nhưng ta vẫn phải quan tâm và xây dựng cuộc sống chung của tất cả mọi người. Bởi vì sự tồn tại của mỗi chúng ta không phải là sự tồn tại độc lập. Đấu tranh cho một thế giới hòa bình là nhiệm vụ chung của tất cả chúng ta. | * Là người yêu c.sống, quan tâm đến   việc bảo vệ hoà bình thế giới.   * Căm phẫn cao độ, cực lực lên án những kẻ đẩy nhân loại vào hoạ diệt vong |
| **Hoạt động 3 : Tổng kết**  - PP: Gợi mở vấn đáp  -KT: Đặt câu hỏi | **III. Tổng kết** |
| ? Nghệ thuật lập luận của tác giả? | 1.Nghệ thuật  - Lập luận chặt chẽ, chứng cứ phong phú, xác thực, cụ thể... |
| ? Để đấu tranh cho một thế giới hoà  bình tác giả đã nêu ra những luận điểm như thế nào trong bài? Qua đó thể hiện tư tưởng gì? | 2. Nội dung   * Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe doạ loài người. * Cuộc chạy đua chiến tranh tốn kém... * Chiến tranh hạt nhân là phi lí... * Đoàn kết để ngăn chặn chiến tranh hạt nhân.   -> Chống chiến tranh , bảo vệ hòa bình.  \*Ghi nhớ(sgk) |

# Hoạt động luyện tập

* Nguy cơ, sự tốn kém phi lí của vũ khí hạt nhân được tác giả trình bày như thế nào?
* Nhiệm vụ cấp bách của toàn thể loài người trước nguy cơ chiến tranh hạt nhân?

# Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn về chủ đề chiến tranh và hòa bình.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Nắm vững nội dung bài học.
* Tìm các bài viết về chủ đề chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.
* Chuẩn bị: Các phương châm hội thoại

+Đọc vd

+Trả lời các câu hỏi trong sgk

========================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 2 – Bài 2

**Tiết 8** - TV: ***CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI ( tiếp***)

# MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

* + 1. **Kiến thức :** HS hiểu được nội dung phương châm quan hệ, phương châm cách thức và phương châm lịch sự.
    2. **Kĩ năng :** - HS biết vận dụng những phương châm này trong giao tiếp.
* HS nhận biết và phân tích được cách sử dụng các phương châm trong một tình huống giao tiếp cụ thể.
  + 1. **Thái độ:** HS có phép lịch sự trong giao tiếp, giao tiếp đúng đề tài, nói ngắn gọn.
    2. **Phẩm chất - năng lực: - Phẩm chất :** Tự tin, tự chủ.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, nănglực tư duy.

# CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu.
2. Học sinh: chuẩn bị bài

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành,Hoạt động nhóm.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

**1. Hoạt động khởi động**

## ổn định tỏ chức

* + ***Kiểm tra bài cũ****:* -Thế nào là pc về lượng, chất và cho vd minh họa ?

## \*Vào bài mới : - GV đưa ra các tình huống và yêu cầu HS đóng vai thể hiện các tình huống đó ?

***? Cách nói trong các tình huống này sẽ ảnh hưởng ntn tới giao tiếp.***

***2. Hoạt động hình thành kiến thức mới***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thày và trò  ------------------------------------------- | Nội dung cần đạt  ----------------------------------------------------- |
| **HĐ 1: Phương châm quan hệ**  **\*Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành.  **\* Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt | **I. Phương châm quan hệ** |

|  |  |
| --- | --- |
| câu hỏi. |  |
| -GV yêu cầu HS chú ý ví dụ - SGK | 1. Tìm hiểu ví dụ |
| ? Thành ngữ dùng để chỉ tình huống  hội thoại như thế nào? | “Ông nói gà, bà nói vịt.”  + Nói không cùng một vấn đề, không khớp, không hiểu nhau.  + Mỗi người nói một đề tài khác nhau. |
| ? Hậu quả của tình huống trên? | => Người nói, người nghe không hiểu nhau.  => Sẽ không giao tiếp được với nhau. |
| ? Bài học rút ra từ tình huống trên? | \*Khi giao tiếp cần nói đúng đề tài đang hội  thoại, tránh nói lạc đề. |
| **- Giáo viên kết luận: phương châm quan hệ.** |  |
| ? Thế nào là phương châm quan hệ  ?  GV: cung cấp bài tập qua bảng phụ và yêu cầu HS làm BT bổ trợ | 2. Ghi nhớ/ Sgk |
| **HĐ 2 : Phương châm cách thức**  **II. Phương châm cách thức** | |
| **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành,Hoạt động nhóm.  **Kĩ thuật:**Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi. | 1. Ví dụ  *Ví dụ1* |
| ? Hai thành ngữ trên chỉ những  cách diễn đạt như thế nào? | + “ Dây cà ra dây muống”-> Nói dài dòng,  rườm rà.  + “Lúng búng như ngậm hột thị”-> Nói ấp úng không thành lời, không rành mạch. |
| ? Những cách diễn đạt đó dẫn tới  điều gì khi giao tiếp ?  - HS thảo luận, trình bày và bổ sung | => Người nghe không hiểu vấn đề, khó tiếp  nhận -> hiệu quả giao tiếp thấp. |
| ? Qua đó có thể rút ra bài học gì  trong giao tiếp?  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân | \* Khi giao tiếp cần nói ngắn gọn, rành mạch |
| ? Có thể hiểu câu “Tôi đồng ý... ông  ấy” theo mấy cách? | *Ví dụ2*  - Có thể hiểu theo hai cách : |
|  | + Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấyvề truyện ngắn.  + Tôi đồng ý với những nhận định của một người nào đó về truyện ngắn của ông ấy. |
| ? Để người nghe không hiểu lầm,  phải nói như thế nào? | - Có thể chọn một trong những câu trên |
| ? Trong giao tiếp cần phải tuân thủ | => Tránh cách nói mơ hồ khiến người nghe |

điều gì? có thể hiểu không đúng nội dung

# - GV : Kết luận :phương châm cách thức.

? Qua 2 VD em hiểu thế nào về phương châm cách thức?

* GV: yêu cầu HS làm BT bổ trợ ( Bảng phụ)

2. Ghi nhớ/ SGK

# Hoạt động 3: Phương châm lịch sự

**Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành,Hoạt động nhóm.

**Kĩ thuật:**Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

# III. Phương châm lịch sự

* Giáo viên: Yêu cầu học sinh đọc VD và thảo luận câu hỏi theo bàn

1. Ví dụ

? Vì sao ông lão ăn xin và cậu bé trong truyện đều cảm thấy như mình đã nhận được từ người kia một cái gì đó?

* Học sinh: trả lời -> NX

? Có thể rút ra bài học gì từ truyện ngắn này

+ Cả 2 đều cảm nhận được sự quan tâm và tôn trọng nhau.Do họ xác định đúng vai xã hội và vị trí giao tiếp của mình -> Từ đó có được những lời lịch sự, nhã nhặn.

=> Khi giao tiếp cần tế nhị và tôn trọng người khác

# - GV kết luận : phương châm lịch sự

? Em hiểu thế nào là p.châm lịch sự ?

* GV: Sử dụng sơ đồ khái quát kiến thức về 5 phương châm hội thoại đã học.

1. Ghi nhớ/ SGK

## 3. Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thày và trò  ------------------------------------------- | Nội dung cần đạt  ----------------------------------------------------- |
| **\*Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,  PP luyện tập thực hành,Hoạt động nhóm.  **\* Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. | **IV. Luyện tập** |
| - Giáo viên: Hướng dẫn học sinh | 1. Bài 1 |

|  |  |
| --- | --- |
| làm bài tập câu a | - Khuyên ta trong giao tíêp nên dùng những lời lẽ lịch sự, nhã nhặn |
| - Yêu cầu học sinh lµm nh÷ng c©u  cßn l¹i. | VD: - Chim kh«n kªu tiÕng ...dÔ nghe. Vµng th× thö löa ... thö lêi.  Mét c©u nhÞn ... c©u lµnh. |
| * GV : Tổ chức học sinh hđ theo   cặp  trả lời câu hỏi trong SGK   * HS trình bày -> NX | 2. Bài 2   * Là phép: Nói giảm, nói tránh. * VD:   + “Bác Dương thôi đã thôi rồi.”  + Bài viết của em chưa được hay. |
| * Giáo viên: Hướng dẫn làm bài tập câu a. * Chỉ định 4 học sinh làm bài tập trên bảng. | 3. Bài 3.   1. Nói mát d. Nói leo 2. Nói hớt e. Nói ra đầu ra đũa. 3. Nói móc  * Phương châm lịch: a, b, c, d * Phương châm cách thức:e |
| * Giỏo viờn: Hướng dẫn học sinh hđ nhóm(3 nhóm) và trả lời cõu hỏi - sgk * HS trả lời, nx | 4. Bài 4.   1. Muốn hỏi một vấn đề không dùng đề tài trao đổi và muốn người nghe không hiểu nhầmệ. 2. Muốn giảm nhẹ ảnh hưởng của người nói đến người nghe. 3. Báo hiệu cho người đối thoại biết họ không tuân thủ phương châm lịch sự và phải chấm rứt sự không tuân thủ đó. |

# Hoạt động vận dụng

* Lấy vd trong thực tế về các tình huống vi phạm phương châm hội thoại.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Nắm vững nội dung bài học, làm bài tập 5/ 24
* Sưu tầm các bài tập về PC hội thoại.
* Chuẩn bị: Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh

+ Đọc các vd – sgk

+ Trả lời các câu hỏi trong bài

+ Xác định được những câu văn thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả

===============================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 2- Bài 2

# Tiết 9- TLV: SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**
     1. **Kiến thức :** HS :
* Củng cố kiến thức đã học về văn thuyết minh
* Hiểu tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh là làm cho đối tượng thuyết minh hiện lên cụ thể, gần gũi
  + 1. **Kĩ năng :** HS có kĩ năng tạo lập văn bản thuyết minh và vận dụng tốt các yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.
    2. **Thái độ :** HS có ý thức sử dụng tốt yếu tố miêu tả khi viết văn thuyết minh

# Phẩm chất

* Năng lực: - Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

# CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: - Tích hợp( liên hệ) : Văn miêu tả ( lớp 6)

- Giáo án , tài liệu tham khảo

1. Học sinh: - Đọc, trả lời câu hỏi bài mới. Ôn lại văn miêu tả.

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành,Hoạt động nhóm.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

**1. Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

* + ***Kiểm tra bài cũ****:* - Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh?

## \*Vào bài mới : GV cung cấp đoạn văn thuyết minh không có yếu tố miêu tả và đoạn văn cùng nội dung có yếu tố miêu tả.

***?Em thấy đoạn văn nào hay hơn, vì sao.***

1. ***Hoạt động hình thành kiến thức mới***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò**  ............................................................. | **Nội dung cần đạt**  .................................................................... |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh**   * **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành,Hoạt động nhóm. * **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não. | **I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh** |
|  | 1.Ví dụ  Vănbản :“Cây chuối trong đời sống Việt Nam.” |
| ? Giải thích nhan đề VB ? | \* Nhan ®Ò cña v¨n b¶n muèn nhÊn m¹nh:  - Vai trß cña c©y chu«Ý ®èi víi  ®êi sèng vËt chÊt vµ tinh thÇn cña |

|  |  |
| --- | --- |
| - GV yªu cÇu HS th¶o luËn theo 5 nhãm  ? T×m nh÷ng c©u v¨n thuyÕt minh vÒ  ®Æc ®iÓm cña c©y chuèi? | ngưêi ViÖt Nam tõ xa ®Õn nay.  \*YÕu tè thuyÕt minh.  (1)- “§i kh¾p ViÖt Nam …nói rõng”  “C©y chuèi rÊt ưa nước …ch¸u  lò”  (2)- “C©y chuèi lµ thøc ¨n ... hoa, qu¶!”  (3)- Giíi thiÖu qu¶ chuèi: Nh÷ng lo¹i chuèi vµ c«ng dông cña nã.  + “Qu¶ chuèi lµ mét mãn ¨n ngon”  + “Nµo chuèi h¬ng ... th¬m hÊp dÉn”  + “Mçi c©y chuèi ®Òu cho ta mét buång chuèi ... ngh×n qu¶”  + Chuèi xanh ®Ó chÕ biÕn thøc ¨n.  + Chuèi ®Ó thê cóng. |
| ? Chỉ ra những câu văn, từ ngữ có  tính miêu tả về cây chuối? | \*Yếu tố miêu tả.   * Cây chuối thân mềm vươn lên như những trụ cột nhẵn bóng. * Vòm tán lá xanh cho rợp... * Chuối trứng quốc... * Chuối xanh...gỏi... |
| ? Các yếu tố miêu tả có tác dụng như  thế nào cho văn bản thuyết minh? | => Làm cho h/a cây chuối nổi bật,gây ấn  tượng- bài văn thêm sinh động,hấp dẫn |
| - HS thảo luận, trình bày, bổ sung.  ? Theo yêu cầu chung của bài văn thuyết minh bài này có thể bổ sung những nội dung gì? | \* Có thể bổ sung   * Về phân loại: Chuối tiêu, chuối hột, chuối ngự... * Cấu tạo: Thân, lá, nõn, hoa, bẹ, củ. |
| ? Em hãy thử thêm các yếu tố m.tả cho những nội dung trên ? | -Tác dụng:  + Thân( chuối non): ăn ghém  + Quả: Làm thuốc  + Lá: Gói bánh  - Miêu tả: + Thân cây: Tròn, mọng nước.  + Tàu lá: Xanh rờn, bay xào  xạc,…  + Củ chuối: Gọt vỏ thấy một  màu trắng  mỡ màng như màu củ đậu đã  bóc vỏ. |
| ? Vậy các yếu tố miêu tả trong vb  thuyết minh có ý nghĩa gì ? | 2. Ghi nhớ/ SGK |

## Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò**  ............................................................. | **Nội dung cần đạt**  .................................................................... |
| * **Phương pháp** : Gợi mở vấn   đáp,Nêu và giải quyết vấn đề,PP luyện tập thực hành,Hoạt động nhóm.   * **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. |  |
| ? Yêu cầu HS trả lời câu hỏi/ SGK |  |
| -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi  ? Chỉ ra yếu tố miêu tả trong đoạn văn?  - HS thảo luận, trình bày, bổ sung | 1. Bài tập1.  + Thân cây chuối có hình dáng thẳng tròn như một cái trụ cột mọng nước, gợi ra cảm giác mát mẻ, dễ chịu.  + Lá chuối tươi xanh rờn, uốn cong cong dưới ánh trăng, thỉnh thoảng lại vẫy lên phần phật theo gió.  + Lá chuối khô dùng lót ổ nằm vừa mềm mại, vừa thoảng mùi thơm.  + Nõn chuối màu xanh non, cuốn tròn như một bức thư còn phong kín... |
| * Gv yêu cầu HS làm việc cá nhân   ? Tìm yếu tố miêu tả trong đoạn văn?   * HS trình bày, nx | 2.Bài2  + Tách là loại chén ... có tai.  + Chén của ta không có tai.  + Khi mời ai ...rất nóng. |
| - HS thảo luận theo 5 nhóm  ? Tìm các yếu tố miêu tả trong đoạn văn. | 3. Bài 3  + Qua sông Hồng... mượt mà.  +Những con thuyền thúng nhỏ... tình.  + Lân được trang trí...chạy...  + Kéo co ... thu hút mỗi người.  + Bàn cờ ...che lọng.  + Với khoảng thời gian nhất ...khê.  + Sau hiệu lệnh ...bờ sông. |

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn thuyết minh về cây tre trong đời sống của người dân Việt Nam. Đoạn văn có sử dụng yếu tố thuyết minh.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Nắm vững nội dung bài học, ôn lại kiểu bài thuyết minh có sử dụng BPNT và yếu tố miêu tả.
* Chuẩn bị: Luyện tập sử dụng yt mtả trong vbTM

+Đọc các vd

+Trả lời các câu hỏi

=======================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 3- Bài 2

# Tiết 10- TLV : LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :** HS cần :
2. **Kiến thức : -** Củng cố kiến thức về văn TM có sử dụng yếu tố mtả

* Hiểu yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh.

1. **Kĩ năng :** Viết được đoạn văn , bài thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả
2. **Thái độ :** Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả trong vb thuyết minh

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

# CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: - Tích hợp( liên hệ) : Văn miêu tả ( lớp 6)

- Giáo án , tài liệu tham khảo

1. Học sinh: - Đọc, trả lời câu hỏi .

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành,Hoạt động nhóm.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. **Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

* + ***Kiểm tra bài cũ****:* - Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh?

## \*Vào bài mới : GV giới thiệu bài.

1. **Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ.   ? Đọc yêu cầu đề bài ?  ? Đề yêu cầu trình bày vấn đề gì ? | **I. Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý**  **1. Tìm hiểu đề**: '' Con trâu ở làng quê Việt Nam ''  - Đề yêu cầu trình bày về vai trò, vị trí của con trâu trong đời sống của người nông dân trong nghề nông của người Việt Nam.  **2. Tìm ý:**  - Con trâu là con vật như thế nào ?.   * Con trâu có vai trò, vị trí gì trong đời sống sản xuất và sinh hoạt của người nông dân ? * Người nông dân đối xử với con trâu như thế nào ? |

* Gv : Yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi -> trả lời câu hỏi -> NX

(1) Cụm từ '' Con trâu ở làng quê Việt Nam'' bao gồm những ý gì ?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo 5 nhóm

? Từ các ý đã tìm được em hãy sắp xếp thành dàn bài cho hợp lí?

? Nhiệm vụ của phần MB ?

? Con trâu trong việc làm như thế nào?

? Con trâu trong lễ hội ra sao ?

? Con trâu đem lại giá trị kinh tế gì?

? Tình cảm của con trâu với người nông dân, trẻ thơ và ngược lại?

? Phần kết bài cần thể hiện được điều gì ?

- HS thảo luận -> trình bày, bổ sung

? Nội dung cần thuyết minh trong phần mở bài là gì. Cần sử dụng yếu tố miêu tả nào?

* GV nêu ví dụ một số cách mở bài để HS viết có thể viết theo cách đó?
* GV chia lớp thành 4 nhóm ứng với 4 ý trong phần thân bài

Yêu cầu HS viết, đọc và nhận xét

# Lập dàn ý:

* 1. Mở bài: Giới thiệu chung về con trâu trên đồng ruộng Việt Nam, làng quê Việt Nam.
  2. Thân bài:

1, Con trâu trong việc làm ruộng:

* Trâu kéo cày: mỗi ngày kéo cày 2-3 sào Con khỏe cày 3 sào )
* Trâu kéo xe: đường xấu cũng kéo khỏe, đường tốt kéo trên một tấn.
* Trâu kéo gỗ, trục lúa... 2, Con trâu trong lễ hội
* Chọi trâu: Theo từng cặp, đeo số, dùng sừng để tấn công, bỏ chạy là thua cuộc.
* Đua trâu: trâu thi chạy

3, Con trâu đem lại giá trị kinh tế

* Cung cấp thịt, sữa ( thực phẩm )
* Cho da để thuộc làm đồ da
* Cho sừng để làm đồ mĩ nghệ

4, Con trâu là bạn của nhà nông, là người bạn của trẻ thơ ở nông thôn: ngồi, ngủ trên lưng trâu, cưỡi trâu tắm hồ...

* 1. Kết bài: Con trâu trong tình cảm của người nông dân.

# II. Xây dựng đoạn văn thuyết minh có yếu tố miêu tả.

1**. Xây dựng đoạn mở bài:**

* Con trâu xuất hiện ở làng quê Việt Nam
* Miêu tả hình ảnh con trâu

\* Một số cách mở bài

* Dẫn cadao, tục ngữ về con trâu...
* Tả cảnh trẻ em chăn trâu...
* Giới thiệu hình ảnh con trâu...

# Xây dựng đoạn thân bài

* Nhóm 1: Con trâu trong làm ruộng...
* Nhóm 2: Con trâu trong lễ hội...
* Nhóm 3: Con trâu mang lại giá trị kinh tế
* Nhóm 4: Con trâu với người nông dân, trẻ em.

# Xây dựng đoạn kết bài

VD: Ngày nay, công nghệ hiện đại dù đã góp phần quan trọng trong sản xuất nông nghiệp nhưng cũng không thể thay

# Hoạt động vận dụng

* Viêt bài văn hoàn thiện cho đề bài trên.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Tìm đọc các bài văn thuyết minh có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm.
* Ôn tập kiểu văn bản thuyết minh và sự kết hợp các ytố biểu cảm, mtả trong vb TM =>Chuẩn bị viết bài TLV số 1
* Soạn VB : Tuyên bố ...trẻ em ( Đọc, tìm hiểu chung về vb, trả lời các câu hỏi trong sgk)

==================================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 3 – Bài 3

# Tiết 11- VB

**TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆVÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM.**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**
2. **Kiến thức**: - HS thấy được phần nào thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay, những thách thức, cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta.

-HS hiểu được sự quan tâm sâu sắc của cộng đồng quốc tế về vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và quyền phát triển của trẻ em ở Việt Nam.

1. **Kĩ năng:** - HS thực hiện và thực hiện thành thạo kĩ năng đọc và tìm hiểu văn bản, phân tích. HS tìm hiểu và biết được quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề được nêu trong văn bản.
2. **Thái độ:** Học sinh ý thức được về quyền của mình, biết sống yêu thương, gắn bó với bạn bè.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Tự tin, tự chủ,sống biết yêu thương và có trách nhiệm.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

# CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên**

-Phương tiện : bài soạn , tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập Dự kiến phương án tích hợp – Liên hệ

+ Văn - Lịch sử: Bối cảnh thế giới đầu thế kỉ XX

+ Văn - GDCD: Quyền trẻ em

# Trò:

* Đọc và soạn bài theo hệ thống câu hỏi

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, Dùng lời có nghệ thuật.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

**1. Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

* ***Kiểm tra bài cũ****:* - Nguy cơ và tính chất của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân được Mackét làm rõ như thế nào?

***\*Vào bài mới :*** GV cung cấp một số hình ảnh về cuộc sống của trẻ em hiện nay

?Những hình ảnh trên gợi cho em điều gì

? Em có suy nghĩ gì về quyền của trẻ em?

## 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

g

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò**  …………………………………….. | **Nội dung cần đạt**  ........................................................................ |
| **HĐ 1 : Đọc - Tìm hiểu chung** | **I. Đọc - Tìm hiểu chung** |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP  phân tích, Dùng lời có nghệ thuật   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp   ? Nêu hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của văn bản ?  ? VB cần được đọc với giọng điệu ntn ?  GV đọc mẫu , gọi hs đọc và nx | 1. Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ  - Văn bản này là văn bản trích của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em, họp tại trụ sở Liên hợp quốc ở Niu-oóc, ngày 30/9/1990.  2. Đọc , tìm hiểu chú thích  \* Đọc  - Mạch lạc, rõ ràng |
| ? Giải thích nghĩa của các từ : Công  ước, hiểm hoạ, tăng trưởng, vô gia cư | \*Chú thích ( SGK) |
| ? Xác định kiểu loại văn bản và phương thức biểu đạt ? | 3. Văn bản nhật dụng.  - Phương thức biểu đạt: Nghị luận chính trị  – xã hội. |
| ? Văn bản chia làm mấy phần? Nội  dung chính của từng phần?  - Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo cặp đôi -> trả lời -> NX | 4. Bố cục  - 4 phần:  (1): *2 đoạn đầu:* Khẳng định quyền được sống,quyền được phát triển của mọi trẻ em trên thế giới và kêu gọi khẩn thiết toàn nhân loại hãy quan tâm đến vấn đề này.  (2*): Phần: ...thách thức:* Thực trạng  Cuộc sống cực khổ của nhiều trẻ em trên thế (3): *Phần: Cơ hội:* Khẳng định những  điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc |

|  |  |
| --- | --- |
| ? Em có nhận xét gì về bố cục trên? | có thể đẩy mạnh chăm sóc, bảo vệ trẻ em. (4*): Phần : Nhiệm vụ:* Xác định những nhiệm vụ cụ thể có tính cấp bách.  => Bố cục chặt chẽ, hợp lí. |
|  | **II.Phân tích** |
| **HĐ 2 : Phân tích**  Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học | **1. Lời kêu gọi bảo vệ và nhận thức về trẻ**  **em** |
| ? Sự cam kết và kêu gọi của hội nghị được thể hiện qua câu văn nào? | - Hãy đảm bảo cho tất cả trẻ em một tương lai tốt đẹp hơn. |
| ? Em có nhận xét gì về cam kết này? | -> Mang tính quốc tế, vấn đề mang tính cấp thiết |
| ? Trẻ em đã được nhận thức như thế  nào về đặc điểm tâm, sinh lí? | - Nhận thức về đặc điểm tâm sinh lí của trẻ  em: Trong trắng, dễ bị tổn thương, còn phụ thuộc, hiểu biết, ham hoạt động, đầy ước vọng. |
| ? Từ đó trẻ em phải có những quyền gì? | -> Phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học, được phát triển... |
| ? Em có nhận xét gì về cách nhận  thức ấy?  \* GV: giảng | **=> Cách nhìn tiến bộ, nhân ái, có tinh thần trách nhiệm với tương lai thế giới.** |
| - GV; Yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời  câu hỏi :  ? Là trẻ em, em có suy nghĩ gì về lời tuyên bố này?  ? Thực tế ở địa phương em đã có những hoạt động gì để bảo vệ trẻ em?  - HS liên hệ và trả lời câu hỏi trên | VD: Trẻ em dưới 6 tuổi được khám và chữa bệnh miễn phí... |
| - GV yêu cầu HS thảo luận theo 5  nhóm | **2. Thực trạng cuộc sống của trẻ em.** |
| ? Thực trạng cuộc sống của trẻ em ?  ? Các từ “hàng ngày”, “mỗi ngày” mở đầu các mục 4, 5, 6 cùng với các từ chỉ số lượng, những con số còn cho ta biết thêm điều gì về cuộc sống của trẻ em? | \*Thực trạng cuộc sống của trẻ em   * Là nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, phân biệt chủng tộc, xâm lược ... * Chịu thảm hoạ của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế bệnh dịch, mù chữ * Chết do suy dinh dưỡng, bệnh tật   Các từ: “Hàng ngày” mở đầu mục 4. “Mỗi ngày” mở đầu mục 5, 6.  Các từ chỉ số lượng: Vô số, hàng triệu trẻ em, 40.000 cho chúng ta thấy rõ thực tế cuộc sống của nhiều trẻ em  đang diễn ra hàng ngày. Đó là vấn đề bức xúc giải quyết để khắc phục. |

|  |  |
| --- | --- |
| ? Cách trình bày vấn để của Tg có gì đặc biệt? | +NT:Trình bày ngắn gọn nhưng khá đầy đủ,cụ thể về tình trạng c.sống của trẻ em |
| ? Từ đó em có nhận xét gì về thực  trạng cuộc sống của trẻ em hiện nay?   * HS thảo luận -> trình bày và bổ sung * GVgiảng và cung cấp một số ảnh minh họa   (Cuộc sống của trẻ em trên thế giới còn là nạn nhân của việc buôn bán trẻ em, trẻ em sớm phạm tội, trẻ em các nước Nam á sau trận động đất, sóng thần). | **=>Trẻ em chịu khổ cực nhiều mặt - là thách thức đối với các nhà lãnh đạo** |
| - GV sử dụng kĩ thuật động não  ? Để trẻ em không phải chịu những nỗi bất hạnh ấy, chúng ta phải làm gì?  - HS trình bày ý kiến. | - Loại bỏ chiến tranh, bạo lực, phát triển văn hoá, y tế... |
| ? Tại sao nỗi bất hạnh của trẻ em lại  là thách thức đối với các nhà lãnh đạo? | - Vì đó là những khó khăn cần phải giải  quyết |
| ? Qua đó em thấy tổ chức Liên hợp  quốc có thái độ như thế nào đối với trẻ em? | **=> Nhận thức rõ quyền lợi và thực trạng bất hạnh của trẻ em, quan tâm giúp trẻ em vượt qua nỗi bất hạnh này.** |

# 3. Hoạt động luyện tập

Chọn đáp án đúng cho những câu hỏi sau.

1. Văn bản này liên quan chủ yếu đến vấn đề nào trong đời sống xã hội?
   1. Bảo vệ và chăm sóc phụ nữ.
   2. Bảo vệ môi trường sống.
   3. Bảo vệ và chăm sóc trẻ em.
   4. Phát triển kinh tế xã hội.
2. Việc nhắc lại từ “Phải”, “Được” trong đoạn 1 có tác dụng?
   1. Nhấn mạnh những viịec người lớn làm cho trẻ em.
   2. Nhấn mạnh những quyền lợi mà trẻ em được hưởng.
   3. Nhấn mạnh những việc trẻ em cần làm.
   4. Nhấn mạnh những điều trẻ em cần tránh.
3. Nội dung phần: “Sự thách thức” của văn bản là gì?
   1. Nêu lên thực tế cuộc sống của trẻ em trên thế giới.
   2. Nêu những nhiệm vụ của người lớn nhằm bảo vệ và chăm sóc trẻ em.
   3. Nêu nên những khó khăn trong bối cảnh thế giới ngày nay.
   4. Nêu những giải pháp để giúp đỡ trẻ em và những nước nghèo.

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn về thực trạng cuộc sống của trẻ em ở địa phương em?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* + Sưu tầm tranh ảnh, bài viết về thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới.
  + Học bài

-Soạn tiếp văn bản:phần “ Cơ hội , nhiệm vụ”

+ Tìm hiểu về những khó khăn của trẻ em ở địa phương em

---------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tuần 3 - Bài 3

**Tiết 12 - TLV : TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM**

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**
     1. **Kiến thức**: - HS thấy được phần nào thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay, những thách thức, cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta.

-HS hiểu được sự quan tâm sâu sắc của cộng đồng quốc tế về vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và quyền phát triển của trẻ em ở Việt Nam.

* + 1. **Kĩ năng:** - HS thực hiện và thực hiện thành thạo kĩ năng đọc và tìm hiểu văn bản, phân tích. HS tìm hiểu và biết được quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề được nêu trong văn bản.
    2. **Thái độ:** Học sinh ý thức được về quyền của mình, biết sống yêu thương, gắn bó với bạn bè.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Tự tin, tự chủ,sống biết yêu thương và có trách nhiệm.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

# CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên**

-Phương tiện : bài soạn , tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập

1. **Trò:** - Đọc và soạn bài theo hệ thống câu hỏi

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, Dùng lời có nghệ thuật.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, hỏi và trả lời

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

**1. Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

* ***Kiểm tra bài cũ****:* - Thực trạng cuộc sống trẻ em trên thế giới?

***\*Vào bài mới :*** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi thi giữa hai đội

* Yêu cầu: Đọc các câu thơ, câu danh ngôn hoặc hát các câu hát về trẻ em.

## 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò**  ------------------------------------------- | **Nội dung cần đạt**  ---------------------------------------------------- |
| **HĐ 2 : Phân tích ( tiếp)**  Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích | **3. Cơ hội - Những điều kiện thuận lợi để cộng đồng thế giới chăm sóc trẻ em** |

|  |  |
| --- | --- |
| * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác |  |
| ? Nêu những điều kiện cơ bản để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc chăm sóc trẻ em? | *\**Thế giới   * Sự liên kết giữa các quốc gia * Có công ước về quền trẻ em. * Những cải thiện của bầu chính trị thế giới. |
| ? Đây là những điều kiện ntn ?  ? Vì sao nói đây là những thuận lợi, những cơ hội để bảo vệ trẻ em? | **=> Đó là điều kiện thuận lợi giúp các quốc gia thực hiện quyền trẻ em**  -Vì sự đoàn kết , liên kết giữa các quốc gia để cùng nhau giải quyết một vấn đề sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp và toàn diện của cộng đồng. |
| - GV yêu cầu HS thảo luận theo 5  nhóm  ? Cơ hội ấy đã xuất hiện ở Việt Nam ra sao ?  ? Những cơ hội thuận lợi ấy có ý nghĩa ntn ?  ? Trẻ em ở nước ta đã được hưởng những quyền lời gì  - GV; Yêu cầu HS trả lời , NX | \*Việt Nam   * Đất nước được hoà bình độc lập, tự do. * Kinh tế văn hoá xã hội phát triển * Việt Nam là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế...   --> Việc tạo cho trẻ em một cuộc sống tốt đẹp hơn không còn xa vời.  **\*** Đảng, Nước, các tổ chức xã hội, cá nhân đã luôn quan tâm tới vấn đề chăm sóc và bảo vệ trẻ em với nhiều hình thức, nhiều lĩnh vực, như y tế, giáo dục.Trường cho trẻ em khuyết tật , các bệnh viện nhi, các đợt khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 việc làm từ thiện với những em nhỏ gặp hoà cảnh khó khăn... |
|  | **4. Nhịêm vụ - các giải pháp của cộng đồng quyết tâm vì quyền trẻ em.** |
| - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp  đôi  ? Những nhiệm vụ nào được nêu ra để bảo vệ quyền trẻ em? | a. Nhiệm vụ   * Tăng cường vị trí của phụ nữ và đảm bảo quyền bình đẳng nam- nữ. * Tăng cường sức khoẻ và chế độ dinh dưỡng. * Quan tâm tới trẻ em tàn tật và trẻ em có hoàn cảnh sống khó khăn. * Xoá nạn mù chữ ở trẻ em. * Đảm bảo an toàn khi mang thai và sinh đẻ. * Khuyến khích trẻ em tham gia vào các hoạt động văn hoá xã hội. |
| ? Em có nhận xét gì về những nhiệm  vụ này?  - HS thảo luận, trình bày, NX | **=>Nhiệm vụ cụ thể, toàn diện, bao quát mọi lĩnh vực, mọi đối tượng, mọi gia đình -> Bảo vệ trẻ em.** |

|  |  |
| --- | --- |
| - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân |  |
| ? Để thực hiện các nhiệm vụ trên, các nước cần có những giải pháp nào?  ? Nhận xét giọng điệu trong các câu văn trên ?  ? Giọng điệu đó thể hiện thái độ gì ?  **GV:**  Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát của trẻ em là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của từng quốc gia và cả cộng đồng quốc  tế Liên quan trực tiếp đến tương lai một đất nước và của toàn nhân loại.  GV liên hệ | b. Các giải pháp:   * Đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế và giải quyết nợ nước ngoài cho các nước. * Các nước cần có nỗ lực liên tục, phối hợp đồng bộ trong hoạt động vì trẻ em.   +NT: Giọng điệu dứt khoát, mạch lạc, rõ ràng. Lập luận chặt chẽ.  **-> Thái độ quyết tâm hành động vì tương lai của trẻ thơ.** |
| **HĐ 3: Tổng kết** | **IIII. Tổng kết**. |
| * GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời * Yêu cầu HS đặt câu hỏi và mời bạn trả lời về nghệ thuật và nội dung của VB | 1.NT  - Tính chặt chẽ, hợp lý trong bố cục.  - Lời văn dứt khoát, mạch lạc, rõ ràng. 2.ND  Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến trẻ em là mộ trong những vấn đề quan trọng, cấp bách có nghĩa toàn cầu. |
|  | \*Ghi nhớ (SGK) |

# Hoạt động luyện tập

* Viết đoạn văn về những nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện quyền của trẻ ?

# Hoạt động vận dụng

* + Nêu những việc làm mà em biết thể hiện sự quan tâm của Đảng và chính quyền địa phương nơi em ỏ với trẻ em ?
  + Những suy nghĩ của em khi nhận được sự chăm sóc, giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* + Tìm các bài viết về quyền của trẻ em.
  + Học bài.
  + Chẩn bị : Các pc hội thoại ( Đọc vd, trả lời các câu hỏi trong SGK)

==================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 3- Bài 3

# Tiết 13 - TV : CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**
   1. **Kiến thức** :***-*** HS biết được mối quan hệ chặt chẽ giữa phương châm hội thoại và tình huống giao tiếp, hiểu được những phương châm hội thoại không phải là những quy định bắt buộc.

* HS đánh giá được hiểu quả diễn đạt ở những trường hợp tuân thủ hoặc không tuân thủ các phương châm hội thoại trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.
  1. **Kĩ năng**: - HS lựa chọn đúng các phương châm hội thoại trong quá trình giao tiếp. Hiểu đúng nguyên nhân của việc không tuân thủ các phương châm hội thoại.
  2. **Thái độ**: - HS chú ý đến lịch sự, nhã nhặn trong giao tiếp.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

# CHUẨN BỊ 1.Giáo viên

* Phương tiện : bài soạn, tham khảo tài liệu có liên quan
* Dự kiến phương án tích hợp – liên hệ

+ TV - Văn: Những truyện cười DGVN

+ TV - TV: Nghĩa tường minh và hàm ý, Nói giảm nói tránh.

# 2. Trò:

* Đọc và soạn bài theo hệ thống câu hỏi

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

**1. Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

* ***Kiểm tra bài cũ****:*

***\*Vào bài mới :*** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi thi giữa hai đội

* Yêu cầu: Tìm các thành ngữ liên quan đến các PC hội thoại đã học.

## 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1 : Quan hệ giữa phương châm hội thoại và tình huống giao tiếp** | **I. Quan hệ giữa phương châm hội thoại và tình huống giao tiếp.** |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP  phân tích , PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác   - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân | 1. Ví dụ: |
| ? Trong t.huống này chàng rể tuân thủ  đúng phương châm nào ? | - chàng rể tuân thủ phương châm lịch  sự. |
| ? Tuy nhiên câu hỏi ấy được sử dụng  đúng chỗ, đúng lúc không? Tại sao? | -Tuy nhiên không đúng chỗ, đúng lúc  Vì gây phiền hà cho người khác. |
| ? Có thể rút ra bài học gì qua câu | => Cần vận dụng phương châm hội |

|  |  |
| --- | --- |
| chuyện này?  - GV: Việc vận dụng phương châm hội thoại phải phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp (Nói với ai? Nói khi nào? Nói ở đâu? Nói để làm gì?). | thoại phù hợp vời đặc điểm của tình huống giao tiếp. |
| - GV: Yêu cầu hs đọc ghi nhớ | 2. Ghi nhớ- SGK. |
| **HĐ 2 : Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.** | **II. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.** |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP  phân tích   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác   ? Nhắc lại những ví dụ về phương châm hội thoại đã học? | 1. Ví dụ.  a)VD1  Vd1: “Học bơi” – phương châm về lượng.  Vd2: “Quả bí khổng lồ” – phương châm về chất.  Vd3: “Ông nói gà- Bà nói vịt” phương châm quan hệ.  Vd4: “Lúng túng như ngậm hột thị” phương châm cách thức.  Vd5: Người ăn xin”- phương châm lịch sử. |
| Gv : Yêu cầu HS thảo luận theo 5  nhóm  ? Trong những tình huống ấy,có tình huống nào mà p.châm hội thoại không được tuân thủ ?  ? Vì sao PC hội thoại ở các tình huống đó không được tuân thủ ?  - Gv gọi HS trình bày, nx | - Trong tình huống 1,2.3.4: người nói không tuân thủ các phương châm hội thoại.  **=> Vì người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hoá.** |
|  | b)VD2 |
| ? Câu trả lời của Ba có đáp ứng nhu  cầu thông tin đúng như an mong muốn không? | -Câu trả lời không đáp ứng nhu cầu  thông tin của người hỏi |
| ? Phương châm hội thoại nào đã không được tuân thủ? | -Phương châm về lượng không dược tuân thủ |
| ? Vì sao nói không tuân thủ phương  châm hội thoại ấy? | + Vì Ba không biết chính xác... nên Ba  muốn tuân thủ phương châm về chất: (không nói điều mà mình không có bằng chứng xác thực) |
| ? Như vậy, người nói(Ba) đã vi phạm  phương châm về lượng là do đâu? | **=>Người nói ưu tiên cho 1 p.châm hội thoại khác quan trọng hơn** |
| *- GV: Tổ chức thảo luận theo cặp đôi* | c) VD3 |
| ? Khi thông báo cho một bệnh nhân sự thật về căn bệnh nặng của họ,người bác | -Bác sĩ thường vi phạm phương châm về chất ( nói dối) |

|  |  |
| --- | --- |
| sĩ thường phải vi phạm p.châm h.thoại nào ? |  |
| ? Vì sao bác sỹ phải làm vậy? | - Giúp người bệnh lạc quan,có nghị lực để tiếp tục điều trị hoặc để sống khoảng thời gian còn lại. |
| ? Việc nói dối của bác sỹ có thể chấp  nhận được không vì sao? | - Chấp nhận được,vì nó có lợi cho bệnh  nhân. |
| * GV: gọi HS trình bày, nx * GV : Yêu cầu HS tìm những tình huống tương tự?   ? Qua những vd trên, em hiểu thêm gì về nguyên nhân vi phạm pc hội thoại ? | VD : Người chiến sĩ cách mạng bị địch bắt  =>**Người nói phải ưu tiên cho một yêu cầu khác quan trọng hơn** |
|  | d)VD4 |
| ? Khi nói “tiền bạc chỉ là tiền bạc”  người nói đã vi phạm p.châm hội thoại nào ?  ?Trong 1 số tình huống,cần phải hiểu ý nghĩa câu này ntn ? | “Tiền bạc chỉ là tiền bạc”  -Vi phạm p.châm về lượng(vì nókhông cung cấp cho người nghe thêm thông tin gì.)  - Cần hiểu là: Tiền bạc dù quý nhưng không phải là tất cả và con người không nên chạy theo tiền bạc, quên đi những giá trị khác. |
| *GV : - Tích hợp với nghĩa tường minh và hàm ý* |  |
| ? Tìm thêm những các nói tương tự? | *VD: Chiến tranh là chiến tranh* |
| ? Người nói không tuân thủ p.châm về  lượng để nhằm thực hiện điều gì ? | **=>Muốn người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó.** |
| ? Qua các vd,ta thấy : việc không tuân  thủ các phương châm hội thoại bắt nguồn từ những nguyên nhân nào? | 2. Ghi nhớ/ SGK. |

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung cần đạt** |
|  | **III. Luyện tập** |
| *- GV : Yêu cầu HS đọc mẩu truyện, làm*  *bài tập, trình bày* | *Bài 1*  - Ông bố không tuân thủ phương châm cách thức. Vì một cậu bé 5 tuổi không biết chữ thì không thể nhận biết được cuốn truyện. Cách nói của ông bố không rõ ràng.  =>Người nói không chú ý dến tình huống g.tiếp(nói với ai) |
| ? Hướng dẫn học sinh làm bài tập và | 2. Bài 2. |

yêu cầu Hs trả lời câu hỏi trong sgk - Không tuân thủ phương châm lịch sự.

->Không thích hợp với tình huống giao tiếp, không có lí do chính đáng.

# Hoạt động vận dụng

* + Tìm những tình huống trong thực tế vi phạm PC hội thoại và nêu nguyên nhân ?
  + Khi sử dụng phương châm hội thoại trong giao tiếp cần chú ý điều gì ?

# 5 . Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Học bài cũ, ôn lại những phương châm hội thoại đã học.

- Chuẩn bị: Bài: Ôn tập kiến thức về văn thuyết minh có sử dụng bpnt và yếu tố miêu tả . Chuẩn bị viết bài TLV số 1.

===============================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tiết 14, 15 – Viết bài tập làm văn số 1 I.Mục tiêu đề kiểm tra

1. ***Kiến thức***: Học sinh củng cố, khắc sâu những kiến thức cơ bản về văn thuyết minh vai trò của yếu tố nghệ thuật và yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh.
2. ***Kĩ năng***: - HS rèn kĩ năng viết bài văn thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả và các biện pháp nghệ thuật.
3. ***Thái độ***: - HS có ý thức tự giác, nghiêm túc làm bài

# 4. Phẩm chất - năng lực:

* + Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.
  + Năng lực tổng hợp, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực trình bày, năng lực tư duy.

# Hình thức đề kiểm tra

Tự luận : 100%

# Ma trận đề kiểm tra

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Cộng** |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| TLV  Văn thuyết minh có sử dụng BPNT  và yếu tố miêu tả | Nêu được vai trò của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh | Xác định được yếu tố  Miêu tả và BPNT  trong một đoạn văn thuyết minh |  | ***Cây tre trong đời sống của người dân Việt Nam.*** |  |
| Số câu Số điểm Tỉ lệ % | Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ %10 | Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ %20 |  | Số câu:1 Số điểm:7 Tỉ lệ %70 | Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ%100 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cộng** | Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ %10 | Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ %20 |  | Số câu:1 Số điểm:7 Tỉ lệ %70 | Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ%100 |

1. **Thiết lập đề kiểm tra**

Câu 1 : Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh ?

Câu 2: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả được sử dụng trong đoạn văn sau ?

* 1. Trong các dụng cụ của con người, có lẽ chúng tôi là loại bé nhất.(2) Tuy bé nhưng nhà ai cũng cần đến.(3) Các bạn có biết tôi là ai không? (4) Chúng tôi là chiếc kim khâu bằng kim loại, bề ngang độ nửa mi-li-mét, bề dài khoảng hai đến ba xăng-ti-mét, một đầu nhọn, một đầu tù, có lỗ trôn để xâu chỉ. (5) Kim phải cứng mới dùng được.(6)Khi đứt cúc, sứt chỉ lúc nào cũng phải có tôi thì mới xong. Câu 3: Cây tre trong đời sống của người dân Việt Nam.

# Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Câu1 (1đ) : Yếu tố miêu tả giúp đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng. Bài văn thuyết minh cụ thể , sinh động và hấp dẫn.

Câu 2( 2đ) : Yếu tố miêu tả - câu 4 (1đ)

Biện pháp nghệ thật nhân hóa : Cái kim- họ nhà kim chúng tôi (1đ)

Câu 3 (7đ) 1. Yêu cầu.

\* Hình thức : - Bài văn có bố cục ba phần : mở bài, thân bài, kết bài

* + Đúng thể loại văn thuyết minh.
  + Biết sử dụng biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả hợp lí.

-Diến đạt lưu loát, trình bày khoa học , không mắc lỗi các loại.

\*Nội dung

Bài cần đáp ứng được những nội dung cơ bản sau:

- Giới thiệu được nguồn gốc ra đời .Về các loài tre. Đặc tính của cây tre không kén chọn đất đai, thời tiết, thường sống thành hàng luỹ.Thấy được sự phổ biến của cây tre, có mặt trên khắp đát nước việt Nam.

* + Đặc điểm của cây tre : thân cây, lá tre, tay tre, rễ tre...
  + Thấy được được công dụng của cây tre trưởng thành trong chiến tranh chống giặc ngoại xâm, trong đời sống, công dụng của cây măng,lá tre...
  + Sự gắn bó thân thiết của cây tre trong đời sống con người .Tre trở thành biểu tượng của con người, của dân tộc Việt Nam.Đời sống của nhân dân ta trong hiện tại vẫn không thể thiếu cây tre...

2.Biểu điểm

* + Điểm 7 : Bài viết đáp ứng được những yêu cầu về kĩ năng và nội dung trên.
  + Điểm 5-6 : Bài viết đáp ứng được cơ bản những yêu cầu trên song còn mắc 1 số lỗi c.tả , diễn đạt.
  + Điểm 3-4 : Bài viết đáp ứng được 1 số yêu cầu về thể loại, nội dung, d.đạt đôi chỗ chưa lưu loát,bố cục chưa k.học,mắc khoảng 10 lỗi chính tả, ngữ pháp.
  + Điểm 2 : Bài viết đúng thể loại,có được 1 vài ý song d.đạt lủng củng,mắc nhiều lỗi
  + Điểm1 : Bài viết lạc hướng,mắc rất nhiều lỗi
  + Điểm O: HS không làm được bài

====================================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tuần 4 - Bài 4

**Tiết 16** -**VB: Chuyện người con gái Nam Xương(T1)**

(Trích “Truyền kì mạn lục”) – Nguyễn Dữ

# Mục tiêu cần đạt

1. **Kiến thức**: - HS nắm được cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.

* Học sinh cảm nhận được số phận của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam. Hiểu được những đặc sắc nghệ thuật kể chuyện của tác giả.

-HS hiểu được mối liên hệ giữa tác phẩm và truyện Vợ chàng Trương.

1. **Kĩ năng**: HS vận dụng kiến thức đã học để đọc – hiểu tác phẩm viết theo thể loại truyền kì .

* HS cảm nhận được những chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm tự sự có nguồn gốc dân gian.
* HS kể lại được truyện.

1. **Thái độ**: Biết yêu mến , trân trọng và cảm thông những người phụ nữ.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy, năng lực thẩm mĩ.

# Chuẩn bị

1. ***Thầy***: Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan

* Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn: Một số văn bản nói về người phụ nữ trong XHPK

+ Văn - TLV: Tóm tắt tác phẩm tự sự

+ Văn - TV: Xưng hô trong hội thoại

## Trò:

* Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP thuyết trình tích cực,Dùng lời có nghệ thuật,
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, hỏi và trả lời.

# Tổ chức các hoạt động dạy học.

**1. Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

* ***Kiểm tra bài cũ****:* - Qua văn bản '' Tuyên bố... '' em biết gì về cuộc sống của nhiều trẻ thơ trên thế giới?

***\*Vào bài mới :*** Gv tổ chức cho HS thi giữa các đội và yêu cầu HS tìm những bài thơ, ca dao viết về hình ảnh người phụ nữ thời xưa.

? Em hiểu gì về vẻ đẹp nhân phẩm và số phận của họ.

## 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| HĐ 1 : Đọc và tìn hiểu chung  - GV sử dụng PP thuyết trình tích cực và yêu cầu HS thuyết trình về tác giả. | **I.Đọc- Tìm hiểu chung** |
|  | 1.Tác giả  -Nguyễn Dữ : Không rõ năm sinh, năm mất.   * Đoán định ông sống vào nửa đầu thế kỉ XVI, là học trò giỏi của Nguyễn Bỉnh Khiêm. * Chán nản trước thời cuộc , Nguyễn Dữ làm quan có một năm rồi cáo quan về ở ẩn tại Thanh Hoá . |
| * GV : Dựa vào chú thích (\*) * Tác phẩm có xuất xứ từ đâu?   ? Truyền kì là một loại văn có đặc điểm gì ?  ? “Truyền kì mạn lục” là một tác phẩm ntn?  ?Tác phẩm là truyện thứ bao nhiêu trong tập “ Truyền kì mạn lục” và có nguồn gốc dựa trên cốt truyện nào ? | 2.Tác phẩm  a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ  \* Truyền kì mạn lục.  \*Truyền kì   * 1 loại văn xuôi t.sự,có nguồn gốc từ TQ * Thường mô phỏng những cốt truyện dân gian hay dã sử vốn đã được lưu truyền trong nhân gian * In dấu sự sáng tạo của các tác giả trong việc sắp xếp lại các tình tiết * Có những y.tố hoang đường kì ảo song vẫn là những câu chuyện có thực   \*Truyền kì mạn lục   * Ghi chép tản mạn những chuyện kì lạ được lưu truyền   -Tác phẩm viết bằng chữ Hán  -Nhân vật chính là người phụ nữ đức hạnh nhưng gặp nhiều bất hạnh , những người trí thức có tâm huyết bất mãn với thời cuộc.  -Tác phẩm gồm hai mươi truyện và được mệnh danh là ***thiên cổ kì bút.***  \* *Chuyện người con gái Nam Xương* là truyện thứ 16/20 trong tác phẩm “Truyền kì mạn lục” có nguồn gốc từ truyện cổ tích “Vợ chàng Trương” b,Đọc và tìm hiểu chú thích |
| ? VB cần được đọc với giọng điệu ntn?  - GV đọc mẫu , gọi HS đọc và nx  ? Tóm tắt tác phẩm ? | \*Đọc, tóm tắt   * Diễn cảm , chú ý phân biệt   các đoạn tự sự và những lời đối thoại   * Tóm tắt truyện cần đảm bảo được các |

|  |  |
| --- | --- |
| ***\*Đại ý*** *:* Đây là câu chuyện về số phận oan nghiệt của một người phụ nữ có nhan sắc, có đức hạnh dưới chế độ phong kiến nhưng đã bị nghi ngờ ,sỉ nhục đến độ phải kết liễu đời mình  .Tác phẩm cũng thể hiện mơ ước ngoài đời của nhân dân là người tốt bao giờ cũng được đền trả xứng đáng, dù ở một thế giới huyền bí . | ý sau:  +VN thùy mị, nết na được TS lấy về làm vợ.  + TS đi lính , một mình VN chăm sóc mẹ chồng, nuôi con thơ, thủy chung chờ chồng.  +TS đi lính trở về, nghe câu chuyện cái bóng của bé Đản rồi nghi oan cho vợ-> cái chết của VN  + Chàng Trương hiểu ra nỗi oan của vợ  +Nhờ Linh Phi cứu giúp, Phan lang gặp lại VN và VN gửi chiếc hoa vàng,nhắn chồng giải oan.  + TS lập đàn giải oan, bóng nàng hiện về trên sông rồi biến mất. |
| ? Giải .thích các chú thích :3,4,18,19 | \* Chó thÝch ( SGK) |
| ? Nêu thể loại của tác phẩm?  ? Xác định nv chính và ngôi kể ?  ? PTBĐ của tác phẩm? | c, Thể loại : Truyện truyền kì  - Nhân vật chính:Vũ Nương  -Truyện được kể ở ngôi thứ 3 d, PTBĐ : Tự sự + biểu cảm |
| ? Văn bản được chia làm mấy phần?  Nội dung chính của từng phần? | e, Bố cục.  + P1: Từ đầu... Cha mẹ đẻ mình: Những phẩm chất tốt đẹp của VN  + P2: Tiếp... qua rồi: Nỗi oan khuấtcủa Vũ Nương.  + P3: Còn lại: Vũ Nương được giải oan. |
| Hoạt động 2: Phân tích | **II. Phân tích.** |
|  | **1.Vẻ đẹp nhân cách của Vũ Nương** |
| ? Tìm chi tiết gợi tả vẻ đẹp của VN trước khi lập gia đình ?  ? Nhận xét cách giới thiệu của tác giả?  ? Những lời nhận xét ấy cho em hiểu gì về Vũ Nương?  ? Để làm nổi bật tính cách của Vũ Nương, tác giả đã đặt nhân vật vào tình huống nào?  ? Trong cuộc sống vợ chồng thường ngày, vẻ đẹp của VN được thể hiện qua các chi tiết nào?  ? Điều này bộc lộ phẩm chất gì của Vũ | * Tên thật: Vũ Thị Thiết * Quê: Nam Xương * Tính tình: thùy mị, nết na, tư dung tốt đẹp.   -> Cách giới thiệu vừa cụ thể, vừa khái quát.  => Là người phụ nữ đẹp người, đẹp nết.  *(* Tác giả đặt nhân vật vào những tình huống khác nhau: trong cuộc sống vợ chồng thường ngày, khi tiễn chồng đi lính, khi xa chồng )  **a. Trong cuộc sống vợ chồng:**   * Luôn giữ gìn khuôn phép * Không lúc nào để vợ chồng thất hòa |

Nương?

-GV; yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Khi tiễn chồng đi lính, nàng đã nói với chàng Trương những gì?

? BPNT nào đã được tác giả sử dụng ?

? Những lời nói này thể hiện điều gì ?

? Em hiểu gì về ước nguyện của VN , qua đó cho thấy VN là người vợ ntn?

* GV gọi HS trình bày , NX
* GV: giảng
* GV: Phẩm chất của Vũ Nương được bộc lộ rõ hơn trong tình huống khi xa chồng.

? Tìm những chi tiết miêu tả trạng của nàng Vũ Nương khi xa chồng ?

? Theo em đây là những hình ảnh như thế nào?

? Những chi tiết trên đã thể hiện điều gì?

? Hình ảnh của VN khi xa chồng còn được gợi tả qua chi tiết nào?

? Khi xa chồng, VN là người vợ ntn?

* GV giảng
* GV yêu cầu HS trao đổi theo bàn

? Tình cảm của VN đối với mẹ chồng được thể hiện qua những chi tiết nào?

? Trước khi qua đời, mẹ chồng của nàng đã trăng trối lại điều gì? ý nghĩa của lời trăng trối đó?

? Qua những chi tiết đó, em thấy ở Vũ Nương sáng lên vẻ đẹp nào của người phụ nữ Việt Nam?

* HS thảo luận và trình bày
* GV :Lời trăng trối của bà mẹ chồng: '' Sau này... chẳng phụ mẹ '' -> Là cách đánh giá thật xác đáng và khác quan

-> Khéo léo và đúng mực.Vũ Nương luôn chăm lo cho hạnh phúc gia đình.

# Khi tiễn chồng đi lính:

'' Chàng đi chuyến này... bay bổng ''

+Giọng điệu thiết tha, đằm thắm

+Các điển tích

-> Nàng không trông mong vinh hiển chỉ cầu cho chồng được bình an trở về. Cảm thông trước nỗi gian lan vất vả mà chồng phải chịu đựng.

Nỗi khắc khoải nhớ nhung chồng

->Một ước nguyện bình thường và chính đáng

=>Coi trọng và khao khát hạnh phúc gia đình.

# Khi xa chồng

* + Đối với chồng
* '' Mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn... không thể nào ngăn được ''

+ Hình ảnh ước lệ, mượn cảnh thiên nhiên để diễn đạt sự trôi chảy của thời gian

-> Khẳng định một nỗi nhớ chồng triền miên, tha thiết.

* Giữ gìn một tiết, tô son điểm phấn từng đã nguôi, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót

=> Người vợ thủy chung

\*Chăm sóc mẹ chồng

* Mẹ ốm: hết lòng thuốc thang, khuyên lơn
* Mẹ mất: hết lời thương xót,lo ma chay tế lễ chu đáo
* Xanh kia …mẹ

-> Người mẹ đã ghi nhận đánh giá cao công lao,tấm lòng của VN với gia đình nhà chồng

=>Người con dâu có tấm lòng hiếu thảo

ghi nhận nhân cách và công lao của Vũ Nương với gia đình nhà chồng.

? Không chỉ là người con dâu hiếu thảo

, VN còn người mẹ ra sao ?

# GV : giảng

- GV sử dụng kĩ thuật động não

? Qua phần Vb trên ,em hãy nêu những hiểu biết về NT của t.loại truyền kì ?

? Qua đó,VN được thể hiện là một người phụ nữ ntn ?

* GV ; Vũ Nương là người phụ nữ xinh đẹp , nết na, hiền thục ,đảm đang tháo vát, hiếu thảo thuỷ chung, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình. Nàng mang đầy đủ vẻ đẹp công- dung- ngôn – hạnh của người phụ nữ Việt Nam . Với những vẻ đẹp ấy nàng xứng đáng được hưởng một cuộc sống gia đình hạnh phúc.

? N.Dữ dành cho nàng tình cảm gì ?

* GV: Đây chính là biểu hiện của giá trị nhân đạo được Nguyễn Dữ thể hiện trong tác phẩm.
  + Thay chồng chăm sóc con thơ, yêu con

# \*NT:

## -Các h.ảnh ước lệ

***- Các điển tích, câu văn biền ngẫu.***

**\**Vũ Nương là người vợ thuỷ chung, người mẹ hiền, người con dâu đảm đang hiếu thảo.***

***->Những vẻ đẹp điển hình, truyền thống của người phụ nữ VN.***

***\**** Tácgiả: ca ngợi, trân trọng

# Hoạt động luyện tập

- Tóm tắt truyện “ Người con gái Nam Xương”?

*-* Truyền kì mạn lục có nghĩa là gì?

- Câu văn nào khái quát được vẻ đẹp toàn diện của nhân vật Vũ Nương?

# Hoạt động vận dụng

-Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp nhân cách của VN ?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Tìm đọc các bài viết về tác giả và tác phẩm.
* Nắm vững nội dung bài học.
* Chuẩn bị: “Chuyện người con gái Nam Xương”(tiếp)
  + Tìm hiểu về nỗi oan của Vũ Nương,
  + ý nghĩa của yếu tố kì ảo trong truyện.

============================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tuần 4 - bài 4

**Tiết 17- VB:** Chuyện người con gái Nam Xương(2)

(Nguyễn Dữ)

# Mục tiêu cần đạt

1. **Kiến thức**: - HS nắm được cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.
   * Học sinh cảm nhận được số phận của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam. Hiểu được những đặc sắc nghệ thuật kể chuyện của tác giả.
   * HS hiểu được mối liên hệ giữa tác phẩm và truyện Vợ chàng Trương.
2. **Kĩ năng**: HS vận dụng kiến thức đã học để đọc – hiểu tác phẩm viết theo thể loại truyền kì .

* HS cảm nhận được những chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm tự sự có nguồn gốc dân gian.
* HS kể lại được truyện.

1. **Thái độ**: Biết yêu mến , trân trọng và cảm thông những người phụ nữ.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy, năng lực thẩm mĩ.

# Chuẩn bị

1. ***Thầy***: Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan

* Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn: Một số văn bản nói về người phụ nữ trong XHPK

+ Văn - TV: Xưng hô trong hội thoại

1. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP thuyết trình tích cực,Dùng lời có nghệ thuật,
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, hỏi và trả lời.

# Tổ chức các hoạt động dạy học.

**1. Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

***\* Kiểm tra bài cũ****:*Phân tích vẻ đẹp nhân cách của Vũ Nương ?

## \*Vào bài mới :

? Vũ Nương có nhiều phẩm chất đáng quý. Em hãy thử tưởng tượng cuộc sống của gia đình Vũ Nương khi Trương Sinh trở về.

## 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| **Hoạt động 2 ( tiếp theo)**  Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ.   ***- GV : Dẫn dắt***  ? Để thể hiện nỗi oan của VN, tác giả đưa ra chi tiết bất ngờ nào ? | **2. Nỗi oan của Vũ Nương.**  \*Bé Đản nói về **chiếc bóng**  ->Chứa những yếu tố đáng ngờ->đánh vào đầu óc đa nghi của TS |

* GV : chi tiết này cho ta một lần nữa thấy sự gắn bó thiết tha của tình cảm vợ chồng, ao ước đoàn tụ, ao ước về một mái ấm gia đình trong VN

?Tuy nhiên, với một người ít học và đa nghi như TS thì chi tiết này có chứa những tình tiết ntn ?

* GV ; giảng

? Tìm chi tiết m.tả những phản ứng của TS ?

- GV sử dụng kĩ thuật động não

? Qua đó em thấy TS là người ntn ?

* GV : TS đại diện cho XHPK mang nặng tư tưởng nam quyền.
* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân

? VN đã làm gì trước những hành động của TS ?

? N.xét về giọng điệu và các hình ảnh trong lời nói của VN ?

? Qua đó, em hiểu ntn về lời nói ấy ?

- GV ; giảng

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Khi chồng không tin, đánh đuổi nàng đi, nàng đã nói gì với chàng Trương

? ở các chi tiết này, tác giả đã sử dụng những bpnt nào ?

? Qua đó, em hiểu gì về tâm trạng của Vũ Nương?

* HS thảo luận và trình bày, bổ sung
* Gv; giảng

? Trong nỗi đau đớn và thất vọng ấy, nàng đã có những hành động gì ?

? Em hiểu gì về lời than của VN ?

? Qua đây em cảm nhận được tâm trạng gì của VN ?

? Trong nỗi tuyệt vong này, nàng đã có h/động gì ?

? Đây là hành động ntn của VN ?

\*TS:đinh ninh là vợ hư, mối nghi ngờ ngày càng sâu, la um lên, mắng nhiếc, đánh đuổi VN

=>*TS nông cạn*

*ghen tuông mù quáng*

*vũ phu, chuyên quyền độc đoán*

\*VN:

- “Cách biệt...nghi oan cho thiếp”

+Giọng điệu thiết tha

+S.dụng nhiều h.ảnh ước lệ

->VN giãi bày, khẳng định tấm lòng thuỷ chung và mong được cởi bỏ nỗi oan

->Nàng cố gắng để giữ gìn hạnh phúc gia đình.

- ‘Nay trâm gãy bình rơi... vọng phu”

+ Nghệ thuật: + Giọng điệu thảm thiết, não nề

+ Dùng điển tích, điển cố, câu văn biền ngẫu, các lời thoại liên tiếp nhau. Hình ảnh ẩn dụ.

->Đau đớn, thất vọng vì hạnh phúc gia đình tan vỡ.

* Tắm gội chay sạch, ra bên sông Hoàng Giang
* Ngửa mặt, than..

->Lời than như một lời nguyền xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất và tiết sạch giá trong của nàng.

->Xót xa, tuyệt vọng

* Gieo mình xuống sông

-> Đó là hành động quyết liệt để bảo toàn danh dự, chứng tỏ phẩm giá trong sạch.

=> Một cái chết oan uổng và thương tâm

## \*VN là người phụ nữ đức hạnh mà bất hạnh

? Em có suy nghĩ gì về cái chết của VN

?

? Qua 2 phần trên em có nhận xét gì về con người và số phận của Vũ Nương? (Về cuộc đời và số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến)?

* GV: Cái chết oan nghiệt của Vũ Nương là lời tố cáo XH phong kiến xem trọng quyền uy của kẻ giàu và của người đàn ông trong gia đình , đồng thời bày tỏ niềm cảm thương với số phận oan nghiệt của người phụ nữ.

Người phụ nữ đức hạnh không được bênh vực, chở che mà còn bị đối xử bất công, vô lí chỉ vì lời nói ngây thơ của đứa trẻ và vì sự hồ đồ, vũ phu của người chồng ghen tuông mà phải kết liễu cuộc đời mình

* GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm

?Theo em, VN chết là vì đâu ?

.

? Cái chết của VN nói lên điều gì ?

* GV gọi HS trình bày, nx

# \*Nguyên nhân

* Cuộc hôn nhân có phần không bình đẳng ( Trương Sinh con nhà giàu có - Vũ Nương con nhà nghèo khó )
* Chiến tranh phong kiến gây ra sự xa cách giữa TS và VN

-Lời nói ngây thơ của bé Đản

* Trương Sinh giàu có, đa nghi hay ghen lại không có học.-> Hiện thân của XHPK mang nặng tư tưởng nam quyền ( nguyên nhân cơ bản)

# ý nghĩa cái chết của VN Thể hiện :

-Tấm lòng trong sạch cao đẹp của nàng.

-VN là người trọng danh dự: bằng cái chết, nàng bảo vệ 1 cách quyết liệt danh dự của mình

-Với VN,hạnh phúc gia đình là ước mong, là giá trị sống duy nhất mà nàng cần(.Nên khi h.phúc gia đình tan vỡ thì nàng không còn lí do để tồn tại)

-Số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội PK

# Tố cáo:

* Chiến tranh PK
* Chế độ nam quyền độc đoán với những tư tưởng hẹp hòi, ích kỉ.

-Thói gia trưởng vũ phu của người đàn ông

* **Sau khi VN mất :** Bé Đản chỉ bóng chàng trên vách ->TS hiểu ra nỗi oan của VN

# Chi tiết chiếc bóng

-Về nt: Là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc

# GV: giảng về giá trị hiện thực của tp

? TS hiểu ra nỗi oan của vợ trong hoàn cảnh nào ?

* GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Hãy đánh giá về giá tri của chi tiết chiếc bóng ?

* GV gọi HS trình bày, NX
* ở phần cuối VB tác giả kể về sự việc gì?

? NX về những chi tiết này ?

? Các yếu tố kì ảo này được sử dụng như thế nào? Tác dụng?

GV: Các yếu tố kì ảo được đưa vào xen kẽ với những yếu tố thực về địa danh

( bến Hoàng Giang, Chi Lăng …) thời điểm lịch sử cuối đời khai đại nhà Hồ ), nhân vật lịch sử( Trần Thiêm Bình ), sự kiện lịch sử ( quân Minh xâm lược nước ta ), trang phục mĩ nhân , tình cảnh nhà Vũ Nương không người chăm sóc sau khi nàng mất -> Thế giới kì ảo lung linh

, gần với đời thực, tăng độ tin cậy

? Những yếu tố kì ảo kể về Vũ Nương cho ta hiểu thêm nét đẹp nào ở nàng?

? Phần cuối này đã tạo lên một kết thúc

+ Tạo nên bước ngoặt cho câu chuyện: tạo kịch tính,đẩy kịch tính mỗi lúc một tăng, giúp câu chuyện được triển khai một cách hợp lí.

+ Thắt nút câu chuyện, mở nút câu chuyện

-Về nd:

+Tạo ra bi kịch gia đình một cách đơn giản mà bất ngờ

+ Thể hiện nội dung truyện ( tính cách nhân vật, tấm lòng và cảnh ngộ của VN, số phận người pn trong xhpk)

# 3. Vũ Nương được giải oan

* Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa, Phan Lang lạc vào động Linh Phi, Vũ Nương được cứu... Vũ Nương hiện lên ở bến Hoàng Giang...

+ Các chi tiết hoang đường, kì ảo

* Các yếu tố kì ảo đan xen các yếu tố thực -> vừa hấp dẫn, li kì lại gần gũi với cuộc đời thực, tăng tính chân thực.

# ->ý nghĩa

-Hoàn chỉnh thêm vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương =dù ở thế giới bên kia vẫn nặng lòng với gia đình , vẫn khát khao phục hồi danh dự

* Tạo nên một kết thúc có hậu, thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dânvề lẽ công bằng: người hiền gặp lành.

-Tính bi kịch của truyện không vì thế mà giảm đi : gia đình đã tan vỡ , VN

không thể trở về dương gian, bé Đản mồ côi mẹ, TS sống trong sự dằn vặt.

-Tăng giá trị tố cáo xhpk

-> T.giả:cảm thông, thương xót với bi

## 3. Hoạt động luyện tập

* Cảm nhận về nhân vật Vũ Nương?
* Những yếu tố kì ảo khi đưa vào trong tác phẩm có giá trị gì?

# 4. Hoạt động vận dụng

* Viết bài văn cảm nhận về nhân vật VN.

## Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Tìm đọc các bài phân tích về tác phẩm.
* Học thuộc ghi nhớ
* Nắm chắc nội dung
* Chuẩn bị: Xưng hô trong hội thoại

+ Đọc các vd

+ Trả lời các câu hỏi trong SGK

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tuần 4 - Bài 4

**Tiết 18 - TV: Xưng hô trong hội thoại**

* 1. **Mục tiêu cần đạt**
     1. **Kiến thức**: Học sinh hiểu được sự phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm của hệ thống từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt. Hiểu rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa việc sử dụng từ ngữ xưng hô với tình huống giao tiếp.
     2. **Kĩ năng** : HS biết phân tích để thấy rõ mối quan hệ giữa việc sử dụng từ ngữ xưng hô trong văn bản cụ thể và có kĩ năng sử dụng thích hợp từ ngữ xưng hô vào giao tiếp.
     3. **Thái độ**: HS biết nói năng lịch sự, nhã nhặn, kính trên nhường dưới.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

# Chuẩn bị

1. ***Thầy***: Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập

* Dự kiến phương án tích hợp:

+ TV - Văn: Dế Mèn phiêu lưu kí, Tắt đèn.

+ TV - TV: Hội thoại ( Lớp 8 )

## Trò:

* Học bài, chuẩn bị các câu hỏi SGK

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

# Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. **Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

* ***Kiểm tra bài cũ*** - Việc không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể do những nguyên nhân nào. Cho ví dụ mỗi loại.
* Làm bài tập 2 ( SGK/37

## \*Vào bài mới : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Ai nhanh hơn” và yêu cầu HS tìm các thành ngữ, ca dao, tục ngữ liên quan đến các PC hội thoại.

1. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| **HĐ1 : Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô.**  Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác   - GV sử dụng kĩ thuật động não  ? Hãy nêu một số từ ngữ dùng để xưng hô trong Tiếng Việt và cho biết cách dùng các từ ngữ đó ?  ? Trong Tiếng Anh có những từ ngữ xưng hô nào ? | **I. Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô.**  **1. Hệ thống từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt.**  a.VD1   * Các đại từ nhân xưng: tôi, tao, tớ, mình, chúng tôi ( tao ), bạn, các bạn, mày, nó... để xưng hô * Các danh từ chỉ quan hệ họ hàng: ông, bà, cô, chú, cậu, mợ, anh... * Theo ngôi số ít, số nhiều: Tôi- chúng tôI ->ngôi thứ nhất (tôi), thứ hai(mày), thứ ba(nó) * Theo thái độ: - Suồng sã:mày tao   + Thân mật: anh, chị.   + Trang trọng: quý ông , quý bà , phu nhân   VD: Trong Tiếng Anh |

? Xét về mặt số lượng và khả năng biểu cảm em có nhận xét gì về hệ thống từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt ?

* GV đưa ra tình huống:
* Tình huống xưng hô với bố mẹ là thầy cô giáo ở trường, trong giờ học.
* Tình huống xưng hô với em họ, cháu họ đã nhiều tuổi.

? Trong các tình huống trên em có dùng các từ ngữ chỉ quan hệ gia đình, họ hàng để xưng hô hay không ?

? Từ đó em nhận ra đặc điểm nào của từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt ?

* GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Xác định từ ngữ xưng hô trong 2 đoạn trích?

+ Để xưng có '' I '' ( số đơn ), '' We '' ( số nhiều ).

+ Để hô có '' you '' ( cả số ít và nhiều )

=> Hệ thống từ ngữ xưng hô của Tiếng Việt rất phong phú, giàu sắc thái biểu cảm.

* Trong các tình huống này không nên dùng các danh từ chỉ quan hệ gia đình, họ hàng mà dùng từ ngữ chỉ quan hệ tuổi tác, địa vị xa hội.

=> Từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt rất tinh tế.

# b. VD2

* Từ ngữ xưng hô:

+ Đoạn(a): em - anh ( D. Choắt - D. Mèn)

Choắt )

ta - chú mày ( D.Mèn - D.

? Cách thay đổi đó như thế nào?

? Vì sao có sự thay đổi đó?

- HS thảo luận và trình bày, NX

GV lấy VD về chị Dậu xưng hô:

+ nhà cháu - ông

+ tôi - ông

+ bà - mày ( cai lệ )

? Qua lời xưng hô của Mèn, Choắt, chị Dậu, em thấy khi xưng hô cần chú ý gì

?

GV chốt 2 điểm ghi nhớ, gọi HS đọc ghi nhớ

+ Đoạn(b): tôi - anh ( cả Mèn và Choắt )

-> đoạn (a) cách xưng hô bất bình đẳng của một kẻ ở vị thế yếu, cảm thấy mình thấp hèn, cần nhờ vả người khác và kẻ ở vị thế mạnh, kiêu căng hách dịch.

đoạn (b) đó là sự xưng hô bình đẳng không ai thấy mình thấp hơn hay cao hơn

* Xưng hô thay đổi vì tình huống giao tiếp thay đổi ( Choắt không coi mình là đàn em, không cần nhờ vả nương tựa nữa, nói với Mèn với tư cách người bạn. Còn Mèn đã nhận ra sự sai lầm...

=> Cần căn cứ vào đối tượng và các đặc điểm khác của tình huống.

**2. Ghi nhớ** ( SGK/39 )

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Hoạt động luyện tập** |  |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp * Gv :Yêu cầu HS thảo luận theo yêu cầu SGK -> trình bày -> NX   ? Vì sao trong các văn bản khoa học xưng '' chúng tôi '' chứ không xưng '' tôi '' ?  ? Phân tích cách xưng hô mà Gióng nói với mẹ và sứ giả. Cách xưng hô đó thể hiện điều gì ?   * GV chia lớp thành 4 nhóm tương ứng thảo luận yêu cầu bài 4 -> HS trình bày   -> bổ sung   * GV yêu cầu HS làm bài 5 | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1** ( SGK/39 )  - Lẽ ra phải dùng '' chúng em '' thay '' chúng ta '' . Lí do là do cô học viên dùng theo thói quen trong tiếng mẹ đẻ '' We '' bao gồm cả '' ngôi gộp '' và '' ngôi trừ '' trong khi ở Tiếng Việt '' ngôi gộp '' và '' ngôi trừ '' lại dùng các phương tiện xưng khác nhau.  **Bài tập 2** ( SGK/ 40 )   * Trong văn bản khoa học dùng '' chúng tôi '' để tăng tính khách quan cho những luận điểm khoa học; thể hiện sự khiêm tốn.   **Bài tập 3** ( SGK/40 )   * Gióng gọi mẹ theo cách gọi thông thường * Gióng xưng hô với sứ giả: ta - ông -> Gióng là một đứa trẻ khác thường.   **Bài tập 4** ( SGK/40 )   * Vị tướng gọi '' thầy '' xưng '' con '' -> Thể hiện thái độ kính cẩn và lòng biết ơn của vị tướng đối với thầy.   **Bài tập 5** ( SGK/40 )   * Bác dùng cách xưng hô '' tôi '' - '' đồng chí '' -> Tạo cảm giác gần gũi, thân thiết giữa lãng tụ và nhân dân. |

# Hoạt động vận dụng

* Khi giao tiếp trong gia đình, ở trường học em cần phải chú ý xưng hô như thế nào?
* Nêu một VD tình huống giao tiếp khó xưng hô mà em gặp trong thực tế ?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng kiến thức

* Sưu tầm các bài tập liên quan đến xưng hô trong hội thoại.
* Học thuộc ghi nhớ.
* Vận dụng được vào trong giao tiếp.
* Hoàn thành các bài tập
* Chuẩn bị: Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

+ Tìm hiểu vd , trả lời các câu hỏi trong sgk

======================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tuần 5 - Bài 4

**Tiết 19. Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp**

1. **Mục tiêu cần đạt.**
   1. **Kiến thức**: - HS nêu được cách dẫn trực tiếp và lời dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và lời dẫn gián tiếp.
   2. **Kĩ năng**: HS nhận ra được cách dẫn trực tiếp và gián tiếp.

- HS biết cách sử dụng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong quá trình tạo lập văn bản.

* 1. **Thái độ**: HS có ý thức sử dụng ngôn ngữ TV hợp lí.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất :Chăm học.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

# Chuẩn bị

1. Giáo viên: Giáo án, SGK, bảng phụ

* Liên hệ với: “Chuyện ngưòi con gái Nam Xương” “Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự”

1. Học sinh : Chuẩn bị bài

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

# Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. **Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

* ***Kiểm tra bài***

Nêu đặc điểm của hệ thống từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt? Làm bài tập 6 SGK

***\*Vào bài mới :*** GV cung cấp hai VD và yêu cầu HS xác định điểm giống và khác nhau của hai VD trên ( giống về nội dung, khác về hình thức)

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| HĐ 1: Cách dẫn trực tiếp  Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp   - HS đọc 2 đoạn trích | Cách dẫn trực tiếp  * 1. **Tìm hiểu ví dụ** ( SGK/53 )      1. '' Đấy bác cũng chẳng '' thèm '' người là gì- '' -> Nhắc lại nguyên văn lời nói của nhân vật ( vì có từ nói )   - Nó được ngăn với bộ phận trước bằng dấu hai chấm và ngoặc kép.  b. '' Khách tới bất ngờ... chẳng hạn '' |

* HS thảo luận theo cặp đôi

? Phần in đậm ở câu (a) là lời nói hay ý nghĩ của nhân vật ?

? Nó được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng những dấu gì ?

? Phần in đậm ở câu (b) là lời nói hay ý nghĩ của nhân vật. Căn cứ vào đâu em biết ?

- HS thảo luận và trình bày.

? Trong cả hai đoạn trích, có thể thay đổi vị trí giữa bộ phận in đậm với bộ phận đứng trước nó không. Nếu được thì hai bộ phận ngăn cách bằng dấu gì ?

- **GVkết luận** : Cách dẫn trên là cách dẫn trực tiếp.

? Vậy thế nào là cách dẫn trực tiếp ? **GV: sử dụng bảng phụ và yêu cầu HS làm bài tập bổ trợ**

HĐ 2 : Cách dẫn gián tiếp

* Gv yêu cầu HS thảo luận theo bàn

? Trong đoạn (a) bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ. Nó được ngăn cách với bộ phận trước bằng dấu gì ?

? Trong đoạn (b) bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ. Giữa bộ phận in đậm và bộ phận đứng trước có từ gì ?

* HS thảo luận và trình bày, bổ sung

- **GV** : Đây chính là cách dẫn gián tiếp ?

? Em hiểu cách dẫn gián tiếp là gì ?

? Từ các ví dụ trên, em thấy có mấy cách dẫn lời nói, ý nghĩ của nhân vật. Sự khác nhau của những cách dẫn trên ?

-> nhắc lại nguyên văn ý nghĩ ( vì trước đó có từ nghĩ )

* Nó được ngăn với các bộ phận trước bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.

c. Có thể thay đổi như:

+ Đấy... gì- - Cháu nói

+ Khách tới... chẳng hạn - Họa sĩ nghĩ thầm.

* Hai bộ phận ngăn cách bằng dấu gạch ngang.

**2. Ghi nhớ** ( ý 1/54 )

# II. Cách dẫn gián tiếp

1. **Tìm hiểu ví dụ** ( SGK/53 )
   1. '' hãy dằn lòng... mà sợ '' -> thuật lại lời nói ( vì có từ khuyên ) -> Không có dấu ngăn cách.
   2. '' Bác... ẩn dật '' -> thuật lại ý nghĩ (vì có từ hiểu)

* Giữa bộ phận in đậm và bộ phận trước có từ '' rằng ''
* Có thể thay thế bằng từ '' là ''

1. **Ghi nhớ** ( Điểm ý 2/54 )

# => Cách dẫn trực tiếp và gián tiếp

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Hoạt động luyện tập** |  |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| - GV yêu cầu HS đọc, trả lời câu hỏi  ? Tìm lời dẫn trong đoạn trích.  ? Đó là lời nói hay ý nghĩ. Dẫn bằng cách nào ? | **III. Luyện tập**  **Bài tập 1** ( SGK/54 )   1. '' A!... này à- '' -> Là ý nghĩ => Lời dẫn trực tiếp. 2. '' cái vườn... rẻ cả '' -> Là ý nghĩ => |

# Hoạt động vận dụng

* Sự khác nhau giữa lời dẫn trực tiếp và gián tiếp.
* Viết đoạn văn trích lời dẫn sau theo cách trích trực tiếp : Không có gì quý hơn độc lập tự do ( Hồ Chí Minh)

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Học bài
* Thuộc ghi nhớ
* Hoàn chỉnh bài tập
* Chuẩn bị: Luyện tập tóm tắt tác phẩm tự sự

--------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tuần 5- bài 4

**Tiết 20 : TLV - Luyện tập tóm tắt tác phẩm tự sự**

* 1. **Mục tiêu cần đạt**
     1. **Kiến thức**: HS nêu được các yêu tố của thể loại tự sự ( nhân vật, sự việc, cốt truyện)
* HS giải thích được yêu cầu cần đạt của một văn bản tóm tắt tác phẩm tự sự.
  + 1. **Kĩ năng**: kĩ năng tóm tắt tác phẩm tự sự.
    2. **Thái độ**: Có ý thức chuẩn bị nghiêm túc phần tóm tắt khi học tác phẩm tự sự.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Chăm học.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

# Chuẩn bị

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập

* Tích hợp :+ TLV - Văn: Chuyện người con gái Nam Xương

+ TLV - TLV: Tóm tắt tác phẩm tự sự ( Lớp 6, lớp 8 )

1. ***Trò:*** - Đọc, chuẩn bị yêu cầu

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

# Tổ chức các hoạt động dạy học.

**1. Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

* ***Kiểm tra bài cũ ( trong giờ học)***

***\*Vào bài mới :***

***2. Hoạt động luyện tập***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp * GV gọi HS đọc các tình huống * GVghi ngắn gọn nội dung 3 tình huống   ? Ba tình huống trên yêu cầu gì ?  ? Để tóm tắt được ta phải làm như thế nào ?  ? Việc tóm tắt văn bản trong 3 tình huống trên nhằm mục đích gì ?  ? Từ đó em có nhận xét gì về sự cần thiết phải tóm tắt văn bản tự sự ?  ? Lấy ví dụ về các tình huống khác trong cuộc sống mà em thấy cần phải vận dụng kĩ năng tóm tắt văn bản.  - GV yêu cầu HS đọc các sự việc và nhân vật chính: nêu trong mục 1 (SGK/58,59 )  - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm  ? Theo em các sự việc chính đã được nêu đầy đủ chưa ?  ? Có thiếu sự việc nào quan trọng không ? Tại sao | **I. Sự cần thiết của việc tóm tắt văn bản tự sự.**   1. **Tìm hiểu các tình huống** ( SGK/58 )    1. Tóm tắt bộ phim...    2. Tóm tắt văn bản...    3. Tóm tắt một tác phẩm...   ( Tóm tắt phải lược bỏ đi những chi tiết, nhân vật, yếu tố phụ không quan trọng, chỉ giữ lại sự việc, nhân vật. )  -> Tóm tắt giúp người khác không xem ( không đọc ) vẫn nắm được nội dung chính; giá trị tác phẩm.  => Tóm tắt văn bản tự sự là sự cần thiết giúp cho người đọc, người nghe nắm được nội dung chính của văn bản đó.  **2. Ghi nhớ** điểm 1/59 Thực hành tóm tắt một văn bản tự sự  * 1. **Tóm tắt văn bản**: '' Chuyện người con gái Nam Xương '' * Các sự việc nêu chưa đầy đủ, còn thiếu sự việc quan trọng: Một đêm Trương Sinh cùng con trai ngồi bên đèn, đứa con chỉ bóng trên tường bảo đó là người cha vẫn đến đêm đêm. Trương Sinh thấu nỗi oan của vợ. * Đây là sự việc giúp Trương Sinh hiểu ra nỗi oan của vợ chứ không phải đợi đến khi nghe Phan Lang kể chuyện ( như sự việc cuối cùng trong SGK ) |

? Các sự việc nêu trên đã hợp lí chưa. Có gì cần thay đổi không và sắp xếp lại không?

* GV gọi HS trình bày, nhận xét
* Yêu cầu HS viết thành văn bản tóm tắt ( khoảng 20 dòng ) và trình bày trước lớp

? Nếu cần tóm tắt ngắn hơn mà giúp mọi người hiểu nội dung chính em làm như thế nào.

? Như vậy khi tóm tắt văn bản tự sự cần phải đảm bảo yêu cầu gì.

* Yêu cầu HS đọc ghi nhớ
* GV hệ thống hóa kiến thức
* Nội dung sự việc 7 chưa hợp lí, cần điều chỉnh bỏ ý Trương Sinh '' biết vợ bị oan ''

**(1)** Chàng Trương phải đi lính... **(2)** Mẹ Trương sinh ốm... **(3)** Giặc tan... **(4)** Vũ Nương bị oan... **(5)** Một đêm chơi cùng con, con nhỏ chỉ bóng Trương Sinh...

**(6)** Phan Lang là người cùng làng... **(7)** Phan Lang gặp lại Vũ Nương... **(8)** Trương Sinh bèn lập đàn giải oan.

* Tóm tắt gọn hơn có thể bỏ một số chi tiết không quá quan trọng ( 2,6 ) và một số câu từ

=> Ngắn gọn nhưng đầy đủ các nhân vật, sự việc chính.

**2. Ghi nhớ** ( SGK/59 )

# III. Luyện tập

**Bài tập 2** ( SGK/59 )

+ Giọng điệu rõ ràng

+ Nội dung ngắn gọn , đảm bảo dễ hiểu sự việc

? Tóm tắt trước lớp một câu chuyện cuộc sống em đã được nghe hoặc thấy ( Đoạn văn nói )

* GV nhận xét, rút kinh nghiệm

# *3 .* Hoạt động vận dụng

* Nếu cô yêu cầu em tóm tắt một văn bản cụ thể, em phải thực hiện các bước nào. ( Tìm sự việc, nhân vật chính, sắp xếp, tóm tắt )

- Tóm tắt văn bản “ Chuyện người con gái Nam Xương”.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Học thuộc ghi nhớ
* Làm bài tập 1/59 chọn tóm tắt 2 văn bản: một văn bản lớp 8, một văn bản lớp 9
* Chuẩn bị kĩ: Sự phát triển của từ vựng

========================================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 5- bài 4

# Tiết 21- TV : Sự phát triển của từ vựng

* 1. **Mục tiêu cần đạt**
     1. **Kiến thức**: HS trình bày được sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ . Giải thích được các cách phát triển từ vựng .
     2. **Kĩ năng**: HS có kĩ năng nhận biết ý nghĩa của từ ngữ trong các cụm từ và trong văn bản.
* HS phân biệt được các phương thức tạo nghĩa mới của từ ngữ với các phép tu từ ẩn dụ, hoán dụ.
  + 1. **Thái độ**: Có ý thức làm giàu vốn ngôn ngữ dân tộc.

# 4. Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Chăm học.
* Năng lực tự học – tự chủ, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

# Chuẩn bị

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan , phiếu học tập

* Tích hợp :+ TV - Văn: Truyện Kiều

+ TV - TV: Sự chuyển nghĩa của từ

1. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

# Tổ chức các hoạt động dạy học.

**1. Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

* ***Kiểm tra bài cũ :*** - Có mấy cách dẫn lời nói hay ý nghĩ của nhân vật. Đó là những cách nào.

***\*Vào bài mới*** : GV tổ chức thi giữa hai đội

* Chứng minh rằng các từ sau là từ nhiều nghĩa : Vua, ăn,đầu.

## 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

**HĐ1** : **Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp   - GV yêu cầu HS đọc bài thơ '' Vào nhà | Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ.  * 1. **Tìm hiểu ví dụ**      1. Ví dụ 1 ( SGK/55 )   - Kinh tế: trị nước, cứu đời  ( nói tắt của kinh bang tế thế ) |

ngục... ''. Ghi lên bảng từ '' Kinh tế ''

? Từ '' kinh tế ''trong bài thơ có nghĩa là gì.

* GV: Cả câu thơ: khẳng định ôm ấp hoài bão trông coi việc nước, cứu giúp người đời.

? Ngày nay, chúng ta hiểu từ này như thế nào.

? Qua đó, em có nhận xét gì về nghĩa của từ.

* GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thảo luận.

? Xác định nghĩa của các từ '' xuân '','' tay '' trong mỗi câu thơ?

? Nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển ?

? Nghĩa chuyển đó được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào ?

- Yêu cầu HS trình bày, nhận xét, bổ sung

? Theo em sự phát triển của từ vựng ở ví dụ trên là phát triển trên phương diện nào ?

? Có mấy cách phát triển nghĩa của từ ?

? Qua phân tích các ví dụ, em hãy nx về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt ?

* Yêu cầu HS đọc ghi nhớ
* Ngày nay: Kinh tế là chỉ toàn bộ hoạt động của con người trong lao động sản xuất, trao đổi, phân phối và sử dụng của cải vật chất làm ra.

-> Nghĩa của từ không phải bất biến. Nó thay đổi theo thời gian. Có những nghĩa cũ bị mất đi và có những nghĩa mới được hình thành.

b. Ví dụ 2 ( SGK/55,56 )

<1> '' Xuân '':

+ Trường hợp (a): mùa chuyển tiếp từ đông sang hạ, thời tiết ấm dần lên thường được coi là mở đầu một năm

-> Nghĩa gốc

+ Trường hợp (b): là tuổi trẻ

-> Nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ

<2> '' Tay ''

+ Trường hợp (a): Bộ phận phía trên của cơ thể người, từ vai đến các ngón, dùng để cầm nắm -> Nghĩa gốc

+ Trường hợp (b): Người chuyên hoạt động hay giỏi một bộ môn, một nghề nào đó -> Nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ

* Phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc của chúng
* Có 2 cách phát triển:

+ Bằng phương thức ẩn dụ

+ Bằng phương thức hoán dụ

1. **Ghi nhớ** ( SGK/56 )

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| - Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi.  ? Từ '' chân '' nào dùng với nghĩa gốc, nghĩa chuyển, chuyển theo phương thức ẩn dụ hay hoán dụ.   * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân - Dựa vào định nghĩa '' trà '' nhận xét nghĩa của từ '' trà '' trong những cách dùng '' trà a-ti-sô...'' * GV yêu cầu HS trình bày , NX   - Nêu nghĩa chuyển từ '' đồng hồ '' trong các cách dùng '' đồng hồ điện'', '' đồng hồ nước ''...   * GV tổ chức 2 đội chơi, đội nào lấy được nhiều VD chứng minh các từ '' hội chứng '', '' ngân hàng '', '' sốt '', '' vua '' là những từ nhiều nghĩa thì thắng cuộc.   ? Từ '' Mặt trời '' trong câu 2 sử dụng phép tu từ nào. Có thể coi đây là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được không. Vì sao. GV lấy thêm ví dụ trong '' Khúc hát... mẹ'' của Nguyễn Khoa Điềm  '' Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng '' | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1** ( SGK/56 )   * '' Chân '' trong câu (a): Nghĩa gốc * '' Chân '' trong câu (b): Nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ * '' Chân '' trong câu (c),(d): Nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ   **Bài tập 2** ( SGK/56 )   * Trong những cách dùng '' trà a- ti-sô ''... từ '' trà '' được dùng với nghĩa chuyển.'' Trà '' trong những cách dùng này có nghĩa là sản phẩm từ thực vật được chế biến thành dạng khô dùng để pha uống.   -> Từ '' trà '' được chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.  **Bài tập 3** ( SGK/57 )  Trong những cách dùng '' đồng hồ điện '', '' đồng hồ nước ''... từ '' đồng hồ '' được dùng với nghĩa chuyển, chỉ những dụng cụ để đo có bề ngoài giống đồng hồ.  -> Từ '' đồng hồ '' chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.  **Bài tập 4** ( SGK/57 ) VD: Sốt  + Nghĩa gốc: tăng nhiệt độ cơ thể lên quá mức bình thường  + Nghĩa chuyển: tăng đột ngột về nhu cầu, khiến khan hiếm, giá cao ( cơn sốt đất, cơn sốt hàng điện tử ... )  **Bài tập 5** ( SGK/57 )  Từ '' mặt trời '' trong câu 2 chỉ Bác Hồ  -> Sử dụng phép tu từ ẩn dụ nhưng không coi đây là hiện tượng phát triển nghĩa của từ vì sự chuyển nghĩa này chỉ có tính chất lâm thời nó không làm từ có thêm nghĩa mới và không thể đưa vào giải thích trong từ điển. |

# Hoạt động vận dụng

- sự phát triển của từ vựng dựa trên phương diện nào ?

- Có mấy cách phát triển nghĩa của từ ?

- Lấy ví dụ và phân tích ví dụ đó.

# 5 . Hoạt động vận dụng và tìm tòi

- Sưu tầm các bài tập.

* Thuộc ghi nhớ
* Hoàn chỉnh các bài tập
* Chuẩn bị: Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tuần 5- bài 5

**Tiết 22: CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH** ( Đọc thêm)

# ( Trích : Vũ trung tùy bút ) Phạm Đình Hổ

1. **Mục tiêu cần đạt**
   1. **Kiến thức**: Học sinh : - Nêu được sơ giản về thể văn tùy bút thời trung đại.

* Trình bày được cuộc sống xa hoa của vua chúa, sự nhũng nhiễu của quan lại thời Lê - Trịnh và thái độ phê phán của tác giả. Bước đầu nhận biết được đặc trưng cơ bản của thể loại tùy bút đời xưa và đánh giá được giá trị nghệ thuật của những dòng ghi chép đầy tính hiện thực này.
  1. **Kĩ năng**: HS có kĩ năng đọc – hiểu một văn bản tùy bút thời trung đại và tự tìm hiểu một số địa danh , chức sắc, nghi lễ thời Lê- Trịnh.
  2. **Thái độ**: Có ý thức làm phê phán lối sống hưởng lạc, lãng phí.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Yêu thương con người.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy,thẩm mĩ, ngôn từ.

***2. Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP dùng lời có nghệ thuật.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, đặt câu hỏi.

# Tổ chức các hoạt động dạy học.

* 1. **Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

***\* Kiểm tra bài cũ :*** - Phân tích sự ăn chơi của xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận?

***\*Vào bài mới*** : GV cung cấp một đoạn phim về người anh hùng áo vảI và yêu cầu HS nêu cảm nhận về vua Quang Trung.

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chung  Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác   ? Nêu vài nét về tác giả của '' Hoàng Lê nhất thống chí '?  ? VB được trích từ tác phẩm nào ?  ? Tác phẩm được viết vào thời gian nào và được viết bằng chữ gì?  ? Hồi thứ 14 kể về sự việc gì?  ? Vb cần được đọc với giọng điệu ntn?   * GV đọc, gọi HS đọc và nhận xét * GV kể tóm tắt Hồi 12,13. Yêu cầu HS tóm tắt hồi 14 * GV lưu ý HS khi tóm tắt đảm bảo các SV chính:   Nghe tin quân Thanh vào Thăng Long... Quang Trung hạ lệnh xuất quân ngày 25 tháng chạp năm mậu thân... Đến ngày 30 tháng chạp mở tiệc khao quân... Từ ngày mùng 3 tháng giêng đến mùng 5 tháng giêng... quân Thanh đại bại, vua tôi Lê Chiêu Thống... | **I.Đọc - Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Ngô gia văn phái là nhóm tác giả họ Ngô Thì ( Ngô Thì Nhiệm, Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du 062,  **2. Tác phẩm**  a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ  - Hồi thứ 14 được trích trong tác phẩm  *Hoàng Lê nhất thống chí .*  *-* Tác phẩm được viết trong khoảng thời gian dài từ cuối TK XVIII đến đầu TK XI X bằng chữ Hán  - Sự việc: Chiến thắng lừng lẫy của vua Quang Trung, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước hại dân.  b, Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích  \* Đọc và tóm tắt  - Đọc với ngữ điệu phù hợp với từng nhân vật. Lời kể, tả trận đánh cần đọc với giọng khẩn trương, phấn chấn.  \*Tìm hiểu chú thích ( SGK )  c, Thể loại : Tiểu thuyết lịch sử chương hồi |

- Yêu cầu HS giải thích một số chú thích SGK/70

? VB trên thuộc thể loại gì ?

? Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì? Ngoài ra còn có phương thức biểu đạt nào?

? Nhân vật chính trong hồi thứ 14?

* HS thảo luận theo cặp đôi

- Theo em đoạn trích trên gồm mấy phần?

* Nêu giới hạn và nội dung chính của từng phần?

Hoạt động 2 : Phân tích

* GV giới thiệu Nguyễn Huệ

? Thái độ của Nguyễn Huệ khi nghe tin giặc đến Thăng Long?

? Sau khi họp bàn, tạm hoãn việc cầm quân Nguyễn Huệ đã làm những gì? Em hãy tìm chi tiết cụ thể?

? Những việc làm đó chứng tỏ vua Quang Trung là người ntn ?

* Yêu cầu HS đọc lời phủ dụ và thảo luận theo cặp đôi

? Trong lời phủ dụ, vua Quang Trung

d, Phương thức biểu đạt chính: Tự sự ( có xen kẽ yếu tố miêu tả )

*e.* Nhân vật Vua Quang Trung đối lập với quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống

F , Bố cục: 3 phần

+ Phần 1: Từ đầu ... '' 25 tháng chạp năm mậu thân ''

-> Được tin quân Thanh đã chiếm Thăng Long, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và thân chinh cầm quân dẹp giặc.

+ Phần 2: Tiếp ... '' rồi kéo vào thành ''

-> Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.

+ Phần 3: Còn lại

-> Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống.

# II. Phân tích

1. **Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ**

**a, Quang Trung chuẩn bị lực lượng tiến quân ra Bắc**

* Nghe tin giặc đã chiếm Thăng Long, Nguyễn Huệ không hề nao núng '' định thân chinh cầm quân đi ngay ''
* Chỉ trong hơn một tháng, Nguyễn Huệ: '' tế cáo trời đất ''; '' lên ngôi hoàng đế ''; '' đốc xuất đại binh '' ra Bắc; gặp gỡ '' người cống sĩ ở huyện La Sơn '', tuyển mộ quân lính; mở cuộc duyệt binh; phủ dụ tướng sĩ ở Nghệ An.
* Hạ lệnh tiến quân ra Bắc, ngày 30 tháng chạp mở tiệc khao quân, vạch kế hoạch tiến đánh, đối phó với nhà Thanh sau khi chiến thắng.

# => Vua Quang Trung là con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán

* Trong lời phủ dụ quân lính ở Nghệ An, vua Quang Trung đã khẳng định rõ chủ quyền đân tộc của ta; lên án hành động xâm lăng của giặc; nêu bật dã tâm của giặc; nhắc lại truyền thống chống giặc của ta; kêu gọi quân lính '' đồng

đã khẳng định rõ điều gì?

? Theo em lời phủ dụ có ý nghĩa như thế nào?

* GV gọi HS trình bày , NX

? Cách xử trí của vua Quang Trung khi gặp tướng Sở và Lân?

? Cách xử trí này nói lên điều gì?

? Vua Quang Trung còn có những nhận định ntn về tình hình thời cuộc?

? Qua những chi tiết trên, em có nhận xét như thế nào về ông ?

? Ngoài ra Quang Trung còn có tài dự đoán ra sao?

? Những chi tiết này đã khẳng định điều gì?

? Tìm chi tiết nói về cách dụng binh của Quang Trung?

? Nhận xét cách dụng binh đó?

GV: thời gian gấp gáp, binh lính hàng quân xa, liên tục, không được nghỉ ngơi vừa đi vừa đánh nhưng đội quân vẫn chỉnh tề, nhuệ khí ngày càng tăng.

? Qua các chi tiết trên , em hiểu gì về vị vua này ?

## Hoạt động luyện tập

tâm hiệp lực ''; ra kỉ luật nghiêm...

-> khích lệ lòng yêu nước căm thù giặc của quân sĩ ,lời phủ dụ vừa có tính chất răn đe lại vừa kêu gọi

* Khi Sở, Lân mang gươm đến xin chịu tội, vua Quang Trung thẳng thắn chê họ vô mưu, khen họ hữu dũng, tha tội. Biết được kế rút lui của Ngô Thì Nhậm

-> Khen chê đúng người đúng việc khiến cho các tướng tâm phục khẩu phục hết lòng phò vua.

* Địch mạnh, ta yếu -> rút lui là một kế hay
* Thăng Long bốn phía đều bị đánh -> không chống cự nổi

# => Vua Quang Trung là người có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén.

* Mới khởi binh vua QT đã khẳng định sẽ thắng trong vòng 10 ngày... còn tính sẵn kế hoạch ngoại giao sau chiến thắng một nước lớn gấp 10 nước mình...

# => Thể hiện ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng của vua Quang Trung.

* Cuộc hành quân thần tốc từ ngày 25 tháng chạp đến ngày mùng 7 tháng giêng từ Huế ra Thăng Long và vượt trước ngày, tất cả chỉ là đi bộ.

# => Vua Quang Trung có tài dụng binh như thần

**=> Vua Quang Trung là vị vua yêu nước, sáng suốt, có tài cầm quân ...**

* Kể tóm tắt văn bản '' Hoàng Lê nhất thống chí ''?
* Nhắc lại nội dung chính của văn bản?
* Nhắc lại nét chính về nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái ?

## Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trước khi kéo quân ra Bắc.

## Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Tìm đọc các bài viết về tác phẩm.
* Học bài ( Tác giả, tác phẩm, PTBĐ, nội dung, bố cục )
* Chuẩn bị tiếp phần phân tích:

+ Hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ

+ Hình ảnh quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 6 - bài 5

# Tiết 24: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ ( *Tiếp* )

**( Hồi thứ mười bốn ) Ngô Gia Văn Phái**

1. **Mục tiêu cần đạt**
   1. **Kiến thức**: Học sinh : - Nêu được những hiểu biết chung về nhóm tác giả và phong trào Tây Sơn, người anh hùng dân tộc Quang Trung – Nguyễn Huệ.

* Nêu được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi.
* Cảm nhận được vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ. Thấy rõ sự thảm bại của bọn xâm lược, số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.
  1. **Kĩ năng**: HS biết quan sát các sự việc được kể trong đoạn trích trên bản đồ
* Hs cảm nhận được tinh thần dân tộc, lòng yêu nước của tác giả trước những sự kiện lịch sự trọng đại của dân tộc.
* HS biết liên hệ những nhân vật, sự kiện trong đoạn trích với những văn bản liên quan.
  1. **Thái độ**: Học sinh thêm yêu mến, tự hào biết ơn các vị anh hùng dân tộc.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Yêu đất nước, sống có trách nhiệm.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy,thẩm mĩ, ngôn ngữ.

# Chuẩn Bị

1. ***Thầy***: - Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan

* Dự kiến phương án tích hợp- liên hệ :

+ Văn - TLV: Tóm tắt văn bản tự sự, Miêu tả trong văn bản tự sự

+ Văn - Văn: Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh

+ Văn - Lịch sử: XHVN thời Lê – Trịnh

1. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP dùng lời có nghệ thuật.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, đặt câu hỏi, thuyết trình tích cực.

# Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. **Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

***\* Kiểm tra bài cũ :*** Cảm nhận bề người anh hùng dân tộc Quang Trung trước khi đại phá quân Thanh.

***\*Vào bài mới*** : GV cung cấp video một đoạn phim cố trang về vua Quang Trung

?Đến với bài học này, em muốn có thêm những hiểu biết gì về vua Quang Trung và cuộc kháng chiến chống quân Thanh.

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| Hoạt động 2: Phân tích ( tiếp theo) Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác   ? Vua Quang Trung đại phá quân Thanh bằng những trận đánh lớn nào ?  ? Hãy tóm tắt hai trận đánh ở Phú Xuyên và Hạ Hồi ?  ? Cách đánh của vua Quang Trung trong hai trận này có gì đặc biệt ?   * GV: giảng   ? Trước khi đại phá thành Ngọc Hồi , vua Quang Trung đã có kế sách gì ?  ? Kế sách này càng giúp ta hiểu thêm vua Quang Trung là một người ntn ?   * GV; giảng và dẫn dắt : trí tuệ sáng suốt của Vua QT còn được thể hiện rất rõ trong trận chiến này * GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đụi   ? Hãy tìm những chi tiết thể hiện sự kiện vua Quang Trung đại phá thành Ngọc Hồi ? | **I . Tìm hiểu chung**  **II. Phân tích**  **1. Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ**  **b. Vua Quang Trung đại phá quân Thanh**  **- Phú xuyên , Hạ Hồi , Ngọc Hồi**  \*Trận Phú Xuyên: Quân Tây Sơn bắt sống hết địch  \*Trận Hạ Hồi : Bắc loa truyền gọi , quân giặc đầu hàng  -> Bí mật, bất ngờ, đảm bảo bí mật mà không gây thương vong  \*Trận Ngọc Hồi   * Trước đó : ( Đoán trước được đường rút chạy của địch ) cho quân nghi binh ở phia Đông thành . bố trí quân voi từ Đại để diệt đường rút lui của địch   -> Trí tuệ sáng suốt   * Trong trận chiến :   .lấy ván ghép phủ rơm dấp nước để làm mộc che  .Dàn trận chữ nhất  .Khi giáp lá cà : quăng ván -cầm dao ngắn chém , người cầm binh khí theo sau xông tới  . Tướng ở trên trời xuống , quân chui |

? Tác giả sử dụng bpnt nào?

? Em hình dung ntn về trận chiến Ngọc Hồi ?

* HS thảo luận -> trình bày -> bố sung
* GV: giảng

? Trong trận chiến đấu này, hình ảnh vua QT được miêu tả qua các chi tiết nào ?

-? Cảm nhận của em về hình ảnh vua QT

? Qua các trận đánh trên , em thấy vua QT là người ntn ?

* GV: **Là một tổng chỉ huy chiến dịch thực sự**: hoạch đinh phương lươc, tổ chức quân sĩ, tự mình thống lĩnh một mũi tiến công, thúc quân đuổi giặc, bắc loa truyền giặc đầu hàng... thật lẫm liệt
* Gv yêu cầu HS thảo luận theo 5 nhóm

? Hỡnh ảnh quõn Thanh khi mới đến nước ta

?Hình ảnh quân tướng nhà Thanh khi lâm trận ?

? Khi nghe tin Ngọc Hồi thất thủ , hình ảnh quân Thanh ở Thăng Long ra sao ?

? Cách thể hiện của tác giả ở những chi tiết trên có gì đặc biệt ?

? Qua đó em hiểu gì về quõn tướng nhà Thanh ?

dưới đất lên

- Kết quả : quân Thanh đại bại

+ NT: kể xen miêu tả

Miêu tả cụ thể chi tiết

-> Một trong những chiến thắng oanh liệt nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

* Vua QT : chỉ huy mũi tiến công, cưỡi voi đi đốc thúc, xông pha trận mạc trong cảnh khói tỏa mù trời

-> Một hình ảnh đẹp, oai phong, lẫm liệt

# => Tính cách quả cảm mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, tài dụng binh như thần, là người tổ chức và linh hồn của chiến công vĩ đại.

**2. Hình ảnh quân tướng nhà Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống.**

**\* Quân tướng nhà Thanh:**

* Đi lại nhụng nghờnh, tuyờn bố sẽ tiờu diệt quan Tõy Sơn.

**- Trận Phú Xuyên :** từ xa trông thấy quân Tây Sơn đã tháo chạy

-Trận Hạ Hồi : rụng rời sợ hãi , xin đầu hàng

* Trận Ngọc Hồi : bắn không trúng người nào , bỏ chạy toán loạn , giày xéo lên nhau mà chết...
* Thăng Long : Tôn Sĩ Nghị sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp, chuồn trước qua cầu phao mà chạy

quân thì hoảng hồn tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông xô đẩy nhau rơi xuống mà chết...

+ Kể xen miêu tả cụ thể, sinh đông, mang tính cường điệu

=> Thất bại vô cùng thảm bại của những tên giặc ham sống sợ chết. Đó là kết cục đích đáng đối với những hành động phi nghĩa của kẻ xâm lược

* HS thảo luận, trình bày, bổ sung
* GV ; giảng

? Quân Thanh thua trận, vua tôi Lê Chiêu Thống rơi vào hoàn cảnh nào?

? Em có nhận xét gì về kết cục của vua tôi Lê Chiêu Thống?

* GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Khi miêu tả cuộc tháo chạy của quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống có gì khác nhau? Tại sao?

* Yêu cầu HS trình bày , NX

? ở phần này, tác giả dùng lối viết như thế nào?

? Em hiểu gì về thái độ của người viết khi viết về QT ( người ở phe đối lập )

* Qua đó, hồi thứ 14 đã phản ánh điều gì ?

Hoạt động 3: Tổng kết

? Nhận xét nghệ thuật đặc sắc của văn bản? ( NT trần thuật )

? Quan điểm sáng tác của Ngô gia văn phái?

? Qua văn bản em hiểu được điều gì? Cho HS đọc ghi nhớ

# \* Vua tôi Lê Chiêu Thống:

* Vua tôi Lê Chiêu Thống vội vã ra ngoài, cướp cả thuyền dân, chạy mấy ngày không ăn...

=> Nhục nhã ê chề. Đó là kết cục của kẻ bán nước cầu vinh( cõng rắn cắn gà nhà.)

- Đoạn miêu tả cuộc tháo chạy của quân Thanh nhịp điệu nhanh, mạnh, hối hả -> thể hiện sự hả hê trước thất bại của giặc.

* Còn khi miêu tả cuộc tháo chạy của vua tôi nhà Lê thì chậm hơn, miêu tả tỉ mỉ những giọt nước mắt -> thể hiện sự ngậm ngùi chua xót trước sự sụp đổ của nhà Lê ( tác giả đều là những vị quan dưới triều nhà Lê)

+ NT: Trần thuật xen miêu tả cụ thể

+ Tôn trọng sự thật , tông trọng lịch sự , ngưỡng mộ tài năng của vua QT-> Phản ánh chân thực

<=> Nổi bật hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung

Làm rõ sự thất bại, nhục nhã của quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống.

# III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

+ Trần thuật xen miêu tả cụ thể

+ Tôn trọng sự thật, tông trọng lịch sự

1. Nội dung

***\* Ghi nhớ*** ( SGK)

# Hoạt độngluyện tập

* Hình tượng anh hùng Nguyễn Huệ được khắc họa như thế nào?
* Qua 2 văn bản '' Chuyện cũ... Trịnh '' và '' Hoàng Lê... chí '' em hiểu gì về triều đình Lê – Trịnh?

# Hoạt động vận dụng

* Sưu tầm tranh ảnh và viết bài văn giới thiệu về người anh hùng dân tộc Quang Trung.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Tìm các bài viết về tác phẩm.
* Học bài theo các nội dung chính

( Chú ý phân tích 2 hình ảnh đối lập )

* Thuộc ghi nhớ
* Chuẩn bị: Sự phát triển của từ vựng : Tìm hiểu vd , trả lời các câu hỏi

================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 6- bài 5

# Tiết 25 : SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

HS cần :

1. **Kiến thức**: Nêu được hiện tượng phát triển từ vựng bằng cách tạo từ mới và mượn từ .
2. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng nhận diện và sử dụng từ mượn tiếng nước ngoài phù hợp.
3. **Thái độ**: Biết yêu và giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Yêu đất nước, sống có trách nhiệm.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy,thẩm mĩ, ngôn ngữ.

# Chuẩn Bị

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan , phiếu học tập

* Dự kiến phương án tích hợp:

+ TV - Văn: Chuyện người con gái Nam Xương, Cảnh ngày xuân

+ TV- TV: Sự phát triển của từ vựng ( Tiết 21 )

1. ***Trò:*** - Đọc và trả lời các câu hỏi SGK

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, lược đồ tư duy.

# Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. **Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

***\* Kiểm tra bài cũ :***

* Nghĩa của từ vựng có sự phát triển như thế nào.
* Làm bài tập số 5 ( SGK/57 )

## \*Vào bài mới : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi về từ vựng

1. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1: Tạo từ ngữ mới**  Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích  \* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi | **I-Tạo từ ngữ mới**  ***1. Tìm hiểu ví dụ***  \* Ví dụ 1  - Điện thoại di động: Điện thoại vô |

\* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp

* + Yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm

? Tìm những từ ngữ được cấu tạo trên cơ sở những từ đã cho ?

? Giải thích nghĩa của các từ trên ?

* + Gv gọi Hs trình bày, NX

? Những từ mới trên được tạo ra bằng cách nào ?

? Trong TV có những từ ngữ được cấu tạo theo mô hình: “X + tặc”. Hãy tìm những từ ngữ theo mô hình đó ?

? Cách tạo ra từ mới trong vd trên ?

? Qua hai vd , em hãy nêu những cách để tạo từ mới ?

? Tạo từ mới để làm gì ?

# HĐ 2: Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài

Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích

* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi
* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học .

? Tìm từ Hán Việt trong hai đoạn trích ?

? Những từ trên có nguồn gốc từ ngôn ngữ nào ?

GV: yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi và trình bày -> NX

tuyến nhỏ, mang theo người, được sử dụng trong vùng phủ sóng của cơ sở cho thuê bao.

* Kinh tế tri thức: Nền kinh tế dựa chủ yếu vào sx, lưu thông, phân phối sản phẩm có hàm lượng tri Thức cao
* Đặc khu kinh tế: Khu vực dành thu hút vốn, CN nước ngoài, với những chính sách ưu đãi.
* Sở hưũ trí tuệ: Quyền sở hữu những sản phẩm do hoạt động trí tuệ mang lại, được pháp luật bảo hộ như quyền tác giả….

-> Từ ngữ mới được tạo ra bằng cách ghép hai từ có sẵn

* Ví dụ 2
* Lâm tặc: kẻ cướp tài nguyên rừng
* Tin tặc: kẻ dùng kỹ thuật thâm nhập trái phép vào dữ liệu trên máy tính của người khác để khai thác hoặc phá hoại
* Hải tặc: kẻ cướp trên biển
* Gian tặc: kẻ gian manh, trộm cắp
* Nghịch tặc: kẻ phản bội, làm giặc

-> Tạo ra từ mới bằng cách ghép với một từ có sẵn

## 2. Ghi nhớ 1

**(SGK)**

**II- Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài**

1. ***Tìm hiểu ví dụ***

* Ví dụ 1
  1. Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, hội, đạp thanh, yến anh, bộ hành, xuân, tài tử, giai nhân
  2. Bạc mệnh, duyên, phận, thần, linh, chứng giám, thiếp, đoan trang, tiết, trinh bạch, ngọc.

-> Tiếng Hán

* Ví dụ 2

1. AIDS -> Tiếng Anh
2. Ma-ket-ting

? Tìm từ chỉ những kháI niệm :

+ Bệnh mất khả năng miễn dịch, gây tử vong

+ N/cứu một cách có hệ thống những điều kiện để tiêu thụ hàng hoá( nhu cầu, thị hiếu)

? Những từ này có nguồn gốc từ đâu.

? Lấy thêm VD từ mượn từ các ngôn ngữ khác?

? Bộ phận từ mượn nào quan trọng nhất trong TV?

? Để phát triển từ vựng, người ta còn dùng cách nào khác ?

? Trong bài học này, Từ vựng được phát triển trên cơ sở nào ?

* GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy

? Cùng với bài học trước, theo em từ vựng được phát triển trên những cơ sở nào ?

* HS thảo luận và trình bày.
* Tiếng Pháp : xà phòng , gác -đờ - bu
* Tiếng Hán

-> Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài

-> Phát triển từ vựng trên cơ sở số lượng từ ( tạo từ ngữ mới và mượn từ )

## Ghi nhớ 2

=> **Phát triển từ vựng trên cơ sở nghĩa của từ** ( từ nghĩa gốc tạo ra những nét nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ và hoán dụ )

**Phát triển từ vựng trên cơ sở số lượng từ** ( tạo từ ngữ mới và mượn từ )

# Hoạtđộng luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| - HS thi giữa hai đội  ? Tìm từ theo mô hình x + ?   * GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm   ? Tìm 5 từ mới được dùng phổ biến gần đây và giải thích nghĩa của những từ ngữ đó ?   * GV gọi HS trình bày, NX | **III Luyện tập**  ***Bà i tậ p 1***  “ X+ trường”: chiến trường, công trường, nông trường, ngư trường, thương trường. “ X+ hoá”: Ôxi hoá, lão hoá, cơ giới hoá, điện khí hoá, CN hoá, hiện đại hoá…  “ X+ điện tử”: Thư điện tử, thương mại ĐT, giáo dục ĐT …  ***Bà i tậ p 2***   * Cơm bụi: cơm giá rẻ, thường bán trong hàng quán nhỏ, tạm bợ * Công viên nước: công viên trong đó chủ yếu là những trò chơi dưới nước như trượt nước, bơi thuyền * Công nghệ cao: CN dựa trên cơ sở KHKT hiện đại, có độ chính xác và hiệu |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Từ mượn tiếng Hán | Từ mượn ngôn ngừ Châu Âu |  |
|  | Mãng xà, tô thuế, biên phòng, phê phán, tham ô, phê bình, nô lệ, ca sỹ | Xà phòng, ô tô, ra-đi-ô, cà phê, ca nô, ôxi |  |

# Hoạt động vận dụng

-Tìm thêm những từ ngữ mới được xuất hiện trong thời gian gần đây và chia sẻ với bạn bè.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

-Sưu tầm thêm các bài tập và làm.

* Nắm vững nội dung bài, học ghi nhớ
* Hoàn thành các BT
* Chuẩn bị bài: ***Thuật ngữ***

+ Đọc bài, soạn bài

+ Khái niệm, đặc điểm của thuật ngữ

=======================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tuần 6- bài 6

**Tiết 26**: **VB** - **TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

HS cần :

1. **Kiến thức**: Nêu được các nét chính về cuộc đời, sự nghiệp, con người thi hào Nguyễn Du.

* Hiểu được thời đại Nguyễn Du sống có ảnh hưởng ntn tới các tác phẩm của ông , đặc biệt là Truyện Kiều .
* Trình bày được cốt truyện,nhân vật, sự kiện của Truyện Kiều.
* Nhận biết thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc trong một tác phẩm văn học trung đại

-Hiểu được những giá trị nội dung và nghệ thuật của tp

1. **Kĩ năng**: Nhận ra những đặc điểm nổi bật về cuộc đời và sáng tác của một tác giả văn học trung đại
2. **Thái độ**: HS thêm tự hào về con người Việt Nam.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Yêu đất nước, sống có trách nhiệm.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy,thẩm mĩ, ngôn ngữ.

# Chuẩn Bị

* 1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu về Nguyễn Du
* Chân dung Nguyễn Du ( Ảnh )
* Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Lịch sử : Đất nước thời Lê - Trịnh, thời nhà Nguyễn

* 1. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK, tìm đọc thông tin về Nguyễn Du và '' Truyện Kiều ''

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP dùng lời có nghệ thuật, hợp đồng.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, lược đồ tư duy, thuyết trình tích cực.

# Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. **Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

***\* Kiểm tra bài cũ :*** - Nêu cảm nhận của em về hình tượng Nguyễn Huệ?

## \*Vào bài mới : Gv cung cấp video ngâm thơ hoặc vịnh Kiều

1. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| HĐ 1: **Tác giả Nguyễn Du**  Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích , PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học   - GV: sử dụng PP hợp đồng và kĩ thuật thuyết trình tích cực yêu cầu HS giới thiệu về tác giả Nguyễn Du bằng cách trình chiếu  - HS trình chiếu và thuyết trình.  GV: - Trích dẫn lời của Mộng Liên Đường : *Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm trên tờ giấy khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn đến đứt ruột…Nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời thì tài nào có cái bút lực ấy* | **I. Tác giả Nguyễn Du 1.Tiểu sử**  - Nguyễn Du ( 1765 - 1820 ), tên tự : Tố Như, hiệu : Thanh hiên, quê ở làng Tiên Điền , huyện Nghi Xuân - Hà Tĩnh  **\***. **Gia đình** : Sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống văn học.  -> Tạo năng khiếu và là cái nôi nuôi dưỡng năng khiếu văn chương của Nguyễn Du  **\* Thời đại** : Nguyễn Du sống trong giai đoạn lịch sử có nhiều biến động : xã hội phong kiến khủng hoảng, phong trào nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tục ( tiêu biểu là khởi nghĩa Tây Sơn ) đánh đổ các tập đoàn phong kiến Lê, Trịnh, Nguyễn...  **\*Cuộc đời nguyễn Du**  + gặp nhiều sóng gió: 9 tuổi mồ côi cha, 12 tuổi mồ côi mẹ,  +1786-1796 ; Ông sống phiêu bạt trên đất Bắc.  +1796-1802 : Ông về ở ẩn tại quê nội Hà Tĩnh  +Năm 1802 : Dưới triều vua Gia Long , ông được triệu ra làm quan  + Năm 1813-1814 : Ông được cử làm chánh sử sang Trung Quốc |

+Năm 1820 : ông bị bệnh và mất ở Huế

-> Những biến cố lịch sử, cuộc đời sóng gió của Nguyễn Du đã tác động mạnh đến tình cảm, nhận thức của Nguyễn Du để ông hướng ngòi bút vào hiện thực

'' Trải qua một cuộc bể dâu Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.''

**2. Nguyễn Du là người** có hiểu biết sâu rộng, vốn sống phong phú-> ảnh hưởng lớn đến các sáng tác của ông .

- Ông luôn coi trọng cái '' tâm '', giàu lòng thương yêu

'' Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kí mới bằng ba chữ tài ''

# Sự nghiệp văn học của Nguyễn Du

gồm những tác phẩm có gí trị lớn bằng

+ Thơ chữ Hán có ba tập thơ , gồm 243 bài là : Nam trung tạp ngâm , Bắc hành tạp lục , Thanh hiên thi tập.

+ Tác phẩm chữ Nôm xuất sắc nhất của ông là Đoạn trường Tân Thanh con gọi là Truyện Kiều, sau đó còn có Văn chiêu hồn …

=>NguyÔn Du lµ mét thiªn tµi v¨n häc , lµ danh nh©n v¨n hãa thÕ giíi , lµ ®¹i thi hµo d©n téc, lµ mét nhµ nh©n ®¹o chñ nghÜa lín

# HĐ 2: Truyện Kiều

Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình

* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi
* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự họ, cảm thụ.

? Truyện có nguồn gốc từ đâu?

- GV: cung cấp một số tư liệu về thời

# II. TruyÖn KiÒu

1. **Hoµn c¶nh ra ®êi vµ xuÊt xø**

* Nguån gèc : Cã dùa theo cèt truyÖn “Kim V©n KiÒu TruyÖn”cña Thanh T©m Tµi Nh©n (TQ) nh•ng phÇn s¸ng t¹o cña NguyÔn Du lµ rÊt lín

1. **ThÓ lo¹i**: TruyÖn th¬ n«m - 3254 c©u th¬ lôc b¸t

* Tªn gäi kh¸c : §o¹n tr•êng t©n thanh

# Tãm t¾t t¸c phÈm

* PhÇn thø nhÊt : GÆp gì vµ ®Ýnh •íc
* PhÇn thø hai : Gia biÕn vµ l•u l¹c
* PhÇn thø ba : §oµn tô

gian sáng tác Truyện Kiều?

? Truyện Kiều thuộc thể loại gì và được viết theo thể thơ nào ?

? Truyện Kiều còn có tên gọi khác là gì

* GV; giới thiệu tranh về TK và giảng

? Truyện Kiều gồm mấy phần, là những phần nào?

* GV sử dụng PP dạy học theo hợp đồng

: Yêu cầu HS tóm tắt theo bố cục 3 phần đã chuẩn bị

*-* GV nhận xét, tóm tắt ngắn gọn (đưa các câu thơ trong tác phẩm vào )

? Giá trị hiện thực được phản ánh ra sao trong tác phẩm Truyện Kiều ?

GV ; Giảng

? Giá trị nhân đạo được thể hiện như thế nào trong Truyện Kiều?

* GV giảng, lấy dẫn chứng trong Truyện Kiều để chứng minh.

? Nêu những giá trị về nghệ thuật của Truyện Kiều ?

* GV giảng, lấy dẫn chứng trong Truyện Kiều để chứng minh.

# *3.* Hoạt động luyện tập

* Nêu nét chính về tác giả Nguyễn Du.?

# Gi¸ trÞ néi dung vµ nghÖ thuËt

* 1. **Gi¸ trÞ néi dung :**
* Gi¸ trÞ hiÖn thùc : Ph¸n ¸nh hiÖn thùc x· héi víi bé mÆt tµn b¹o cña tÇng líp thèng trÞ vµ sè phËn con ng•êi bÞ ¸p bøc...
* Gi¸ trÞ nh©n ®¹o: thÓ hiÖn niÒm th•¬ng c¶m s©u s¾c víi nçi ®au khæ cña con ng•êi, lªn ¸n, tè c¸o nh÷ng thÕ lùc tµn b¹o, ®Ò cao tr©n träng con ng•êi...

# Gi¸ trÞ nghÖ thuËt :

**-**ThÓ th¬ lôc b¸t cña d©n téc ®¹t tíi ®Ønh cao

* Ng«n ng÷ tiÕng viÖt trë nªn ®Ñp long lanh nh• nh÷ng viªn ngäc
* TruyÖn KiÒu ®¹t tíi ®Ønh cao cña ng«n ng÷ nghÖ thuËt ( kh«ng chØ cã chøc n¨ng biÓu ®¹t, biÓu c¶m mµ cßn cã kh¶ n¨ng thÈm mÜ )
* NghÖ thuËt tù sù cã b•íc ph¸t triÓn v•ît bËc ; ng«n ng÷ kÓ chuyÖn cã c¶ 3 h×nh thøc : trùc tiÕp, gi¸n tiÕp, nöa trùc tiÕp ; nh©n vËt cã hµnh ®éng, suy nghÜ, miªu t¶ néi t©m ®a d¹ng.
* kể tên một số tác phẩm văn học của Nguyễn Du ?

-Giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của “Truyện Kiều”?

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn giới thiệu về Nguyễn Du và Truyện Kiều.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Sưu tầm các tư liệu về tác giả và tác phẩm.
* Học bài .
* Soạn : Chị em Thúy Kiều.

=========================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 6 - bài 6

Tiết 27 : **CHỊ EM THÚY KIỀU**

# ( Trích Truyện Kiều ) Nguyễn Du I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

1. **Kiến thức**: Trình bày được nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du ; sử dụng nghệ thuật ước lệ mà vẫn gợi tả được vẻ đẹp và tính cách riêng của chị em Thúy Kiều.

* Hiểu được cảm hứng nhân đạo trong Truyện Kiều : sự trân trọng sắc đẹp, tài năng, phẩm cách con người.

1. **Kĩ năng**: Có kĩ năng đọc diễn cảm, phân tích nhân vật, phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật cổ điển của Nguyễn Du trong văn bản .Có ý thức liên hệ với vb liên quan để tìm hiểu về nv.
2. **Thái độ**: Biết trân trọng vẻ đẹp, tài năng, phẩm cách của con người.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : Yêu thương con người.
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy,thẩm mĩ, ngôn ngữ.

# Chuẩn Bị

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan

* Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - TV : So sánh, ẩn dụ, nhân hóa...

+ Văn - TLV : Miêu tả trong văn bản tự sự

1. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP dùng lời có nghệ thuật, hợp đồng.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, lược đồ tư duy, thuyết trình tích cực.

# Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. **Hoạt động khởi động**

## \*ổn định tổ chức.

***\* Kiểm tra bài cũ :*** - Trình bày về Nguyễn Du và Truyện Kiều ?

## \*Vào bài mới : Gv cung cấp video ngâm thơ đoạn trích trên.

1. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chung  Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ.   ? Em hãy nêu vị trí của đoạn trích ? | I. Đọc và Tìm hiểu chung 1, Vị trí của đoạn trích  - Vị trí : Nằm ở phần đầu (gặp gỡ và đính ước )  2. Đọc , hiểu chú thích a , Đọc  b. Tìm hiểu chú thích |

? VB cần được đọc với giọng điệu ntn ? GV hướng dẫn đọc diễn cảm -> GV đọc mẫu.

Gọi HS đọc -> GV nhận xét

* Yêu cầu HS đọc thầm chú thích SGK GV gọi HS trả lời một số chú thích 2,6,13

? Thể loại của vb ?

? Phương thức biểu đạt của đoạn trích là gì.?

? VB được chia làm mấy phần , giới hạn và nội dung từng phần?

HĐ 2 : Phân tích

? Vẻ đẹp chung của chị em Kiều được giới thiệu qua lời thơ nào?

? '' Tố nga '' là gì? BPNT nào đã được tác giả sử dụng ở hình ảnh này ?

? Qua đó em thấy Vân, Kiều là 2 cô gái có hình thức ra sao.?

? Câu thơ thứ hai còn giúp ta biết được điều gì ?

- GV: Vế 2 đảo ngược với vế 1, hai từ ''chị'', ''em'' đứng gần nhau -> Thể hiện **mối tình chị em khăng khít,** luôn đi cùng nhau, đồng thời tạo ra sự hài thanh cho dòng thơ.

? Trong đoạn thơ, tác giả đánh giá khái quát vẻ đẹp hai nhân vật này ra sao?

? Dựa vào lời thơ em hãy diễn tả lại vẻ đẹp của Thúy Vân, Thúy Kiều bằng lời văn của em ?

? Tác giả dùng nghệ thuật gì ở những lời thơ trên ?

? Em cảm nhận ntn vẻ đẹp của chị em Kiều ?

- GV: Bốn câu thơ vừa khái quát được vẻ đẹp chung lại vừa khẳng định vẻ đẹp

1. Truyện thơ nôm
2. Phương thức biểu đạt : Tự sự kết hợp miêu tả
3. Bố cục : 4 phần

+ Phần 1 ( 4 câu đầu ) : Giới thiệu khái quát về hai chị em Thúy Kiều.

+ Phần 2 ( 4 câu tiếp ) : Bức chân dung Thúy Vân.

+ Phần 3 ( 12 câu tiếp ) : Bức chân dung của Thúy Kiều.

+ Phần 4 ( 4 câu còn lại ) : Vẻ đẹp đức hạnh của hai chị em Thúy Kiều.

1. Phân tích

# Bức chân dung của chị em Kiều.

Đầu lòng ... Vân

*- Tố nga: Người con gái đẹp*

+ Hình ảnh ẩn dụ

-> Thúy Kiều, Thúy Vân là hai người con gái xinh đẹp.

-> Giới thiệu vị thứ của chị em Kiều trong gia đình

'' Mai cốt cách tuyết tinh thần

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười

* Dáng người thanh tao, mảnh dẻ như cây mai.
* Tâm hồn trong sáng như tuyết
* Song mỗi người lại có vẻ đẹp riêng toàn vẹn, toàn mĩ.

+ NT :

* Hình ảnh ước lệ tượng trưng, thành ngữ

=> Hai chị em Kiều đẹp hoàn mĩ, thanh cao, trong trắng, đẹp từ hình dáng đến tâm hồn .

# Bức chân dung Thúy Vân

Vân xem trang trọng khác vời Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da

riêng của từng người

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Sắc đẹp của Thúy Vân được đặc tả qua những câu thơ nào. ?

? Hãy tả lại vẻ đẹp của Thúy Vân qua cách miêu tả của tác giả. ?

? Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng khi nói về vẻ đẹp đó của Thúy Vân. ?

? Qua đây em hình dung như thế nào về nhan sắc của Thúy Vân. ?

- HS thảo luận, trình bày, bổ sung.

? Vẻ đẹp ấy ntn với thiên nhiên tạo hóa

?

? Với cách miêu tả này, tác giả như dự báo gì về cuộc đời Thúy Vân. ?

- GV giảng

? Câu thơ nào khái quát vẻ đẹp của Kiều ?

\

? Nghệ thuật gì được tác giả sử dụng, tác dụng ?

? Em hãy tìm những câu thơ miêu tả sắc đẹp của Thúy Kiều. ?

? Em hãy giới thiệu vẻ đẹp của Kiều qua lời thơ trên ?

? Cách miêu tả của tác giả về Thúy Kiều có gì khác với cách miêu tả về

* Trang trọng : Cao sang, quí phái.
* khuôn mặt tròn đầy như trăng rằm.
  + lông mày đẹp như mày ngài ( con bướm tằm)
  + Nụ cười của Thuý Vân tươi như hoa, tiếng nói trong như ngọc.
  + Tóc mền hơn mây, da trắng hơn tuyết

+ NT : Hình ảnh ẩn dụ mang tính ước lệ

, liệt kê, từ ngữ chọn lọc ( từ Hán việt , từ chỉ mức độ)

-> Thúy Vân có vẻ đẹp quí phái, phúc hậu, cao sang

-> vẻ đẹp hài hòa với thiên nhiên tạo hóa

=> Dự báo trước cuộc sống êm đềm, bình lặng, suôn sẻ của Thúy Vân.

# Bức chân dung của Thúy Kiều

Kiều càng sắc sảo mặn mà So bề tài sắc lại là phần hơn

+ NT : So sánh

-> Khẳng định vẻ đẹp vượt trội cả tài lẫn sắc của Thúy Kiều ( Sắc sảo về trí tuệ . Mặn mà về tâm hồn )

* Nhan sắc

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh Một hai nghiêng nước nghiêng thành

Sắc đành đòi một tài đành họa hai

* Mắt trong như làn nước mùa thu
* lông mày đẹp như núi mùa xuân
* Tươi thắn, trẻ trung, hoa ghen ,liễu hờn
* Người nhìn say mê
* Tác giả tập trung miêu tả đôi mắt của Thúy Kiều ( đôi mắt thể hện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ )

+NT : hình ảnh ước lệ tượng trưng, điển tích, nhân hóa , thành ngữ

=> Thúy Kiều có vẻ đẹp lộng lẫy, đài các, kiêu sa - một tuyệt thế giai nhân .

* Tài năng

Thông minh vốn sẵn tính trời Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm

Thúy Vân.?

? Trong khi đặc tả vẻ đẹp Thúy Kiều tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì.?

? Việc sử dụng các thủ pháp nghệ thuật đó đã diễn tả được vẻ đẹp của Thúy Kiều như thế nào?.

- GV: giảng

? Bên cạnh vẻ đẹp hình thức, tác giả còn khắc họa tài năng của Thúy Kiều qua những câu thơ nào.?

- Gv yêu cầu HS thảo luận cặp đôi

? BPNT được tác giả sử dụng ?

? Em hãy cho biết Thúy Kiều có những tài năng gì.?

?Em hiểu gì về tài năng của Kiều ?

- HS thảo luận, trình bày, bổ sung

? Thiên bạc mệnh mà Kiều sáng tác khiến ai nghe cũng thấy não nề giúp em hiểu về tâm hồn nàng Kiều ?

? Qua phần phân tích, em thấy bức chân dung của Kiều được khắc họa ở những khía cạnh nào ?

# - Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Trong hai bức chân dung Kiều và Vân, Theo em bức chân dung nào nổi bật hơn. Vì sao.

? Qua đó, em hiểu gì về BPNT được tác giả sử dụng ? tác dụng

* GV gọi HS trình bày , NX

? Với vẻ đẹp ấy, tài năng ấy, chân dung Thúy Kiều mang tính cách, số phận ra sao?

* GV: Nếu như vẻ đẹp của Thúy Vân tạo hóa chấp nhận ( thua, nhường ) còn Thúy Kiều thì tạo hóa ( ghen, hờn ). Chính Nguyễn Du từng viết : '' Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen '' hay '' Chữ tài liền với chữ tai một vần ''. Đặc biệt Nguyễn Du còn ái ngại cho tài sắc của Kiều : '' Một vừa hai phải ai ơi. Tài tình chi lắm cho trời đất ghen ''

-> Kiếp người tài hoa bạc mệnh

... Khúc nhà tay lựa nên chương

Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân

+NT: liệt kờ, từ ngữ chỉ mức độ

-> Thúy Kiều thông minh thiên bẩm : cầm, kì, thi, họa .

-> Tài năng đạt tới mức lí tưởng( theo quan niệm thẩm mĩ.)

\* Tâm hồn

* Một trái tim đa sầu, đa cảm trước cung đàn '' Bạc mệnh ''

Vẻ đẹp của Thúy Kiều là sự kết hợp của cả sắc - tài - tình.

* Bức chân dung Thúy Kiều nổi bật hơn vì tác giả sử dụng 12 dòng thơ, ngoài sắc còn tả tài, tình của Thúy Kiều, tả Vân trước làm nền cho vẻ đẹp của Thúy Kiều

+ NT đòn bẩy

-> Nổi bật bức chân dung Thúy Kiều

<=> Vẻ đẹp của Thúy Kiều làm cho tạo hóa '' ghen '', '' hờn '' . Kiều tài năng quá, trái tim đa sầu đa cảm quá -> dự báo một số phận éo le, đau khổ, bạc mệnh.

# Vẻ đẹp đức hạnh của Thúy Vân và Thúy Kiều

Phong lưu rất mực hồng quần Xuân xanh sấp sỉ tới tuần cập kê

-> Là hai cô gái đẹp, đã đến tuổi trưởng thành yêu đương, hò hẹn.

Êm đềm trướng rủ màn che Tường đông ong bướm đi về mặc ai

-> Đứng đắn, giữ gìn nền nếp gia phong với cuộc sống của thiếu nữ phòng khuê

? Cuộc sống của hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân được miêu tả qua hình ảnh nào?

? Em hiểu gì về cuộc sống của hai chị em Kiều?

? Hai câu cuối cùng, tác giả giới thiệu đức hạnh 2 chị em như thế nào ?

? Từ hai bức chân dung của Thúy Kiều và Thúy Vân, em nhận xét như thế nào về nghệ thuật tả người của Nguyễn Du?

? Với nghệ thuật đó, đoạn trích trên đã thể hiện điều gì ?

? Đoạn trích thể hiện thái độ gì của tác giả.?

HĐ 3 : Tổng kết

? Gi¸ trÞ nghÖ thuËt cña ®o¹n trÝch.

? Gi¸ trÞ néi dung cña ®o¹n trÝch.

+ Miêu tả nhân vật bằng bút pháp nghệ thuật ước lệ, lý tưởng hóa nhân vật (Nhân vật chính diện)

Bức chân dung của chị em kiều mang tính cách, số phận.

=> Tác giả trân trọng vẻ đẹp, tài năng , nhân phẩm của con người ( Biểu hiện của giá trị nhân đạo)

1. Tổng kết
2. Nghệ thuật

* Miêu tả nhân vật bằng bút pháp nghệ thuật ước lệ

1. Nội dung

*\* Ghi nhớ ( SGK )*

# Hoạt động luyện tập

* Vẻ đẹp của Thúy Vân được miêu tả như thế nào.?
* Phân tích vẻ đẹp của Thúy Kiều?

-Vẻ đẹp đó dự báo về cuộc đời của Thúy Kiều ra sao.?

# Hoạt động vận dụng

* Viết bài văn cảm nhận về vẻ đẹp của chị em Kiều.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Tìm đọc các bài viết về đoạn trích.
* Học thuộc lòng đoạn thơ
* Phân tích hai nhân vật.
* Soạn bài : Cảnh ngày xuân

+Đọc vb , trả lời các câu hỏi

=================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 6 - bài 6

Tiết 29 : **TV - THUẬT NGỮ**

# MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

1. **Kiến thức**: Hiểu được khái niệm thuật ngữ và một số đặc điểm cơ bản của nó.
2. **Kĩ năng**: Có kĩ năng tìm hiểu nghĩa thuật ngữ và sử dụng thuật ngữ một cách chính xác.
3. **Thái độ**: Có thái độ yêu thích bộ môn.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : trung thực
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy,thẩm mĩ, ngôn ngữ.

# Chuẩn Bị

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập

* Dự kiến phương án tích hợp:

+ Tích hợp liên môn : Địa lí, Hóa học, Ngữ văn..

+ Tích hợp với môi trường : Các thuật ngữ về môi trường

1. ***Trò:*** - Đọc và chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm,PP luyện tập thực hành.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

# Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. **Hoạt động khởi động**

## \* Kiểm tra bài cũ : 15’

**Đề bài**

Câu 1 : Có mấy cách phát triển từ vựng? Đó là những cách nào? Lấy ví dụ minh họa.?

Câu 2 : Từ '' yến anh '' trong câu '' Gần xa nô nức yến anh '' nghĩa là gì? Có thể coi đó là cách phát triển nghĩa của từ trên cơ sở nghĩa gốc không? Phát triển theo cách nào.?

# Đáp án

Câu 1 :

* Có hai cách phát triển từ vựng :

+ Theo phương thức ẩn dụ

+ Theo phương thức hoán dụ

* Lấy ví dụ ( mỗi cách một VD ) Câu 2 :
* Yến anh : chỉ từng đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân
* Đây là cách phát triển nghĩa của từ trên cơ sở nghĩa gốc
* Theo phương thức ẩn dụ

# Biểu điểm

Câu 1 : 5 điểm

Câu 2 : 5 điểm

## \*Vào bài mới : Gv giới thiệu bài

1. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| HĐ 1: **Thuật ngữ là gì ?**  Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác | Thuật ngữ là gì ?  * 1. **Xét ví dụ/sgk**   a. Ví dụ 1 ( SGK/87 )  - Cách giải thích 1 : Cho ta biết về dạng thức tồn tại, màu sắc, mùi vị, có ở |

GV yêu cầu HS đọc cách giải thích SGK

* GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm :

? Cách giải thích thứ nhất cho ta hiểu về đặc điểm nào của muối và nước.?

? Cách giải thích này dựa trên cơ sở nào.?

? Cách giải thích thứ hai cho em hiểu gì về muối và nước.?

? Cách giải thích đó đựa vào đâu để giải thích? Cụ thể cần có kiến thức môn gì.?

* GV gọi HS trình bày, NX

? Từ đây em thấy cách giải thích thứ 1 và cách giải thích thứ 2 có gì khác nhau.?

* GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi :

? Các từ in đậm trên được sử dụng trong lĩnh vực nào?

* GV gọi HS trình bày, NX

? Những từ được in đậm ( được định nghĩa ) chủ yếu được dùng trong loại văn bản nào.?

? Các từ trong cách giải thích 2 ( VD1

) và các từ in đậm ( được định nghĩa ) trong VD2 là thuật ngữ. Vậy theo em hiểu thuật ngữ là gì.?

- GV đưa ra bài tập tích hợp môi trường : Bằng cách đưa ra các khái niệm và yêu cầu HS điền từ vào ( Dùng bảng phụ ).

Hoặc tổ chức 2 đội chơi yêu cầu HS

đâu, từ đâu của nước và muối.

-> Dựa vào quan sát thực tế đặc điểm bên ngoài.

- Cách giải thích 2 : Cho ta biết muối và nước được cấu tạo như thế nào, mối quan hệ giữa các thành phần tạo nên nó...

-> Dựa vào nghiên cứu khoa học ( kiến thức hóa học ) về đặc tính bên trong.

=> Những đặc điểm nêu ở Cách 1 có thể nhận biết qua kinh nghiệm và qua cảm tính. Cách 2 phải trải qua nghiên cứu bằng lí thuyết và phương pháp KH nếu thiếu kiến thức hóa học thì không hiểu được

b. Ví dụ 2 ( SGK/87 )

+ Thạch nhũ -> Địa lí

+ Ba-rơ -> Hóa học

+ ẩn dụ -> Văn học

+ Phân số thập phân -> Toán học

-> Các từ : thạch nhũ, ba-rơ, ẩn dụ, phân số thập phân được dùng trong văn bản khoa học - công nghệ

**2. Ghi nhớ** ( SGK/88 )

tìm từ ( thuật ngữ ) chỉ thời tiết, tự nhiên, môi trường -> Đội nào tìm được nhiều từ thì thắng.

**HĐ 2: Đặc điểm của thuật ngữ.** Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình

* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi
* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học

? Các thuật ngữ : thạch nhũ, ba-rơ, ẩn dụ, phân số thập phân chúng còn có nghĩa nào khác không.?

? Từ đó em có nhận xét gì.?

? Mỗi khái niệm đã trình bày ở mục I(2) ngoài các từ ngữ đã nêu còn được biểu thị bằng thuật nào khác không.?

? Qua đây em rút ra kết luận gì.?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đụi

? ví dụ nào từ '' muối '' có sắc thái biểu cảm. ( So sánh sắc thái biểu cảm của 2 trường hợp dùng từ muối ).?

? Theo em trong 2 trường hợp trên, trường hợp nào là thuật ngữ? Từ đó em có nhận xét gì?

? Từ việc phân tích VD1, VD2 em thấy thuật ngữ có những đặc điểm gì?

* *GV: gọi HS đọc ghi nhớ*

- Các từ ba-rơ, hiđơrô, ... có phải là những thuật ngữ chỉ được sử dụng riêng ở một quốc gia nào không?

? Như vậy ngoài 2 đặc điểm trên, thuật ngữ có thêm đặc điểm gì?

# II. Đặc điểm của thuật ngữ

1. **Xét ví dụ/sgk**
   1. Ví dụ 1 ( Các từ ở mục I )

* Không còn nghĩa nào khác

-> Mỗi thuật ngữ biểu thị một khái niệm

* Mỗi khái niệm ở mục I (2) ngoài các thuật ngữ đã nêu không được biểu thị bằng thuật thuật ngữ nào khác.

-> Mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ

* 1. Ví dụ 2 ( SGK/88 )
* Từ muối trong (a) không có sắc thái biểu cảm -> Thuật ngữ
* Từ muối trong (b) có sắc thái biểu cảm

-> Thuật ngữ không có tính biểu cảm

1. **Ghi nhớ** ( SGK/88 )

( sử dụng chung trên toàn thế giới )

* Ngoài ra thuật ngữ còn có tính quốc tế

## 3. Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| - GV nêu yêu cầu, chia lớp thành 2 đội. thi điền nhanh và đúng ( mỗi đội 5 em)  ? Tìm thuật ngữ phù hợp các khái niệm | **III. Luyện tập**  **Bài tập 1** ( SGK/89 )   1. Lực ( Vật lí ) 2. Xâm thực ( Địa lí ) |

cho sẵn và cho biết thuật ngữ đó thuộc lĩnh vực KH nào?.

* GV nhận xét, chúc mừng đội thắng

? '' Điểm tựa '' có được dùng như một thuật ngữ Vật lí hay không? ở đây nó có ý nghĩa gì.?

? Trường hợp nào '' hỗn hợp '' được dùng như một thuật ngữ. Trường hợp nào được dùng như một nghĩa thông thường.?

? Đặt câu có từ '' hỗn hợp '' theo nghĩa thông thường.?

* GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi

? Nêu định nghĩa thuật ngữ '' cá '' và cho biết nghĩa của thuật ngữ '' cá '' có gì khác với nghĩa của từ '' cá '' theo cách hiểu thông thường.?

* HS đọc yêu cầu theo SGK

# Hoạt động vận dụng

-Tìm thuật ngữ liên quan đến ngành y?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Sưu tầm các bài tập liên quan.
* Học thuộc ghi nhớ
* Hoàn chỉnh các bài tập trong SGK

1. Hiện tượng hóa học ( Hóa học )
2. Trường từ vựng ( Ngữ văn )
3. Di chỉ ( Lịch sử ) 6.Thụ phấn ( Sinh học )
4. Lưu lượng ( Địa lí )
5. Trọng lực ( Vật lí )
6. Khí áp ( Địa lí )
7. Đơn chất ( Hóa học )
8. Thị tộc phụ hệ ( Lịch sử )
9. Đường trung trực ( Toán học )

**Bài tập 2** ( SGK/90 )

* '' Điểm tựa '' không phải dùng như một thuật ngữ trong môn Vật lí.

-> '' Điểm tựa '' trong VD chỉ nơi làm chỗ dựa chính.

**Bài tập 3** ( SGK/90 )

1. '' Hỗn hợp '' -> Thuật ngữ
2. '' Hỗn hợp '' dùng theo nghĩa thông thường

VD : Mẹ tôi mua cho tôi 1 kg kẹo hỗn hợp

**Bài tập 4** ( SGK/90 )

* Thuật ngữ : '' cá '' là động vật xương sống ở dưới nước, bơi bằng vây, thở bằng mang
* Theo cách hiểu thông thường thì cá không nhất thiết thở bằng mang

**Bài tập 5** ( SGK/90 )

Hiện tượng đồng âm giữa thuật ngữ ''thị trường '' trong kinh tế học và '' thị trường '' trong quang học vi phạm nguyên tắc vì 2 thuật ngữ này được dùng trong 2 lĩnh vực.

* Chuẩn bị : Xem lại tiết TLV viết bài số 1, tiết sau trả bài

==================================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 7 - Bài 5

# Tiết 30 : TLV - TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT HS cần :**
     1. **Kiến thức**:- Nắm vững kiểu văn thuyết minh và hiểu rõ tác dụng của việc sử dụng yếu tố miêu tả, các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

-Học sinh thấy được những kiến thức còn hổng của mình về việc sử dụng yếu tố miêu tả, các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

* + 1. **Kĩ năng** : Có kĩ năng nhận biết, sửa chữa các lỗi sai trong bài viết.
    2. **Thái độ** : Có ý thức tự giác rút kinh nghiệm.

# Phẩm chất - năng lực:

* Phẩm chất : trung thực
* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***: - Lập dàn bài chi tiết, nhận xét ưu điểm, nhược điểm bài viết.

* Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp , đặt vấn đề, thảo luận...

1. ***Trò:*** - Xem lại bài viết tập làm văn số 1 của mình

* Đọc và chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Hoạt động nhóm,PP luyện tập thực hành.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

* + 1. **Hoạt động khởi động**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Hoa điểm mười”

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác   -Yêu cầu HS nhắc lại đề bài  ? Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh ?  ? Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả được sử dụng trong đoạn văn | Tìm hiểu đề, đáp án  * 1. **Đề bài**   Câu 1 : Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh ?  Câu 2: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả được sử dụng trong đoạn văn ?  Câu 3: Cây tre trong đời sống người dân Việt Nam   * 1. **Đáp án**   Câu1 (1đ) : Yếu tố miêu tả giúp đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng. Bài văn thuyết minh cụ thể , sinh động và hấp dẫn.  Câu 2( 2đ) : Yếu tố miêu tả - câu 4 (1đ)  - Biện pháp nghệ thật nhân hóa : Cái kim- họ nhà kim chúng tôi (1đ)  Câu 3 :  \* Kĩ năng, hình thức :  - Bài văn có bố cục ba phần : mở bài, thân bài, kết bài |

sau ?

? Yêu cầu về bố cục của bài viết ?

? Bài viết thuộc thể loại nào ?

? Đối tượng thuyết minh là gì.?

? Ngoài yếu tố thuyết minh là chính, đề bài yêu cầu kết hợp yếu tố nào.?

? Ngoài ra bài viết còn yêu cầu gì về cách diễn đạt và trình bày?

? Đối với phần mở bài chúng ta cần phải làm gì.?

* Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Phần thân bài nêu những ý chính nào.

* GV gọi đại diện HS trình bày, NX
* Đúng thể loại văn thuyết minh.
* Đối tượng thuyết minh : cây tre trong đời sống của người dân Việt Nam
* Biết sử dụng biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả hợp lí.

-Diễn đạt lưu loát, trình bày khoa học , không mắc lỗi các loại.

# Dàn ý

* + - 1. Mở bài :
* Giới thiệu chung về cây tre ở làng quê Việt Nam
  + - 1. Thân bài
* Nguồn gốc ra đời và sự phân bố của cây tre

+ Chẳng biết từ bao giờ cay tre đã xuất hiện trên khắp mọi miền quê của đất nước VN ...

“ Tre xanh , xanh tự bao giờ

Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh “

- Nêu đặc điểm cây tre

+ Cây cao khoảng 10m, thân cây thẳng đứng , có nhiều đốt tre . Tre có rễ chùm cắm sâu xuống lòng đất. Rễ tre cần cù và nhẫn lại để hút chất dinh dưỡng nuôi cơ thể .

+ Tre sống thành từng bụi, từng lũy, cành lá đan xen vào nhau như cùng bảo vệ nhau trước những cơn giông tố.

+ Lá tre nhỏ, dài và nhọn ở đầu lá . lá non có màu xanh mát rượi.Theo thời gian lá có màu xanh đậm và khi lá già có màu vàng nhạt. Theo cơn gió những chiếc là già nhẹ thả hồn mình xuống đám cỏ hay mặt ao trong vắt

+ Từ lòng đất, măng tre nhọn hoắt đâm thẳng lên bầu trời để bắt đầu gia nhập với dòng họ nhà mình.

* Các chủng loại nhà tre : tre Đồng Nai

, Tre ngà , nứa , mai , vầu , trúc ...

* Công dụng :

+ Mang lại giá trị kinh tế -> mặt hàng xuất khẩu

+ làm các đồ dùng trong gia đình , sx

+ Tán cây che bóng mát

+ Lá cây rụng phơi khô, đun ...

? Nhiệm vụ của phần kết bài?

* GV trả bài cho HS
* GV Yêu cầu HS tự nhận xét
* GV nhận xét chung :

+ măng tre làm món ăn

- Hình ảnh cây tre trong đời sống người dân Việt Nam

+ Tre cùng người dân tham gia chiến đấu : Thánh Gióng chống gặc Ân, trong kháng chiến chống Pháp , chống Mĩ , tre cũng tham gia giữ làng, giữ nước ...

+ Cây tre gắn bó với người dân : tuổi ấu thơ thổi sáo – thả diều , các bác nông dân ngồi nghỉ dười bóng tre đầu làng . Với những cơn gió mát từ chiếc quát nan , mẹ đưa con vào giấc ngủ . Trên chiếc chõng tre bà đã kể cho cháu nghe biết bao câu chuyện cổ tích ...cây tre canh gác cho Bác ngủ...

+ Cây tre tượng trưng cho tâm hồn đôn hậu , chất phác, cho tư thế hiên ngang và khí phách kiên cường của con người VN

* + - 1. Kết bài
* Khẳng định lại giá trị của cây tre
* Cây tre luôn gắn liền với người dân VN cho dù ngay nay là thế kỉ của sắt , thép , xi măng

# Trả bài

1. **Nhận xét**

a. Ưu điểm

- 100% bài viết đảm bảo bố cục

* Cơ bản nêu được đặc điểm tri thức đối tượng
* Nhiều em làm đủ những ý về đặc điểm, phân loại, công dụng
* Trình bày sạch sẽ, rõ ràng
* Một số bài đã vận dụng yếu tố miêu tả, các biện pháp nghệ thuật trong bài VD: Quỳnh, Huyền, Hạnh, Hương( 9a) Mạnh ( 9b)
* Nhược điểm :
* Một số em không vận dụng yếu tố miêu tả...
* Phần nội dung sắp xếp còn lộn xộn
* Một số bài viết quá sơ sài
* Sai lỗi chính tả nhiều
* Một số bài viết còn quá lạm dụng văn tham khảo dẫn đến tình trạng nhiều bài

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Lỗi sai | Sửa lại |  |
|  | ( đặc ) chưng bầu rục  bánh trưng  chò chơi dân dan lày  suất khẩu nàng quê  ... | trưng dục  bánh chưng  trò chơi dân gian này  xuất khẩu làng quê |  |

# Hoạt động vận dụng

-Xem lại bài và lỗi sai trong bài

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Xem và sửa lại bài viết
* Chuẩn bị vb; Cảnh ngày xuân

+ Đọc văn bản

+Soạn vb

================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 7- bài 6

# Tiết 31 - VB : CẢNH NGÀY XUÂN

**( Trích '' Truyện Kiều '' ) Nguyễn Du**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT HS cần :**
   1. **Kiến thức**:- Thấy được nghệ thuật miêu tả thiên nhiên của Nguyễn Du ; cảnh ngày xuân trong trắng, tươi đẹp qua bút pháp tả và gợi, từ ngữ hình ảnh giàu chất tạo hình, tả cảnh mà nói lên được tâm trạng.

* Hiểu được sự đồng cảm của Nguyễn Du với những tâm hồn trẻ tuổi
  1. **Kĩ năng**: Có kĩ năng đọc – hiểu văn bản truyện thơ trung đại, phát hiện, phân tích các chi tiết miêu tả cảnh thiên nhiên trong đoạn trích.
* Cảm nhận được tâm hồn trẻ trung của nhân vật qua cái nhìn cảnh vật trong ngày xuân .
* Vận dụng bài học để viết văn miêu tả, biểu cảm.
  1. **Thái độ**: Biết trân trọng vẻ đẹp thiên nhiên, giá trị của những phong tục tập quán.

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực thẩm mĩ, ngôn ngữ.

-HS biết bồi đắp thêm những phẩm chất tốt đẹp như lòng dũng cảm, nhân hậu, biết ơn, yêu thương.

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan

* Dự kiến phương án tích hợp ( Liên hệ)

+ Văn - Văn : Các đoạn trích trong Truyện Kiều

+ Văn - TV : So sánh, ẩn dụ...

+ Văn - TLV : Miêu tả trong văn bản tự sự

-- Phương pháp : gợi mở – vấn đáp, đặt vấn đề, dùng lời có nghệ thuật, Thảo luận, PP luyện tập

1. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Hoạt động nhóm,PP nêu và giải quyết vấn đề
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

* 1. **Hoạt động khởi động**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi : Tìm các câu thơ viết về mùa xuân.

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ.   ? Vị trí của đoạn trích trong Truyện Kiều?  ? VB cần được đọc với giọng điệu ntn?   * GV hướng dẫn đọc * GV đọc mẫu   Gọi 2 HS đọc -> Nhận xét   * GV yêu cầu HS giải thích một vài chú thích SGK.   ? Thể loại của Vb ?  ? PTBĐ trong đoạn trích?  ? Em hãy chỉ ra bố cục của đoạn trích, nội dung từng phần ?  ? Đoạn thơ miêu tả theo trình tự nào.?  ? Mùa xuân được bắt đầu bằng tín hiệu nào.?  ? Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng ?  ? Hình ảnh, tín hiệu đó gợi tả điều gì.?  ? Cảnh mùa xuân được giới thiệu vào thời điểm nào? | Đọc, Tìm hiểu chung  * 1. Vị trí đoạn trích   - Đoạn trích thuộc phần I ( gặp gỡ và đính ước ) và ngay sau đoạn tả chị em Thúy Kiều.   1. Đọc và tìm hiểu chú thích    1. Đọc    2. Chú thích 2. Thể loại : Truyện thơ nôm 3. PTBĐ : Tự sự + miêu tả và biểu cảm 4. Bố cục : 3 phần   + Phần 1( 4 câu đầu) : Khung cảnh ngày xuân  + Phần 2( 8 câu tiếp) : Khung cảnh cảnh lễ hội trong tiết thanh minh.  + Phần 3( 6 câu cuối ) : Cảnh hai chị em Thúy Kiều du xuân trở về.  - Trình tự đoạn thơ theo thời gian của cuộc du xuân. Phân tích  * 1. **Khung cảnh ngày xuân**   - Hình ảnh ''... con én đưa thoi''  + Nghệ thuật nhân hóa,ẩn dụ, hình ảnh đẹp - đặc trưng  ->Thời gian đang trôi nhanh, mùa xuân đang qua nhanh  Mùa xuân bước sang tháng ba  -Thiều quang: ánh sáng đẹp của ngày xuân  .Màu hồng của nắng xuân  .Khí xuân ấm áp  .Trời xuân trong trẻo  .Sắc xuân ngập tràn |

? Sắc màu mùa xuân tháng ba được đặc tả qua từ ngữ nào,nghĩa của từ này?

? Với nghĩa đó,từ thiều quang đã gợi tả điều gì?

? Em cảm nhận được một không gian mùa xuân ntn qua hai câu thơ trên ?

# - GV: giảng

? Vẻ đẹp của mùa xuân tháng 3 được đặc tả qua hình ảnh nào.?

* GV Yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Em có nhận xét gì về bút pháp NT của Nguyễn Du trong hai câu thơ trên?

* GV gọi HS trình bày, NX

? Nhờ nghệ thuật đó, Nguyễn Du đã làm nổi bật bức họa mùa xuân ntn?

* GV; Lời thơ : *Cỏ non xanh tận chân trời.- Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.* Thuộc trong số những câu thơ hay nhất của truyện Kiều. Đây là một bức tranh mùa xuân hữu hương hữu săc hữu tình .một trong những đóa hoa xuân đẹp nhất trong các đóa hoa xuân của nền văn học cổ

? Em hiểu gì về tâm hồn của tg?

? Tiết thanh minh Được tác giả giới thiệu trong câu thơ nào?.

? Giới thiệu về nội dung của lễ và hội trong tiết thanh minh?

? Hai câu thơ gợi tả điều gì?

? Khung cảnh lễ hội đó được vẽ ra qua những câu thơ nào.?

# ->Không gian mùa xuân đẹp với khí xuân ấm áp ,trời xuân thanh bình.

'' Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa ''

+NT :- Từ ngữ, hình ảnh điển hình có sức gợi lớn

Cỏ non :gợi sự mới mẻ, tinh khô, tràn đầy sức sống

Xanh tận chân trời: gợi sự khoáng đạt

,trong trẻo

Trắng của hoa lê :gợi sự thanh khiết

* Màu sắc có sự hài hòa đến tuyệt diệu
* Lời thơ giàu nhạc điệu
* Đảo cấu trúc **Điểm trắng** thành

# trắng điểm -> cảnh vật sống động

=> **Đây là một bức họa tuyệt mĩ về mùa xuân có hình khối, đường nét với sắc màu hài hòa .**

-Tg có tâm hồn nhạy cảm, tha thiết với vẻ đẹp của thiên nhiên

# Khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh.

'' Thanh minh trong tiết tháng ba Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh ''

* Lễ tảo mộ người thân đã mất
* Hội :đi du xuân trên đồng quê

**-> Cảnh lễ hội dân gian diễn ra bao đời trong trời xuân** trong sáng, lòng người đầy ắp nghĩa tình

'' Gần xa nô nức yến anh

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân Dập dìu tài tử giai nhân

Ngựa xe như nước áo quần nhơ nêm ''

+NT :

. DT : ngựa xe, tài tử, giai nhân, chị em yến anh -> chỉ sự đông vui của những người đi chơi xuân

. ĐT : sắm sửa, dập dìu -> gợi không khí đông vui của lề hội

* GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Em hãy chỉ ra những từ loại được tác giả sử dụng ở những lời thơ trên và nêu tác dụng ?

* Gv gọi HS trình bày,nx

? '' Yến anh '' ở đây chỉ ai. Đó là nghệ thuật gì. Ngoài ra còn có BPNT nào.?

? Với hệ thống từ ngữ và các biện pháp NT trên gợi lên bức tranh lễ hội như thế nào?

? Bức tranh lễ hội trong tiết thanh minh còn được tác giả giới thiệu qua lời thơ nào ?

? Suy nghĩ của em về tục lệ của cha ông trong tiết thanh minh xưa.?

GV: Đây là nét đẹp văn hóa dân tộc ( lễ hội truyền thống )

? Quê em hiện nay có còn tục lệ này không.

*- HS liên hệ* ( ngày nay vẫn còn )

? Em hiểu gì về tình cảm của tg?

? Cảnh cuối lễ hội được khắc họa qua lời thơ nào.?

? Hình ảnh con người được miêu tả ra sao?

? Em hình dung ra sao về cảnh và người qua lời thơ trên?.

- GV: *(* Cuối lễ hội cảnh không còn bát ngát trong sáng, người không còn đông vui, náo nhiệt như cảnh ban đầu vì thời gian, không gian đã thay đổi và tâm trạng cảm nhận của con người cũng khác )

? Trong đoạn này tác giả đã sử dụng những từ ngữ như thế nào. ?

? Tả cảnh vật để gợi tâm trạng con

. TT : gần xa, nô nức -> gợi tâm trạng náo nức của những người đi du xuân

. + ẩn dụ ( yến anh ), so sánh

# -> Một lễ hội đông vui, rộn ràng, náo nhiệt

'' Ngổn ngang gò đống kéo lên Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay''

* Mọi người sắm sửa lễ vật để đi tảo mộ, rắc thoi vàng, đốt tiền giấy để tưởng nhớ người xưa

# -> Đời sống tâm linh thiêng liêng, phong tục cổ truyền đầy ắp nghĩa tình.

=> Tình cảm yêu quý, trân trọng vẻ đẹp và giá trị của truyền thống văn hóa dân tộc.

# Cảnh chị em Kiều du xuân trở về

* Cảnh vật : tà tà... ngọn tiểu khê ; thanh thanh ; nao nao dòng nước ; dịp cầu nho nhỏ
* Con người : thơ thẩn, dan tay, bước dần, lần xem

-> Cảnh vật và con người vẫn mang nét thanh nét dịu của mùa xuân

+ NT : Sử dụng từ láy ( tà tà, thanh thanh, nao nao,nho nhỏ, thơ thẩn )

-> Vừa bộc lộ sắc thái cảnh vật vừa bộc lộ tâm trạng con người

+NT tả cảnh ngụ tình

=>Bâng khuâng, xao xuyến, luyến tiếc của trái tim đa sầu, đa cảm...

# ->Tác giả thấu hiểu, đồng cảm với buồn vui của nhân vật

**3. Hoạt động luyện tập Bài tập 1** ( SGK/87 )

- ''Tận'' : có sức mở rộng không gian cỏ xanh

- Từ ''điểm'' tạo sự vận động chứ không tĩnh tại

-> Nguyễn Du có sáng tạo độc đá

# *4.* Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn miêu tả bức tranh mùa xuân trong thơ của Nguyễn Du ?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài phân tích về đoạn trích.

- Học thuộc đoạn trích, ghi nhớ

- Hoàn thành phần luyện tập

- Chuẩn bị '' Thuật ngữ ''

+Đọc vd

+Phân tích vd theo câu hỏi trong sgk

=========================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 7- bài 6

# Tiết 32 : TLV - MIÊU TẢ TRONG VĂN TỰ SỰ

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT HS cần :**
     1. **Kiến thức**: Thấy được sự kết hợp các phương thức biể đạt trong một vb

-Vai trò, tác dụng của miêu tả trong văn tự sự

* + 1. **Kĩ năng**: Kĩ năng phát hiện , phân tích, vận dụng các phương thức biểu đạt trong một văn bản.
    2. **Thái độ**: Tự hào về những anh hùng dân tộc.

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác.

- Phẩm chất : Tự tin.

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu liên quan

- Dự kiến phương án tích hợp (Liên hệ)

+ TLV - Văn : Hoàng Lê nhất thống chí, Truyện Kiều

- Phương pháp : gợi mở – vấn đáp , đặt vấn đề, Thảo luận, Luyện tập thực hành...

1. ***Trò:*** - Đọc và trả lời câu hỏi

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Hoạt động nhóm,PP nêu và giải quyết vấn đề, PP luyện tập thực hành.
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

* + 1. **Hoạt động khởi động**
* Ổn định lớp:
* Kiểm tra bài cũ

( Lồng trong tiết học )

* Khởi động : GV cung cấp một đoạn văn tự sự và yêu cầu HS tìm yếu tố miêu tả?

- Nêu tác dụng của yếu tố miêu tả trong đoạn văn trên?

# Hoạt động hình thành kiên thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích , PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác   - Yêu cầu HS đọc đoạn trích.  - GV : Yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ?  ? Đoạn trích kể về trận đánh nào?  ? Trong trận đánh đó, nhân vật Quang Trung làm gì, xuất hiện như thế nào?  ?Tìm các chi tiết miêu tả trong đoạn trích ?  ? Các chi tiết miêu tả ấy nhằm làm nổi bật những gì?   * GV gọi đại diện trình bày, nx * GV: yêu cầu HS chú ý các sự việc (SGK/91) | Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự.  * 1. **Tìm hiểu đoạn trích** ( SGK/91 ) * Đoạn trích kể trận đánh Ngọc Hồi * Vua Quang Trung truyền lệnh cho quân lấy ván ghép lại, phủ rơm, dấp nước, dàn trận chữ nhất mà tiến đánh, tự mình cưỡi voi đi đốc thúc quân nhất tề xông lên -> Làm nhiệm vụ chỉ huy xuất hiện trực tiếp, hiện lên hùng dũng, oai phong lẫm liệt. * Các chi tiết miêu tả : '' ba tấm... phủ kín '', '' lưng giắt dao... chữ nhất '', ''   vừa... lên trước '', '' khói tỏa mù trời...'',  bỏ chạy... chết '', '' thây nằm... suối '  -> Làm nổi bật cách đánh của quân Tây Sơn, sự chỉ huy tài tình và hình ảnh lẫm liệt của vua Quang Trung, sự thất bại thảm hại của quân Thanh.  *-* Nếu chỉ có sự việc diễn ra như trên thì nhân vật Quang Trung không nổi bật vẻ oai phong, lẫm liệt, trận đánh không sinh động vì thiếu yếu tố miêu tả.  **2. Ghi nhớ** ( SGK/92 ) |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Hoạt động luyện tập** |  |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| * GV chia lớp thành 4 nhóm ( nhóm 1,3 -> a ; nhóm 2,4 -> b )   ? Tìm các yếu tố miêu tả trong mỗi văn bản ?  ? Phân tích gía trị của những yếu tố miêu tả đó ?   * GV gọi đại diện trình bày, nx   ? Viết đoạn văn kể việc chị em Thúy Kiều đi chơi trong lễ thanh minh?  ? Giới thiệu vẻ đẹp chị em Thúy Kiều...? | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1** ( SGK/92 )   1. Nhóm 1 : '' Chị em Thúy Kiều '' '' Khuôn trăng đầy đặn...''   '' Làn thu thủy nét...''  -> Làm nổi bật vẻ đẹp của hai chị em Thúy Vân và Thúy Kiều. Cách tả đó mạng đậm tính cách, số phận.   1. Nhóm 2 : '' Cảnh ngày xuân '' '' Con én thưa thoi... hoa''   '' Gần xa... bay ''  '' Tà tà ... ra về ''  -> Làm nổi bật khung cảnh mùa xuân tươi vui, trong sáng.  **Bài tập 2** ( SGK/92 )  ( Đoạn văn sử dụng ngôi kể thứ 3 )  **Bài tập 3** ( SGK/92 )  ( Đoạn văn sử dụng yếu tố miêu tả ) |

# Hoạt dộng vận dụng

- Miêu tả có vai trò gì trong văn bản tự sự?

- Theo em có nên cho quá nhiều yếu tố miêu tả vào trong văn bản tự sự không?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các văn bản tự sự có yếu tố miêu tả.

- Học thuộc ghi nhớ

- Hoàn thiện bài tập

- Chuẩn bị viết bài tập làm văn số 2 : Ôn tập miêu tả trong văn bản tự sự

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 7 + 8

# Tiết 33, 34 : VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

* 1. **MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA**

**HS cần :**

* + 1. **Kiến thức**: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học về việc sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự để làm bài.
    2. **Kĩ năng**: Kĩ năng diễn đạt , trình bày.
    3. **Thái độ**: Ý thức làm bài nghiêm túc.

# HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Tự luận: 100%

# MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| Văn tự sự  ( có sử dụng yếu tố miêu tả) | Nêu tác dụng của yêu tố miêu tả trong văn tự sự | Hiểu được tác dụng của yếu tố miêu tả trong một đoạn văn |  | Tưởng tượng 20 năm sau, em về thăm lại trường cũ. Hãy vết thư cho 1 bạn học hồi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó . |  |
| Số câu Số điểm Tỉ lệ % | Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ : 10 % | Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ : 20 % |  | Số câu:1 Số điểm: 7 Tỉ lệ : 70 % | Số câu:3 Số điểm:10  Tỉ lệ :100 % |
| **Tổng** | Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ : 10 % | Sè c©u:1 Sè ®iÓm:2  TØ lÖ : 20 % |  | Sè c©u:1 Sè ®iÓm: 7  TØ lÖ : 70 % | Sè c©u:3 Sè ®iÓm:10  TØ lÖ :100 % |

* 1. **Thiết lập đề kiểm tra**

Câu1: Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn tự sự có tác dụng gì? Câu2: Tác dụng của yếu tố miêu tả trong đoạn văn sau ?

Cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. Nắng bây giờ đã bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương.

( Lặng lẽ Sa Pa)

Câu3: Tưởng tượng 20 năm sau, em về thăm lại trường cũ. Hãy vết thư cho 1 bạn học hồi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó .

# Hướng dẫn chấm và biểu điểm

**Câu1** (1đ) : Miêu tả cụ thể cảnh, nhân vật và sự việc có tác dụng làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động.

**Câu2** (2đ) : Bức tranh thiên nhiên Sa Pa thơ mộng, đầy màu sắc, sống động và rất có hồn.

- yếu tố miêu tả trong đoạn văn trên còn góp phần tạo nên chất thơ cho câu chuyện.

# Câu3

**1. Yêu cầu**

* Kĩ năng và hình thức
* Bố cục 3 phần rõ ràng ( MB, TB, KB )
* Kể theo ngôi thứ 3
* Lồng yếu tố miêu tả
* Các sự việc được sắp xếp hợp lí
* Hình thức : Lá thư gửi bạn học cũ .
* Viết lưu loát, có liên kết chặt chẽ, không sai chính tả
* Kiến thức :

MB: +Lí do trở lại thăm trường ( thời gian hè…)

+ Địa vị nghề nghiệp của mình trong xã hội lúc này ntn?.

+Thăm vào buổi nào, đó với ai?

TB: - Đến trường gặp ai ? Không gặp ai?

* Quang cảnh trường ngày nay khác ngày xưa như thế nào ?
* Nhớ cảnh ngày xưa mình học ra sao?
  + Những kỉ niệm vui buồn của bạn bè , thầy cô (trọng tâm)
  + Cảm xúc của em khi đến + vui....

+ xúc động...

- Cảm xúc khi ra về : + Bâng khuâng...

+ Lưu luyến ...

+ Tự hào...

KB : Cảm xúc về buổi thăm trường , mong muốn và hứa hẹn.

# Biểu điểm

* Điểm 7 : Bài viết đáp ứng được những yêu cầu về kĩ năng và nội dung trên.
* Điểm 5-6 : Bài viết đáp ứng được cơ bản những yêu cầu trên song còn mắc 1 số lỗi c.tả , diễn đạt.
* Điểm 3-4 : Bài viết đáp ứng được 1 số yêu cầu về thể loại, nội dung, diễn đạt đôi chỗ chưa lưu loát, bố cục chưa k.học, mắc khoảng 10 lỗi chính tả, ngữ pháp.
* Điểm 2 : Bài viết đúng thể loại, có được 1 vài ý song d.đạt lủng củng, mắc nhiều lỗi
* Điểm1 : Bài viết lạc hướng, mắc rất nhiều lỗi

-Điểm O: HS không làm được bài

=====================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 7 + 8 - Bài 7

# Tiết 35 :VB - KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH

**( Trích '' Truyện Kiều '' ) Nguyễn Du**

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT HS cần :**

1. **Kiến thức:** Học sinh cảm nhận được tâm trạng cô đơn, buồn tủi của Thúy Kiều.

* Hiểu rõ nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

1. **Kĩ năng:** Có kĩ năng đọc diễn cảm và cảm thụ thơ văn.

* Nhận ra và thấy được tác dung của ngôn ngữ độc thoại, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình
* Biết phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích
* Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật trong Truyện Kiều.

1. **Thái độ:** Biết yêu thương, trân trọng, cảm thông với số phận người phụ nữ.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, thẩm mĩ, phân tích, cảm thụ.
* Phẩm chất : Tự tin, nhân ái.

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu '' Truyện Kiều ''

* Dự kiến phương án tích hợp ( Liên hệ)

+ Văn - Văn : Các đoạn trích trong '' Truyện Kiều ''

+ Văn - TLV : Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự

-- Phương pháp : gợi mở – vấn đáp , đặt vấn đề , dùng lời có nghệ thuật, thảo luận...

1. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK, tìm đọc '' Truyện Kiều ''

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Hoạt động nhóm,PP nêu và giải quyết vấn đề
2. **Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

* + 1. **Hoạt động khởi động**

## Ổn định lớp:

* + ***Kiểm tra bài cũ***

-Phân tích bức tranh mùa xuân qua đoạn trích “Cảnh ngày xuân”?

\* Khởi động :

* Gv tổ chức thi giữa hai đội: Đọc các câu thơ trong Truyện Kiều mà em thuộc ?

# Hoạt động hình thành kiến thức mới.

*GV giới thiệu ( ... )*

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ.   ? Đoạn trích nằm ở phần nào trong '' Truyện Kiều ''?  ? Vb cần được đọc với giọng điệu ntn? GV hướng dẫn đọc | Đọc ,Tìm hiểu chung  * 1. Vị trí của đoạn trích   - Vị trí : Nằm ở phần II ( Gia biến và lưu lạc )   1. Đọc và tìm hiểu chú thích    1. Đọc    2. Chú thích (SGK) 2. PTBĐ:Tự sự +miêu tả, biểu cảm 3. Bố cục :   + 6 câu đầu : Hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Kiều |

GV đọc mẫu -> Gọi 2 HS đọc Yêu cầu HS khác nhận xét GV hỏi một số chú thích SGK

? Xác định ptbđ của văn bản ?

? Vb được chia làm mấy phần, giới hạn và nội dung từng phần ?

? Câu thơ nào nói về nơi ở và cảnh ngộ của Thúy Kiều.?

? Dựa vào chú thích SGK hãy giải thích từ '' khóa xuân ''?

? Điều đó cho thấy Kiều cảm nhận được cảnh ngộ của mình như thế nào?

? Cảnh vật thiên nhiên trong tầm mắt nhìn của Thúy Kiều?

? cảm nhận của em về cảnh thiên trong con mắt của nàng Kiều ?

? Bức tranh thiên nhiên ấy đã phản ánh điều gì ?

- GV giảng

?Từ lầu cao trông xa, Không gian ở lầu Ngưng Bích được Kiều cảm nhận qua lời thơ nào?

# - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi

? Những hình ảnh nào được Kiều cảm nhận trong hai câu thơ trên ?

? Chú ý vào các từ : '' bát ngát '' , “ bốn bề “ , cách dùng từ của tác giả có gì đặc biệt ?

? Một khung cảnh thiên nhiên ntn được gợi tả trong hai câu thơ trên?

# - Gv gọi đại diện HS trình bày, NX

? Kiều cảm nhận không gian ở những khía cạnh nào?

? Không gian ấy có mối quan hệ như thế nào với hoàn cảnh của Thúy Kiều?

? Cảnh được cảm nhận qua con mắt

+ 8 câu tiếp : Nỗi nhớ thương Kim Trọng và nhớ thương cha mẹ của nàng.

+ 8 câu cuối : Tm trạng đau buồn, lo âu của Kiều.

# Phân tích

* 1. **Hoàn cảnh của nàng Kiều**

Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung

- Tuổi xuân bị khóa kín

-> Kiều cảm nhận mình đang bị giam lỏng -> thực tế rất phũ phàng

- Nàng thấy trong tầm mắt dáng núi xa, mảnh trăng gần như ở chung trong một bức tranh

-> Thiên nhiên trống trải, lạnh lẽo, mờ nhạt

-> Phản ánh sự trống trải của lòng người

Bốn bề bát ngát...

Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia

- Cồn cát vàng, đám bụi hồng

+ Từ láy **bát ngát** + **bốn bề**

Khung cảnh thiên nhiên vừa mênh mang, rộng lớn vừa vắng lặng không một bóng người.

+Không gian được Kiều cảm nhận theo chiều cao,chiều xa ,chiều rộng

-> Không gian càng làm nổi bật cảnh ngộ của Kiều

-> tội nghiệp, cô đơn, trống trải

Bẽ bàng mây sớm đèn khuya

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng

- Bẽ bàng : xấu hổ, tủi nhục...

của Kiều,Từ đó em hiểu gì về cảnh ngộ của Kiều lúc này?

# - GV giảng

? Em hãy tìm những câu thơ diễn tả tâm trạng của Kiều ?

?'' Bẽ bàng '' có nghĩa là gì?

? Em hiểu gì về tâm trạng của nàng Kiều qua cụm từ **bẽ bàng** ?

? Hình ảnh '' mây sớm đèn khuya '' gợi tả điều gì?

? Cụm từ này giúp ta hình dung ntn về cảnh ngộ của Kiều ?

? Em hiểu ''tình '' là như thế nào.''Cảnh'' là như thế nào.? tình và cảnh ấy khiến cho Kiều cảm thấy ra sao ?

- GV giảng

? Nghệ thuật được tác giả sử dụng qua 6 câu thơ đầu ?

? Qua đó thể hiện tâm trạng Thúy Kiều ra sao.?

GV:Khái quát

-> Kiều thấy vô cùng xâu hổ , nhục nhã trước những biến cố vừa mới xảy ra

* Mây sớm đèn khuya : thời gian tuần hoàn khép kín

-> Kiều cô đơn đến tuyệt đối .

* Nỗi nhớ thương, sầu buồn vì chia ly, tình yêu tan vỡ
* Cảnh éo leo : những chuyện vừa xảy ra , cảnh ở lầu Ngưng Bích

-> Cảnh và tình khiến cho lòng Kiều như như bị giằng xé

+NT : Tả cảnh ngụ tình, miêu tả nội tâm nhân vật

<=>Tâm trạng buồn tủi, cô đơn tuyệt đối, ngổn ngang trăm mối - một cảnh ngộ đầy bi kịch.

# Hoạt động luyện tập

-Đọc thuộc một đoạn thơ mà em thích?

-Em hiểu gì về hoàn cảnh của Kiều ?

-Tâm trạng của Kiều được thể hiện ntn qua 6 câu đầu?

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn cảm nhận về tâm trạng của nằng Kiều qua 6 câu thơ đầu ?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Học thuộc đoạn thơ
* Phân tích được ND, nt ở 6 câu thơ đầu
* Về nhà làm hoàn chỉnh BT1 ( SGK/96 )
* Chuẩn bị Phần còn lại

+Nôĩ nhớ thương của Kiều

+Tâm trạng của Kiều

.......................................................................................................................

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 7+8 - Bài 7

# Tiết 36 :VB\_ KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH

**( Trích '' Truyện Kiều '' ) Nguyễn Du**

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT HS cần :**

1. **Kiến thức**: Học sinh cảm nhận được tâm trạng cô đơn, buồn tủi của Thúy Kiều.

* Hiểu rõ nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

1. **Kĩ năng**: Có kĩ năng đọc diễn cảm và cảm thụ thơ văn.

* Nhận ra và thấy được tác dung của ngôn ngữ độc thoại, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình
* Biết phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích
* Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật trong Truyện Kiều.

1. **Thái độ**: Biết yêu thương, trân trọng, cảm thông với số phận người phụ nữ.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, thẩm mĩ, phân tích, cảm thụ.
* Phẩm chất : Tự tin, nhân ái.

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu '' Truyện Kiều ''

* Dự kiến phương án tích hợp- Liên hệ

+ Văn - Văn : Các đoạn trích trong '' Truyện Kiều ''

+ Văn - TLV : Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự

* Phương pháp : gợi mở – vấn đáp , đặt vấn đề , dùng lời có nghệ thuật, thảo luận..

1. ***Trò:*** -Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK, tìm đọc '' Truyện Kiều ''

# CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp,Hoạt động nhóm,PP nêu và giải quyết vấn đề
2. **Kĩ thuật:** Động não, trình bày một phút.

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC 1.Hoạt động khởi động

## Ổn định lớp:

* + ***Kiểm tra bài cũ***
* Đọc thuộc lòng đoạn trích '' Kiều ở lầu Ngưng Bích '' và cho biết bố cục của đoạn trích?
* Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều ở 6 câu thơ đầu?.

## Khởi động :

* GV cung cấp một vài câu thơ trong truyện Kiều và hỏi về các nhân vật được nhắc đến ?

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, | Tìm hiểu chung  1. **Phân tích** 2. **Hoàn cảnh của nàng Kiều** 3. **Nỗi nhớ người yêu và cha mẹ của Thúy Kiều**   **a. Nỗi nhớ người yêu** |

thẩm mĩ, cảm thụ.

? Trong cảnh ngộ cô đơn đó,Kiều nhớ tới ai ?

? Những câu thơ nào diễn tả nỗi nhớ người yêu của Kiều?

? Kiều tưởng tượng ra điều gì trong nỗi nhớ Kim Trọng?

? Nghĩ tới điều đó, Kiều cảm thấy ntn ?

? Trong nỗi đau khổ ấy, Kiều đã nghĩ tới điều gì ?

? Câu thơ giúp em hiểu gì về cảnh ngộ của nàng Kiều?

? BPNT nào đã được tác giả sử dụng ở hình ảnh “ Tấm son “ ?

? Em hiểu ntn về hình ảnh ẩn dụ trên?

?Theo em Kiều đang nói với ai.?

? Cách sử dụng từ ngữ của thi nhân có gì đặc biệt?

? Với việc sử dụng các BPNT trên, em hiểu gì về tâm trạng của Kiều?

- GV giảng

? Những câu thơ nào diễn tả nỗi nhớ cha mẹ của Thúy Kiều?

? Kiều xót xa khi nghĩ tới điều gì?

? Em hãy chỉ ra những nét đặc sắc về nghệ thuật mà Nguyễn Du sử dụng ở những lời thơ trên ?

? Những bút pháp NT trên đã diễn tả nỗi nhớ cha mẹ của Kiều ra sao. Nỗi nhớ đó thể hiện điều gì ?

# GV: Yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

Tưởng người ... chén đồng Tin sương ... mai chờ

* Tưởng tượng về kỉ niệm tình yêu, nhớ lời thề nguyền dưới trăng
* Tưởng tượng cảnh Kim Trọng vẫn ngóng tin tức của nàng.

-> Kiều đau khổ vô cùng Bên trời ... phai

* Kiều thương mình đang phải lưu lạc nơi chân trời, góc bể

+ NT ẩn dụ

* Tình yêu thủy chung dành cho Kim Trọng không bao giờ thay đổi

(Tấm thân trinh bạch của Kiều bị hoen ố biết bao giờ gột rửa được)

+ Kiều nói với chính mình ( Ngôn ngữ độc thoại )

+Từ ngữ: trông,chờ ->Động từ gợi tả tâm trạng.

=> Nỗi nhớ da diết và tấm lòng thủy chung, son sắt của Thuý Kiều với chàng Kim.

# b. Nỗi nhớ cha mẹ

Xót người tựa cửa hôm mai...

Quạt nồng ấp lạnh... Sân Lai cách mấy...

Có khi gốc tử ...

. Kiều xót xa khi nghĩ tới cảnh cha mẹ già yếu vẫn ngóng chờ tin con, không được phụng dưỡng cha mẹ

+ Ngôn ngữ độc thoại

+ Sử dụng điển tích điển cố, thành ngữ

+ Giọng rưng rưng, xót xa

->Nỗi nhớ thương xót xa không nguôi

=>Thúy Kiều hiếu thảo với cha mẹ

( Tiến trình nhớ hoàn toàn hợp lí, phù hợp với quy luật tâm lí, thể hiện sự tinh tế của Nguyễn Du : Với cha mẹ Kiều đã báo hiếu bằng cách bán mình. Nhưng với Kim Trọng -> Kiều luôn day dứt vì đã phụ tình chàng Kim. ánh trăng trước lầu NB khiến Kiều nghĩ

? Nàng Kiều đã hi sinh chữ '' tình'' để làm chọn chữ '' hiếu ''. Nhưng trong nỗi nhỡ của nàng, nàng nhớ tới Kim Trọng đầu tiên. Theo em có hợp lí không. Tại sao?

? Trong hoàn cảnh ở lầu Ngưng Bích khổ đau là vậy mà kiều vẫn thương, xót cho người yêu, cha mẹ. Từ đó em hiểu gì về Thúy Kiều.?

- **Gvgiảng**

? Trong tâm trạng nhớ người yêu, cha mẹ, Kiều đã nhìn thấy gì ?

? Từ chiều hôm gợi tả điều gì ?

?Trong thời gian ấy, cảnh vật được Kiều cảm nhận ra sao ?

? Cách sử dụng từ ngữ của tg có gì đặc biệt ?

? Em hiểu gì về tâm trạng của Kiều qua lời thơ trên ?

# - GV; giảng

? Trong tâm trạng đó, Kiều còn cảm nhận được hình ảnh nào quanh lầu Ngưng Bích?

? Kiều cảm nhận ntn về hình ảnh đóa hoa trong lời thơ này ?

? Hình ảnh đóa hoa ấy khiến Kiều nghĩ tới điều gì ? như thế BPNT nào đã được tác giả sử dụng ?

* GV ;giảng

? Thiên nhiên quanh lầu Ngưng Bích còn được Kiều cảm nhận qua hình ảnh nào ?

-NX về cách dùng từ của tg? những từ ngữ đó gợi tả khung cảnh thiên nhiên ntn ?

* Màu sắc thiên nhiên mịt mờ khiến cho Kiều nghĩ gì về số phận của mình

?

# - GV; giảng

? Kiều còn có cảm nhận ra sao về

đến đêm trăng thề nguyền)

=> Thúy Kiều giàu đức hi sinh.

# Nỗi buồn lo của Thúy Kiều

Buồn trông cửa bể chiều hôm Thuyền ai thấp thoáng ... xa xa

* Chiều hôm->tăng thêm nỗi buồn ,nỗi sầu
* Cửa biển rộng mênh mông trong buổi chiều tà, con thuyền đang tìm về với bến

+Từ láy : Thấp thoáng, xa xa

-> Gợi tâm trạng buồn nhớ, cô đơn khát khao đoàn tụ (gia đình)

Buồn trông ngọn nước mới sa Hoa trôi man mác biết là về đâu ?

- Hoa mỏng manh trôi, bị dập vùi giữa dòng nước

+ NT ẩn dụ

-> Kiều nghĩ tới thân phận lênh đênh, chìm nổi vô định của mình

Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

+Từ láy :rầu rầu, xanh xanh

-> Cả một vùng thiên nhiên tàn héo, ảm đạm, xanh mịt mờ

->Kiều nghĩ đến cuộc đời mình bế tắc , không có lối thoát

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh ầm ầm tiếng sòng kêu quanh ghế ngồi

+Từ láy,đt mạnh -> Biển nổi sóng dữ dội, gió thét gào

-> Gợi nỗi bàng hoàng sợ hãi về những sóng gió cuộc đời đang bủa vây quanh Kiều

=> Cảnh hư ảo được nhìn bằng tâm trạng Kiều : cảnh từ xa đến gần, sắc

cảnh quanh lầu Ngưng Bích?

? Em hiểu gì về cách sử dụng từ ngữ của tg?

? Những từ ngữ đó gợi tâm trạng của Kiều ra sao?

? Em hãy nhận xét về cảnh vật được khắc họa qua 8 câu thơ trên ?

* GV: Đặc biệt tiếng sóng kêu như điềm báo trước những sóng gió ba đào của nàng. Đó cũng là tiếng kêu đau đớn của nàng đồng vọng với thiên nhiên.
* Ngoài ra,ở tám câu thơ này tác giả còn sử dụng biện pháp NT gì,tác dụng?

? Những biện pháp NT trên góp phần diễn tả tâm trạng như thế nào của Kiều?

* GV khẳng định : Đây là đoạn thơ trữ tình tuyệt bút Nguyễn Du đã miêu tả thiên nhiên và tâm trạng thật tinh tế. Thiên nhiên thẫm đẫm tâm trạng, bộc lộ tâm trạng theo quy luật tâm lí

'' Người buồn có cảnh có vui đâu bao giờ ''

? Em hiểu gì về tình cảm của tg dành cho nv?

? Những giá trị nghệ thuật của đoạn trích?

? Những giá trị nội dung của đoạn trích?

GV hướng dẫn về nhà

màu từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động-> nỗi buồn từ man mác, mông nung đến lo âu kinh sợ

+ NT : Tả cảnh ngụ tình Điệp từ '' buồn trông ''

Hệ thống từ láy, một loạt các hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ

<=> Diễn tả một nỗi buồn triền miên chất ngất, nhiều vẻ của Thúy Kiều đến độ cực điểm.

# -Tg :Yêu thương, chia sẻ, cảm thông với nhân vật.

**III. Tổng kết**

1. Nghệ thuật

* Tả cảnh ngụ tình
* Ngôn ngữ độc thoại

1. Nội dung

* Tâm trạng của nàng Kiều : cô đơn, buồn tủi, sầu nhớ.

## Ghi nhớ ( SGK/96 )

1. **Hoạt động luyện tập**

* Sáu câu đầu diễn tả điều gì.?
* Ở lầu Ngưng Bích, Kiều nhớ đến ai. Nỗi nhớ đó được thể hiện như thế nào.?
* Tấm câu cuối thể hiện nỗi buồn lo của Thúy Kiều ra sao.?

# Hoạt động vận dụng

* Viết bài văn cảm nhận về hình ảnh của nàng Kiều ?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Tìm đọc các bài phân tích về tác phẩm.
* Học thuộc đoạn thơ
* Phân tích được ND, NT của đoạn trích
* Về nhà làm hoàn chỉnh BT1 ( SGK/96 )
* Chuẩn bị trước tiết ':Miêu tả trong văn bản tự sự

+Đọc sgk

+Trả lời câu hỏi

=======================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 8 - Bài 7

**Tiết 37** : TV\_ **TRAU DỒI VỐN TỪ**

# MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

* + 1. **Kiến thức**: Học sinh hiểu được những định hướng chính để trau dồi vốn từ.
    2. **Kĩ năng**: HS biết giải nghĩa từ và sử dụng từ đúng nghĩa,phù hợp với ngữ cảnh
    3. **Thái độ** : HS yêu Tiếng Việt

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

-HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, tư duy,sáng tạo, giao tiếp .

-Phẩm chất : Yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt .

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu ( Từ điển Tiếng Việt ), phiếu học tập

* Dự kiến phương án tích hợp:

+ TV - TV : Từ Hán Việt, thuần Việt...

+ TV - Thực tế : Việc dùng từ hàng ngày

* 1. ***Trò:*** - Đọc và trả lời các câu hỏi SGK

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành, giải quyết vấn đề.
2. Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, lược đồ tư duy, động não

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

* 1. **Hoạt động Khởi động**

## Ổn định tổ chức

* ***Kiểm tra bài cũ***
* Thuật ngữ là gì. Lấy ví dụ
* Nêu những đặc điểm của thuật ngữ. Chứng minh các đặc điểm đó của thuật ngữ.
* ***Vào bài mới :*** GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi giải ô chữ.

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| Họat động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực | Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ  * 1. **Tìm hiểu ví dụ**   **\*VD1** ( SGK/99+100 ) |

tự học, năng lực hợp tác

# GV: gọi HS đọc đoạn văn và thảo luận theo cặp đôi

? Em hiểu cố thủ tướng Phạm Văn Đồng muốn nói điều gì?

? Qua lời tg, muốn sử dụng tốt tiếng việt chúng ta cần làm gì?

- HS thảo luận, trình bày, NX

# - GVyêu cầu HS hoạt động nhóm (6 nhóm)

? Xác định lỗi diễn đạt trong mỗi câu?

? Vì sao có những lỗi này? ( vì tiếng ta nghèo hay vì người viết không biết dùng tiếng ta )

? Em hãy sửa lại cho đúng các câu trên?

- HS thảo luận, trình bày -> NX, bổ sung

? Vậy để ''biết dùng tiếng ta'' ta cần phải làm gì?

? Muốn sử dụng tốt tiếng việt ta cần làm gì.?

Yêu cầu HS đọc đoạn văn

? Nhà văn Tô Hoài đang nói về ai, nói về điều gì.?

-GV mở rộng việc dùng từ trong các văn bản trích ''Truyện Kiều'' của Nguyễn Du.

? Qua đó, nhà văn Tô Hoài muốn nhấn mạnh điều gì.?

* Tiếng Việt là ngôn ngữ có khả năng rất lớn đáp ứng nhu cầu diễn đạt của người Việt.
* Muốn phát huy tốt khả năng của Tiếng Việt, mỗi cá nhân phải không ngừng trau dồi ngôn ngữ của mình.

->Muốn sử dụng tốt tiếng việt trước hết cần trau dồi vốn từ

**\* ví dụ 2** ( SGK/100 )

* + 1. Thừa ''đẹp'' vì ''thắng cảnh'' có nghĩa là ''cảnh đẹp''.
    2. Sai từ ''dự đoán'' vì '' dự đoán'' là đoán trước tình hình sự việc xảy ra trong tương lai.
    3. Sai từ ''đẩy mạnh'' ( thúc đẩy cho phát triển nhanh lên mà quy mô thì không thể phát triển nhanh hay chậm )

-> Lỗi trên là do người viết không biết chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ

( Không biết cách dùng tiếng ta )

-Sửa lại :

1. Bỏ từ ''đẹp''
2. Thay từ ''dự đoán'' = phỏng đoán, ước đoán
3. Thay từ ''đẩy mạnh'' = mở rộng

=> Cần rèn luyện để nắm chính xác nghĩa và cách dùng từ.

**2. Ghi nhớ** ( SGK/100 )

# II. Rèn luyện để làm tăng vốn từ

1. **Tìm hiểu ví dụ** ( SGK/100 )

* Tô Hoài bàn về vốn từ của Nguyễn Du

: Học lời ăn tiếng nói của nhân dân, sáng tạo trên cơ sở công việc của người dân lao động.

-> Nhà văn muốn nhấn mạnh : Trau dồi vốn từ là cần học lời ăn tiếng nói của nhân dân đề biết thêm những từ chưa biết.

# Ghi nhớ / SGK

|  |  |
| --- | --- |
| Sai | Sửa lại |
| 1. Im lặng 2. thành lập 3. cảm xúc | yên tĩnh thiết lập  xúc động,cảm xúc |

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| Họat động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| * **HS hoạt động cá nhân**   ? Chọn cách giải thích đúng.?   * **GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi** * Bước 1 : Xác định những từ Hán Việt chứa yếu tố Hán theo từng nghĩa * Bước 2 : Giải nghĩa từ Hán Việt ( Làm một số từ ) * Gv gọi Hs trình bày, nx   ? Sửa lỗi dùng từ sai? Gv sử dụng kĩ thuật động não ? Dựa theo ý kiến trên, hãy nêu cách em sẽ thực hiện để làm tăng vốn từ?  ? Chọn từ điền vào chỗ trống? | **III. Luyện tập**  **Bài tập 1** ( SGK/101 )  + Hậu quả : (b) kết quả xấu  + Đoạt là : (a) chiếm được phần thưởng  + Tinh tú : (b) sao trên trời  **Bài tập 2** ( SGK/101 )  a. - Tuyệt : có nghĩa dứt, không còn gì ( tuyệt chủng, tuyệt giao, tuyệt tự, tuyệt thực )  - Cực kì, nhất ( tuyệt đỉnh, tuyệt mật, tuyệt tác, tuyệt trần )  b.   * Đồng : cùng nhau, giống nhau ( đồng âm, đồng bào, đồng bộ, đồng chí... ) * Đồng : trẻ em ( đồng ấu, đồng dao, đồng thoại * Đồng : chất ( trống đồng )   **Bài tập 3** ( SGK/102 )  **Bài tập 5** ( SGK/103 )   * Chú ý lắng nghe * Chăm đọc sách   -> Ghi chép và sử dụng  **Bài tập 6** ( SGK/103 )   1. ..... .điểm yếu 2. ...... mục đích cuối cùng 3. ...... đề bài |

# Hoạt động vận dụng

* Sử dụng sổ tay tích lũy ghi chép lại những từ ngữ mới qua nghe - đọc – xem để tăng vốn từ và chia sẻ với bạn bè .

# Hoạt động Tìm tòi, mở rộng

* Tìm đọc cuốn từ điển Tiếng Việt để mở rộng vốn từ, hiểu đúng nghĩa của từ cần dùng.
* Tìm đọc bài thơ **Tiếng Việt** của Lưu Quang Vũ.
* Học thuộc ghi nhớ. Hoàn thành các bài tập.
* Soạn bài : Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.

+Đọc vd

+Trả lời các câu hỏi trong sgk

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 8 – bài 8

# Tiết 38 :VB - LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA

**( Trích '' Truyện Lục Vân Tiên '' ) Nguyễn Đình Chiểu**

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

1. **Kiến thức:** Học sinh nêu được những nét chính về tác giả, tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên và thể loại thơ lục bát qua Truyện Lục vân Tiên.

* HS hiểu nét chính về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm.
* HS hiểu được khát vọng cứu người ,giúp đời của tg và phẩm chất của nv Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga.

1. **Kĩ năng:** HS có kĩ năng đọc – hiểu một đoạn trích truyện thơ.

- HS nhận diện và hiểu td của các từ ngữ địa phương Nam Bộ được sử dụng trong đoạn trích.

* HS cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nhân vật theo quan niệm đạo đức mà tác gải đã khắc họa trong đoạn trích.

1. **Thái độ :** HS yêu tác phẩm văn học, kính trọng nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu.

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực thẩm mĩ, ngôn ngữ, công nghệ thông tin.

-HS biết bồi đắp thêm những phẩm chất tốt đẹp như lòng dũng cảm, nhân hậu, biết ơn, yêu thương.

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu '' Truyện Lục Vân Tiên ''

* Tranh chân dung Nguyễn Đình Chiểu, máy chiếu
* Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Lịch sử : Lịch sử đất nước cuối TKXIX - đầu TK XX

1. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm , giải quyết vấn đề, dạy học theo hợp đồng, pp trực quan
2. Kĩ thuật : Đặt câu hỏi , kĩ thuật thuyết trình tích cực, trình bày một phút, động não, đọc sáng tạo.

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

## \* Ổn định lớp:

\* ***Kiểm tra bài cũ***

* Ở lầu Ngưng Bích Kiều nhớ đến ai. Nỗi nhớ ấy được thể hiện như thế nào?

## \* Vào bài mới : GV cung cấp đoạn phim về Lục Vân Tiên.

? Em có biết bộ phim trên được chuyển thể dựa vào tác phẩm nào, của ai?

? Nhân vật chính trong phim trên là ai?

? Em thấy được những phẩm chất tốt đẹp nào của nhân vật?

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ.  GV yêu cầu HS thanh lí hợp đồng và sử dụng kĩ thuật thuyết trình tích cực .  * HS thuyết trình tích cực về tác giả. | Đoc, Tìm hiểu chung  * 1. **Tác giả**   - Tiểu sử :  + Nguyễn Đình Chiểu ( 1825 - 1888), quê ở Thừa Thiên Huế, sinh tại quê mẹ Gia Định, mất tại Bến Tre.  + Đỗ tú tài năm 21 tuổi ( 1843 )  + Năm 27 tuổi bị mù ( 1849 )  - Sự nghiệp :  + Dạy học ] Tận tâm  + Bốc thuốc  + Văn chương là hoạt động nổi bật nhất ( Truyện Lục Vân Tiên, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ... ) -> Mục đích để truyền bá đạo lí làm người, cổ vũ lòng yêu nước, ý chí cứu nước...  - Con người Nguyễn Đình Chiểu :  + Là con người giàu nghị lực sống, sống hết mình và cống hiến hết mình cho cuộc đời: làm một thầy giáo; một thầy thuốc và một nhà thơ.  + Là người giàu lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm |

->Nguyễn Đình Chiểu – một nhân cách lớn.

# 2. Tác phẩm

a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ : Sáng tác đầu những năm 50 của thế kỷ XIX

- Vị trí : Nằm ở phần đầu của truyện trong mạch kể Lục Vân Tiên trên đường về thăm cha mẹ.

b, Đọc và hiểu chú thích

\* Đọc

? Truyện LVT được sáng tác vào thời gian nào?

? Vị trí của đoạn trích trong tác phẩm?

# - GV sử dụng kĩ thuật đọc sáng tạo

? VB cần được đọc với giọng điệu ntn?

* GV: đọc mẫu, gọi HS đọc và nx
* GV: yêu cầu HS giải thích một số chú thích trong SGK

# - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân

? Thể loại của văn bản ?

? Đoạn trích trong truyện kể về sự việc gì?

# GV chiếu nhan đề cuốn truyện

* Gồm 2082 câu lục bát, theo kiểu chương hồi

Nội dung : Xoay quanh cuộc đời các nhân vật mà tiêu biểu là Lục Vân Tiên, qua đó để thể hiện mục đích truyền dạy đạo lí ( Xem trọng tình nghĩa, đề cao tinh thần hiệp nghĩa )

->Nội dung gần gũi, thể loại truyện kể ( dễ đi vào đời sống nhân dân, biến thành những hình thức sinh hoạt văn hóa )

-Kết cấu theo khuôn mẫu:người tốt gặp nhiều gian truân cuối cùng được đền bù xứng đáng.Kẻ xấu bị trừng trị

\* Chú thích( SGK)

1. Thể loại : truyện thơ Nôm

* Sự việc : Kể việc Lục Vân Tiên đánh toán cướp cứu Kiều Nguyệt Nga. Từ đó thể hiện khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả, ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của 2 nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

1. PTBĐ:Tự sự +miêu tả
2. Bố cục :

+ 14 câu đầu : Lục Vân Tiên đánh cướp

+ Còn lại : Cuộc trò chuyện giữa Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

# II. Phân tích

? PTBĐ của đoạn trích?

? Dựa vào diễn biến các sự việc, em hãy xác định bố cục văn bản.?

# - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi .

? Khi thấy bọn cướp giữa đường hại dân, Vân Tiên có hành động gì.?

? Em hãy nhận xét cách sử dụng từ ngữ của tác giả trong 2 câu thơ?

? Những từ ngữ đó góp phần diễn tả hành động như thế nào của LVT?

- HS thảo luận và trình bày.

? khi thấy bọn cướp đường hại dân , Vân Tiên đã có lời nói thế nào?

? Nhận xét giọng điệu của câu thơ?

? Lời nói đó thể hiện thái độ gì của Vân Tiên?

? Em có suy nghĩ gì về hành động này của Vân Tiên? Tìm chi tiết nói về bọn cướp Phong Lai ?

? Đó là bọn cướp như thế nào.

# - GV sử dụng PP giải quyết vấn đề

? Nếu đối mặt với toán cướp ấy, theo em Vân Tiên có bất lợi không. Vì sao.?

* HS trình bày-> bổ sung.

? Hành động, lời nói của Lục Vân Tiên khi đối mặt với lũ cướp dữ đã bộc lộ tính cách gì của chàng?

* GV giảng

# - GV yêu cầu Hs thảo luận theo 6 nhóm

? Hình ảnh Vân Tiên đánh cướp được tác giả miêu tả như thế nào.?

? Hãy chỉ ra nghệ thuật đặc sắc trong những lời thơ đó ?

? Qua hành động đánh cướp đó đã giúp

# 1. Hình ảnh Lục Vân Tiên

**\* Lục Vân Tiên khi đánh cướp**

Vân Tiên ghé lại bên đàng

Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô

+ Dùng ĐT mạnh

-> Hành động nhanh, dứt khoát, không do dự

Kêu rằng : Bớ đảng hung đồ Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân

+Giọng điệu đanh thép

-> Thái độ bất bình trước hành động bất nhân của lũ cướp Phong Lai. lời cảnh tỉnh lũ cướp

-> Hành động quang minh chính đại

Phong Lai ... phừng phừng Thằng nào ... vào đây

-> Đông, hung hãn, trang bị vũ khí

* Vân Tiên : một mình, cành cây làm gậy
* Bọn cướp: quân bốn phía ,gươm giáo đầy mình

*->* Lực lượng quá chênh lệnh

-> Tính cách anh hùng hào hiệp vì nhân nghĩa mà hành động để bênh vực người yếu đuối

Vân Tiên tả đột hữu xông

Khác nào Triệu Tử...Dang...thân vong NT : + So sánh

+ Điển tích

+ ĐT mạnh

-> Vân Tiên dũng cảm, có võ nghệ cao cường, sánh ngang với dũng tướng Triệu Tử

-> Vân Tiên là hiện thân của chính nghĩa đang trừng trị cái xấu , cái ác .

=> Vân Tiên là người có bản chất nhân

# Hoạt động luyện tập

? Đọc diễn cảm đoạn thơ ''Lục Vân tiên cứu Kiều Nguyệt Nga''?

? Truyện Lục Vân Tiên được kết cấu theo kiểu thông thường của các loại truyện truyền thống xưa như thế nào.?

? Cảm nhận của em về nhân vật Lục Vân Tiên?

# Hoạt động vận dụng

* Kể những tấm gương người tốt, việc tốt trong gia đình và bạn bè.

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* Tìm đọc tác phẩm **Truyện Lục Vân Tiên** của Nguyễn Đình Chiểu và những bài viết liên quan đến tác phẩm.
* Học bài
* Chuẩn bị bài : Soạn bài tiếp theo hệ thống câu hỏi SGK :

+ Hình ảnh nhân vật Lục Vân Tiên sau khi đánh cướp

+ Hình ảnh Kiều Nguyệt Nga

========================================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 8 – Bài 8

# Tiết 39 - LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA ( Tiếp )

**( Trích '' Truyện Lục Vân Tiên '' ) Nguyễn Đình Chiểu**

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**
     1. **Kiến thức**: HS hiểu nét chính về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm
* HS hiểu được khát vọng cứu người ,giúp đời của tg và phẩm chất của nv Lục Văn Tiên, Kiều Nguyệt Nga
  + 1. **Kĩ năng**: HS có kĩ năng đọc – hiểu một đoạn trích truyện thơ.
* HS nhận diện và hiểu td của các từ ngữ địa phương Nam Bộ được sử dụng trong đoạn trích.
* HS cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nhân vật theo quan niệm đạo đức mà tác gải đã khắc họa trong đoạn trích.
  + 1. **Thái độ** : HS yêu tác phẩm văn học và nhân vật trong tác phẩm.

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, ngôn ngữ.
* HS biết bồi đắp thêm những phẩm chất tốt đẹp như lòng dũng cảm, nhân hậu, biết ơn, yêu thương, trọng nghĩa khinh tài...

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu '' Truyện Lục Vân Tiên ''
2. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề
2. Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm, trình bày một phút.

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

\*Kiểm tra bài cũ : Cảm nhận về nhân vật LVT qua phần LVT đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga

* Vào bài mới : GV chiếu đoạn phim về cảnh Lục Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga

? Em cảm nhận như thế nào về hai nhân vật này.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ.   **- GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi**  ? Tìm hình ảnh thơ cho thấy hành động của Vân Tiên ngay sau khi đánh cướp?  ? Lời nói này giúp em hiểu chàng là người ntn?   * HS thảo luận, trả lời, bổ sung  GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân ? Khi Kiều Nguyệt Nga nói tới chuyện trả ơn Vân Tiên có cử chỉ gì.?  ? Suy nghĩ của em về nụ cười và lời nói của Vân Tiên.?  ? Điều đó thể hiện tính cách gì của chàng? | **II. Phân tích**  **1. Hình ảnh Lục Vân Tiên**   * **Lục Vân Tiên khi đánh cướp** * **Lục Vân Tiên Khi gặp Kiều Nguyệt Nga**   Hỏi : Ai than khóc ở trong xe nầy  ... Vân Tiên nghe nói động lòng Đáp rằng : ta... lâu la  Khoan khoan ngồi đó chớ ra Nàng là phận gái ta là phận trai  -> Chàng nhân hậu, thực sự thông cảm trước nỗi bất hạnh của người khác.  -> Phong thái đàng hoàng, thái độ ứng xử đúng mực của người có học.  Vân Tiên nghe nói liền cười Làm ơn há dễ cho người chịu ơn  - Nụ cười hồn nhiên, vô tư, không tính toán  -> Chàng là người hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, khước từ mọi đền đáp  Nhớ câu kiến ngãi bất vi  Làm người thế ấy cũng phi anh hùng  - Thấy việc nghĩa mà không làm thì không phải là người anh hùng -> Thể hiện phong độ và lí tưởng của một trang anh hùng hảo hán. |

? Kết thúc đoạn trích, Vân Tiên đã nói gì?

? Em hiểu hai câu thơ này có ý nghĩa ntn?

* Hs hoạt động theo cặp đôi -> trình bày
* **GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút** và yêu cầu HS nêu cảm nhận về LVT

# GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm

? Sau khi nghe Vân Tiên hỏi, Nguyệt Nga đã trả lời như thế nào?

? Em có nhận xét gì về cách trình bày vấn đề, cách dùng từ ngữ, cách xưng hô của Kiều Nguyệt Nga?

? Qua đó em thấy phẩm chất gì của Kiều Nguyệt Nga?

* HS thảo luận-> trình bày-> bổ sung.
* **GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời,** yêu cầu Hs hỏi và trả lời các câu hỏi liên quan đến nghệ thuật và nội dung .

<=> Lục Vân Tiên là nhân vật có hành động anh hùng nghĩa hiệp, vị nghĩa vong thân, sẵn sàng cứu người.

# 2. Hình ảnh Kiều Nguyệt Nga

* Kiều Nguyệt Nga đáp lại đầy đủ các câu hỏi thăm ân cần của Lục Vân Tiên ( tên, quê quán, gia cảnh, nguyên do sự tình )
* Trình bày rõ ràng, khúc chiết các vấn đề, có thưa gửi ( thưa rằng... )

-Cách dùng từ ngữ : văn vẻ, dịu dàng, mực thước ( rằng tôi liễu... )

* Cách xưng hô ( quân tử - tiện thiếp ), khiêm nhường thể hiện niềm xúc động, cảm kích

-> Kiều Nguyệt Nga là người con gái khuê các, nết na, dịu dàng, mực thước và có học thức

( Vì tuân lời cha - thể hiện sự hiếu thảo)

Lâm nguy ... cùng ngươi

* Nàng tìm cách trả ơn Vân Tiên dù biết rằng có đền đáp bao nhiêu cũng không đủ.

-> Kiều Nguyệt Nga là người ân tình ''ơn ai một chút chẳng quên''

# III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

* ít khắc họa chân dung, diễn biến nội tâm mà khắc họa nhân vật qua cử chỉ, hành động, lời nói để tự bộc lộ tính cách
* Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, đậm màu sắc Nam Bộ.
* Gần với truyện dân gian,là truyện kể mang nhiều tính chất dân gian

1. Nội dụng

<=>Khắc họa thành công vẻ đẹp của nv Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga

* ***Ghi nhớ*** *( SGK/115 )*

## Hoạt động luyện tập

* Đọc diễn cảm đoạn thơ?
* Phân tích tinh thần nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên?
* Kiều Nguyệt Nga có những phẩm chât gì?

## Hoạt động vận dụng

* Kể những tấm gương người tốt, việc tốt .

## Hoạt động tìm tòi, sáng tạo

***- Tìm xem bộ Phim Lục Vân Tiên để cảm nhận thêm về nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga***

* Học bài

\* Chuẩn bị : Miêu tả nội tâm trong văn Tự sự (Đọc vd và trả lời các câu hỏi)

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tuần 9

**Tiết 39+40**

**BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO PHỤ NỮ XƯA VÀ NAY**

* 1. **MỤC TIÊU**
     1. **Kiến thức**: - HS hiểu được về cuộc sống, về những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt; so sánh để thấy được nét đặc trưng của người phụ nữ ngày nay và phụ nữ thời xưa.
     2. **Kĩ năng**: HS có kĩ năng tổ chức được buổi triển lãm có kết hợp với thuyết trình theo chủ đề: *Nét đẹp của phụ nữ xưa và nay*.
* HS sáng tạo được những sản phẩm liên quan đến chủ đề: bài viết, vẽ, bài sưu tầm, sáng tác thơ, văn.
  + 1. **Thái độ**: HS có ý thức học tập đúng đắn.

# Năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng công nghệ thông tin.
* HS biết yêu thương, đoàn kết, có trách nhiệm, tự chủ trong cuộc sống.

# CHUẨN BỊ

1. GV: - Thời gian thực hiện: - Thời gian : Sau bài 9, GV giao nhiệm vụ cho HS .

* Thiết bị : SGK, sách TNST, đồ dùng, máy chiếu, máy tính, thiết kế giáo án…
* Hình thức hoạt động : Làm việc theo nhóm từ 6-8 hs. 2.HS: SGK, sách TNST, đồ dùng,chuẩn bị bài…

# III . CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm** | **1. HS nhận nhiệm vụ**   * Mỗi nhóm từ 6-8 học sinh , HS tự bầu nhóm trưởng. * Nhiệm vụ cụ thể theo từng nhóm :   + N1: Tìm hiểu vẻ đẹp và thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  + N2: Đánh giá vị thế, vai trò của phụ nữ trong xã hội ngày nay. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | + N3: Suy nghĩ về chuẩn mực của phụ nữ hiện đại.  + N4: Đánh giá những điều tốt đẹp và chưa tốt đẹp của xã hội ngày nay đối với phụ nữ. |
| **Định hướng học sinh tìm kiếm thông tin**  - Gîi ý häc sinh t×m kiÕm th«ng tin,  ®Æt ra mét sè c©u hái pháng vÊn. | 2. **Tìm kiếm thông tin**  - HS tìm kiếm thu thập thông tin theo chủ đề của nhóm mình :  **+** Thông tin từ sách giáo khoa Ngữ văn 9 tập 1 và SGK Ngữ văn 7  +Thông tin từ các nguồn khác: Trên Internet,báo chí, truyền hình những hình ảnh, video.  + Phỏng vấn một số nhân vật nữ thành công trong sự nghiệp ( người tốt việc tốt), HS nữ có nhiều thành tích tiêu biểu. |
| **Hướng dẫn các nhóm xử lí thông tin**  + Kiểm tra nôI dung tìm kiếm và phỏng vấn của các nhóm.  + Hướng dẫn các nhóm xử lí thông tin .  **+** Định hướng cấu trúc bài thuyết trình cho từng nhóm.  **Hỗ trợ học sinh xây dựng ý tưởng cho buổi triển lãm.**   * Họp các nhóm để thống nhất ý tưởng chung cho buổi triển lãm. phân công nhiệm vụ cho mỗi nhóm. * Điều chỉnh, góp ý cho các nhóm. * Yêu cầu nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. * Yêu cầu nhóm trưởng tập hợp sản phẩm của các thành viên trong nhóm*.* | **3. Xö lÝ th«ng tin**   * Nhóm trưởng yêu cầu các thành viên trong nhóm trình bày kết quả tìm kiếm được theo sự phân công. * Cả nhóm thống nhất lựa chọn thông tin để xây dựng cấu trúc của bài viết.   **4. Xây dựng ý tưởng cho buổi triển lãm.**   * Cả nhom trao đổi thảo luận thống nhất ý tưởng. * Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên. * Các thành viên thực hiện nhiệm vụ được phân công. * Tập hợp lại sản phẩm của tất cả các thành vien, sắp xếp , bố trí theo không gian triển lãm. |

# PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

## Chủ đề: Phụ nữ xưa và nay

( Viết các nội dung tìm kiếm được liên quan đến các từ khóa vào các ô tương ứng trong bảng sau)

Người đọc:………Ngày đọc……………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| **Cụm từ khóa** | **Nội dung đọc liên quan đến cụm từ khóa** |
| Người phụ nữ trong tác phẩm văn học trung đại |  |
| Phụ nữ thời phong kiến |  |
| Phụ nữ trong xã hội hiện đại |  |
| Chuẩn mực người phụ nữ thời hiện đại |  |
| Cách cư xử của người phụ nữ hiện đại |  |
| Chân dung người phụ nữ thành đạt |  |
| Bình đẳng giới |  |

==============================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 9- Bài 8

# Tiết 41 : TLV - MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**
   1. **Kiến thức:**

-HS nêu được về nội tâm nhân vật và miêu tả nội tâm nhân vật trong tác phẩm tự sự

-Hiểu được vai trò của miêu tả nội tâm và mối quan hệ giữa nội tâm và ngoại hình khi kể chuyện.

* 1. **Kĩ năng:** HS có kĩ năng phát hiện, phân tích tác dụng của miêu tả và kết hợp kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi làm bài văn tự sự.
  2. **Thái độ:** HS có ý thức học tập đúng đắn.

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

-HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

* + HS tự tin, nhân ái.

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy*** :- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu, phiếu học tập.
   * Dự kiến phương án tích hợp:

+ TLV - Văn : Kiều ở lầu Ngưng Bích, Mã Giám Sinh mua Kiều.

+ TLV - TLV : Miêu tả trong văn tự sự

1. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, luyện tập thực hành.
2. Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, lược đồ tư duy.

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

## \*. Ổn định lớp:

\*. ***Kiểm tra bài cũ :***

***\* Vào bài mới : GV cung cấp một số hình ảnh qua máy chiếu ( bức tranh vẽ minh họa nàng Kiều và cảnh thiên nhiên) và yêu cầu HS miêu tả ngoại hình nàng Kiều, miêu tả cảnh thiên nhiên -> dẫn dắt vào bài***

1. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ.   - **GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HS thảo luận :**  ? Tìm những câu thơ miêu tả cảnh vật và tả tâm trạng của nàng Kiều?  ? Những câu thơ tả cảnh trong bài có mối quan hệ như thế nào với việc thể hiện nội tâm của nhân vật ?  ? Tâm trạng của Kiều được thể hiện ntn qua các câu thơ trên?  - GV yêu cầu HS trình bày -> NX  ? Làm thế nào để ta nhận biết được tâm trạng này của Kiều ?  ? Qua tìm hiểu vd, em hiểu thế nào là miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự ?  ? Miêu tả nội tâm có tác dụng như thế nào với việc khắc họa nhân vật trong văn bản tự sự ?   * GV: gọi HS đọc * GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp | Tìm hiểu yếu tố nội tâm trong văn bản tự sự  * 1. **Xét ví dụ/ sgk**   **\*VD1** : Đoạn trích ''Kiều ở lầu Ngưng Bích''   * Các câu tả cảnh : + Bốn câu đầu...   + Tám câu cuối...   * Các câu tả tâm trạng : + 8 câu giữa... * Những câu thơ tả cảnh đề thể hiện rõ tâm trạng của Kiều.   -> Tâm trạng cô đơn, buồn tủi, nỗi nhớ thương người yêu và cha mẹ của Thúy Kiều.   * >Những nét tâm trạng này không quan sát được từ bên ngoài mà người viết phải miêu tả nội tâm nhân vật bằng cách tái hiện ý nghĩ, cảm xúc tâm trạng nhân vật   **=>** Miêu tả nội tâm nhằm tái hiện lại những cảm xúc, tâm trạng của nhân vật  -> Có tác dụng lớn trong việc khắc họa đặc điểm, tính cách nhân vật làm cho nhân vật sinh động.  **. ý 1- ghi nhớ** |

đôi

? Tìm chi tiết miêu tả ?

? Em hãy cho biết chi tiết đó tả gì.?

? Qua đó có thể hiện nội tâm không. Nếu có đó là tâm trạng gì. ?

# HS trình bày -> NX, bổ sung

? Qua 2 ví dụ, em thấy có những cách nào để miêu tả nội tâm nhân vật?

# Gv yêu cầu HS khái quát kiến thức bài học qua lược đồ tư duy

**\*ví dụ 2** :

Đoạn văn trong ''Lão Hạc'' của Nam Cao.

* Chi tiết : mặt co rúm, những vết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy ra, đầu nghẹo về một bên miệng móm mém, mếu...

-> Miêu tả nét mặt của Lão Hạc

=> Nội tâm đau đớn, buồn bã, xót xa của Lão Hạc khi bán chó.

* Miêu tả cảnh, nét mặt, cử chỉ... để thể hiện nội tâm

-> Miêu tả nội tâm gián tiếp

* Diễn tả trực tiếp ý nghĩ ,cảm xúc của nhân vật

-> Miêu tả nội tâm trực tiếp

# \* ý 2- ghi nhớ

1. **Ghi nhớ** ( SGK/117 )

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Nội dung cần đạt |
| ? Thuật lại đoạn trích “ Mã...Kiều” bằng văn xuôi, chú ý miêu tả nội tâm nàng Kiều?  ? Đóng vai Kiều viết đoạn văn kể lại việc báo ân báo oán?  ? Viết đoạn văn miêu tả tâm trạng của em khi làm việc có lỗi với bạn?  - HS viết và trình bày | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1** ( SGK/117 )   * Chú ý miêu tả trực tiếp suy nghĩ khi Kiều nghĩ về duyện mình và cảnh nhà * Miêu tả gián tiếp qua cử chỉ nét mặt ''Thềm hoa...'', ''Nét buồn...'' * Kể ngôi thứ 3 .   **Bài tập 2** ( SGK/117 )  + Kể ngôi thứ nhất xưng tôi  + Chú ý dẫn lời dẫn ý nhân vật khác  + Tái hiện tâm trạng Kiều lúc gặp Hoạn Thư  **Bài tập 3** ( SGK/117 ) |

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn miêu tả tâm trạng của mẹ khi biết em làm được một việc tốt .

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* Tìm đọc thêm những tác phẩm văn học có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm nhân vật
* Học thuộc ghi nhớ. Hoàn chỉnh các bài tập
* Soạn bài :Chương trình địa phương phần văn

+Tìm hiểu văn học Hưng Yên từ 1975 đến nay

+Tìm các tác giả và tác phẩm tiêu biểu

* Chuẩn bị : Báo cáo chủ đề phụ nữ xưa và nay.

=================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 10

## Tiết 47,48

**BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO PHỤ NỮ XƯA VÀ NAY**

1. **MỤC TIÊU**
   1. **Kiến thức**:

* HS hiểu được về cuộc sống, về những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt; so sánh để thấy được nét đặc trưng của người phụ nữ ngày nay và phụ nữ thời xưa.
  1. **Kĩ năng**: HS có kĩ năng tổ chức được buổi triển lãm có kết hợp với thuyết trình theo chủ đề: *Nét đẹp của phụ nữ xưa và nay*.
* HS sáng tạo được những sản phẩm liên quan đến chủ đề: bài viết, vẽ, bài sưu tầm, sáng tác thơ, văn.
  1. **Thái độ**: HS có ý thức học tập đúng đắn.

# Năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng công nghệ thông tin.
* Biết yêu thương, đoàn kết, có trách nhiệm, tự chủ trong cuộc sống.

# CHUẨN BỊ

1. GV: - Thời gian thực hiện: - Thời gian : Sau bài 9, GV giao nhiệm vụ cho HS .

* Thiết bị : SGK, sách TNST, đồ dùng, máy chiếu,máy tính,thiết kế giáo án…
  + Hình thức hoạt động : Làm việc theo nhóm từ 6-8 hs 2.HS: SGK, sách TNST, đồ dùng,chuẩn bị bài…

# CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| * *PP : Gợi mở, vấn đáp, thảo luận nhóm.* * *KT : Báo cáo, chia nhóm.* * Sau 1 tuần chuẩn bị HS trình bày sản phẩm và báo cáo bằng hình thức bốc thăm.   Lưu ý : Khi trình bày có lời giới thiệu, lời cảm ơn.   * + Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm của mình.   + GV nhận xét chung về sản phẩm và bài thuyết trình cho sản phẩm các nhóm. * Kết quả cụ thể dựa vào phiếu đánh giá hoạt động cá nhân tự đánh giá/ đánh giá đóng góp của các thành viên trong nhóm và phiếu các thành viên tự đánh giá hoạt động của nhóm. * GV photo phiếu đánh giá. * Lớp phó học tập lên điều khiển hoạt động tự đánh giá vào các gợi ý ghi trong phiếu.   GV điều chỉnh những sai sót nếu có và chốt kiến thức ; nhận xét, tuyên dương những cá nhân và nhóm làm tốt.  Hs trình bày sản phẩm của nhóm mình về góc học tập của nhóm. | **IV. Báo cáo sản phẩm**  ***1. Hình thức báo cáo và thuyết trình cho sản phẩm:***   * Trực tiếp trên sản phẩm. * Trình chiếu trên PowerPoint.   ***2. Tiêu chí đánh giá:***   * Về sản phẩm : Thể hiện được điểm tương đồng và khác biệt giữa phụ nữ xa và nay. * Về hoạt động : tích cực, chủ động, sáng tạo, đoàn kết, tôn trọng, hợp tác, tương trợ lẫn nhau. |

# V. Đánh giá hoạt động

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tên thành viên** | **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **Có những** | **Có những** | **Có những** | **Không có** | **Gây cản trở** |
| **đóng góp** | **đóng góp có** | **đóng góp** | **đóng góp** | **hoạt động** |
| **quan trọng** | **ý nghĩa cho** | **nhỏ cho** | **quan trọng** | **của nhóm** |
| **cho nhóm** | **nhóm** | **nhóm** | **cho nhóm** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

P**HIẾU CÁC THÀNH VIÊN TỰ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Tiêu chí | **4**  **Có những đóng góp quan trọng cho nhóm** | **3**  **Có những đóng góp có ý nghĩa cho nhóm** | **2**  **Có những đóng góp nhỏ cho nhóm** | **0**  **Gây cản trở hoạt động của nhóm** |
| **Tinh thần làm việc nhóm** | * Các thành viên làm việc với nhau rất tốt. * Mọi thành viên đều làm việc tích cực. * Tinh thần học tập hiệu quả, nghiêm túc. | * Các thành viên làm việc với nhau tốt. * Mọi thành viên đều có tinh thần hợp tác. * Mọi thành viên đều tham gia làm việc. | * Phần lớn thời gian làm việc với nhau tốt. * Nhiều lúc các thành viên không tập trung. * Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao. | * Không có sự hợp tác của các thành viên trong nhóm. * Các thành viên thiếu tôn trọng nhau. * Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao. |
| **Hiệu quả làm việc nhóm** | * Cả nhóm nhanh chóng tìm được giải pháp cho công việc chung. * Các thành viên đều đa ra được nhiều phương án làm việc độc đáo, hiệu quả. | * Có lúc tìm ra đợc giải pháp hiệu quả, có lúc gặp bế tắc. * Các thành viên đều đa ra được nhiều phương án làm việc khác nhau. | * Có cố gắng tìm các giải pháp hiệu quả nhưng chưa được. * Các thành viên đều đưa ra được nhiều ph- ương án làm việc   nhưng chưa hiệu quả. | * Nhóm không có ý thức tìm các giải pháp làm việc hiệu quả. * Các thành viên không có ý thức đưa ra các phương án làm việc. |
| **Trao đổi, thảo luận trong nhóm** | * Các thành viên luôn đặt câu hỏi cho nhau. * Các thành viên luôn chú ý lắng nghe và thảo luận cởi mở, dân chủ, hiệu quả * Các thành viên luôn biết cách đa ra những ý kiến và phân biệt lẫn nhau hiệu quả. | * Các thành viên đặt nhiều câu hỏi cho nhau. * Các thành viên thảo luận với nhau có hiệu quả. * Có các ý kiến phân biệt và lắng nghe. | * Các thành viên có cố gắng trao đổi ý kiến với nhau. * Ít các ý kiến phân biệt với nhau. * Thảo luận đôi khi không có hiệu quả. | * Các thành viên trong nhóm làm việc theo kiểu cá nhân không trao đổi với nhau. * Không có sự lắng nghe và phân biệt các ý kiến với nhau trong quá trình làm việc. |

--------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 11- bài 10

# Tiết 49:VB - BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

**Phạm Tiến Duật**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT HS cần :**
   1. **Kiến thức:-** Nêu được những hiểu biết bước đầu về tác giả

* Cảm nhận được nét độc đáo trong hình tượng những chiếc xe không kính,từ đó hiểu được hiện thực cuộc kháng chiến chống Mĩ
* Thấy được những nét riêng trong ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ.Đặc điểm thơ giàu chất hiện thực và lãng mạn.
  1. **Kĩ năng:** Có kĩ năng đọc, phân tích, cảm thụ bài thơ.
  2. **Thái độ:** Có lòng yêu mến, cảm phục anh bộ đội.

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

* Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp
* Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước, sống có trách nhiệm

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

* Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn : Một số tác phẩm trong kháng chiến chống Mĩ

+ Văn - TV : Điệp ngữ, liệt kê, so sánh...

+ Văn - Môi trường : Thiên nhiên ở rừng Trường Sơn

1. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK.

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, Giải quyết vấn đề, PP trực quan, Phân tích, Dùng lời có nghệ thuật
2. Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

* HĐ1 : Ổn định lớp
* HĐ2 : Cảm nhận về khổ cuối bài thơ Đồng chí của Chính Hữu ?
* HĐ3 : - GV cung cấp một đoạn Clip về tuyến đường Trường Sơn trong những năm kháng chiến chống Mĩ .

? Em biết gì về cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc.

? Đến với bài thơ này em muốn có thêm những hiểu biết gì ?

( Kĩ thuật KWL )

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1 : Đọc , tìm hiểu chung**   * PP : gợi mở – vấn đáp, trực quan, dùng lời có nghệ thuật,pp hợp đồng * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thuyết trình tích cực. * Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng CNTT, sử dụng ngôn ngữ.  GV sử dụng PP hợp đồng và Kĩ thuật thuyết trình tích cực : HS thuyết trình về tác giả qua phần trình chiếu.  * GV yêu cầu các nhóm thảo luận chuẩn xác nội dung thông tin thuyết trình (2’) * GV gọi HS thuyết trình-> NX   -**GV sử dụng PP hợp đồng và Kĩ thuật thuyết trình tích cực** : HS thuyết trình về hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của tác phẩm qua phần trình chiếu.  ? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn ?   * giọng vui tươi, khoẻ khoắn * GV hướng dẫn đọc. Đọc mẫu * Gọi HS đọc. Nhận xét.   ? Giải thích chú thích : 1  ? Bài thơ thuộc thể thơ gì?  ? Xác định phương thức biểu đạt của văn bản?  **- GV sử dụng kĩ thuật động não**  ? Hình tượng nổi bật trong bài thơ?  **Hoạt động 2: Phân tích**  \* PP: Gợi mở – vấn đáp, Phân tích, dùng | Đọc , tìm hiểu chung  * 1. **Tác giả**   ( SGK)   * 1. **Tác phẩm**      1. Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ ( sgk)   b.Đọc và tìm hiểu chú thích   * Đọc * Chú thích (sgk)  1. Thể thơ : Thơ tự do (câu dài ,nhiều câu như văn xuôi,nhịp điệu linh hoạt) 2. Phương thức biểu đạt : Biểu cảm, miêu tả 3. Hình tượng:   +Những chiếc xe không kính  +Những người lính lái xe |

lời có nghệ thuật, hoạt động nhóm

* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, kĩ thuật thảo luận nhóm, trình bày một phút.
* Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ.

# GV chiếu hình ảnh và yêu cầu HS :

?Hình ảnh trên gợi nhắc đến lời thơ nào?

# GV yêu cầu HS thảo luận nhóm lớn

+ Câu 1: Xác định biện pháp nghệ thuật ( Giọng thơ,hình ảnh thơ, BPTT, cách dùng từ, đặc điểm câu thơ)

# II. Phân tích

1. **Hình ảnh những chiếc xe không kính**

*Không cú kính khụng phải vì xe không kính*

*Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi*

-NT: + Câu thơ dài gần với văn xuôi

+Giọng điệu bình thản, hóm

+ Câu 2: Nguyên nhân dẫn đến những chiếc xe không kính?

+ Câu 3: Em hiểu gì về hiện thực của

hỉnh

+Điệp từ *''không ''bom*

+ ĐT mạnh *giật , rung*

+hình ảnh thơ chân thực, mới

cuộc chiến tranh chống Mĩ ?

* HS thảo luận -> trình bày, Bổ sung
* **GV : giảng** – chiếu hình ảnh minh họa

-Xưa nay, hình ảnh xe cộ, tàu thuyền đưa vào thơ thường mạng ý nghĩa biểu tượng.“mĩ lệ hoỏ”, “lóng mạn hoỏ” và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực VD: *"Đoàn thuyền đánh cá "hay* ***Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên***

Ở đõy PTD đưa vào thơ 1 hỡnh ảnh mới lạ, chân thực đến trần trụi,

* Hỡnh ảnh *“bom giật, bom rung”* vừa giỳp ta hỡnh dung được một vựng đất từng được mệnh danh là “tỳi bom” của dịch vừa giỳp ta thấy được sự khốc liệt của chiến tranh và đú chớnh là nguyờn nhõn để những chiếc xe vận tải khụng cú kớnh.

# GV chiếu hình ảnh :

? Không chỉ không có kính, những chiếc xe ấy còn được miêu tả ra sao?

# -GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi

? Biện pháp tu từ được tác giả sử dụng ?

lạ, độc đáo.

* Nguyên nhân : Những chiếc xe không kính do bom giật – bom rung.

=> Hiện thực chiến tranh rất ác liệt, tàn khốc, có sức tàn phá lớn khiến cho những chiếc xe *''không có kính''*.

*Không có* ***kính****, rồi xe khụng cú* ***đốn,***

*Khụng cú* ***mui*** *xe, thựng xe có xước,*

?Cảm nhận về hình ảnh chiếc xe và cuộc kháng chiến chống Mĩ.

* HS thảo luận -> trình bày, bổ sung.
* **GV tích hợp môi trường** :cuộc Chiến tranh này,đế quốc Mĩ đó sử dụng số bom đạn nộm xuống dọc hai bờn dóy Trường Sơn,( dự chưa thống kờ được hết,) cũng đó là những con số khủng khiếp. Tớnh trung bỡnh mỗi năm, 1km trờn đường Trường Sơn phải chịu đựng gần 5.000 quả bom và loạt đạn rốc-kột các loại,Số lượng lớn chất đioxin,chất độc húa học với nồng độ cao được rải đi rải lại khụng những khiến các loài động thực vật chết mà cũn gõy ụ nhiễm mụi trường nghiờm trọng và cũn làm đảo lộn hệ sinh thỏi tự nhiờn. Cú thể núi cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam là một cuộc chiến tranh hủy diệt mụi trường, hệ sinh thỏi và con người

? Như vậy, hình ảnh những chiếc xe không kính có vai trò gì trong tác phẩm ?

Tích chờ : Đồng thời hình ảnh những chiếc xe không kính cũn làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn -

> tỡm hiểu t2***.***

? Nhận ra và xây dựng hình ảnh những chiếc xe không kính thành hình tượng thơ độc đáo ,từ đó giúp em hiểu gì về tg ?

- Những chiếc xe như vậy vốn khụng hiếm trong chiến tranh, nhưng phải cú một hồn thơ nhạy cảm với nột ngang tàng, tinh nghịch thớch cỏi lạ như Phạm Tiến Duật mới nhận ra đụơc và đưa nú vào thơ thành hỡnh tượng thơ độc đỏo của thời chiến tranh chống Mĩ

**- GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút** và yêu cầu HS trình bày nội dung trên.( HS có thể yêu cầu GV giải thích thêm những vấn đề còn muốn biết)

-NT :

+ Điệp ngữ ''không có'' Nhấn mạnh

+ Liệt kê sự hư hại

nặng nề, biến dạng của những chiếc xe

-> Cuộc chiến tranh chống Mĩ ngày trở nên ác liệt.

## => Hình ảnh những chiếc xe không kính làm nổi bật nhất sự khốc liệt của hiện thực chiến tranh

* 1. **Hoạt động luyện tập.**

- Đọc diễn cảm lại bài thơ.

* Nhan đề bài thơ có gì độc đáo?
* Cảm nhận chung về những chiếc xe trong bài thơ?

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về sự ác liệt của cuộc chiến tranh chống Mĩ

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* Tìm đọc những bài viết về tác phẩm **Bài ...kính** của Phạm Tiến Duật và các bài thơ viết về chủ đề trên.
* Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung chính
* Chuẩn bị phần còn lại:

+ Phân tích hình ảnh những người lính lái xe

============================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 11- bài 10

# Tiết 50 :VB - BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

**Phạm Tiến Duật**

* + 1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC HS cần :**

1. **Kiến thức:** Cảm nhận được nét độc đáo trong hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn hiên ngang, dũng cảm, sôi nổi trong bài thơ

Thấy được những nét riêng trong ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ..Đặc điểm thơ giàu chất hiện thực và lãng mạn

1. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng đọc, phân tích, cảm thụ bài thơ.
2. **Thái độ:** Giáo dục lòng yêu mến, cảm phục anh bộ đội.

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

* Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sử dụng CNTT, năng lực thẩm mĩ, sử dụng ngôn ngữ.
* Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước, sống có trách nhiệm.

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu

* Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn : Một số tác phẩm trong kháng chiến chống Mĩ

+ Văn - TV : Điệp ngữ, liệt kê, so sánh...

+ Văn - Môi trường : Thiên nhiên ở rừng Trường Sơn

* 1. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK.

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, Phân tích, Dùng lời có nghệ thuật.
2. Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não, lược đồ tư duy, KWL, Thuyết trình tích cực.

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

* HĐ1 : Ổn định lớp.
* HĐ2 : ?Cảm nhận về hình ảnh những chiếc xe không kính trong tác phẩm ?
* HĐ3 : : Gv cho HS nghe bài hát “ Bác đang cùng chúng cháu hành quân”

? Cảm nhận về hình ảnh người lính trong cuộc kháng chiến chống Mĩ ?

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2 : Phân tích ( tiếp theo)**   * Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, Phân tích, Dùng lời có nghệ thuật * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm * Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp,năng lực thẩm mĩ, sử dụng ngôn ngữ.   ? ở ngay khổ 1, hình ảnh người lính được gợi tả qua lời thơ nào ?.  ? Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng ?  ? Người lính lái xe hiện lên trong tư thế ntn ?  ? Em hiểu ntn về hình ảnh nhìn thẳng trong lời thơ này?  - GV nhấn mạnh ''nhìn thẳng''  ? Với tư thế đó, người lính lái xe đã cảm nhận được những gì trên đường ra trận?  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi**  ? ở những lời thơ này, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  ? Đó là những cảm nhận như thế nào của những người lính?  ? Qua các lời thơ đó, em hiểu gì về những người lính lái xe?  **- HS thảo luận -> trình bày, bổ sung**  - GV giảng  **- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm**  ? Trên đường ra trận người lính lái xe phải trải qua khó khăn gì?  ? Xác định biện pháp nghệ thuật trong các câu thơ trên? | Tìm hiểu chung  1. **Phân tích**   **1. Hình ảnh những chiếc xe**  **2 Hình ảnh người chiến sĩ lái xe**  **\* Tư thế, phong thái**  Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng  NT + Từ láy gợi hình  + Điệp từ, đảo ngữ  + Giọng thơ ngang tàng  -> Tư thế hiên ngang, tự tin  Làm chủ hoàn cảnh, “ nhìn thẳng” vào khó khăn+ tới đích miền Nam.  Nhìn thấy gió vào... Nhìn thấy con đường... Thấy sao trời...  Như sa như ùa...  + NT : ĐT mạnh . Nhịp thơ dồn dập, giọng thơ khỏe khoắn  + Điệp từ, nghệ thuật tả thực xen lãng mạn  -> Cảm nhận mới mẻ, độc đáo : Tốc độ xe chạy khẩn trương, con người và thiên nhiên như hòa hợp  => Kiên cường, phong thái ung dung  Không có kính…mau thôi  + NT: So sánh, ĐT mạnh, tả thực  Lặp cấu trúc, ngôn ngữ gần với đời sống hàng ngày,giọng thơ hóm hỉnh, |

ngang tàng,từ láy.

? Qua các chi tiết trên em có cảm nhận gì về điều kiện tự nhiên nơi đây?

? Trong hoàn cảnh ấy, điều kiện ấy, hình ảnh người lính lái xe hiện lên ra sao?

# - HS thảo luận -> trình bày, bổ sung

? Tìm những lời thơ gợi tả về tình đồng chí đồng đội của người lính láI xe?

? Đoạn thơ trên có gì đặc sắc về nghệ thuật?

? Đoạn thơ trên gợi tả điều gì?

? Hình ảnh này khiến em nhớ đến lới thơ nào cũng viết về đề tài người lính

# - GV giảng và liên hệ với bài thơ Đồng chí.

? Tình cảm của những người lính lái xe được khắc họa trong câu thơ nào?

# - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân

? Em hãy nhận xét giọng thơ, hình ảnh thơ?

? Khổ thơ miêu tả điều gì?

- HS trình bày, nx

- GV : giảng( Đường ra trận mùa này đẹp lắm – TS đông nhớ TS tây)

''Rất đẹp hình ảnh lúc nắng chiều. Bóng dài trên đỉnh núi treo leo...''

# - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Tìm biện pháp nghệ thuật trong hai câu thơ cuối ?

? Em hiểu như thế nào về hình ảnh ''trái tim''?

? Hai câu thơ thể hiện nội dung gì?

- HS thảo luận, trình bày, nx.

-> Thiên nhiên khắc nghiệt, gian khổ

=> Tinh thần lạc quan, yêu đời, coi thường mọi gian khổ.

# \* Tình đồng chí, đồng đội

Những chiếc...

Bắt tay qua cửa kính ...

+NT: Giọng thơ trẻ trung, hóm hỉnh

* Tiểu đội xe không kính trú quân nơi núi rừng TS
* Các anh bắt tay nhau qua cửa xe không kính

-> Động viên, quyết tâm lập công

Bếp Hoàng Cầm ta dựng... Chung bát đũa ... gia đình đấy Võng mắc chông chênh…

Lại đi, lại đi trời xanh thêm

+ NT : Từ láy, điệp từ , ẩn dụ

- Chung bữa cơm, trò chuyện tâm tình

-> Anh em trong một gia đình

-> ý chí quyết tâm, lạc quan, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của dt

=> Tình cảm đồng chí gắn bó, keo sơn

Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim

NT + Hoán dụ (trái tim - người lính lái xe)

-> ý chí kiên cường , quyết tâm sắt đá vì sự nghiệp GPMN thống nhất đất nước - Nhiệm vụ cao cả, thiêng liêng.

? Cả khổ thơ cuối, tg sử dụng nghệ thuật gì?

? Sự đối lập đó càng giúp em hiểu rõ điều gì?

* GV giảng

# GV sử dụng kĩ thuật động não

? Cảm nhận chung của em về hình ảnh người lính lái xe trong bài thơ?

? Em có suy nghĩ gì về nhan đề bài thơ?

- Thêm từ ***bài thơ về*** :

+giải thích cho người đọc hiểu rõ một chủ đề rất mới lạ;

+Tăng tính trữ tình.

+Dụng ý của tác giả :- khai thác chất thơ từ hiện thực chiến tranh

- chất thơ của tuổi trẻ VN trong cuộc kháng chiến chống Mĩ

***-Tiểu đội xe k kớnh****:* k phải con số cụ thể mà chỉ rất nhiều , rất nhiều những chiếc xe k kớnh, k đốn, k mui làm nhiệm vụ chuyờn chở nhu yếu phẩm, đạn dược để phục vụ cho tiền tuyến Miền Nam.

? Qua bài thơ, em hiểu gì về tình cảm của tác giả ?

# - GVgiảng và liên hệ, giáo dục đạo đức

**Hoạt động 3: Tổng kết**

* PP : hoạt động nhóm
* Kĩ thuật: Lược đồ tư duy, Thuyết trình tích cực.
* Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác.
* GV yêu cầu HS khái quát nghệ thuật và nội dung bằng lược đồ tư duy

# Hoạt động luyện tập

* Đọc diễn cảm lại bài thơ.

+NT: đối lập (khó khăn><tinh thần người chiến sĩ)

=> Tình yêu nước tha thiết, cháy bỏng

<=>Những người lính lái xe trẻ trung, dũng cảm, lạc quan, tình đồng chí gắn bó, yêu nước

* Tác giả yêu mến, ca ngợi ,khâm phục, tự hào về những người lính lái xe Trường Sơn trong chiến tranh chống Mĩ gian khổ.

# III. Tổng kết

1. **Nghệ thuật:** Ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khoẻ khoắn.
2. **Nội dung**: Khắc hoạ hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời chống Mỹ, với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp những khó khăn gian khổ và ý chí giải phóng miền Nam.

***\* Ghi nhớ*** (SGK/133)

* Cảm nhận về những người chiến sĩ lái xe trong bài thơ?
* Hình ảnh người chiến sĩ lái xe gợi trong em suy nghĩ gì?

# Hoạt động vận dụng

* Tìm gặp những cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Mĩ ở địa phương em và tìm hiểu thêm về cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc và chia sẻ với bạn bè về những thông tin em đã tìm hiểu được.

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* Tìm đọc những tác phẩm viết về người lính trong cuộc kháng chiếm chống Mĩ
* Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung chính
* Hoàn chỉnh các bài tập
* Chuẩn bị kĩ tiết ''Tổng kết từ vựng'' theo các câu hỏi và bài tập SGK – Hợp đồng giao nhiệm vụ cho học sinh.

====================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 11 - bài 10

# Tiết 51 :TV\_TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG ( Tiếp )

**( Sự phát triển của từ vựng ... Trau dồi vốn từ )**

* 1. **MỤC TIÊU**
     1. **Kiến thức:** Học sinh tiếp tục hệ thống hóa một số kiến thức về từ vựng (Sự phát triển từ vựng, từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội và trau dồi vốn từ).
     2. **Kĩ năng:** HS có kĩ năng nhận diện và sử dụng từ vựng chính xác trong giao tiếp, đọc - hiểu và tạo lập văn bản.
     3. **Thái độ:** HS có ý thức tự giác học tập.

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

* Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề
* Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ, sống có trách nhiệm.

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu

* Dự kiến phương án tích hợp:

+ Tích hợp với phần từ vựng đã học từ lớp 6 -> 9

1. ***Trò:*** - Ôn lại phần lí thuyết

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP dạy học hợp đồng.
2. Kĩ thuật : Hỏi chuyên gia, động não, lược đồ tư duy.

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

## \*HĐ1 : Ổn định lớp:

***\*HĐ2: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai Nhanh hơn***

* Ba đội thi tìm từ mượn.
* Ba đội thi tìm từ nhiều nghĩa.

# Hoạt động Luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1 : Sự phát triển của từ vựng**  \*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực | **I. Sự phát triển của từ vựng** |

hành

* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, lược đồ tư duy
* Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề.

**- GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm** : Nêu các cách phát triển từ vựng dưới hình thức lược đồ tư duy

? Tìm dẫn chứng minh họa cho những cách phát triển của từ vựng trên ( theo sơ đồ

? Có thể có ngôn ngữ mà từ vựng chỉ phát triển theo cách phát triển số lượng từ ngữ hay không. Vì sao?

- HS làm việc và trình bày

# Hoạt động 2: Từ mượn

\*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP dạy học hợp đồng.

* Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực, kĩ thuật thảo luận nhóm.
* Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề.

# - GV yêu cầu HS thanh lí hợp đồng về khái niệm Từ mượn.

* HS trình bày, bổ sung.

1. Các cách phát triển của từ vựng

P. tr về nghĩa P.tr về số lượng ẩn dụ Hoán dụ Tạo từ mới Mượn từ

1. Dẫn chứng

VD :Thêm nghĩa mới cho từ ‘hoa’ : hoa hậu, hoa tai, hoa mắt

1. Mọi ngôn ngữ đều phải phát triển từ vựng theo theo tất cả các cách đã nêu (tức là phát triển cả về nghĩa và cả về số lượng từ ngữ)

# Từ mượn

1. Khái niệm từ mượn

## Khái niệm .

Ngoài từ thuần Việt do nhân dân sáng tạo , chúng ta còn vay mượn nhiều từ của tiếng nước ngoài để biểu thị svht mà Tiếng Việt chưa có từ thích hợp để biểu thị.

* Bộ phận từ mượn nhiều nhất là mượn của tiếng Hán

Bên cạnh còn mượn của một số ngôn ngữ khác :Pháp, Anh, Nga...

-> Các từ mượn đã được Việt Hoá thì viết như từ thuần Việt. Đối với những từ mượn chưa được Việt hoá hoàn toàn nhất là những từ gồm 2 tiếng , ta nên dùng gạch nối để nối các tiếng với nhau.

* Từ Hán Việt : sứ giả, tráng sĩ, giang sơn, thế giới, nhân loại, quốc gia , độc lập, tự do, hạnh phúc , phụ nữ...
* Ngôn ngữ khác : Ma-két-tinh, In-tơ- nét, Bôn-sê-vích...

1. Chọn đáp án đúng

c. Tiếng Việt mượn nhiều từ ngữ của các ngôn ngữ khác là để đáp ứng nhu cầu giao tiếp của người Việt.

# Hoạt động 3 : Từ Hán Việt

\*Phương pháp : PP luyện tập thực hành.

* Kĩ thuật : **kĩ thuật hỏi chuyên gia**
* Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề.

# - GV sử dụng kĩ thuật hỏi chuyên gia ở mục III và IV.

- HS đặt câu hỏi và nhóm chuyên gia trả lời.

# Hoạt động 5 : Trao dồi vốn từ

\*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP luyện tập thực hành, Hoạt động nhóm

* Kĩ thuật : Thảo luận nhóm.
* Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề.

? Có những hình thức trau dồi vốn từ nào.

# - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Giải thích nghĩa của những từ sau?

* HS trình bày

1. So sánh điểm khác

* Săm, lốp, ga, xăng, phanh... được Việt hóa hoàn toàn

-A-xít, vi-ta-min: từ mượn nhưng chưa được việt hóa hoàn toàn

# Từ Hán Việt

## 1.Khái niệm

* Là những từ mượn của tiếng Hán nhưng được phát âm và dùng theo cách dùngcủa tiếng Việt.

2. Chọn đáp án đúng

1. Từ Hán Việt là bộ phận quan trọng của lớp từ mượn gốc Hán

# Thuật ngữ và Biệt ngữ xã hội

1. Khái niệm

* Là những từ ngữ biểu thị khái niệm KH công nghệ thường dùng trong văn bản KHCN.
* Khác với từ ngữ toàn dõn,biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong 1 tầng lớp XH nhất định.

VD: - Tầng lớp quý tộc thời phong kiến: ( Hoàng thượng, bệ hạ, thần, khanh...)

* Tầng lớp TTS trước cách mạng T8 ( cậu , mợ, quan lớn...)
* Tầng lớp HS,SV ( học gạo, học tủ, học lệch, tủ lệch, ngỗng, gậy...

1. KHCN phát triển, trình độ của con người ngày càng cao, nhu cầu giao tiếp và nhận thức của con người về các vấn đề KHCN cũng tăng vì vậy vai trò của thuật ngữ càng trở nên quan trọng hơn.

# Trau dồi vốn từ

1. Hình thức trau dồi vốn từ
2. Học sinh giải thích

* Bách khoa toàn thư : Từ điển bách khoa ghi đầy đủ tri thức của ngành
* Bảo về mậu dịch : ( chính sách) bảo

# Hoạt động vận dụng

* Ghi chép lại những biệt ngữ xã hội thường được học sinh sử dụng, tiếp tục tìm và sửa những lỗi sai trong các bài kiểm tra.

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* Sưu tầm những bài tập liên quan đến những kiến thức đã học, làm bài để củng cố kiến thức
* Ôn lại toàn bộ phần lí thuyết
* Hoàn thành các bài tập
* Chuẩn bị tiết : Nghị luận trong văn bản tự sự.(Đọc và trả lời câu hỏi ,Xem lại một số tp vh tự sự đã học)

========================================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 11- bài 10

# Tiết 52 : TLV - NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT HS cần :**
     1. **Kiến thức:** Hiểu thế nào là nghị luận trong văn bản tự sự.
* Hiểu được mục đích của việc sử dụng yếu tố nghị luận trong văn tự sự và tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.
  + 1. **Kĩ năng:** Biết cách sử dụng yếu tố nghị luận khi làm văn tự sự.
* Phân tích được các yếu tố nghị luận trong một văn bản tự sự cụ thể
  + 1. **Thái độ:** Có ý thức học tập tự giác.

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

* Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề.
* Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ.

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu

* Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn : Lão Hạc, Thúy Kiều báo ân báo oán

+ Văn - TLV : Văn tự sự, nghị luận

1. ***Trò:*** - Học và xem trước các câu hỏi SGK

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, Phân tích
2. Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

## \*HĐ 1 : Ổn định lớp:

***\* HĐ2 : GV cung cấp hai đoạn văn tự sự cùng nội dung ( Một đoạn văn tự sự có yếu tố miêu tả, một đoạn văn tự sự vừa có yếu tố miêu tả vừa có yêu tố nghị luận).***

***? So sánh hai đoạn văn trên***

1. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| Hoạt động 1: **Tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự**  \*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích  \* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não .  \*Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề.   * GV cho HS đọc các VD – SGK  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm lớn ? Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?  ? Ngoài ra còn sử dụng PTBĐ nào?  ? Đoạn này có nội dung gì?  ? Suy nghĩ của ông giáo diễn ra như thế nào?  - HS thảo luận, trình bày, bổ sung. | 1. **Tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự**    1. **Tìm hiểu ví dụ**       1. **Ví dụ 1**(SGK/137)  * PTBĐ chính : Tự sự   ( Ngoài ra còn có yếu tố nghị luận )   * Nội dung : Suy nghĩ nội tâm của ông giáo về tính cách của người vợ, tự thuyết phục mình. * Trình tự :   -ý kiến : Nếu không tìm hiểu -> không thể hiểu được những người xung quanh  - Nhận xét : Vợ tôi không ác nhưng do thị khổ quá  Lập luận :  + Một người đau khổ chỉ nghĩ đến chân đau  + Khi khổ quá không nghĩ đến ai  + Bản tính tốt bị che lấp bởi : lo, buồn |

? Trong quá trình lập luận, tác giả đã dùng những từ ngữ, kiểu câu nào?

? Nhận xét cách lập luận trong đoạn văn trên?

? Cách lập luận đó có phù hợp với tính cách của ông giáo không. Đó là tính cách gì?

- GV cho HS liên hệ việc đánh giá nhận xét một con người.

? PTBĐ chính của đoạn thơ. Ngoài ra còn sử dụng yếu tố nào?

? Nội dung là gì?

? Trong phiên tòa đó, ai là quan tòa, ai là bị cáo?

# - GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HS thảo luận

?Thúy Kiều đã luận tội Hoạn Thư như thế nào? Em có nhận xét gì lập luận này?

? Hoạn Thư biện minh cho mình bằng những lí lẽ nào?

? Sau khi Hoạn Thư tự bào chữa, Kiều xử án như thế nào?

? Nhận xét cách lập luận của Hoạn Thư? Cách lập luận của Hoạn Thư cho thấy Hoạn Thư là người như thế nào?

- HS trình bày và NX

# - GV sử dụng kĩ tuật động não

đau

- Kết luận : Tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận.

. Các từ lập luận ( đâu, vậy, nhưng...)

. Dùng kiểu câu ghép, câu khẳng định, phủ định, câu ghép có cặp từ hô ứng

-> Lập luận chặt chẽ, rõ ràng đạt được mục đích là thuyết phục được mình.

=> Lập luận phù hợp tính cách nhân vật ông giáo ( có học thức, hiểu biết, giàu lòng thương người, luôn nghĩ suy, trăn trở, dằn vặt về cách sống, cách nhìn người, nhìn đời...)

**b. Ví dụ 2** (SGK/137+138)

* PTBĐ : Tự sự

( Kết hợp yếu tố nghị luận )

* Nội dung : Cuộc xử án của Thúy Kiều với Hoạn Thư ( Kể về cuộc đối thoại giữa Thúy Kiều và Hoạn Thư nhưng dưới hình thức nghị luận - phiên tòa )
* Trình tự :

- Kiều luận tội Hoạn Thư :

+ Đàn bà dễ có mấy tay... mấy mặt... mấy gan

+ Càng cay nghiệt... càng oan trái nhiều

-> Lập luận chưa rõ ràng, chưa chỉ ra tội của Hoạn Thư.

- Hoạn Thư tự bào chữa :

+ Là đàn bà ghen tuông là chuyện thường.

+ Đối xử tốt với Kiều (khi ở gác viết kinh, khi trốn)

+ Cảnh chồng chung khó lường

+ Nhận mọi tội - xin Kiều khoan dung

-> Kết án : Hoạn Thư được tha

* Lập luận rõ ràng, khúc chiết (đánh vào tâm lí của Kiều cũng là một người đàn bà) -> Hoạn Thư : sắc sảo, khôn ngoan, bản lĩnh

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| \*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành  \* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi.  \*Năng lực : HS có năng lực tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác.  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm**  ? Lời văn trong đoạn trích ''Lão Hạc'' ở mục I(1) là lời của ai?  ? Người ấy đang thuyết phục ai. Thuyết phục điều gì.  - HS trình bày  GV hướng dẫn HS làm bài tập dựa vào kết quả thảo luận ( VD b) | **Bài tập 1** ( SGK/139 )   * Là lời ông giáo Thứ * Thuyết phục chính mình rằng :''vợ mình không ác nhưng do thị khổ quá nên chỉ buồn chứ không nỡ giận''   -> Từ đó thuyết phục mọi người về việc hiểu người, hiểu đời...  **Bài tập 2** ( SGK/139) |

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yêu tố nghị luận để thuyết phục bạn cần trung thực trong thi cử

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Tìm đọc các bài văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận
* Học thuộc ghi nhớ . Hoàn thành bài tập
* Soạn bài : Đoàn thuyền đánh cá

+ Đọc và bài theo câu hỏi SGK

( Chuẩn bị kĩ : Đọc và tìm hiểu chung, cảnh đoàn thuyền ra khơi)

+ GV yêu cầu HS kí kết hợp đồng về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm)

========================================

## \*Kiểm tra bài cũ : cảm nhận về tình bà cháu qua bài thơ Bếp lửa

***\*Tổ chức hoạt động khởi động : GV cung cấp video về chủ đề tình mẫu tử***

***?Cảm nhận của em về tình mẫu tử***

**2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1** : **Đoc,tìm hiểu chung**   * Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Dùng lời có nghệ thuật, PP hợp đồng, PP trực quan * Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, sử dụng CNTT. * GV cung cấp thông tin về tác giả và tác phẩm ( máy chiếu) * GV yêu cầu HS thuyết trình về tác giả và hoàn cảnh ra đời bài thơ?   ? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn?   * GV hướng dẫn đọc. Đọc mẫu * Gọi 2 HS đọc lần lượt. Nhận xét. * GV yêu cầu HS giải thích chú thích   :1,2  ? Xác định thể thơ?  ? Phương thức biểu đạt của bài thơ?  ? Bài thơ có thể chia thành mấy phần. Nội dung của từng phần? | Đoc,tìm hiểu chung  * 1. **Tác giả**   (SGK)   * 1. **Tác phẩm**   \* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ   * Bài thơ được viết vào năm 1971 khi tác giả đang công tác tại chiến khu miền Tây Thừa Thiên Huế * Bài thơ được in trong tập **Đất và khát vọng**   \* Đọc và tìm hiểu chú thích   * Đọc * Chú thích : SGK * Thể thơ : 8 chữ * PTBĐ : Biểu cảm + miêu tả * Bố cục : 3 phần (3 khúc hát ru )   + Mỗi khúc hát ru có 2 lời (một lời của tác giả, một lời của người mẹ tà ôi) |

# Hoạt động 2 : Phân tích

\* Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Dùng lời có nghệ thuật, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP thuyết trình

\* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não

\* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, phân tích, cảm thụ.

# - GV chia lớp thành 6 nhóm, giới hạn thời gian ( 10) hai nhóm cùng một nội dung thảo luận

* Phát phiếu học tập cho từng nhóm, hướng dẫn thảo luận ( Phiếu thảo luận có câu hỏi )
* GV gọi HS đại diện trình bày, yêu cầu nhóm khác nhận xét

GV chốt lại kiến thức chuẩn

# Câu hỏi của các phiếu cho tất cả các nhóm

**\* Công việc của người mẹ Tà ôi**

? Biện pháp nghệ thuật gì được sử dụng?

? Cảm nhận của em về công việc của mẹ?

? Người mẹ Tà ôi là người như thế nào?

# Tình cảm của mẹ

? Tìm biện pháp nghệ thuật trong những câu thơ nói về tình cảm của mẹ ?

? Tình cảm của người mẹ được thể hiện ra sao?

# Uớc mơ của mẹ

? Em hiểu gì về ước mơ của mẹ qua những lời thơ trên ?

? Nhận xét về ước mơ của người mẹ?

# Phân tích

1. **Khúc hát ru thứ nhất:**

* Công việc :

Mẹ giã gạo ... tim hát thành lời

+ Điệp từ “ Nghiêng “ , hoán dụ

+ Từ láy gợi hình

-> Vất vả , gian khổ

-> Mẹ yêu thương con , không lúc nào xa con

* Tình cảm:

Ngủ ngon a-kay ơi…mẹ thương bộ đội NT + Điệp ngữ, đối xứng. Nhịp 4/4, cân đối. Giọng thơ nhẹ nhàng, tha thiết

-> Tình cảm : Yêu thương con gắn liền với yêu thương bộ đội.

* Ước mơ:

Con mơ cho mẹ …vung chày lún sân

-> Mẹ mơ ước sau này con sẽ trở thành một chàng trai khỏe mạnh trong lao động sx , có hạt gạo trắng để nuôi bộ đội

=> Ước mơ giản dị, chân thành

# Khúc hát ru thứ hai

- Công việc :

Mẹ đang tỉa bắp ...trên lưng

+ ẩn dụ (mặt trời -> em Cu tai)

+ So sánh

-> Công việc tỉa bắp trên núi vất vả , cực nhọc -> Người mẹ chịu thương , chịu khó , giàu lòng hi sinh

-> Mẹ yêu thương con vô bờ, coi con là ''mặt trời'' là nguồn sống, nguồn hạnh phúc...

* Tình cảm:

Ngủ ngon a-kay.... thương làng đói NT + Lặp cấu trúc, nhịp 4/4, điệp ngữ, đối xứng, giọng thơ tha thiết, trầm lắng

-> Tình yêu thương gắn liền với thương ''làng đói'' - tình nghĩa xóm làng sâu nặng.

* Ước mơ :

Con mơ ... Ka-lưi

-> Mẹ mong con sẽ trở thành một chàng trai khỏe mạnh để giúp đỡ dân làng , dân làng khỏi đói

=> Ước mơ bình dị mà lớn lao.

# Khúc hát ru thứ ba

- Công việc :

Mẹ đang ... giành trận cuối

+ Liệt kê Công việc

+ Giọng điệu: dồn dập, gian khổ,

+ Động từ nguy hiểm

-> Người mẹ Tà ôi là người chiến sĩ: anh dũng...Mẹ trực tiếp tham gia kháng chiến.

* Tình cảm :

Ngủ ngoan a-kay... thương đất nước NT + Đối xứng, lặp cấu trúc, nhịp 4/4, cân đối, giọng thơ tha thiết

-> Tình yêu thương con gắn liền với tình yêu đất nước.

* Ước mơ:

Con mơ cho mẹ ... người Tự do

-> Mơ ước được thấy Bác Hồ , mơ ước con được làm người tự do -> Mơ ước đất nước thống nhất - độc lập

=> Ước mơ cao đẹp, thiêng liêng

# - GV : Yêu cầu HS làm việc cả lớp

? Em có nhận xét gì về tình cảm và ước mơ của người mẹ qua 3 khúc hát ru ?

* Cảm nhận chung của em về người mẹ Tà ôi qua 3 khúc hát ru?

? Em hiểu gì về tình cảm của tác giả ?

# Hoạt động 3 : Tổng kết

* **kĩ thuật hỏi và trả lời**
* Hs hỏi và trả lời những yêu cầu liên quan đến nghệ thuật và nội dung bài

# 3. Hoạt động luyện tập

* Đọc diễn cảm bài thơ?

- Ước mơ , tình cảm gắn liền với công việc cụ thể nhưng có sự thống nhất, phát triển và mở rộng.

<=> Người mẹ - người chiến sĩ anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang. Tình yêu con gắn liền, thống nhất với tình yêu bộ đội, yêu làng, yêu đất nước.

* Tác giả ca ngợi, tự hào về người mẹ Tà ôi nói riêng và những người mẹ Việt Nam nói chung...

# Tổng kết

1. **Nghệ thuật**

* Nghệ thuật ẩn dụ, hình ảnh thơ mang tính biểu tượng, âm hưởng của những khúc hát ru ngọt ngào, tha thiết.

# Nội dung

* Tình yêu thương con và ước vọng của người mẹ Tà ôi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
* Lòng yêu quê hương đất nước và khát vọng tự do của nhân dân ta.

***\* Ghi nhớ*** ( SGK/155

* Cảm nhận của em về người mẹ Tà ôi?
* Câu thơ, hình ảnh nào để lại ấn tượng nhất trong em. Vì sao?

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn cảm nhận về mẹ của em.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

**-** Tìm đọc những bài thơ viết về mẹ.

* Học thuộc lòng bài thơ, nắm được nét chính về ND, NT
* Soạn bài : ''Ánh trăng'' theo nội dung ( Hợp đồng về Tác giả và tác phẩm)

+ Vầng trăng trong kí ức

+ Vầng trăng trong hiện tại

+ Suy ngẫm của nhà thơ

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 13- bài 12

**Tiết 60** : VB - **ÁNH TRĂNG**

# Nguyễn Duy

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT HS cần :**
     1. **Kiến thức:** - Nêu được vài nét về tg và hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

-Học sinh hiểu được kỉ niệm về một thời gian lao nhưng nặng nghĩa tình của người lính.

* Cảm nhận được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố trữ tình và yếu tố tự sự trong bố cục, ngôn ngữ và hình ảnh giàu suy nghĩ, mang ý nghĩa biểu tượng.
  + 1. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng đọc – hiểu văn bản thơ được sáng tác sau năm 1975
* Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm thơ để cảm thụ và phân tích thơ.
  + 1. **Thái độ:** Có tình yêu thiên nhiên, trân trọng quá khứ. Giáo dục bảo vệ môt trường.

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng CNTT, cảm thụ, phân tích.
* HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

# Chuẩn bị

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

* Dự kiến phương án tích hợp - liên hệ:

+ Văn - Văn : Một số văn bản có hình ảnh ánh trăng

+ Văn - TV : Điệp từ, nhân hóa, so sánh...

+ Văn - TLV :Văn miêu tả, tự sự, biểu cảm

1. ***Trò:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK,

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, Hợp đồng.
2. Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực, trình bày một phút, Hỏi và trả lời, Động não

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

## Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra bài cũ : cảm nhận về người mẹ vùng dân tộc Tà-ôi qua bài thơ ”Khúc..mẹ”***

***\*Tổ chức hoạt động khởi động : GV yêu cầu HS đọc những câu thơ viết về chủ đề trăng.***

***? Cảm nhận về hình ảnh ánh trăng trong những câu thơ trên.***

1. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Đoc, tìm hiểu chung**   * Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Dùng lời có nghệ thuật, PP hợp đồng   \*Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực   * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, sử dụng CNTT.   - GV yêu cầu HS thuyết trình về tác giả và hoàn cảnh ra đời bài thơ.  ? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn?  GV hướng dẫn cách đọc Gọi HS đọc-> nhận xét  GV yêu cầu HS giải thích chú thích 1,2  ? Bài thơ thuộc thể thơ gì ?  ? Phương thức biểu đạt ?  ? Bài thơ có thể chia làm mấy phần?  ? Nêu giới hạn và nội dung từng phần?  ? Em có nhận xét gì về bố cục trên?  **Hoạt động 2: Phân tích**  **\***Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm,PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật  \*Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút, Động não.  \* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, phân tích,  ? Tìm lời thơ gợi tả hình ảnh vầng trăng trong quá khứ.? | **I, Đoc, tìm hiểu chung** Tác giả ( SGK)  1. **Tác phẩm**   **\*** Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ ( SGK)  \* Đọc và tìm hiểu chú thích   * Đọc * Chú thích ( SGK) * Thể thơ: 5 chữ * PTBĐ: Biểu cảm+ tự sự +miêu tả * Bố cục: 3 phần   + P1: 2 khổ đầu : Vầng trăng trong quá khứ  + P2: 2 khổ tiếp : Vầng trăng hiện tại  + P3: 2 khổ cuối: Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả về ánh trăng, vầng trăng  -> Sắp xếp theo trình tự thời gian  **II, Phân tích**  **1. Vầng trăng trong quá khứ**  “Hồi nhỏ … tri kỉ ” |

# GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi

? Biện pháp NT được sử dụng trong đoạn thơ?

? Qua đó em hình dung ntn về hình ảnh vầng trăng trong quá khứ ?

* HS thảo luận -> trình bày -> bổ sung

? Cuộc sống của người lính trong quá khứ được gợi lên qua câu thơ nào?

# - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân

? Nghệ thuật trong khổ thơ?

? Với những năm tháng ấy, trăng biểu tượng cho điều gì ?

? Cụm từ “ tình nghĩa” thể hiện tình cảm như thế nào giữa người và trăng?

? Người lính đã tự nhủ với mình điều gì?

* HS thảo luận, trình bày, NX
* Gv giảng : Không quên những năm tháng gian lao trong cuộc đời người lính, không quên quê hương xứ sở , không quên quá khứ nghĩa tình ...

# HS hoạt động cả lớp

? Cảm nhận chung về hình ảnh vầng trăng? Và ý nghĩa biểu tượng của vầng trăng?

GV giảng –bình , tích hợp bảo vệ môi trường.

? Lời thơ nào diễn tả cuộc sống trong hiện tại của nhân vật trữ tình?

# - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm

? Biện pháp NT nào được sử dụng?

? Em hiểu gì về cuộc sống của nhân vật trữ tình qua lời thơ trên?

NT :+Giọng thơ tâm tình

+ Điệp từ “ với”,’ hồi”, liệt kê

->Trăng là hình ảnh đẹp của thiên nhiên gắn bó với tuổi thơ tươi mát.

* Trăng trở thành đồng chí, đồng đội cùng người lính chia ngọt sẻ bùi.
* Trăng gắn liến với những năm tháng gian lao trong cuộc đời người lính.

Trần trụi...

hồn nhiên như cây cỏ ngỡ không bao giờ quên

................ tình nghĩa

NT: So sánh + tính từ “ trần trụi” , “ hồn nhiên”, ẩn dụ

=> Vầng trăng biểu tượng cho vẻ đẹp hiền hậu của thiên nhiên, cốt cách người lính, cho ân nghĩa thủy chung giữa con người và thiên nhiên .

- Tình nghĩa: sự gắn bó sâu nặng giữa người và trăng

-> Tự nhủ lòng mình không quên vầng trăng

=> Vầng trăng hiền hoà, biểu trưng cho quá khứ nghĩa tình, biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị vĩnh hằng của cuộc sống

# Vầng trăng trong hiện tại

Từ hồi ...cửa gương vầng trăng đi qua ngõ

như người dưng qua đường

+ NT: Nhân hoá, so sánh, liệt kê.

-Cuộc sống hoà bình, đầy đủ tiện nghi

* Người lính đã lãng quên vầng trăng

Quên quá khứ nghĩa tình, quên

? Thái độ của người lính với vầng trăng.

* HS thảo luận -> trình bày -> bổ sung.

# - HS hoạt động cả lớp

? Tình huống mà tg gặp lại vầng trăng được thể hiện qua lời thơ nào ?

? Nhận xét cách dùng từ ngữ, giọng thơ?

? Tình huống ấy đẩy người lính rơi vào một trạng thái ntn ?

? Hành động ntn của nhân vật trữ tình ?

? Trăng xuất hiện như thế nào?

? Em có cảm nhận gì về hình ảnh vầng trăng?Việc xuất hiện hình ảnh vằng trăng có ý nghĩa gì?

? Trong hoàn cảnh trên nhân vật trữ tình có cử chỉ gì?

? Em hiểu như thế nào về câu thơ này?

? Cảm xúc của tg khi gặp lại vằng trăng được thể hiện qua lời thơ nào?

? Xác định biện pháp NT?

? Qua đó em hiểu gì về cảm xúc của nhân vật trữ tình?

GV giảng –bình

? Vầng trăng và tâm trạng của nhân vật trữ tình được gợi tả qua những lời thơ nào ?

# - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm

? Khổ thơ có gì độc đáo về nghệ thuật?

? Tác giả muốn nói lên điều gì qua những lời thơ trên ?

- HS thảo luận và trình bày, nx

những năm tháng gian lao của đất nước.

Thình lình đèn điện tắt

... vầng trăng tròn NT:

+ Từ láy,tính từ , ĐT mạnh

+ Giọng thơ mạnh mẽ

- Mất điện đột ngột, phòng cao ốc tối om -> người lính thấy ngột ngạt, bức bối

-> Khẩn trương, vội vàng tìm nguồn sáng . Người lính bất ngờ khi gặp lại vầng trăng

->Vầng trăng xuất hiện trong tình huống đặc biệt mà cũng thật tình cờ, tự nhiên.

=> Vầng trăng tròn, vẹn nguyên, không thay đổi gợi suy nghĩ cho nhà thơ,là bước ngoặt để từ đó tg bộc lộ cảm xúc.

# Suy ngẫm của nhà thơ

Ngửa mặt lên nhìn mặt

-> Sự đối diện giữa người và trăng có cái gì rưng rưng

như là đồng là bể như là sông là rừng NT:

+ Từ láy, so sánh, lặp cấu trúc

+ Giọng thơ trầm lặng

-> Xúc động , nhớ kỉ niệm xưa

Trăng cứ tròn vành vạnh

... ánh trăng im phăng phắc... mình

+ NT: Nhân hoá, từ láy

-> Kđịnh: Trăng vẫn ân tình, thuỷ chung.Trăng nhẹ nhàng mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ ...

-> Người lính nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, nông nổi trong cuộc sống.

=>Tự trách mình khi lãng quên quá khứ nghĩa tình -> thức tỉnh

=>Bài thơ là lời nhắc nhở thấm thía về

? Em hiểu gì về chủ đề của bài thơ ?

# Hoạt động 3: Tổng kết

* GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời

Và yêu cầu Hs hỏi và trả lời những câu hỏi liên quan đến NT và ND

* Qua văn bản em rút ra được bài học gì?

thái độ,tình cảm đối với những năm tháng gian lao,nghĩa tình, đối với thiên nhiên và đất nước.Bài thơ nằm trong mạch cảm xúc “uống nước nhớ nguồn” **III, Tổng kết:**

1. Nghệ thuật

* Giọng điệu tâm tình tự nhiên, hình ảnh thơ giàu tính biểu cảm.

1. Nội dung

* Bài thơ là lời tự nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước. Bài thơ củng cố ở người đọc thái độ sống ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ

***\* Ghi nhớ*** ( SGK/ 157 )

( Không quên quá khứ, cần sống có trách nhiệm với quá khứ, sống thuỷ chung, tình nghĩa...)

# Hoạt động luyện tập.

* Hình ảnh vầng trăng trong quá khứ có ý nghĩa gì?
* Cảm xúc của nhân vật trữ tình khi gặp lại vầng trăng?
* Tác giả muốn nhắc nhở, gửi gắm đến người đọc bài học gì về thái độ sống ?

# Hoạt động vận dụng

**-** Tìm gặp một số cựu chiến binh và viết về những suy nghĩ của họ đối với đất nước.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Tìm đọc những tác phẩm viết về đề tài người lính sau chiến tranh
  + Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung chính của văn bản
  + Chuẩn bị bài" Tổng kết từ vựng"

+ Trả lời các câu hỏi SGK

+ Làm các bài tập trước khi đến lớp

==================================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# TUẦN 13

**Tiết 61+62**

**BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO: NGƯỜI LÍNH TRONG MẮT EM**

* 1. **MỤC TIÊU**
     1. **Kiến thức:**
* HS hiểu được một số nét cơ bản về cuộc sống, tâm tư của người lính trong thời kháng chiến cũng như trong thời bình.
  + 1. **Kĩ năng:** HS xây dựng được kịch bản và trình diễn được tiểu phẩm về chủ đề:

*Người lính sau chiễn tranh*.

* HS sáng tạo được những sản phẩm liên quan đến chủ đề: bài viết, vẽ, bài sưu tầm, sáng tác thơ, văn…
* HS tổ chức được buổi biểu diễn tiểu phẩm kết hợp với trưng bày các sản phẩm liên quan đến chủ đề.
  + 1. **Thái độ:** HS có ý thức học tập đúng đắn.

# Năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng công nghệ thông tin.
* Biết yêu thương, đoàn kết, có trách nhiệm, tự chủ trong cuộc sống.

# CHUẨN BỊ

1. ***Giáo viên***: Sách HĐTNST lớp 9, Tổ chức DHTNST trong dạy học Ngữ văn, soạn bài, tham khảo tài liệu.
2. ***Học sinh:*** Tài liệu liên quan, đồ dùng.

**Lưu ý**: Sau khi học xong bài 12 trong SGK, GV giao nhiệm vụ cho học sinh: xây dựng kịch bản và diễn tiểu phẩm theo chủ đề: *Người lính sau chiến tranh.*

*- Chuẩn bị trong 2 tuần:*

+ Tuần 1: Nghiên cứu tài liệu, tìm kiếm thông tin*,* lên ý tưởng, sáng tác kịch bản.

+ Tuần 2: Triển khai thực hiện ý tưởng ( tập kịch, phỏng vấn, viết bài,vẽ GV linh hoạt sử dụng thời gian trên lớp để hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

# III . CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| 1. *Phương pháp: Gợi mở, vấn đáp, thảo luận nhóm.* 2. *Chia nhóm, động não, báo cáo.*   **GV giao nhiệm vụ cho HS:**  + Cá nhân đọc sách HĐTNST lớp 9.  + Hs đọc SGK Ngữ văn 9, tập một để thống kê và tra cứu những tác phẩm xuất hiện hình ảnh người lính.  + HS nhắc lại yêu cầu của việc tìm kiếm tư liệu về người lính.  - GV hướng dẫn học sinh cách tìm kiếm và liên hệ phỏng vấn: | Tìm kiếm và xử lí thông tin  * 1. **Thông tin từ SGK:**   Yêu cầu hs đọc kĩ lại 3 văn bản trong SGK: Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Ánh trăng.  Câu hỏi gợi ý:   1. *Cả 3 tác phẩm trên đều có chủ đề là gì?* 2. *Qua 2 tác phẩm “ Đồng chí” và “ Bài thơ về tiể đội xe không kính”, em thấy người lính thời chống Pháp và chống Mĩ có những điểm gì giống và khác nhau?* 3. *Những người lính trở về sau chiến tranh có tâm trạng như thế nào?*   **2. Thông tin từ các nguồn khác.**  - Tra cứu thông tin trên mạng theo các cụm từ khóa: “ *Người lính trong kháng chiến chống Pháp”, “ Người lính trong* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Lên danh sách các câu hỏi phỏng vấn:**  *Nội dung phỏng vấn cần làm rõ những vấn đề sau:*  + Nhân vật đó là ai? ( Bác cựu chiến binh hay người lính trong doanh trại quân đội).  + Nếu là cựu chiến binh: Bác tham gia đánh giặc trong khoảng thời gian nào? Kỉ niệm bác nhớ nhất trong chiến tranh là gì? Điều bác muốn nhắc nhở thế hệ trẻ hiện nay là gì?  + Nếu là người lính đang trong quân đội: Anh đang công tác trong doanh trại nào? Nhật kí một ngày làm việc của anh có gì đặc biệt? Anh có suy nghĩ gì khi được trở thành người lính phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam? | *kháng chiến chống Mĩ”, “ Người lính trong thời bình”, “ Khó khăn của cuộc đời người lính”, “ Tình đồng chí, đồng đội”…*  - Liên hệ và phỏng vấn với một bác cựu chiến binh ở địa phương, một số người lính trong doanh trại quân đội hiện nay… |
| 1. *Phương pháp: Gợi mở, thảo luận nhóm.* 2. *Chia nhóm, động não, báo cáo.*  * Nhóm trưởng yêu cầu các thành viên trong nhóm trình bày kết quả tìm kiếm được theo sự phân công. * Cả nhóm thống nhất lựa chọn thông tin để xây dựng cấu trúc của bài viết.   Lưu ý: Với nhóm 3, 4 GV cần hỗ trợ hoặc giúp các em liên lạc với bác cựu chiến binh, với những chú bộ đội trong doanh trại quân đội. | **II. Xử lý thông tin:**  **-** Định hướng cấu trúc cho từng nhóm:  + Nhóm 1: Tìm hiểu hình ảnh người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp.  + Nhóm 2: Tìm hiểu hình ảnh người lính trong thời kì kháng chiến chống Mĩ, đặc biệt là những chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.  + Nhóm 3: Liên hệ, phỏng vấn các bác cựu chiến binh ở địa phương.  + Nhóm 4: Liên hệ, phỏng vấn các chú bộ đội trong doanh trại quân đội hiện nay. |
| 1. *Phương pháp: Gợi mở, thảo luận nhóm.* 2. *Chia nhóm, động não, báo cáo.*   **-** Mỗi cá nhân trình bày và giải thích cho ý tưởng thiết kế sản phẩm của mình cả về nội dung và hình thức ( Ý tưởng phải được thể hiện trên giấy, có hình vẽ  minh họa hoặc thiế kế trên PowerPoint).   * Cả nhóm trao đổi thảo luận thống nhất ý tưởng. * Tập hợp lại sản phẩm của tất cả các | **III. Xây dựng ý tưởng:**  - Có thể soạn trên máy, in ấn hoặc có thể viết, vẽ bằng tay trang trí. |

# PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

## Chủ đề: Người lính trong mắt em

( Viết các nội dung tìm kiếm được liên quan đến các từ khóa vào các ô tương ứng trong bảng sau)

Người đọc:……………………………… Ngày đọc……………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| **Cụm từ khóa** | **Nội dung đọc liên quan đến cụm từ khóa** |
| Người lính trong kháng chiến chống Pháp |  |
| Người lính trong kháng chiến chống Mĩ |  |
| Khó khăn của cuộc đời nguwoif lính |  |
| Người lính trong thời bình |  |
| Tình đồng chí, đồng đội |  |

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 13

# Tiết 63 : TV - TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG

**( Luyện tập tổng hợp )**

**I, MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**HS cần:**

1. **Kiến thức:** HS biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học để phát triển những hiện tượng ngôn ngữ trong thực tiễn giao tiếp
2. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng phân tích giá trị nghệ thuật của từ ngữ
3. **Thái độ:** Có ý thức tự học, tự rèn luyện

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

* + HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, phân tích, tổng hợp.
  + HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

# II, CHUẨN BỊ:

1. ***Thầy:*** - Soạn giáo án có tích hợp với phần từ vựng đã học
2. ***Trò***: - Ôn tập lại lý thuyết và làm các bài tập

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP phân tích VD.
2. Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, Động não

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

## Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra bài cũ : ( không)***

***\*Tổ chức hoạt động khởi động : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi đuổi hình bắt chữ ( ND liên quan đến bài tập).***

1. **Hoạt động Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| * Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP phân tích VD * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, phân tích, tổng hợp.   **- GV sử dụng kĩ thuật động não**  ? So sánh 2 dị bản. "Gật gù" hay "gật đầu" thích hợp hơn. Vì sao?  - HS nêu các ý kiến  ? Em hiểu gì về cụm từ “ một chân sút” trong cách nói của người chồng ?  ? Nhận xét cách hiểu nghĩa từ ngữ của người vợ trong truyện cười ?  **- Gv yªu cÇu HS th¶o luËn theo cÆp**  **®«i**  ? Tõ nµo dïng theo nghÜa gèc. Tõ nµo dïng theo nghÜa chuyÓn?  ? NghÜa chuyÓn ®•îc dïng theo ph•¬ng thøc chuyÕn nghÜa nµo ?   * HS th¶o luËn vµ tr×nh bµy-> NX   **- GV yªu cÇu HS th¶o luËn theo 6 nhãm**  ? VËn dông kiÕn thøc vÒ tr•êng tõ vùng ph©n tÝch c¸i hay trong c¸ch dïng tõ cña bµi th¬?  ? T¸c dông cña viÖc sö dông nh÷ng tõ ng÷ ®ã ?   * HS th¶o luËn vµ tr×nh bµy-> NX | **Bài tập 1:** (SGK/ 158)  - "Gật gù" thích hợp hơn ( gật nhẹ nhiều lần tỏ ý đồng tình, tán thưởng, tâm đắc)  -> Nhấn mạnh tình cảm vợ chồng  **Bài tập 2**: (SGK/ 158)  + Chồng nói: "một chân sút"- cầu thủ ghi bàn giỏi  + Vợ: Hiểu là người có một chân  -> Vợ không hiểu đúng nghĩa từ ngữ  **Bài tập 3:** (SGK/158)   * Nghĩa gốc: Từ miệng, chân, tay * Nghĩa chuyển: đầu, vai ( phương thức hoán dụ)   **Bài tập 4:** (SGK/159)   * Trường từ vựng màu sắc: đỏ, xanh, hồng * Trường từ vựng lửa: lửa, cháy, tro   Hai trường từ vựng kết hợp với nhau-> hiệu quả cao: Màu áo đỏ của cô gái thắp lên trong mắt chàng trai ngọn lửa (t/yêu) khiến anh say đắm, ngất ngây( có thể cháy thành tro) lan ra không gian làm |

# Hoạt động vận dụng

* Em thấy trong giao tiếp hàng ngày cần chú ý gì khi sử dụng từ ?

# Hoạt động tìm tòi ,mở rộng

* + Tìm và làm những bài tập liên quan đến trường từ vựng, nghĩa gốc và nghĩa chuyển.
  + Chuẩn bị kĩ bài : Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận ( Đọc và trả lời các câu hỏi- SGK)

=================================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 14

# Tiết 64: TLV - LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG

**YẾU TỐ NGHỊ LUẬN**

**I, MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. **Kiến thức:** Học sinh biết vận dụng và đưa các yếu tố nghị luận vào bài văn tự sự một cách hợp lí.
2. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết đoạn văn tự sự có dùng yếu tố nghị luận.
3. **Thái độ:** Học sinh có ý thức học tập nghiêm túc.

# Định hướng năng lực – phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
* HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

# II, Chuẩn bị:

1. ***Thầy***: Soạn giáo án có tích hợp với tiết 49 "Nghị luận trong văn bản tự sự"
2. ***Trò:*** Chuẩn bị kĩ bài (phần lý thuyết và luyện tập )

# III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành
2. Kĩ thuật : động não, viết tích cực.

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

## Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra bài cũ : ( không)***

* ***Tổ chức khởi động : Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi hoa điểm mười.***

1. **Hoạt động Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1** : **Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn tự sự**   * Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành * Kĩ thuật : Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.   - GV gọi học sinh đọc ví dụ SGK/160  ? PTBĐ chính của đoạn văn trên. Kể về việc gì?  ? Ngoài ra còn có yếu tố nào?  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi**  ? Vậy yếu tố nghị luận được thể hiện ở những câu văn nào?  ? Theo em yếu tố nghị luận đó có vai trò gì?  - Hs thảo luận và trình bày  ? Qua câu chuyện chúng ta rút ra bài học gì?  **Hoạt động 2** : **Thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận**   * Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành * Kĩ thuật : Viết tích cực * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.   **- Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm : Tìm ý cho đề sau :**  ? Viết đoạn văn kể buổi sinh hoạt lớp. Trong buổi sinh hoạt đó em phát biểu ý kiến để chứng minh Nam là người bạn tốt.   * HS thảo luận và trình bày * Gv yêu cầu HS viết đoạn văn dựa vào | **I, Thùc hµnh t×m hiÓu yÕu tè nghÞ luËn trong v¨n tù sù**   1. **T×m ®äc ®o¹n v¨n** (SGK/160)  NhËn xÐt:  * PTB§: Tù sù (cã dïng nghÞ luËn) * YÕu tè nghÞ luËn:   + "Nh÷ng ®iÒu viÕt lªn c¸t ... trong lßng ng­êi"  + "VËy mçi chóng ta ... ©n nghÜa lªn  ®¸"  -> Lµm cho c©u chuyÖn thªm s©u s¾c, giµu tÝnh triÕt lÝ vµ cã ý nghÜa gi¸o dôc cao  => §©y lµ bµi häc vÒ sù bao dung, lßng nh©n ¸i, biÕt tha thø vµ ghi nhí  ©n nghÜa, ©n t×nh ...  **II. Thùc hµnh viÕt ®o¹n v¨n tù sù cã sö dông yÕu tè nghÞ luËn**  **Bµi tËp 1:** (SGK/160)  - Hoµn c¶nh ( thêi gian, ®Þa ®iÓm, ai lµ ng­êi ®iÒu khiÓn, kh«ng khÝ buæi sinh ho¹t ... )  - Néi dung-> em ph¸t biÓu ý kiÕn-> lÝ do -> thuyÕt phôc ntn (b»ng c¸ch nµo)  +Ph©n tÝch nguyªn nh©n khiÕn c¸c |

các ý đã tìm

* GV yêu cầu HS trình bày đoạn văn

# GV sử dụng kĩ thuật động não.

? Kể về những việc làm hoặc lời dạy bảo giản dị mà sâu sắc của người bà kính yêu đã làm cho em cảm động ?

GV gợi ý:

* + Người em kể là ai ?
  + Người đó đã làm, nói, s.nghĩ gì
  + Diễn ra khi nào ?
  + ND cụ thể?
* Ấn t­îng: gi¶n dÞ, s©u s¾c, c¶m

®éng ntn ?

* Em rót ra bµi häc g× ?

Gv: yªu cÇu HS viÕt ®o¹n v¨n vµ gäi Hs tr×nh bµy ®o¹n v¨n ®· viÕt

# Hoạt động vận dụng

b¹n cã thÓ hiÓu nhÇm Nam

+Nh÷ng lÝ lÏ dÉn chøng ®Ó kh¼ng

®Þnh Nam lµ ng­êi b¹n tèt

+C¶m nghÜ cña em vÒ sù hiÓu nhÇm

®¸ng tiÕc ®èi víi b¹n Nam vµ bµi häc chung trong quan hÖ b¹n bÌ.

**Bµi tËp 2**: (SGK/161)

- §èi t­îng: bµ

* Néi dung: + Lêi nãi, viÖc lµm cña bµ

+ Ên t­îng cña em

* Bµi häc rót ra
* Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận .

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Tìm đọc các bài văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.
  + Ôn lại kiến thức về văn nghị luận có yếu tố nghị luận .
  + Hoàn thành các bài tập.
  + Chuẩn bị soạn bài " Làng ".

+Đọc vb.

+Tìm hiểu về tg và hoàn cảnh ra đời tp. ( Yêu cầu HS thực hiện hợp đồng và hình thức thanh lí hợp đồng : sản phẩm là bài thuyết trình p0werpoint )

+Soạn :Tình yêu làng và tinh thần kháng chiến ở nhân vật ông Hai.

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 14 – Bài 13

**Tiết 65, 66** : VB - **LÀNG**

# Kim Lân

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**
     1. **Kiến thức**: Học sinh nêu được những nét chính về tg và tp.
* Nắm được nhân vật, sự việc, cốt truyện trong một tác phẩm truyện hiện đại.
* Cảm nhận được tình yêu làng quê thắm thiết thống nhất với lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của nhân vật ông Hai.
* Thấy được nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật, sử dụng ngôn ngữ và sự kết hợp các yếu tố miêu tả + biểu cảm trong văn tự sự.
  + 1. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng đọc, cảm thụ tác phẩm truyện hiện đại, phân tích nhân vật, tâm lí nhân vật trong tác phẩm tự sự.
    2. **Thái độ**: Giáo dục lòng yêu làng

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, sử dụng ngôn ngữ, sử dụng CNTT, cảm thụ.
* HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu nước, yêu quê hương mình, sống có trách nhiệm

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

* Dự kiến phương án tích hợp ( liên hệ)

+ Văn - Văn : Lòng yêu nước - I li a Êren bua

+ Văn - TV : Phó từ...

+ Văn - TLV : Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự

1. ***Trò :*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP thuyết trình, phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, hợp đồng.
2. Kĩ thuật : Động não Trình bày một phút, hỏi và trả lời.

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

## Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra bài cũ :*** Cảm nhận về người lính qua bài thơ **Ánh trăng** của Nguyễn Duy

## \*Tổ chức khởi động :

* Gv cung cấp video về bài hát **Làng tôi** của nhạc sĩ Văn Cao.
* Bài hát gợi cho em cảm xúc gì ?

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động** 1 : **Đọc, tìm hiểu chung**   * Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP thuyết trình, * Kĩ thuật : Hỏi và trả lời   \*HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực sử dụng CNTT. GV sử dụng PP thuyết trình và yêu cầu HS thanh lí hợp đồng về tác giả.  * **GV sử dụng PP thuyết trình và yêu cầu HS thanh lí hợp đồng về hoàn cảnh ra đời tác phẩm.**   ? VB cần được đọc với giọng điệu ntn?  - GV hướng dẫn đọc. Đọc mẫu | 1. **Đọc, tìm hiểu chung**    1. **Tác giả ( SGK)**    2. **Tác phẩm**  * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ ( SGK) * Đọc và tìm hiểu chú thích   - Đọc và tóm tắt |

Gọi 3 HS lần lượt đọc

Yêu cầu 1 HS tóm tắt cốt truyện. GV nhận xét chung

* GV yêu cầu HS chú ý chú thích 3,6,12,15,25

# - GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời .

? Văn bản thuộc thể loại gì ?

? Phương thức biểu đạt chính ?

? Nhân vật chính là ai?

? Nêu nội dung chính của truyện?

? Nêu bố cục và nội dung từng phần ?

# Hoạt động 2: Phân tích

\*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, phân tích, Dùng lời có nghệ thuật

2. Kĩ thuật : Động não, Trình bày một phút

\*HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, thẩm mĩ, cảm thụ, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

# \* GV Tích Lịch sử: Sau 1945

- GV: Yêu cầu HS chú ý phần 1

? Cuộc sống của gia đình ông Hai ở nơi sơ tán ?

? NX về cuộc sống của gia đình ông Hai ?

? Khi ở nơi sơ tán ông Hai thường xuyên quan tâm tới điều gì?

# GV yêu cầu HS thảo luận nhóm

* Chú thích
* Thể loại: Truyện ngắn
* Phương thức biểu đạt: Tự sự (có xen kẽ yếu tố biểu cảm)
* Nhân vật chính : Ông Hai

\*Nội dung truyện :Truyện đã diễn tả chân thực và sinh động tình yêu làng

,yêu nước ở Ông Hai-một người nông dân dời làng đi tản cư trong thời kì kháng chiến chống pháp.

* Bố cục : 3 phần

+ Phần 1: Từ đầu...''múa cả lên vui quá''

-> Tâm trạng của ông Hai trước khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc.

+ Phần 2; Tiếp... ''đôi phần''

-> Tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng theo giặc.

+ Phần 3: Còn lại

-> Tâm trạng ông Hai khi nghe tin cải chính.

# Phân tích

* 1. **Tâm trạng của ông Hai trước khi nghe tin làng theo giặc.**

**\* Cuộc sốngcuủa ông Hai ở nơi tản cư**

* Gia đình ông sống xa quê,xa làng Chợ Dầu yêu dấu

-Vợ chạy chợ, ông vỡ đất trồng trọt

-> Cuộc sống tuy khó khăn nhưng nề nếp.

-Ông quan tâm : Làng quê ông và cuộc kháng chiến của đất nước.

# Tình yêu làng của ông Hai

? Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm của ông đối với làng Chợ Dầu?

? Theo em, từ ''lại'' thuộc từ loại gì ?

? Việc dùng từ ''lại'' diễn tả điều gì trong tâm trí ông Hai ?

? Khi nghĩ về làng mình tâm trạng của ông Hai được bộc lộ như thế nào?

? Qua những chi tiết trên , em thấy tâm trạng của ông Hai ntn khi nghĩ về làng

# – HS thảo luận và trình bày.

? Tại sao ông Hai cảm thấy vui náo nức khi nghĩ về làng của mình?

? Qua chi tiết đó, em thấy ông Hai dành tình cảm cho làng như thế nào?

**GV: Sử dụng kĩ thuật trình bày một phút->** yêu cầu HS cảm nhận về ND và NT đoạn văn trên

? Em hãy tìm những chi tiết thể hiện thái độ, dáng vẻ của ông Hai Trên đường tới phòng thông tin ?

? Dáng vẻ trên thể hiện điều gì ?

- GV:Bình-giảng

# - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm

? Sự quan tâm của ông Hai tới kháng chiến được thể hiện qua các chi tiết nào?

? Chỉ ra những nét đặc sắc về NT qua các chi tiết trên?

? Những chi tiết này đã thể hiện tình cảm của ông Hai với kháng chiến ra sao ?

# - HS thảo luận và trình bày

* GV: giảng

? Cảm nhận về Ông Hai qua các chi tiết trên?

* GV:Khái quát

# Tích văn bản: những bài ca dao, thơ văn núi về tỡnh yêu nước :

**( Hết tiết 1)**

* Ông **lại** nghĩ về cái làng của ông
* **lại** nghĩ đến những ngày làm việc
* Ông **lại** muốn về làng, cùng anh em đào đường,đắp ụ...

+ Phó từ tiếp diễn ''lại''

-> Ông Hai luôn nghĩ về làng , nhớ về làng

* ồ, vui thế
* Ông thấy náo nức
* Muốn về làng, nhớ làng quá..,

-> Ông Hai rất vui , hạnh phúc, tự hào

-> Ông cảm thấy rất tự hào về làng của ông, đó là ngôi làng tích cực tham gia kháng chiến.

=> Tình yêu làng quê sâu sắc, tự hào về làng

# Tình yêu của ông Hai đối với kháng chiến

* Đi nghênh ngang... hai tay vung vẩy

...níu lại, cười cười

* Nắng này ...nó ( tây)

-> Thể hiện tâm trạng đầy vui sướng, tự tin.

* Vào phòng thông tin nghe báo

-Ông chẳng nghe sót một câu nào

-Ruột gan...vui quá.

+Ngôn ngữ mang tính khẩu ngữ , Miêu tả tâm lí nhân vật

->Quan tâm đến kháng chiến, Vui mừng, tin tưởng vào cuộc kháng chiến trường kì nhất định sẽ thắng lợi.

# =>Là người nông dân chất phát, yêu làng và luôn tin tưởng vào cuộc kháng chiến

? Để thể hiện tình yêu nước của Ông Hai, tác giả đã đặt nhân vật này vào tình huống nào ?

? Tác dụng của tình huống trên?

? Em có nhận xét gì về tình huống truyện đó ?

# - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi

? Hãy tìm những chi tiết thể hiện tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc?

? Theo em tác giả sử dụng bút pháp nghệ thuật gì ?

? Qua những chi tiết trên , tâm trạng của ông Hai được thể hiện ntn ?

? Vì sao ông Hai có tâm trạng như vậy ?

# HS thảo luận và trình bày

? Tìm những chi tiết nói về tâm trạng của ông Hai trên đường về?

? Em hiểu gì về tâm trạng của ông Hai?

# GV yêu cầu HS thảo luận nhóm

? Khi về đến nhà ông Hai có hành động gì ?

? BPNT được tác giả sử dụng qua các chi tiết trên ?

? Cảm nhận của em về tâm trạng của

# Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc

* + 1. **Tình huống truyện :**

Ông Hai nghe tin làng mình theo giặc của những người tản cư lên.

* Nó là cái nút thắt của câu chuyện tạo ra sự giằng xé tâm trí ông - điều kiện để thể hiện tâm trạng của ông.Giúp nhân vật bộc lộ lòng yêu nước sâu sắc, chân thực , cảm động.

Qua đó thể hiện tình yêu làng, yêu những người nông dân trong kháng chiến.

-> Tình huống truyện đặc sắc

# Diễn biến tâm trạng của Ông Hai Khi nghe tin làng theo giặc.

* **Khi mới nghe tin**
* Cổ ông lão nghẹn đắng lại, da mặt tê tê lặng đi, không thở được giọng lạc hẳn đi

+NT: Miêu tả nội tâm nhân vật đặc sắc

-> Sững sờ, ngạc nhiên đến hoảng hốt trước cái tin động trời. Trái tim ông thắt lại vì xấu hổ, uất ức.

-Vì ông vốn yêu và tự hào về làng của ông

# Trên đường về

* Tiếng chửi của người đàn bà cho con bú cứ bám theo ông
* Mặt cúi gầm xuống mà đi

-> Sự buồn bã, chán nản trĩu nặng xuống tâm can ông - ông cảm thấy đau khổ tủi cực

# Về đến nhà

* Nằm vật ra giường
* Tủi thân nước mắt cứ giàn ra

- Chúng nó ...ư ?

-Chúng nó cũng bị ...ư ?

* Chúng bay ăn ...này
* Chao ôi!...Cực nhục chưa cả làng

ông Hai qua các chi tiết trên ?

# - HS thảo luận và trình bày

GV: Kiểm điểm từng người ở lại làng , ông không tin họ đổ đốn thế . Nhưng với tâm lí không có lửa làm sao có khói buộc ông phải tin là họ đã bán nước hại dân .

# - GV yêu cầu HS hoạt động cả lớp

? Tìm những chi tiết thể hiện cuộc sống của ông Hai sau khi ông nghe tin làng theo giặc ?

? Cuộc sống của ông Hai ntn khi nghe tin làngt heo giặc ?

-GV:Giảng-bình

? Tin làng theo giặc đã đẩy gia đình ông vào hoàn cảnh nào?

? NX về hoàn cảnh gia đình Ông lúc này?

? Trong sự tuyệt vọng ấy ông đã có ý nghĩ gì ?

? Với ý nghĩ này của ông cho thấy tâm trạng của ông ra sao ?

# - Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm

? Hãy đọc đoạn đối thoại của ông Hai với con và cho biết cuộc nói chuyện ấy xoay quanh điều gì.?

?NX về nghệ thuật của đoạn văn trên?

? Tại sao ông Hai nói những điều đó với con?

? Đoạn văn trên thể hiện điều gì ?

# - HS thảo luận và trình bày

GV:Giảng-bình

? Tìm những chi tiết thể hiện tâm trạng của ông Hai khi nghe tin ''làng theo Tây'' được cải chính?

Việt gian

+ NT : Hàng loạt câu hỏi tu từ, ngôn ngữ độc thoại - độc thoại nội tâm

-> Đau khổ, xót xa, căm thù kẻ bán nước, xấu hổ và tuyệt vọng .

# \* Cuộc sống của ông sau đó

- Ông trằn trọc không sao ngủ được, không thở được lặng đi, chân tay bủn nhủn, lắng nghe để ý mọi người. Không dám bước chân ra bên ngoài.

-Tính nết: hay cáu gắt với vợ con.

-> Ông không dám nhìn mặt mọi người vì thấy quá tủi nhục.Tin làng theo giặc trở thành nỗi ám ảnh nặng nề-Sợ hãi thường xuyên

-Nghe nói có lệnh đuổi hết người làng chợ Dầu

-Mụ chủ nhà đuổi gia đình Ông đi

->Tình thế khó khăn ,bế tắc,tuyệt vọng

- Hay là về làng

-Làng thì yêu thật nhưng lại theo Tây thì phải thù.

=> Sự giằng co, cắn xé trong tâm can : Yêu làng song giờ đây tình yêu nước mạnh mẽ đã chiến thắng

# \*Cuộc nói chuyện với con

* Xoay quanh về chuyện làng, chuyện ủng hộ cụ Hồ Chí Minh , ủng hộ kháng chiến

+Đoạn văn giàu cảm xúc, ngôn ngữ đối thoại sinh động và giàu tính khẩu ngữ.

-> Nói với con để giãi bày tâm sự, thực chất là tự nhủ với mình.

=> Thể hiện tình yêu sâu sắc với làng quê ,Với đất nước và tấm lòng thủy chung với kháng chiến..

# Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin cải chính.

* Khuôn mặt tươi vui, rạng rỡ
* Đi khoe - kể về việc làng chống Tây

-Mồm bỏm bẻm nhai trầu

? Nét đặc sắc trong nghệ thuật ở các chi tiết trên?

? Theo em đó là tâm trạng như thế nào?

? Nhận xét nghệ thuật miêu tả nội tâm của tác giả ?

? Qua văn bản em thấy được điều gì về nhân vật ông Hai?

# Hoạt động 3: Tổng kết

**GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời** : yêu cầu HS hỏi và trả lời những vấn đề liên quan đến NT và ND

-Gọi HS đọc ghi nhớ

-Chia quà cho các con

-Khoe làng không theo giặc ,tây đối nhà ...đối nhẵn.

+NT: ĐT,Tính từ . Miêu tả nội tâm nhân vật

-> Tâm trạng đầy vui tươi , hạnh phúc vì làng ông không theo giặc. Một niềm vui kì lạ ngay cả khi mất mát.

+NT: Miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc

,tinh tế

<=>Lòng yêu làng thắm thiết hòa quyện với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến ở nhân vật Ông Hai.

# Tổng kết

1. Nghệ thuật

* Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.

-Tình huống truyện đặc sắc, ngôn ngữ đối thoại + độc thoại và độc thoại nội tâm linh hoạt.

1. Nội dung

* Tình yêu làng , yêu nước, yêu kháng chiến của người nông dân được thể hiện chân thực, cẩm động qua nhân vật ông Hai.

***\* Ghi nhớ*** (SGK/174)

# Hoạt động luyện tập

? Nhắc lại nét chính về tác giả Kim Lân?

? Tâm trạng của ông Hai như thế nào khi ông đang ở nơi tản cư?

? Em hiểu gì Ông Hai qua các chi tiết trên?

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về những người nông dân ở địa phương trong công cuộc lao động xây dựng đất nước.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Tìm đọc các bài viết về tác giả và tác phẩm
* Học bài, nắm chắc nội dung tiết học;
* Chuẩn bị bài Chương trình địa phương phần Tiếng Việt

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 14

# Tiết 67 : Chương trình địa phương TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG HƯNG YÊN

1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC**

HS cần:

1. **Kiến thức**: Học sinh hiểu được từ ngữ địa phương chỉ sự vật, hoạt động, tính chất,... ở Hưng Yên và nhiều vùng quê khác trên đất nước ta, từ đó thấy được sự phong phú của các phương ngữ.
2. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng sử dụng từ ngữ địa phương vào hoạt động nói, viết. Đánh giá giá trị của việc dùng từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học.
3. **Thái độ**: Thái độ tôn trọng ngôn ngữ địa phương.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp.
* HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương.

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu

* Dự kiến phương án tích hợp:

+ TV - Văn : Các tác phẩm văn học địa phương ( phần Văn )

+ TV- TV : Đồng nghĩa, đồng âm...

+ TV - Thực tế cuộc sống

1. ***Trò:*** - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn SGK,

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành,PP thuyết trình,
2. Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, Động não

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

## Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra bài cũ : ( không)***

***\*Tổ chức khởi động : Gv cho HS thi giữa hai đội***

***? Tìm những từ ngữ địa phương em và từ toàn dân tương ứng.***

1. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của** | | **thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |  |
| * Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành,PP thuyết trình, * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp.   GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.  Cho HS đọc yêu cầu 1 –SGK  - HS Thảo luận nhóm và trình bày | | | *1. Từ ngữ địa phương* | |
| TT | Nhóm từ ngữ | | Từ ngữ toàn dân | Từ ngữ Hưng Yên ( hoặc địa phương khác ) |
| 1. | Từ chỉ di tích, danh thắng, đặc sản địa phương | | nhãn không hột, nhãn quả bé... | nhãn điếc, nhãn thóc... |

# ơng HY học Hưng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 2. | Từ ngữ chỉ dụng cụ sinh hoạt và dụng cụ lao động | chổi tre, chổi rơm, chổi rễ, chổi lúa, muôi, bát to... mui (môi), bát ô tô | |
| 3. | Từ ngữ chỉ hoạt động | rửa, làm tương, sa, ngả tương, hái, ném, vay... trẩy, đáp, giật... | |
| 4. | Từ ngữ chỉ tính chất | quả ương, chỗ rẽ, quả cương, quẹo khô, khá... (ngoặt), nỏ, khớ... | |
| 5. | Các từ ngữ khác (từ để thưa, gửi, hỏi, đáp) | chẳng, mà lại, mà, chả, mà lị thây, vầng ... thôi, vâng | , mờ,  ... |
| *- HS sưu tầm dựa vào kiến thức tiết văn học địa phương (Tiết 42)*  - HS thuyết trình | |  |  |

1. **Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| * Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành,PP thuyết trình, * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác | **II. Luyện tập** |
| GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm làm một câu:  + Nhóm 1 : Câu a  + Nhóm 2: Câu b  + Nhóm 3: Câu c  Yêu cầu HS trình bày GV nhận xét chung   * Tìm từ ngữ chỉ các sự vật, hiện tượng.... không có tên gọi các phương ngữ khác và ngôn ngữ toàn dân ? * Tìm những từ đồng nghĩa nhưng | **Bài tập 1** ( SGK/175)  Tìm phương ngữ Hưng Yên:  a. Chỉ sự vật , hiện tượng...:   * Di tích, danh thắng: Đền Mây, Đền ủng, cánh đồng Tam Thiên Mẫu, đầm Dạ Trạch, đền Đa Hòa... * Vật dụng, nghề nghiệp: thợ phơ (thợ đốt gạch); ngả mốc (để làm tương); ngả tương (làm tương), thợ ngõa (thợ hồ)   b. Đồng nghĩa nhưng khác âm với từ ngữ địa phương khác và ngôn ngữ toàn |

khác âm với từ ngữ địa phương khác và ngôn ngữ toàn dân ?

* Tìm những từ đồng âm nhưng khác âm với từ ngữ địa phương khác và ngôn ngữ toàn dân ?

# GV yêu cầu cả lớp làm

* Vì sao những từ ngữ địa phương Hưng Yên (BT1) không có từ ngữ tương đương trong các phương ngữ khác và ngôn ngữ toàn dân ?
* Quan sát hai bảng mẫu ở BT1, từ ngữ nào ở trường hợp (b) và cách hiểu nào ở trường hợp (c) được coi là thuộc về ngôn ngữ toàn dân. ?
* Từ đó rút ra nhận xét gì về phương ngữ được lấy làm chuẩn của tiếng Việt ?
* Đọc đoạn trích, tìm từ ngữ địa phương ?
* Những từ đó thuộc phương ngữ nào ?
* Việc sử dụng các phương ngữ đó có tác dụng gì ?

dân:

VD: rửa - sa; nhãn không hột - nhãn điếc...

1. Đồng âm nhưng khác nghĩa với từ ngữ địa phương khác và ngôn ngữ toàn dân:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Phương ngữ HY | Từ ngữ toàn dân |  |
|  | cương: ương, chưa chín | cương: cứng |  |
|  | sa: rửa( sa rau) | sa: rơi xuống |  |
|  | bao:rửa(bao chân) | bao: bọc |  |
|  | điếc: không có hột | điếc : nghe không được, hỏng tai |  |

**Bài tập 2** ( SGK/175)

* Vì có những sự vật, hiện tượng xuất hiện ở địa phương này nhưng không xuất hiện ở địa phương khác.
* Sự xuất hiện của các phương ngữ Hưng Yên thể hiện tính khác biệt, đa dạng giữa các vùng miền về điều kiện tự nhiên và đời sống xã hội trên đất nước ta.
* Một số phương ngữ đã trở thành từ toàn dân ( vì sự vật, hiện tượng đó vốn chỉ xuất hiện ở địa phương nhưng sau đó đã phổ biến trên cả nước: long (long nhãn); tương Bần..)

**Bài tập 3** (SGK/175

* Bảng mẫu (b): các từ thuộc phương ngữ Bắc trùng với ngôn ngữ toàn dân
* Bảng mẫu (c): cách hiểu của phương ngữ Bắc phù hợp với cách hiểu chung của từ toàn dân

->Phương ngữ của người miền Bắc là thuộc về ngôn ngữ toàn dân

**Bài tập 4** (SGK/175)

* Từ ngữ địa phương: chi, rứa, nờ, tui, cớ răng, ưng, mụ

-> Thuộc phương ngữ Trung

* Tác dụng: Góp phần thể hiện chân thực hơn hình ảnh của một vùng quê và tình cảm, suy nghĩ, tính cách của một người

# Hoạt động vận dụng

* + Phương ngữ là gì. Tại sao lại có các từ ngữ địa phương như vậy?
  + Đọc một đoạn thơ ( văn ) có sử dụng phương ngữ Hưng Yên?
  + Sưu tầm những từ ngữ địa phương Hùng Cường và từ toàn dân tương ứng ?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* + Tiếp tục sưu tầm từ ngữ địa phương Hưng Yên.
  + Hoàn thành các bài tập
  + Chuẩn bị : Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự

+ Đọc bài

+ Trả lời các câu hỏi / sgk

==================================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 14 – Bài 13

# Tiết 68 : ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI VÀ ĐỘC THOẠI NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

* 1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC**
     1. **Kiến thức**: Học sinh biết thế nào là đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm và hiểu tác dụng của chúng trong xây dựng nhân vật trong văn bản tự sự.
     2. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng viết đoạn văn có sử dụng đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn tự sự.
     3. **Thái độ**: Giáo dục ý thức học tập, ý thức vận dụng kiến thức vào bài viết.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* + HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp.
  + HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ .

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* + Soạn bài, tham khảo tài liệu
  + Dự kiến phương án tích hợp:

+ TLV - Văn : Một số văn bản tự sự.

+ TLV - TV : Hội thoại

+ TLV - TLV: Văn bản tự sự

* Phương pháp : Đặt vấn đề , gợi mở -vấn đáp ...

## Trò:

* Xem lại các văn bản tự sự, chuẩn bị kĩ bài mới

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành,PP thuyết trình,
2. Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, Động não

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

## Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra bài cũ : ( không)***

***\*Tổ chức khởi động :***

***? Trong văn bản tự sự, người viết sử dụng yếu tố miêu tả để miêu tả những vấn đề gì ?***

1. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| \*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành,PP thuyết trình.   * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp.   GV yêu cầu HS đọc đoạn trích SGK. GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi  * Theo em, trong 3 câu đầu là lời của ai nói với ai? * Tham gia câu chuyện có mấy người? * Dựa vào dấu hiệu nào mà em nhận biết điều đó?   **- HS thảo luận và trình bày**   * Đây là một cuộc đối thoại. Vậy thế nào là đối thoại.  GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân  * Tiếp tục tìm hiểu câu nói : ''Hà nắng gớm, về nào'' ông Hai nói với ai? * Mục đích của lời nói đó? * Theo em đây có phải là lời đối thoại không? Vì sao? * Hãy tìm trong đoạn văn những câu văn có hình thức tương tự câu trên. * Các câu là những lời độc thoại. Vậy theo em thế nào là độc thoại? | Tìm hiểu yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn tự sự.  * 1. **Tìm hiểu ví dụ** (SGK/176)      1. Đây là lời nói của một người làng chợ Dầu và một người ở nơi tản cư.   + Có hai người tham gia qua lượt lời nói  + Nội dung nói của mỗi người hướng về người tiếp chuyện.  + Hình thức : Gạch đầu dòng trước mỗi lượt lời.  => Đối thoại ( **ý 2 ghi nhớ**)   * + 1. ''Hà nắng gớm, về nào''   Đây là lời nói bâng quơ với chính mình - đánh trống lảng, rút lui (không hướng tới ai)  -> Đây không phải là một lời đối thoại vì không hướng tới đối tượng nào cả. Trước câu nói có gạch đầu dòng  *-* Chúng bay ăn miếng ... này  => Độc thoại:  + Nói với chính mình hoặc ai đó trong tưởng tượng  + Trước câu nói có gạch đầu dòng |

# - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm lớn

* Những câu ''Chúng nó cũng là ... đầu'' là những câu ai hỏi ai?
* Tại sao trước những câu này không có gạch đầu dòng như những câu ở VD (a,b) đã nêu.
* Em hãy so sánh câu này với các câu ở VD(b). ( Về nội dung, hình thức )

# - HS thảo luận và trình bày

* Hình thức của các câu phần VD(c) chính là độc thoại nội tâm. Vậy thế nào là độc thoại nội tâm?
* Các hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện diễn biến câu chuyện; trong xây dựng tâm lí nhân vật ông Hai?
* Theo em hình thức này được sử dụng chủ yếu trong kiểu văn bản nào?
* Qua tìm hiểu ví dụ trên, em hiểu thế nào là đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm?

# ( Điểm 1- ý 3 ghi nhớ)

1. Đây là những câu ông Hai hỏi chính mình.

* Nó không có gạch đầu dòng vì nó diễn ra âm thầm trong suy nghĩ của ông.

+ Nội dung : Cùng là lời nói của ông Hai với chính mình

+ Hình thức :

Được nói ra ( có gạch đầu dòng)

Diễn ra trong suy nghĩ (không có gạch đầu dòng)

=> Độc thoại nội tâm ( **Điểm 2 - ý 3 ghi nhớ)**

1. Tạo ra không khí của cuộc sống thật, thể hiện thái độ căm ghét của những người tản cư với bọn bán nước theo giặc. Khắc sâu tâm trạng đau đớn giằng xé trong tâm can của ông Hai ( Miêu tả nội tâm của ông Hai )

=> **ý 1 ghi nhớ**

1. **Ghi nhớ** (SGK/178)

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| * Phân tích tác dụng của hình thức đối thoại trong đoạn trích. * Viết đoạn văn kể chuyện( đề tài tự chọn ) trong đó sử dụng hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1** (SGK/178)  - Có 3 lượt lời của bà Hai :  + Lần đầu ông Hai không đáp nằm ủ rũ  + lần 2 ông Hai nhúc nhích ''gì''  + lần 3 ông chỉ nói ''biết rồi''  -> Tâm trạng đầy chán chường  **Bài tập 2** ( SGK/178)  ( Chú ý xây dựng các nhân vật trong cuộc đàm thoại ) |

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn tự sự theo chủ đề tự chọn có sử dụng các kiểu ngôn ngữ trên.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

***-*** Tìm hiểu các bài tập liên quan .

* Học bài thuộc ghi nhớ
* Hoàn thành các bài tập
* Chuẩn bị : Luyện nói... miêu tả nội tâm ( Chuẩn bị theo phần 1)

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tuần 15 - bài 13

**Tiết 69** : **LUYỆN NÓI : TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI NGHỊ LUẬN VÀ MIÊU TẢ NỘI TÂM**

1. **MỤC TIÊU**
2. **Kiến thức**: - HS nắm vững kiến thức về tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong kể chuyện.

* Học sinh hiểu được vai trò của tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.

# Kĩ năng:

* HS nhận biết được các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong một văn bản.
* HS sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn kể chuyện.

1. **Thái độ**: Giáo dục tính mạnh dạn, tự tin trình bày trước tập thể.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp.
* HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ .

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* Soạn bài, tham khảo tài liệu
* Dự kiến phương án tích hợp:

+ TLV - TLV : Nghị luận trong văn bản tự sự ; Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.

+ TLV - Văn : Chuyện người con gái Nam Xương

* Phương pháp : Đặt vấn đề , gợi mở -vấn đáp ...

## Trò:

* Xem lại các văn bản tự sự, chuẩn bị kĩ bài mới

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành,PP thuyết trình,
2. Kĩ thuật : Động não

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

## \* Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra bài cũ :***

Thế nào là đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn tự sự. Các hình thức giao tiếp đó có tác dụng gì?

* Làm bài tập 2 ( SGK/178)

## \*Tổ chức khởi động : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi hoa điểm mười.

1. **Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| * Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành,PP thuyết trình, * Kĩ thuật : Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp.   GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.  ? Theo em việc nói, trình bày có thường xảy ra hàng ngày không. Nó có vai trò như thế nào?  ? Khi nói cần đảm bảo yêu cầu gì?  **GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận nội dung**  + Nhóm 1 : làm bài tập 1  + Nhóm 2 : Làm bài tập 2  + Nhóm 3 : Làm bài tập 3  **GV yêu cầu HS thuyết trình về nội dung bài luyện nói**  Gọi nhóm khác nhận xét nhóm của bạn GV nhận xét chung các lỗi ( cả nội dung và hình thức ) | **I. Chuẩn bị ở nhà**   * Đề 1 * Đề 2 * Đề 3   **II. Luyện nói trên lớp**  **1. Vai trò, ý nghĩa của yếu tố nói**   * Thường xuyên xảy ra trong cuộc sống. Nó có vai trò to lớn trong giao tiếp, nó giúp ta diễn đạt trực tiếp tư tưởng tình cảm... * Yêu cầu :   + Nói rành mạch, có giọng điệu tự nhiên, tư thế ngay ngắn, mắt hướng vào người nghe.  + Các ý chặt chẽ, có mở đầu, nội dung chính và kết thúc.  + Cần phân biệt giữa nói và đọc đoạn văn. Thực hànhThảo luận về nội dung dàn ý từng đề b **Trình bày bài luyện nói** |

1. **Hoạt động vận dụng**
   * Tự luyện nói với hai đề còn lại trước bạn .

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* + Tìm hiểu những bài thuyết trình của những người nổi tiếng : Nghe và ghi lại những điều học được.
  + Chuẩn bị văn bản : Lặng lẽ Sa Pa:

+ Tác giả, tác phẩm

+ Ngôi kể

+ Các nhân vật phụ

+ Nhân vật anh thanh niên

==================================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 15- Bài 14

# MỤC TIÊU

**Tiết 70,71** – VB : **LẶNG LẼ SA PA**

# (Nguyễn Thành Long)

* + 1. **Kiến thức**: Học sinh thấy được vẻ đẹp của hình tượng con người lao động thầm lặng cống hiến quên mình vì Tổ quốc trong tác phẩm.
  + HS hiểu được nghệ thuật kể chuyện, miêu tả sinh động, hấp dẫn trong truyện.
    1. **Kĩ năng**: HS nắm bắt được diễn biễn truyện và tóm tắt được truyện.
  + HS phân tích được nhân vặt trong tác phẩm tự sự.
  + HS cảm nhận được một số chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm.
    1. **Thái độ**: HS có ý thức trân trọng những người lao động.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* + HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, thẩm mĩ, ngôn ngữ, cảm thụ.
  + HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương, sống có trách nhiệm.

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* + Soạn bài, tham khảo tài liệu
  + Dự kiến phương án tích hợp – liên hệ

+ Văn - Văn : Một số tác phẩm viết về đề tài xây dựng XHCN

+ Văn - TLV : Người kể chuyện trong văn bản tự sự.

* + Phương pháp : Đặt vấn đề , gợi mở - vấn đáp , dùng lời có nghệ thuật

## Trò:

* + Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK,

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP phân tích,PP thuyết trình, giảI quyết vấn đề, dùng lời có nghệ thuật.
2. Kĩ thuật : Động não, trình bày một phút, hỏi và trả lời.

# VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

## \* Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra bài cũ :***

* + Tâm trạng của ông Hai biến đổi như thế nào khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc ?

## \*Tổ chức khởi động : GV cung cấp một số hình ảnh về thiên nhiên và con người sa pa

* ***Cảm nhận về Sa Pa qua các bức ảnh trên?***
* ***GV giới thiệu vào bài.***

1. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ1** : **Đọc,Tìm hiểu chung** | **I. Đọc,Tìm hiểu chung** |

\* Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP thuyết trình, giảI quyết vấn đề

\*Kĩ thuật : Động não, hỏi và trả lời.

**\*** HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo.

# - GV gọi HS thuyết trình tích cực về tác giả

? Văn bản ''Lặng lẽ Sa Pa được ra đời trong hoàn cảnh nào?

? VB cần được đọc với giọng điệu ntn?

* GV hướng dẫn đọc và đoạc mẫu
* GV gọi HS đọc -> NX
* Yêu cầu một HS tóm tắt lại văn bản.
* GV yêu cầu HS chú ý một số chú thích –SGK

# - GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời

? Văn bản thuộc thể loại gì?

? Phương thức biểu đạt ?

? Nhận xét gì về cốt truyện và tình huống cơ bản của truyện ?

? Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể này ?

GV : Đây là sáng tạo của tác giả...

? Tác phẩm là ''một bức chân dung''. Theo em đó là chân dung ai? Chân dung đó được hiện ra trong cái nhìn, suy nghĩ của nhân vật nào?

# GV sử dụng kĩ thuật động não

? Em có nhận xét gì về tên của các nhân vật trong truyện ngắn?

# HĐ 2: Phân tích

* Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP phân tích,PP thuyết trình, giảI quyết vấn đề, dùng lời có nghệ thuật.

# Tác giả ( SGK)

1. **Tác phẩm**

* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ ( SGK)
* Đọc, tóm tắt, tìm hiểu chú thích
* Đọc và tóm tắt
* Chú thích
* Thể loại : Truyện ngắn
* PTBĐ : Tự sự (kết hợp miêu tả, biểu cảm, lập luận)
* Cốt truyện đơn giản kể lại cuộc gặp gỡ tình cờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư và bác lái xe với anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn (Sa Pa)
* Ngôi kể : Ngôi thứ ba (qua điểm nhìn của ông họa sĩ già, có những đoạn nhỏ qua điểm nhìn của cô kĩ sư) -> Câu chuyện chân thực, khách quan đồng thời làm nổi bật chất trữ tình.
* Nhân vật chính của truyện là anh thanh niên qua cái nhìn, suy nghĩ của nhân vật khác (ông họa sĩ, cô kĩ sư...)
* Nhân vật (chính, phụ) đều không có tên cụ thể, nó có thể là bất kì một cái tên nào đó của một con người nào đó đang lặng lẽ hiến dâng cho đời, cho tổ quốc (cái tôi, cái riêng đặt trong cái chung, cái cộng đồng)

# Phân tích

* Kĩ thuật : Động não, trình bày một phút
* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, thẩm mĩ, ngôn ngữ, cảm thụ.

# - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Tìm chi tiết thể hiện cảm nhận của ông họa sĩ về cảnh thiên nhiên Sap pa và anh thanh niên.

? Qua các chi tiết trên , em thấy ông họa sĩ là người ntn.

? Ông họa sĩ đóng vai trò gì trong truyện?

- HS thảo luận và trình bày -> NX

# - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân

? Tìm chi tiết thể hiện cảm xúc của cô kĩ sư trong cuộc gặp gỡ với anh thanh niên ?

?Từ khi gặp anh thanh niên, cô kĩ sư có suy nghĩ gì về nghề nghiệp, cuộc sống, tình yêu ?

? Vậy theo em anh thanh niên có ảnh hưởng như thế nào đối với cô kĩ sư?

? Trong câu văn sau ''Vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô'' thì ''bó hoa'' theo em hiểu là

# Các nhân vật phụ

* 1. **Ông họa sĩ già**
* "Nắng bây giờ ... màu xanh của rừng''

-> Có năng lực quan sát và tưởng tượng đầy cảm xúc của người nghệ sĩ -

> Tha thiết với vẻ đẹp của Sa Pa.

* Họa sĩ thấy cảm động
* Ông cảm giác mình bối rối
* Bắt gặp một điều ông vẫn ao ước ... đi dài''

-Người con trai ấy đáng yêu thật

-Thanh niên bây giờ...như con bướm

-> Đó là cách nhìn mới mẻ, tin tưởng và hi vọng vào người lao động trẻ tuổi.

=> Biết trân trọng vẻ đẹp cuộc sống và có quan điểm nghệ thuật đúng đắn.

* Ông họa sĩ là điểm nhìn trần thuật

-> Tác giả muốn gửi gắm tình cảm, suy nghĩ của mình về con người và nghệ thuật (Một người nhìn cuộc đời có nhiều kinh nghiệm. Một người họa sĩ có con mắt nghệ thuật...)

# Nhân vật cô kĩ sư.

* Cô thấy ''bàng hoàng''
* ''cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh''

-> Tình cảm mến mộ, khâm phục anh thanh niên.

* Tin vào con đường mình đã chọn, cô đang đi tới (lên miền núi công tác)
* Giúp cô đánh giá đúng hơn mối tình nhạt nhẽo mà cô đã từ bỏ.

-> Cô kĩ sư đã bừng dậy những tình cảm lớn lao, cao đẹp khi gặp ánh sáng đẹp đẽ tỏa ra từ cuộc sống, từ tâm hồn của anh thanh niên.

* ''Bó hoa'' là thấp thoáng một tình yêu của những con người cùng một lí tưởng, là sự đồng cảm lớn của người cùng thế hệ.

gì?

# HS hoạt động cả lớp

* 1. **Nhân vật bác lái xe**

- Kích thích sự chú ý, đón chờ sự xuất

? Bác lái xe có vai trò gì trong tác phẩm?

? Khi bác lái xe giới thiệu hấp dẫn như vậy, điều gì sẽ xảy ra?

? Ngoài ba nhân vật trên, tác phẩm còn có những nhân vật phụ nào?

? So sánh cách xuất hiện của 2 nhân vật này so với 3 nhân vật phụ trước. Theo em 2 nhân vật này xuất hiện gián tiếp qua lời của ai?

? Em có nhận xét gì về các nhân vật phụ này?

? Sự xuất hiện của các nhân vật phụ đó có ý nghĩa gì?

# - GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút và nêu cảm nhận về các nhân vật

**( Hết tiết 1)**

? Trước khi nhân vật xuất hiện, tác giả đã để bác lái xe giới thiệu về anh thanh niên như thế nào?

? Cách giới thiệu này có tác dụng gì ?

GV: Và cuộc gặp gỡ tình cờ đã xảy ra...

# - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm lớn

?Tìm chi tiết nói về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên.

? Em hiểu gì về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên.

? Qua đó, anh thanh niên là người ntn?

* HS thảo luận -> trình bày, NX

hiện của anh thanh niên

* Bác tạo ra tình huống truyện : cuộc gặp gỡ tình cờ giữa ba người (ông họa sĩ, cô kĩ sư, anh thanh niên)

# Các nhân vật khác

* Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa quan sát cách lấy mật của ong, thụ phấn hàng loạt cây su hào.
* Anh cán bộ nghiên cứu 11 năm chờ sét để lập bản đồ sét tìm tài nguyên cho đất nước.

-> Xuất hiện gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên (ông họa sĩ, cô kĩ sư, bác lái xe xuất hiện trực tiếp)

=> Đó là những con người miệt mài, lặng lẽ say mê quên mình vì lợi ích của đất nước, vì cuộc sống của mọi người.

-- Họ góp phần hoàn thiện chủ đề và làm đẹp hình tượng anh thanh niên

# Nhân vật anh thanh niên

* + **Hình ảnh anh thanh niên**
* Một trong những người cô độc nhất thế gian
* Anh ''thèm người''

-> Tạo ấn tượng, gây ra sự tò mò khiến mọi người muốn tiếp xúc với nhân vật ( Điều này còn tạo ra tình huống truyện...)

# Anh thanh niên với công việc

* Làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao hơn 2600 m
  + Một mình trên đỉnh núi cao quanh năm chỉ có cỏ cây và mây mù.

=> Hoàn cảnh sống và làm việc cô đơn, vắng vẻ, khắc nghiệt, không một bóng người (Hoàn cảnh đặc biệt)

* + - Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hàng ngày
    - Thời điểm : 4h, 11h, 7h , 1h sáng

-> Phục vụ đời sống sản xuất và chiến đấu.

-> Cẩn thận, tỉ mỉ, và có tinh thần trách nhiệm cao.

# HS hoạt động cả lớp

* + Anh đã tâm sự với hai vị khách điều gì ?
  + Lời tâm sự đó chứng tỏ điều gì ?

-. Em hãy tìm các chi tiết thể hiện thái độ của anh thanh niên với công việc?

* + Đó là thái độ ntn?
  + Từ thái độ đó, anh có suy nghĩ gì về công việc?
  + Em hãy nhận xét về suy nghĩ đó của anh thanh niên?
  + Ngôn ngữ mà tác giả sử dụng ở những chi tiết này?
  + Em hiểu gì về anh thanh niên?

# - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm lớn

? Tìm những chi tiết nói về tích cách, phẩm chất của anh thanh niên.

? Những chi tiết đó cho thấy phẩm chất gì của anh thn?

* HS thảo luận , trình bày, NX
* Nửa đêm nằm trong chăn..làm việc với những con số chính xác

-> Lời tâm sự chân thật

-> Anh đã chiến thắng bản thân , vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ

* Thấy mình ''hạnh phúc'' khi phát hiện đám mây khô góp phần vào chiến thắng ở Hàm Rồng.

-> Có ý thức với công việc và yêu nghề, thấy công việc của mình là có ích.

* Suy nghĩ về công việc :

''Vả,khi ta làm việc ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được ... chứ cất nó đi cháu buồn chết mất.''

''Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc -''

-> Những suy nghĩ đúng đắn, sâu sắc về công việc, đối với cuộc sống con người.

+Ngôn ngữ đối thoại tự nhiên

=> Anh thanh niên là người yêu nghề , có những suy nghĩ đẹp về nghề nghiệp và cuộc sống

# \* Tính cách, phẩm chất của anh thanh niên

* Thích và say mê đọc sách
* Trồng hoa, nuôi gà, đọc sách, và tự học ngoài giờ làm việc

-> Anh thanh niên có thế giới tinh thần phong phú

* Một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm.

-> Tổ chức, sắp xếp cuộc sống thật

# - HS hoạt động cả lớp

? Khi xây dựng n.vật anh thanh niên,tác giả đã tạo ra 1 t/huống truyện ntn?

? Nhận xét về NT dẫn truyện, ngôn ngữ truyện của t/giả ?

? Qua phân tích trên, em thấy ''bức chân dung'' anh thanh niên được khắc họa như thế nào?

- Qua nhân vật anh thanh niên, tác giả muốn khẳng định điều gì?

# - GV sử dụng kĩ thuật động não

* Em có suy nghĩ gì về nhan đề tác phẩm?

# HĐ 3: Tổng kết

* KT : hỏi và trả lời
* Năng lực : tự học.

# - GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời yêu cầu HS khái quát về nội dung và nghệ thuật.

ngăn nắp, chủ động.

* Biếu tam thất cho bác lái xe
* Trong cuộc gặp gỡ tình cờ :

-Cắt hoa tặng cô gái

* Pha trà - nói chuyện vui vẻ
* Mang làn trứng để cho họ ăn trưa.

-> Anh chu đáo, cởi mở, hiếu khách

* Thấy mình chưa xứng đáng được vẽ
* Giới thiệu cho ông họa sĩ về ông kĩ sư vườn rau, đ/c nghiên cứu KH...

-> Khiêm tốn, giản dị và cảm phục với những con người đang ngày đêm cống hiến cho tổ quốc ở Sa Pa

# NT:

**-Tình huống truyện tự nhiên, hợp lí .**

**-Dẫn truyện tự nhiên, linh hoạt, ngôn ngữ đối thoại.**

=> Chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc nhưng tác giả đã khắc họa ''một bức chân dung'' - anh thanh niên với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.

# -> Vẻ đẹp của những con người lao động bình thường có lí tưởng sống cao đẹp, yêu nghề, yêu đời,

**- SaPa là nơi yên tĩnh , nhắc đến Sa pa người ta chỉ nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi nhưng ở đó lại có những con người đang lặng lẽ cống hiến sức mình cho công cuộc xây dựng đất nước**

1. **Tổng kết**
2. Nghệ thuật

+ Xây dựng tình huống hợp lí, Kết hợp tự sự, biểu cảm, bình luận.

1. Nội dung

* ***Ghi nhớ*** (SGK/189)

# Hoạt động luyện tập

* + Chủ đề của truyện là gì?
  + Anh thanh niên có những phẩm chất, tính cách gì ?
  + Qua đây em có suy nghĩ gì về những con người lao động ở Sa Pa nói riêng và phục vụ tổ quốc nói chung ?

# Hoạt động vận dụng

* + Viết đoạn văn cảm nhận về những con người lao động ở địa phương em ?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

***-*** Tìm đọc các tác phẩm viết về hình ảnh người lao động.

* Học bài, thuộc ghi nhớ
* Hoàn thành các bài tập phần luyện tập
* Chuẩn bị bài viết TLV số 3 : Văn tự sự có dùng yếu tố nghị luận, đối thoại, độc thoại... (Xem kĩ các đề SGK)

==================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 15-16

# Tiết 72,73 - VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3

* 1. **MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA**
     1. **Kiến thức**: Học sinh vận dụng kiến thức về văn tự sự kết hợp yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm trong bài viết của mình.
     2. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng diễn đạt và viết một bài văn hoàn chỉnh.
     3. **Thái độ**: Giáo dục ý thức tự giác, nghiêm túc khi làm bài.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, ngôn ngữ.
* HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương, sống có trách nhiệm.

# II, HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

**- Tự luận: 100%**

1. **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| **Văn tự sự** | Thế nào là | Hiểu được |  | Kể lại kỉ niệm đáng |  |
| kết hợp với | nghị luận | tác dụng của | nhớ giữa em với thầy |
| yếu tố miêu | trong văn | yếu tố miêu | (cô) giáo cũ ( kết hợp |
| tả nội tâm và | tự sự | tả nội tâm | với yếu tố nghị luận |
| nghị luận | trong đoạn | và miêu tả nội tâm) |
| văn tự sự |
| Số câu | Số câu:1 | Số câu:1 |  | Số câu:1 | Số câu:3 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số điểm Tỉ lệ % | Số điểm 1 Tỉ lệ 10 % | Số điểm: 2 Tỉ lệ 20 % |  | Số điểm :7  Tỉ lệ 70% | Số điểm:10 Tỉ lệ 100 % |
| **Tổng** | Số câu:1 Số điểm 1 Tỉ lệ 10 % | Số câu:1 Số điểm: 2 Tỉ lệ 20 % |  | Số câu:1 Số điểm :7  Tỉ lệ 70% | **Số câu:1**  **Số điểm:10 Tỉ lệ 100%** |

1. **THIẾT LẬP ĐỀ KIỂM TRA**

Câu 1 : Thế nào là nghị luận trong văn tự sự ?

Câu 2: Chỉ ra yếu tố miêu tả nội tâm trong đoạn văn sau và nêu tác dụng :

Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên bần bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi. Cặp mắt đen của em lúc này buồn thăm thẳm, hai bờ mi đã sưng mọng lên vì khóc nhiều. ( Cuộc chia tay của những con búp bê)

Câu 3 : Nhân ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, em hãy kể lại một kỉ niệm đáng nhớ giữa em và thầy, cô giáo cũ.

# HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

Câu1( 1đ)Trong văn tự sự , để người đọc phải suy nghĩ về một vấn đề nào đó, người viết và nhân vật có khi nghị luận bằng cách nêu lên các ý kiến, nhận xét, cùng những lí lẽ, dẫn chứng. Nghị luận giúp cho câu chuyện thêm phần triết lí. Câu 2 (2đ)

* Miêu tả gián tiếp nội tâm nhân vật qua nét mặt, cử chỉ, hành động.
* Thể hiện diễn biến tâm trạng nhân vật : đau đớn , tuyệt vọng của Thủy Câu 3(7đ)

# Yêu cầu

* **Kĩ năng, hình thức**
* Bố cục 3 phần ( MB, TB, KB) rõ ràng.
* Kể theo ngôi thứ nhất.
* Cần kết hợp tự sự với nghị luận, miêu tả nội tâm ( thông qua hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm)
* Sắp xếp các sự việc hợp lí.
* Viết lưu loát, có liên kết chặt chẽ, không sai chính tả.

# Kiến thức :

A, MB: giới thiệu về không khí của ngày 20-11 -> nhớ về thầy cô giáo. B, TB: - Kể về kỉ niệm của bản thân với thầy cô giáo đã, đang dạy mình :

+ Về việc gì - ( kỉ niệm gì ), thời gian, diễn biến.

+ Nó để lại ấn tượng gì - Tại sao đáng nhớ ( miêu tả nội tâm)

+ Rút ra được điều gì từ kỉ niệm đó ( nghị luận)

+ Từ đó, em có suy nghĩ gì về đạo lí thầy trò ( Nghị luận)

C. KB: Khẳng định tình cảm , hứa hẹn, mong ước...

# Biểu điểm

+ Điểm 7 : Bài viết rõ ràng, đúng thể loại, liên kết chặt chẽ, sáng tạo, không sai chính tả.

+ Điểm 5 - 6: Bài viết đáp ứng yêu cầu trên, có sáng tạo. Còn sai lỗi chính tả, lỗi diễn đạt nhỏ.

+ Điểm 4: Bài đủ bố cục, làm đúng nội dung song chưa sáng tạo. Còn sai lỗi chính tả, diễn đạt

+ Điểm 3 : Hiểu đề song nội dung quá sơ sài, chưa có liên kết, sai nhiều lỗi chính tả, diễn đạt lủng củng, bố cục chưa rõ ràng.

+ Điểm 1- 2: Bài viết chưa đúng thể loại văn tự sự kết hợp nghị luận, miêu tả nội tâm. Chưa đáp ứng các yêu cầu (Kĩ năng, kiến thức)

+ Điểm 0 : HS không biết viết bài

============================

## \* Kiểm tra bài cũ:

* Cảm nghĩ của em về nhân vật anh thanh niên trong văn bản Lặng Lẽ Sa Pa ?

- Ý nghĩa của văn bản ?

# \* Tổ chức khởi động

## - Tìm những câu ca dao, thơ nói về tình cảm gia đình?

* ***Nội dung của những câu ca dao hoặc câu thơ trên?***
* ***GV giới thiệu bài.***

**2.Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| Hoạt động 1 : **Đoc, Tìm hiểu chung**   * Phương pháp : vấn đáp , PP trực quan, đọc sáng tạo.   \*Kĩ thuật dạy học: Động não.   * ***Năng lực:*** Năng lực tự học, Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mĩ…   ? Nêu những nét chính về tác giả Nguyễn Quang Sáng ?  ? Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của tác phẩm ? | Đoc, Tìm hiểu chung  * 1. **Tác giả ( SGK)**   2. **Tác phẩm**   \* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ ( SGK) |

* GV : yêu cầu HS xác định giọng đọc của VB

GV hướng dẫn đọc-> GV đọc mẫu. GV cho HS đọc SGK (Từ đầu... cảnh chia tay).

Yêu cầu HS tóm tắt cốt truyện-> GV nhận xét.

* GV:Yêu cầu HS chú ý các chú thích / sgk

? Thể loại của văn bản ?

? Phương thức biểu đạt của văn bản ?

? Văn bản kể theo lời của ai. Ngôi kể nào?

# - GV sử dụng kĩ thuật động não

? Truyện có mấy tình huống. Đó là tình huống nào? Tác dụng ?Nhận xét về những tình huống trên?

? Văn bản gồm những nhân vật chính nào?

# Hoạt động 2: Phân tích

* Phương pháp : vấn đáp, dạy học nhóm, dùng lời có nghệ thuật
* Kĩ thuật dạy học: Hỏi và trả lời, Kĩ thuật trình bày một phút, Động não

\* ***Năng lực:*** Năng lực tự học, Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mĩ…

? Hoàn cảnh gia đình bé Thu ?

? Em hiểu gì về khao khát của bé Thu?

? Hình ảnh bé Thu trong tác phẩm ?

* Đọc và tìm hiểu chú thích
* Đọc và tóm tắt

-Tìm hiểu chú thích

* Thể loại : Truyện ngắn

\*PTBĐ: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm

* Lời kể ông Ba -> Ngôi thứ nhất
* Tình huống truyện

+ Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách, Thu không nhận cha, khi nhận ra ông Sáu lại phải đi.

-> Thể hiện tình yêu cha mãnh liệt của bé Thu

+ Ông Sáu làm cây lược ngà tặng con nhưng chưa kịp tặng đã hi sinh.

-> Tình yêu con sâu sắc của ông Sáu

-> Tình huống truyện bất ngờ nhưng hợp lí

\* Nhân vật : Bé Thu và ông Sáu

# Phân tích

1. **Nhân vật bé Thu**
   1. **Hoàn cảnh gia đình bé Thu**

* Đất nước có chiến trang, ba đI kháng chiến suốt tám năm chưa được về . Thu chưa biết mặt ba, chưa được gọi tiếng “ ba”

-> Khao khát được gặp ba, được gọi

? Đây là một cô bé ntn?

# GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Tìm chi tiết thể hiện thái độ của Thu khi lần đầu tiên gặp ba?

? Cách sử dụng từ ngữ của tác giả có gì đặc biệt ?

? Qua đó em hiểu gì về tâm trạng của bé Thu ?

* Vì sao Thu lại có thái độ như thế?
* HS trình bày. GV: giảng

? Thu có những hành động, lời nói nào với cha?

? Những lời nói đó thể hiện thái độ gì? GV: giảng

? Khi ông Sáu gắp miếng trứng cá bỏ vào bát , em có hành động gì?

? Đây là hành động như thế nào?

* Với em hành động của bé Thu có đáng trách không? Vì sao?

? Tại sao bé Thu lại có hành động như thế ?

? Những hành động đó cho thấy đây là một cô bé ntn?

? Nguyên nhân giúp Thu nhận ra ba ?

? Khi được bà ngoại giải thích, em có thái độ ra sao ?

? Em hiểu gì về thái độ của Thu ? GV: giảng

một tiếng ba

# Hình ảnh bé Thu

* Chừng tám tuổi, tóc cắt ngang vai , mặc quần đen, áo bông đỏ

-> Một bé gái đáng yêu, dễ thương

# Thái độ và hành động của Thu khi chưa nhận ra ba

* **Lần đầu gặp cha**
* Giật mình
* Tròn mắt nhìn
* Hoảng hốt, mặt tái đi, vụt chạy và kêu thét lên.

+ Động từ , tính từ miêu tả tâm lí

-> Thu ngạc nhiên, bất ngờ, sợ hãi bởi . Em không nhận ra ba

# Thái độ và hành động của Thu trong ba ngày ông Sáu được nghỉ phép

* Ông Sáu càng quan tâm, em càng đẩy ra
* Nói trổng : Vô ăn cơm , cơm chín rồi! Chắt nước giùm cái ...

-> Kiên quyết không chịu gọi tiếng ba, không thừa nhận ông sáu là cha mình

# \* Thái độ và hành động của Thu trong bữa cơm đoàn tụ gia đình

* Hất trứng cá xuống
* Gắp lên – không khóc khi bố đánh
* Bỏ sang ngoại.

-> Hành động mạnh mẽ, cương quyết tưởng như vô lễ nhưng lại rất đáng thương

-> Thái độ căm ghét cao độ người đàn ông lạ dám nhận là cha em

=> Cô bé có cá tính mạnh mẽ, có tình yêu ba sâu sắc

# Thái độ và hành động của Thu khi nhận ra cha ( trong buổi sáng ông Sáu lên đường trở về đơn vị )

* **Nguyên nhân giúp Thu nhận ra ba**
* Ngoại đã giải thích về vết thẹo trên mặt ba nó
* Thu nằm im, lăn lộn, thở dài như

? Trong buổi sáng cuối cùng ông Sáu sắp đi Thu có thái độ gì? Tìm chi tiết?

? Những chi tiết trên cho thấy tháI độ của bé Thu ntn?

# - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm

? Khi ông Sáu lại gần và tạm biệt con , béThu đã có những hành động gì ?

? BPNT được tác giả sử dụng ở những chi tiết trên ?

? Những hành động đó cho thấy tình cảm của bé Thu ntn ?

* HS thảo luận và trình bày

? Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả ?

? Qua diễn biến tâm lí của bé Thu, em thấy bé Thu là một cô bé ntn ?

GV: khái quát nội dung t1

( Tiết 2)

? Tình cảm cha con của ông Sáu được bộc lộ ở hoàn cảnh nào?

? Niềm khao khát của ông Sáu trong lần về thăm nhà ?

? Lần đầu gặp con gái, ông Sáu đã có hành động gì?

? Em hiểu gì về tâm trạng của ông Sáu khi lần đầu được gặp con gái?

người lớn

-> Ân hận vì không nhận ra ba, vì đối xử tệ bạc với ba

# Buổi sáng ông Sáu lên đường về đơn vị

* Đứng ở góc nhà, vẻ mặt buồn rầu, nhìn với vẻ nghĩ ngợi

-> Thái độ thay đổi, muốn nhận ba nhưng còn e ngại

# Tình yêu của bé Thu đối với ba

* Kêu thét lên “ ba”
* Nó vừa kêu vừa chạy xô tới, ôm chặt lấy cổ ba nó
* Nó hôn ba nó cùng khắp
* Hai tay nó siết chặt, run run

+ So sánh , miêu tả nội tâm nhân vật

-> Tình yêu ba , tiếng gọi ba cháy bỏng và mãnh liệt vỡ bung ra từ đáy lòng em

-> Tình yêu ba mạnh mẽ, hối hả xen lẫn sự hối hận

NT + Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế (Tác giả am hiểu tâm lí trẻ em )

Cô bé ngây thơ, cá tính mạnh mẽ và có tình yêu ba sâu sắc

# Nhân vật ông Sáu

* **Hoàn cảnh :**
* Ông Sáu tham gia kháng chiến từ lúc Thu chưa đầy một tuổi
* Suốt tám năn kháng chiến , ông chưa một lầm về thăm nhà , chỉ biết con qua tấm ảnh nhỏ

-> Khao khát gặp con , được nghe con gọi tiếng ba

# \*. Lần đầu tiên gặp con

* Với lòng mong nhớ của anh…cổ anh
* Bước vội những bước dài, gọi con, khom người đưa tay đón chờ con

-> Hạnh phúc khi được gặp con, khao khát được ôm con và nghe con gọi

? Hình ảnh của ông Sáu được thể hiện ra sao khi bé Thu không nhận ra ông ?

? Những chi tiết này cho thấy tâm trạng của ông Sáu ntn ?

? Trong tâm trạng đó, ông Sáu đã làm những gì để thể hiện tình cảm cha con?

? Những chi tiết đó cho thấy tình cảm của ông Sáu dành cho con ra sao?

? Khi thấy con nói trổng, ông Sáu có hành động gì ?

? Em hiểu gì về tâm trạng của ông Sáu lúc này ?

? Trong bữa cơm đoàn tụ, ông Sáu đã có hành động gì ?

? Hành động đó thể hiện điều gì ?

? Ông Sáu đã có hành động gì khi bé Thu hất miếng trứng cá khỏi bát ?

# - GV sử dụng kĩ thuật động não

? Tại sao ông lại đánh Thu?

- GV giảng

# - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi

? Tìm chi tiết biểu hiện tình cảm của ông Sáu khi con nhận ra ông?

? Những chi tiết trên cho thấy tâm trạng của ông Sáu ntn ?

? Theo em tình huống này có ý nghĩa gì?

- HS trình bày, bổ sung.

# - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm

? Tâm trạng của ông Sáu ở nơi căn cứ?

? Hình ảnh ông Sáu làm cây lược tặng con gái được thể hiện qua các chi tiết nào ?

tiếng ba

* Mặt sầm lại, hai tay buông xuống như bị gãy

-> Ông Sáu thấy sự hụt hẫng, bất ngờ, buồn tủi.

# Trong ba ngày nghỉ phép

* Ông chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con
* Mong con gọi một tiếng “ ba”

-> Yêu thương con

* Khi con nói trổng : Vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười , ngồi im

-> Đau lòng, Khao khát được nghe con gọi tiếng “ ba”

* Ông gắp trứng cá để vào chén con

-> Quan tâm , chăm sóc con

* Đánh con và hét lên : “ Sao mày cứng đầu quá vậy “
* Anh đánh Thu vì anh thấy bất lực, vì anh quá yêu con mà con lại không nhận cha.

-> Thể hiện việc trút giận khi tình cảm của cha bị xúc phạm. Đây cũng là chi tiết mở nút cho tác phẩm sau này.

# Buổi sáng ông Sáu lên đường trở về đơn vị

**-** Ông ôm con , hôn lên mái tóc con

* Ông khóc khi Thu không nhận ra ông.

-> Đó là niềm sung sướng mà ông đã chờ đợi từ lâu, cảm động đến nghẹn ngào

=> Anh Sáu ở vào 1 tình huống thật éo le giữa đi và đi làm cho cuộc chia tay cảm động.

# Khi ông Sáu ở chiến trường.

* Ông nhớ con, ân hận vì đã đánh con
* Tìm được khúc ngà , mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà
* Thận trọng, tỉ mỉ, cố công như người thợ bạc
* Khắc từng nét :Yêu nhớ tặng Thu con của ba

? Chiếc lược ngà có ý nghĩa với ông Sáu như thế nào?

? Trước khi hi sinh ông Sáu có hành động gì ? ý nghĩa của hành động đó.

? Cây lược biểu tượng cho điều gì ?

- HS thảo luận, trình bày.

? NX về nghệ thuật xây dựng nhân vật

?

? Cảm nhận của em về nhân vật ông Sáu ?

* GV giảng

? Câu chuyện giúp ta nhận ra được điều gì ?

# Hoạt động 3 : Tổng kết Kĩ thuật : hỏi và trả lời

* HS hỏi và trả lời những câu hỏi liên quan đến nghệ thuật và nội dung

-> Cây lược là vật quý giá, nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha với đứa con xa cách.

* Anh đưa tay vào túi , móc cây lược
* Chỉ khi đồng đội nhận lời, anh mới nhắm mắt đi xuôi

-> Khao khát được ở mãi bên con

-> Cây lược trở thành biểu tượng thiêng liêng của tình phụ tử – thứ tình cảm mà không bom đạn nào của kẻ thù có thể tàn phá được .

+ NT miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế

=> Người cha yêu thương con hết mực

=> Câu chuyện về chiếc lược ngà nói lên tình cảm cha con sâu nặng của ông Sáu nhưng cũng thấm thía những đau thương mất mát éo le mà chiến tranh gây ra.

# Tổng kết

1. Nghệ thuật

* Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế
* Tình huống truyện bất ngờ nhưng hợp lí
* Am hiểu tâm lí nhân vật

1. Nội dung ( SGK )

# Hoạt động luyện tập

* Tóm tắt lại truyện ?
* Chi tiết nào trong truyện làm cho em ấn tượng sâu sắc nhất ? vì sao ?
* Cảm nhận về tình cha con của bé Thu.
* Phân tích giá trị của chi tiết : vết thẹo và cây lược.

# Hoạt động vận dung

? Đóng vai nhân vật bé Thu kể lại diễn biến tâm trạng của nhân vật.

# Hoạt động mở rông, tìm tòi

* Tìm đọc các bài viết về tác giả và tác phẩm.
* Học bài, nắm chắc nội dung bài học
* Chuẩn bị phần “ôn tập thơ và truyện hiện đại” để kiểm tra.

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

Tuần 17

# Tiết 81 : KIỂM TRA THƠ VÀ TRUYỆN HIỆN ĐẠI

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**
     1. **Kiến thức**: Học sinh kiểm tra, đánh giá quá trình học tập, nhận thức của mình về phần thơ và truyện hiện đại.
     2. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng trình bày, cảm nhận
     3. **Thái độ**: Giáo dục ý thức tự học, nghiêm túc khi làm bài.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* + HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, ngôn ngữ.
  + HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, sống có trách nhiệm.

# HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

**- Tự luận: 100%**

**III , MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

*4*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên Chủ đề** (nộidung, chương…) | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Tæng** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TL** | **TL** |  |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |  |
| Thơ hiện đại (Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận và  §ång chÝ – ChÝnh H÷u ) |  | ChØ ra tõ chÐp sai  trong ®o¹n th¬ vµ söa l¹i. Nêu được tên tác giả và tên tác phẩm |  |  |  | Cảm nhận về một đoạn thơ trong tác  phẩm thơ hiện đại |  |
| *Số câu Số điểm Tỉ lệ %* |  | *Số câu 1*  *Số điểm 1 1o%* |  |  |  | *Số câu :1*  *Số điểm :5*  *50%* | *Số câu 2*  *Số điểm 6*  *60%* |
| Truyện hiện đại |  |  |  | Hiểu được  tình huống truyện, tác dụng | Giới thiệu về nhân vật |  |  |
| *Số câu Số điểm Tỉ lệ %* |  |  |  | *Số câu :1 Số điểm : 2 30%* | *Số câu :1*  *Số điểm :2*  *50%* |  | *Số câu : 2 Số điểm : 40%* |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số câu | *Số câu : 1* | *Số câu :1* | *Số câu :1* | *Số câu :1* | *Số câu : 4* |
| Tổngsố điểm | *Số điểm :1* | *Số điểm :2* | *Số điểm :2* | *Số điểm :5* | *Số điểm :10* |
| *Tỉ lệ %* | *10%* | *20%* | *20%* | *50%* | *100%* |

# THIẾT LẬP ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1: Cho đoạn thơ sau

Thuyền ta lái gió cùng buồm trăng Lướt giữa mây cao và biển bằng Ra đậu dặm xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây quanh .

* 1. Hãy chỉ ra những từ chép sai trong đoạn thơ trên và sửa lại cho đúng ?
  2. Đoạn thơ mà em đã sửa được trích trong tác phẩm nào , của ai ?

Câu 2: Em hiểu gì về tình huống truyện và ý nghĩa của tình huống truyện “ Chiếc lược ngà”?

Câu 3: Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về anh thanh niên trong tác phẩm “ Lặng lẽ Sa pa” của Nguyễn Thành Long?

Câu 4 : Cảm nhận của em về đoạn thơ sau :

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

( Đồng chí – Chính Hữu)

# YÊU CẦU - BIỂU ĐIỂM

## Yêu cầu :

Câu 1: a. Xác định được những từ chép sai và sửa lại đúng

b. Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận Câu 2: Trình bày được tình huống truyện

* Tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên , hợp lí
* Tác dụng : + Thể hiện tình yêu cha mãnh liệt của bé Thu

+ Thể hiện tình yêu con sâu sắc của ông Sáu

Câu 3 : HS viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về anh thanh niên : chu đáo, hiếu khách, khiêm tốn, đời sống tinh thần phong phú, cuộc sống ngăn nắp…

Câu 4:

* Kĩ năng:
  + Bố cục đủ 3 phần (MB, TB, KB)
  + Diễn đạt lưu loát , Luận điểm rõ ràng
  + Dùng từ thích hợp , không sai chính tả ...
* Kiến thức:

LĐ : Sức mạnh của tình đồng chí được tạo lên bởi họ cùng nhau chia sẻ những gian lao nơi chiến trường

- Người lính cùng nhau trải qua những cơn sốt rét rừng

* Trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp , bộ đội ta phải chiến đáu trong hoàn cảnh khó khăn , thiếu thốn ...
* Miệng cười buốt giá : tinh thần lạc quan , coi thường mọi gian khổ của người lính cụ Hồ
* Thương nhau : Tình cảm yêu thương , gắn bó...
* Tay nắm lấy bàn tay : Cái nắm tay để động viên nhau , truyền cho nhau hơi ấm sức mạnh...

-> Tình đồng chí chân thành mà thiêng liêng cao đẹp . Tình đồng đội gắn bó keo sơn

* Nghệ Thuật : Giọng thơ trầm lắng, hình ảnh thơ chân thực mà giàu sức biểu cảm

, NT liệt kê, ngôn ngữ giản dị và cô đọng ...

## Biểu điểm

Câu 1: (1 điểm)

+ Câu a: đúng được 1 điểm

+ Câu b: đúng được 1 điểm.

Câu 2: ( 2 điểm)

* Học sinh nêu được 2 tình huống -1đ
* Nhận xét về tình huống : 1đ
* ý nghĩa của tình huống : 1đ Câu 3 :2đ

Câu 4: (5 điểm)

* Điểm 5: Đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên, không sai chính tả, có sáng tạo.
* Điểm 4: Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, còn sai chính tả, đã có sáng tạo.
* Điểm 3: Cơ bản đáp ứng yêu cầu của bài nhưng chưa thật lưu loát.
* Điểm 2: Chưa đủ ý trên. Còn có lỗi sai nhiều.
* Điểm 1: Sơ sài, thiếu nhiều ý. Hành văn yếu.
* Điểm 0: Không xác định được yêu cầu đề bài.

==============================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 16 – Bài 16

# MỤC TIÊU

**Tiết 76 -VB : CỐ HƯƠNG**

**( Lỗ Tấn)**

* + 1. **Kiến thức**: Học sinh thấy được tinh thần phê phán xã hội cũ và niềm tin trong sáng vào sự xuất hiện tất yếu của cuộc sống mới, xã hội mới.
    2. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng đọc, tóm tắt, khái quát nội dung của văn bản.
    3. **Thái độ**: Giáo dục tình cảm với quê hương mình.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
* HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương mình, sống có trách nhiệm

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* + Soạn bài, tham khảo tài liệu liên quan.
  + Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn : Một số tác phẩm về cố hương

+ Văn - TLV : Yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong văn bản tự sự

+ Văn - Môi trường : Môi trường thay đổi -> con người thay đổi

## Trò:

* + Học và soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. **PP : Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm,phân tích, dùng lời có nghệ thuật. 2.KT : Đặt câu hỏi,động não**
   1. **TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP 1.Hoạt động khởi động**

## \*Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra :***

* + Nêu và chứng minh những đặc sắc nghệ thuật của văn bản ''Chiếc lược ngà''.
  + Tình cảm cha con ông Sáu thể hiện như thế nào qua văn bản '' Chiếc lược ngà''.

## \*Vào bài mới

1. **Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1** : **Đoc, Tìm hiểu chung**  -PP : Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm,phân tích, dùng lời có nghệ thuật.  -KT : Đặt câu hỏi  ? Nêu những nét chính về tác giả Lỗ Tấn ?  \*Nhấn mạnh:Tác phẩm của ông giàu giá trị hiện thực và chất chiến đấu, giọng văn của ông bề ngoài lạnh lùng, nhưng bên trong thì sục sôi tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh.  - Mao Trạch Đông đã nhận xét: “Trên mặt trận văn hoá Lỗ Tấn là một vị anh hùng giải phóng dân tộc đúng đắn nhất, dũng cảm nhất, kiên quyết nhất, trung thực nhất, nhiệt tình nhất từ trước đến nay chưa từng có.”  ? Xuất xứ của văn bản này? | 1. **Đoc, Tìm hiểu chung**    1. **Tác giả ( SGK)**  * Thời Thanh niên đã học nhiều nghề (hàng hải, khai mỏ, nghề y) với mong muốn đem khoa học giúp nước giúp dân. * Sau đó ông quyết định chuyển sang làm văn nghệ, ông viết văn với mục đích: Phơi bầy căn bệnh tinh thần của quốc dân, lưu ý mọi người tìm cách chữa trị. * Tác phẩm tiêu biểu: 17 tập tạp văn, 2 tập truyện ngắn, tiểu thuyết “AQ chính truyện”   **2. Tác phẩm**  **\* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ**  **-** Cố Hương là một trong những truyện ngắn tiêu biểu nhất của tập Gào thét |

?VB cần được đọc với giọng điệu ntn? GV hướng dẫn đọc. Đọc mẫu

Yêu cầu HS đọc. HS khác nhận xét GV nhận xét chung

-Yêu cầu HS giải thích chú thích 1, 9 SGK

? Thể loại của văn bản ?

? Xác đinh phương thức biểu đạt của văn bản. Phương thức nào là chính?

? Văn bản được kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng?

? Truyện có mấy nhân vật chính? Nhân vật nào là trung tâm?

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Theo em văn bản này được chia ra làm mấy phần?

? Nêu giới hạn và nội dung từng phần?

? Nhận xét bố cục trên?

# Hoạt động 2: Phân tích

-PP : Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm,phân tích, dùng lời có nghệ thuật.

-KT : Đặt câu hỏi

-GV : giới thiệu về nhõn vật tụi trờn đường về quờ

- Cảm nhận của nhân vật “Tôi” trong những ngày ở quê được nói đến ở hai thời điểm. Đó là những thời điểm nào ?

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Trong kí ức của nhân vật tôi cảnh tượng gì được hiện lên ?

? Trong đoạn văn trờn tác giả sử dụng phương thức biểu đạt nào ?

? Qua sự cảm nhận của nhõn vật “tụi” em thấy đõy là một bức tranh như thế nào ?

* HSthảo luận và trình bày

(1923)

# \*Đọc và tìm hiểu chú thích

* Đọc : giọng đọc chậm, buồn, hơi bùi ngùi
* Chú thích ( SGK)
* Thể loại :Truyện ngắn
* Phương thức biểu đạt : Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm, nghị luận
* Ngôi thứ nhất (xưng tôi) -> để dẫn dắt câu chuyện và thể hiện tình cảm, quan điểm nguyện vọng.
* Nhân vật : Tôi và Nhuận Thổ
* Bố cục : 3 phần

+ Từ đầu ... ''làm ăn sinh sống''

-> Nhân vật ''tôi'' trên đường về quê.

+ Tiếp ... ''sạch trơn như quét''

-> Nhân vật ''tôi'' trong những ngày ở quê.

+ Còn lại

-> Nhân vật ''tôi'' trên đường xa quê.

=> Bố cục theo trình tự thời gian.

Bố cục: đầu cuối tương ứng

# II. Phân tích

1. **Nhân vật “Tôi” trong những ngày ở quê.**

-Trong hồi ức và trong hiện tại

# Hồi ức của nhõn vật “tụi”

* Một vầng trăng trũn vàng thắm,treo lơ lửng trờn nền trời xanh đậm, dưới là một bói cỏt trờn bờ biển, trồng toàn dưa hấu, bỏt ngỏt một màu xanh rờn.

+ Phương thức biểu đạt: : Kể, tả

Một bức tranh đẹp, thần tiờn, kỡ dị

# Hoạt động luyện tập

* Tóm tắt lại văn bản ''Có hương''?
* Phân tích kết cấu của văn bản?
* Trên đường về quê, nhân vật ''tôi'' có tâm trạng gì?

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về cảnh thiên nhiên của quê hương em?

# Hoạt động vận dụng và tìm tòi

-Tìm đọc những bài viết về tác phẩm

* Học bài, đọc lại toàn bộ văn bản
* Tóm tắt ngắn gọn văn bản
* Soạn tiếp nội dung bài

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 16 – bài 16

# Tiết 77 - VB : CỐ HƯƠNG (Tiếp)

**(Lỗ Tấn)**

**I Mục tiêu bài học :**

1. **Kiến thức :** Thấy được tâm trạng của nhân vật tôi trong những ngày ở nhà qua một số nhân vật để thấy được xã hội phong kiến Trung Quốc làm tàn tạ con người. Hiểu được môi trường xã hội làm thay đổi tính cách con người.
2. **Kĩ năng :** Rèn luyện khả năng tìm chi tiết, phân tích nhân vật trong truyện ngắn.
3. **Thái độ:** Giáo dục tình cảm với quê hương mình.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
* HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương mình, sống có trách nhiệm

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* Soạn bài, tham khảo tài liệu liên quan.
* Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn : Một số tác phẩm về cố hương

+ Văn - TLV : Yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong văn bản tự sự

+ Văn - Môi trường : Môi trường thay đổi -> con người thay đổi

## Trò:

* Học và soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1.PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm,phân tích, dùng lời có nghệ thuật. 2.KT : Đặt câu hỏi,động não

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. **Hoạt động khởi động**

## \*Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra*** : Phân tích vẻ đẹp của thiên nhiên trong cảm nhận của nhân vật tôi?

## \*Vào bài mới

1. **Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2** : **Phân tích**  -PP : Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm,phân tích, dùng lời có nghệ thuật.  -KT : Đặt câu hỏi  ? Trong kí ức của nhân vật tôi hình ảnh Nhuận Thổ hiện lên qua những chi tiết nào ?  ? Từ những chi tiết trên, em cảm nhận về Nhuận Thổ như thế nào ?  GV: Giảng bình  ?Hồi ức về Nhuận Thổ những kỉ niệm tuổi thơ nào cùng Nhuận Thổ được gợi lên ?  ? Khi chia tay, Nhuận Thổ và “tôi” có thái độ gì ?  ? Từ những chi tiết đó, em thấy tình bạn khi xưa của hai người như thế nào ?  GV: Giảng bình.  ? Khi nhớ tới Nhuận Thổ, nhân vật “tôi” có tâm trạng gì ?  ? Tại sao khi nhớ về Nhuận Thổ nhân vật “tôi” thấy quê hương mình đẹp. Đó là vẻ đẹp như thế nào ?  ? Trong dòng hồi tưởng của nhân vật “tôi” ngoài hình ảnh của nhân vật Nhuận Thổ còn xuất hiện hình ảnh của ai ?  **- GV : Thím Hai Dương trong kí ức của nhân vật “tôi”**   * *Bán đậu phụ nàng Tây Thi đậu phụ.* * *Dáng điệu Compa.* * *Xoa phấn, đắm đuối nhiều người.* | Phân tích  * 1. **Nhân vật “tôi” trong những ngày ở quê.**      1. **Hồi ức của nhân vật “tôi”**   ***\* Hồi ức về Nhuận Thổ***.   * Mười một, mười hai tuổi. * Tay cầm đinh ba đâm con tra. * Bẫy chim sẻ tài lắm. * Khuôn mặt tròn trĩnh nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng. * Biết nhiều chuyện…   Đó là một đứa bé đẹp đẽ, khỏe khoắn, nhanh nhẹn, hiểu biết.   * Thấy ai cũng bẽn lẽn, không bẽn lẽn với tôi. * Kể cho tôi nghe về quê biển của mình.   Chia tay : Tôi khóc  Hắn cũng khóc không chịu về.  Tình bạn hồn nhiên, trong sáng, thân thiết, bình đẳng giữa Nhuận Thổ và “tôi”  => Bừng sáng, vui vẻ, nhận ra vẻ đẹp của quê hương . |

*+ Giọng điệu hài hước.*

*Đẹp, dễ gần, thân thiện,*

? Thông qua cảnh vật và con người trên, em có nhận xét gì về những hồi ức của nhân vật “tôi” ?

GV giảng

? Khi về đến nhà cảnh tượng đầu tiên nhân vật tôi cảm nhận là gì ?

? Đó là cảnh tượng như thế nào ? GV: Bình giảng

? Đó là sự cảm nhận đầu tiên về cảnh vật còn con người thì sao. Trước tiên là hình ảnh người mẹ, Nhân vật tôi đã kể và tả về người mẹ qua những chi tiết nào ?

? Tại sao trên nét mặt mẹ lại ẩn chứa một nỗi buồn thầm kín ?

GV giảng

? Về quê lần này nhân vật “tôi” gặp lại những ai ?

# \* Hình ảnh thím Hai Dương trong hiện tại

* + Lưỡng quyền nhô ra, môi mỏng dính, chống nạnh,không buộc thắt lưng, chân đứng chạng ra.
  + Khinh bỉ, cười kháy tôi.
  + Tức giận, lẩm bẩm, quay gót…
  + Giật luôn đôi bít tất tay của mẹ tôi giắt vào lưng quần,cút thẳng

Hình dạng tàn tạ, tính cách tham lam, tinh quái, lưu manh.

(Thay đổi hoàn toàn so với hai mươi năm trước) .

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Nhưng chua xót hơn là hình ảnh của Nhuận Thổ ? Vậy Nhuận Thổ được khắc hoạ bằng những chi tiết nào ?

? Xác định phương thức biểu đạt của đọan văn ?

=> Đó là những hồi ức đẹp về cảnh vật và con người quê hương đặc biệt là Nhuận Thổ.

# C¶m nhËn cña T«i trong hiÖn t¹i .

* Trên mái ngói mấy cọng tranh khô phất phơ trước gió.
* Những gia đình khác đã dọn đi rồi

Cảnh tượng hiu quạnh.

## Người mẹ

* Mẹ chạy ra đón.
* Mẹ mừng rỡ nhưng nét mặt vẫn ẩn một nỗi buồn thầm kín.
* Bảo tôi ngồi xuống, nghỉ ngơi, uống trà…

Vui mừng khi gặp con nhưng buồn vì sắp rời bỏ quê hương.

## Nhuận Thổ

* Cao gấp hai, da vàng sạm, nếp nhăn sâu hoắm, mi mắt viền đỏ húp mọng lên.
* Đầu đội mũ lông chiên rách tươm, áo bông mỏng dính.
* Bàn tay thô kệch, nặng nề, nứt nẻ.

+ Phương thức biểu đạt: Kể, tả

? Với phương thức biểu đạt và biện pháp nghệ thuật trên có tác dụng gì trong việc thể hiện hình dáng và trang phục của Nhuận Thổ ?

- HS thảo luận và trình bày

- GV: Giảng

? Hình dáng thì như vậy, còn cử chỉ, điệu bộ của Nhuận Thổ ra sao ?

? Tìm những từ ngữ xưng hô của Nhuận Thổ trong cuộc đối thoại với nhân vật “tôi” ?

? Em hãy nhận xét cách xưng hô của Nhuận Thổ ?

? Trước cách xưng hô của Nhuận Thổ, nhân vật “tôi” có tâm trạng gì ?

? Tại sao tôi lại điếng người đi ?

? Theo em bức tường khá dày ngăn cách ở đây là gì ?

GV: Giảng

? Từ tâm trạng đó, nhân vật “ tôi có suy nghĩ gì về Nhuận Thổ” ?

GV: Giảng

* GV sử dụng kĩ thuật động não

?Vậy nguyên nhân nào đã đẩy Nhuận Thổ vào tình trạng như vậy ?

* GV: Giảng

? Qua đây em cảm nhận như thế nào về bức chân dung Nhuận Thổ trong hiện tại ?

? Đến đây em có nhận xét gì về cách xây dựng nhân vật của tác giả ?

? Để làm nổi bật hình ảnh con người (Nhuận Thổ) trong hiện tại ngoài biện pháp so sánh, đối chiếu hiện tại với quá khứ, tác giả còn dùng hình thức so sánh nào, chú ý đoạn văn sau: “Trông nó giống…mà thôi” ?

GV: Giảng

? Qua sự cảm nhận của nhân vật “tôi”em thấy cảnh vật và con người trong hiện tại thay đổi như thế nào so với quá khứ ?

GV: Giảng

?Thông qua việc khắc họa cảnh vật, con người ở 2 thời điểm quá khứ và hiện tại của nhân vật tôi, tác giả muốn

Hình dáng tiều tụy, đáng thương .

* Nét mặt vừa hớn hở, vừa thê lương, môi mấp máy nhưng nói cũng không ra tiếng.
* Xưng hô: Thưa, bẩm ông,…lạy ông đi!

Rụt rè, cung kính, giữ khoảng cách với nhân vật “tôi”

=> Tôi đau xót, điếng người đi vì có bức tường khá dày ngăn cách.

* Trông anh phảng phất như một pho tượng đá .

**\*Nguyên nhân**: con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào đầy đọa thân anh.

=>Cuộc sống khó khăn, chịu nhiều áp bức biến Nhuận Thổ thành khô cằn, đần độn, mụ mẫn.

+ Nhân vật xuất hiện trong sự so sánh đối chiếu giữa quá khứ và hiện tại.

+ So sánh Thủy Sinh hiện tại với NhuậnThổ trong quá khứ.

=> Làng quê ở hiện tại tàn tạ, con người khổ sở, méo mó cả về hình dáng đến tính cách.

<=>Tác giả muốn phản ánh sự sa sút mọi măt của xã hội Trung Quốc đầu thế kỷ XX; lên án các thế lực tạo nên

# Hoạt động luyện tập

* Bức tranh thiên nhiên trong hồi ức của nhân vật tôi ?
* Tình bạn của tôi và Nhuận Thổ thời quá khứ và hiện tại ?

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về sự ảnh hưởng của môi trườngsống đến nhân cách của con người.

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

-Tìm đọc các bài viết về tác phẩm.

* Học bài nắm chắc các nội dung chính của tiết học:

+ Hồi ức của nhân vật “Tôi”

+ Cảm nhận của tôi trong hiện tại

* Tìm hiểu kỹ hai hình thức nghệ thuật: Hồi ức và đối chiếu.
* Làm bài tập 2 (SGK/T219)

- Chuẩn bị phần 3: Nhân vật “tôi” trên đường rời quê.

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# Tuần 17 - Bài 16

1. **MỤC TIÊU**

**Tiết 78 – VB : CỐ HƯƠNG (Tiếp)**

**( Lỗ Tấn)**

* 1. **Kiến thức**: Học sinh thấy được tâm trạng của nhân vật trữ tình trên con đường rời quê. Tìm hiểu ý nghĩa của hình ảnh con đường.
  2. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng phân tích truyện ngắn, phân tích các chi tiết có ý nghĩa biểu trưng.
  3. **Thái độ**: Giáo dục tình cảm với quê hương mình.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
* HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương mình, sống có trách nhiệm

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* Soạn bài, tham khảo tài liệu liên quan.
* Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn : Một số tác phẩm về cố hương

+ Văn - TLV : Yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong văn bản tự sự

+ Văn - Môi trường : Môi trường thay đổi -> con người thay đổi

## Trò:

* Học và soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1.PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm,phân tích, dùng lời có nghệ thuật. 2.KT : Đặt câu hỏi,động não

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

* 1. **Hoạt động khởi động**

## \*Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra*** : Phân tích cảm nhận của nhân vật tôi trong những ngày ở quê?

## \*Vào bài mới

* 1. **Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy vào trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1 : Phân tích**  .PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm,phân tích, dùng lời có nghệ thuật.  .KT : Đặt câu hỏi,động não  ? Con thuyền rời quê trong khung cảnh nào?  ? Khung cảnh đó gợi tâm trạng gì?  ? Sự đan cài các đối tượng, thời gian trong suy nghĩ của nhân vật mang dụng ý gì?  ? Em hãy tìm các chi tiết thể hiện tâm trạng suy nghĩ của nhân vật ''tôi'?  ? Vì sao nhân vật ''tôi'' lại có tâm trạng ấy?  ? Cảnh ra đi của nhân vật ''tôi'' có gì giống với cảnh trên đường về quê?  ? Từ đó nhận xét kết cấu của văn bản?  ? Kết cấu này có tác dụng gì ?  -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi  ? Em hãy tìm trong truyện có những hình ảnh con đường nào?  ? ý nghĩa của hính ảnh con đường ?  -HS thảo luận và trình bày  ? Tìm câu văn thể hiện quan niệm đó của nhân vật '''tôi''.  ? Xác định phương thức biểu đạt của câu văn, đoạn văn?  ? Em hiểu câu này như thế nào? | **II. Phân tích**  **3. Nhân vật ''tôi'' khi rời quê.**   * Trong cảnh hoàng hôn, tất cả đã mờ dần   -> Khung cảnh gợi cảm giác buồn   * Đó là những suy nghĩ, những nung nấu trăn trở về một quê hương trong tương lai   ''Chung quanh tôi ... lẻ loi và ngột ngạt''  -> Đó là biểu hiện của tình yêu quê hương sâu đậm của nhân vật ''tôi''. Dù trong cảnh nghèo song vẫn hi vọng vào tương lai.   * Một con người đang suy tư trong một chiếc thuyền dưới bầu trời u ám về cố hương và cũng con người ấy đang suy tư trong một chiếc thuyền rời cố hương   -> Kết cấu đầu cuối tương ứng  -> Khép kín theo hành trình của một chuyến thăm quê và những suy tư trĩu nặng của nhân vật ''tôi'' về quê hương, cuộc sống.  \* Hình ảnh con đường :   * Con đường thủy đưa nhân vật ''tôi'' về quê và ra đi. * Con đường trong suy nghĩ   -> Đó là con đường giải phóng kiếp người nô lệ, con đường của tự do, hạnh phúc, con đường gắn kết con người với con người.  ''Kì thực trên mặt đất ... thành đường thôi''  + PTBĐ : Tự sự, nghị luận  -> Đường không tự nhiên mà có, |

? Qua đây, nhân vật ''tôi'' muốn nhấn mạnh điều gì?

# Hoạt động 3: Tổng kết

PP: Gợi mở-vấn đáp

? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của văn bản?

? Những nét chính về nội dung của văn bản?

GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ

không do thần linh mà do chính con người tạo ra. Con người hãy tạo ra con đường đi cho riêng mình để đến được ấm no, hạnh phúc.

=> Ông muốn thức tỉnh người dân quê hương mình không thể cam chịu cuộc sống ngu muội, nghèo hèn. Đồng thời thể hiện niềm tin hi vọng ở thế hệ trẻ

( Hoàng, Thủy Sinh) sẽ tìm một con đường đi làm đổi mới quê hương -> Tình yêu với quê hương mình.

# III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

* Phương thức kể + miêu tả,biểu cảm và nghị luận
* So sánh - đối chiếu

1. Nội dung

*\* Ghi nhớ*

# Hoạt động luyện tập

* + Tâm trạng nhân vật ''tôi'' được miêu tả như thế nào?
  + Hình ảnh con đường có ý nghĩa biểu tượng gì?
  + Văn bản này có giá trị hiện thực và nhân đạo như thế nào?

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về tâm trạng của nhân vật Tôi khi rời quê

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

-Tìm đọc các bài viết về tác phẩm

* Học bài, thuộc ghi nhớ
* Nắm chắc 3 nội dung chính của văn bản
* Làm bài tập 2 ( Theo bảng)
* Ôn tập và chuẩn bị phần Tập làm văn ( trả bài )

==================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 17

# Tiết 79: TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3

* 1. **MỤC TIÊU**
     1. **Kiến thức**: Học sinh so sánh bài làm của mình với yêu cầu của đề bài, dàn ý để nhận ra hạn chế trong bài viết của mình. Từ đó sửa chữa và khắc phục.
     2. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng sửa lỗi sai.
     3. **Thái độ**: Giáo dục ý thức tự giác sửa lỗi sai.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
* HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***: Chấm bài, tìm lỗi sai, nhận xét ưu và nhược điểm trong bài viết của học sinh.
2. ***Trò:*** Lập dàn ý chi tiết cho đề bài văn số 3

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1.PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành. 2.KT : Đặt câu hỏi,động não

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

## Hoạt động khởi động

***\*Ổn định lớp***:

***\*Kiểm tra*** : ( Trong giờ học)

## \*Vào bài mới

1. ***Hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1 : Tìm hiểu đề và đáp án**  -GV yêu cầu học sinh nhắc lại đề bài  ? Thế nào là nghị luận trong văn tự sự  ?  ? Chỉ ra yếu tố miêu tả nội tâm trong đoạn văn sau và nêu tác dụng  ? Những yêu cầu về kĩ năng và hình thức của bài ? | **I.Tìm hiểu đề và đáp án**  1, Đề bài  Câu 1 : Thế nào là nghị luận trong văn tự sự ?  Câu 2: Chỉ ra yếu tố miêu tả nội tâm trong đoạn văn sau và nêu tác dụng Câu 3 : Nhân ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, em hãy kể lại một kỉ niệm đáng nhớ giữa em và thầy, cô giáo cũ.  **2. Đáp án và biểu điểm**  Câu1( 1đ)Trong văn tự sự , để người đọc phải suy nghĩ về một vấn đề nào đó, người viết và nhân vật có khi nghị luận bằng cách nêu lên các ý kiến, nhận xét, cùng những lí lẽ, dẫn chứng. Nghị luận giúp cho câu chuyện thêm phần triết lí.  Câu 2 (2đ)   * Miêu tả gián tiếp nội tâm nhân vật qua nét mặt, cử chỉ, hành động. * Thể hiện diễn biến tâm trạng nhân vật   : đau đớn , tuyệt vọng của Thủy Câu 3(7đ)  **1. Yêu cầu**  **\* Kĩ năng, hình thức**  **-** Kiểu bài tự sự   * Bố cục 3 phần ( MB, TB, KB) rõ ràng. * Kể theo ngôi thứ nhất. * Cần kết hợp tự sự với nghị luận, miêu tả nội tâm ( thông qua hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm) * Sắp xếp các sự việc hợp lí. |

-GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm và lập dàn ý cho bài viết?

* Cần kết hợp và đưa yếu tố mtả và nghị luận vào phần nào?

-HS thảo luận và trình bày

-GV trả bài cho học sinh

-GV yêu cầu học sinh tự đọc bài của mình sau đó tự nhận xét , GV tổng hợp nhận xét chung

* Viết lưu loát, có liên kết chặt chẽ, không sai chính tả.

# \* Kiến thức :

A, MB: giới thiệu về không khí của ngày 20-11 -> nhớ về thầy cô giáo.

B, TB: - Kể về kỉ niệm của bản thân với thầy cô giáo đã, đang dạy mình :

+ Về việc gì - ( kỉ niệm gì ), thời gian, diễn biến.

+ Nó để lại ấn tượng gì - Tại sao đáng nhớ ( miêu tả nội tâm)

+ Rút ra được điều gì từ kỉ niệm đó ( nghị luận)

+ Từ đó, em có suy nghĩ gì về đạo lí thầy trò ( Nghị luận)

C. KB: Khẳng định tình cảm , hứa hẹn, mong ước...

# Trả bài:

1. **Nhận xét:**

a, Ưu điểm:

+ Đa số hiểu bài

+ Làm đúng theo yêu cầu

+ Biết kể lại kỉ niệm tương đối điển hình

+ Nhiều bài có kết hợp với NL, mtả, biểu cảm .

+ Nhiều bài văn viết tốt

VD: Quỳnh, Huyền, Hạnh, Kim Anh

b. ***Nhược điểm:***

+ Một số bài chưa biết kết hợp các PTBĐ

+ Chỉ kể về thầy cô giáo cũ nhưng chưa có kỉ niệm

+ Một số bài sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm chưa hiệu quả

+ Một số bài chữ viết xấu, trình bày chưa khoa học, diễn đạt lủng củng, sai chính tả nhiều và nội dung sơ sài

VD: Bắc, Minh , Tuấn Anh, Hậu

## Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| PP: Luyện tập thực hành  -GV yêu cầu học sinh lên bảng chữa những lỗi sai điển hình ( Lỗi nhiều | **IV. Chữa lỗi điển hình:**  **1. Chính tả:**  Lỗi sai Sửa lại |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| người sai )  - GV đưa ra một số lỗi sai diễn đạt và gọi học sinh lên bảng chữa -> GV nhận xét chỉnh sửa  -GV cho HS đọc 2 bài văn tiêu biểu ( Vân, Ngọc) |  | đau nắm giận giữ  nghe (làm) song có nẽ  trúng tôi chên, trạy  . . . | đau lắm giận dữ làm xong có lẽ chúng tôi trên, chạy  . . . |  |
| **2. Diễn đạt:**   * Vào một buổi sáng yên bình và ấm áp bởi những tia nắng mặt trời chiếu xuống và cũng đúng vào ngày 20/11   ->Vào ngày 20/11 là một buổi sáng yên bình ... chiếu xuống   * Rồi cứ đến ngày 20/11 trôi qua là em lại nhớ đến kí ức mà tôi không thể quên được ngày 20/11-> Ngày 20/11 năm nay khiến tôi nhớ về kí ức và có lẽ không bao giờ tôi quên.   **V. Đọc một số bài văn hay** | | | |

## 2. Hoạt động vận dụng

* Dựa vào dàn ý, viết lại bài văn (câu 3)

## Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Xem và sửa kĩ lại bài viết
* Xem lại đề kiểm tra văn và đề kiểm tra Tiếng Việt tiết sau trả bài

==========================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 17

# MỤC TIÊU

**Tiết 80** : **TRẢ BÀI KIỂM TRA TIẾNG VIỆT, TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN**

* + 1. **Kiến thức**: Học sinh đối chiếu bài làm của mình với yêu cầu, đáp án của giáo viên.Từ đó sửa chữa và tự rút kinh nghiệm cho mình.
    2. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng sửa lỗi sai, bổ sung kiến thức.
    3. **Thái độ**: Giáo dục ý thức tự giác học tập, sửa lỗi sai và bổ sung kiến thức còn thiếu cho bài của mình.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
* HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

# CHUẨN BỊ

1. ***Thầy***: Chấm bài, tìm lỗi sai, nhận xét ưu và nhược điểm trong bài viết của học sinh.
2. ***Trò:*** Tìm hiểu lại các đề đã làm

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1.PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành. 2.KT : Đặt câu hỏi

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

## Hoạt động khởi động

***\*Ổn định lớp***:

***\*Kiểm tra*** : ( Trong giờ học)

## \*Vào bài mới

1. ***Hoạt động luyện tập***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1** : **Tìm hiểu đề, Đáp án**  \*PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành.  \*KT : Đặt câu hỏi  -GV yêu cầu học sinh đọc lại đề kiểm tra Tiếng Việt  -GV đưa ra đáp án thông qua các câu hỏi phát vấn cho học sinh trả lời | 1. **Tìm hiểu đề, Đáp án A, Kiểm tra Tiếng Việt**    1. **Đề bài**   Câu 1 : Kể tên các PC hội thoại đã học Câu 2: Bài thơ '' Bếp lửa'' của Bằng Việt có những câu thơ sau :  Vẫn vững lòng ... bình yên''   * + 1. Đây là lời của ai nói với ai ?     2. Những câu thơ trên được dẫn theo cách dẫn nào mà em đã học?     3. ở đây người nói đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Tại sao ?     4. Tìm các từ ngữ xưng hô ? Từ ngữ xưng hô đó biểu thị sắc thái gì?   Câu 3: Chỉ ra biện pháp tu từ và nêu tác dụng :  “ Biển cho ta ... buổi nào”  ( Đoàn thuyền đánh cá- Huy Cận) Câu 4 : Viết một đoạn văn có nội dung liên quan đến ý kiến sau. Trích dẫn ý kiến đó theo cách dẫn trực :  Dù phải khó khăn đến đâu cũng phải thi đua dạy tốt và học tốt  (HCM -Thư gửi các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, sinh viên nhân dịp bắt đầu năm học mới, 15/10/1968)  **2.Đáp án và biểu điểm**  Câu 1 (1đ) : PC về Lượng, chất, quan hệ, cách thức, lịch sự.  Câu 2 : (2đ)  a , Đây là lời của bà nói với cháu (0,5đ) b, Những câu thơ trên được dẫn theo cách dẫn trực tiếp ( o,5đ)  c, Vi phạm phương châm hội thoại về chất. Do bà ưu tiên một yêu cầu khác quan trọng hơn là muốn các con yên |

- Yêu cầu HS nhắc lại đề bài ?

GV đưa ra đáp án thông qua các câu hỏi phát vấn cho học sinh trả lời

tâm kháng chiến ( 1đ)

d, Bà, cháu, mày -> sắc thái thân mật, suồng sã (1đ)

Câu 3 : (2đ)

* Biện pháp so sánh
* Biển ân tình, thủy chung, gắn bó với con người... -> Tình yêu biển, tự hào về biển.

Câu 4(5đ)

* Tạo lập được đoạn văn, trích theo cách trích trực tiếp
* Nội dung đoạn văn liên quan đến lời dẫn

# B, Kiểm tra Văn

C1 : Hãy chỉ ra những từ chép sai và sửa lại cho đúng ?

* Đoạn thơ mà em đã sửa được trích trong tác phẩm nào , của ai ?

Câu 2: Tình huống truyện trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng

Câu 3 : Cảm nhận của em về đoạn thơ sau :

Anh với tôi ... lấy bàn tay

( Đồng chí – Chính Hữu)

# 2. Đáp án và biểu điểm

Câu 1: a. Xác định được những từ chép sai và sửa lại đúng

b .Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cởn

Câu 2: Trình bày được tình huống truyện

-Tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên , hợp lí

-Tác dụng : + Thể hiện tình cha con sâu sắc, mãnhs liệt

Câu 3:

* Kĩ năng và hình thức
* Bố cục đủ 3 phần (MB, TB, KB)
* Diễn đạt lưu loát , Luận điểm rõ ràng
* Dùng từ thích hợp , không sai chính tả ...
* Kiến thức:

LĐ : Sức mạnh của tình đồng chí được tạo lên bởi họ cùng nhau chia sẻ những gian lao nơi chiến trường

* Người lính cùng nhau trải qua những cơn sốt rét rừng

GV trả bài cho học sinh

GV cho HS đọc bài của mình. Sau đó cho các em tự nhận xét

Cuối cùng GV tổng hợp nhận xét chung

* Bộ đội ta phải chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn , thiếu thốn ...
* Tinh thần lạc quan
* Cái nắm tay để động viên nhau ...

-> Tình đc chân thành mà thiêng liêng cao đẹp

* Nghệ Thuật : Giọng thơ trầm lắng, hình ảnh thơ chân thực, NT liệt kê, ngôn ngữ giản dị và cô đọng ...

# Trả bài

1. **Nhận xét**

* Ưu điểm:

+ HS hiểu và làm đúng yêu cầu của đề bài

+ Trong quá trình làm đã tích hợp vận dụng phân môn này phục vụ phân môn khác

+ Trả lời rõ ràng ngắn gọn

+ Nhiều bài văn viết tốt

VD: Huyền, Hạnh,Quỳnh, Kim Anh

* Nhược điểm:

+ Một số bài trả lời không đúng câu hỏi, thiếu khoa học, làm thừa hoặc thiếu ý cần trả lời

+ Sai nhiều lỗi chính tả

+ Một số bài diến đạt còn chưa lưu loát VD: Bắc, Minh, Hoàng, Quỳnh.

n

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | |  |  |  |
|  | | | |  |  |  |
| -GV yêu cầu HS lên bảng chữa những **IV. Chữa lỗi sai điển hình:**  lỗi sai điển hình **1. Chính tả:** | | | | |  |  |
| Tiếng Việt | | | |  |  |  |
|  |  | Lỗi sai | Sửa lại | Lỗi sai S | ửa lại |  |
| -GV đưa ra một số những lỗi sai diễn đạt và gọi HS lên bảng chữa  -> GV nhận xét chỉnh sửa |  | p/trâm no/nắng nửa sưng hô chực/tiế  p. . . | p/châm lo/lắng lửa  xư- ng/hô trực/tiế  p. . . | nàng làng  v/chán v/ trán lắm(btay nắm sung đột xung/... c/truyện chuyện  . . . . . . | |  |
| GV cho HS đọc mỗi đề một bài làm tốt  VD; Huyền , Vân, Yến |  | **2. Diễn đạt:**   * ... sử dụng dấu 2 ch vật được dẫn -> dấ dùng trước lời dẫn ... * ... mặc dù là làng là chúng ta -> làng là n | | ấm để ngăn cách u hai chấm được  một vùng đất của ơi ta sinh sống, ... | |  |

# Hoạt động vận dụng

***-*** Sửa lại các lỗi trong bài kiểm tra

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Học bài, ôn lại kiến thức
* Xem lại các đề bài, câu hỏi
* Chuẩn bị kĩ nội dung "Ôn tập TLV"

======================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 17

# MỤC TIÊU

**Tiết 81** : **ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

* + 1. **Kiến thức**: Học sinh nắm được các nội dung chính của phần Tập làm văn đã học trong chương trình lớp 9. Thấy được tính chất tích hợp của chúng với văn bản và các kiểu loại đã học ở lớp 6,7,8.
    2. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức.
    3. **Thái độ**: Học sinh có ý thức tự giác, hứng thú học tập.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
* HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* Soạn bài, hệ thống hóa kiến thức TLV của HKI
* Tích hợp với các văn bản đã học.

## Trò:

* Chuẩn bị trước các câu hỏi từ 1 - 4 (SGK/206)

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1.PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành. 2.KT : Đặt câu hỏi

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP 1.Hoạt động khởi động

## \*Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra*** : ( Trong giờ học)

## \*Vào bài mới

1. **Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành.  KT : Đặt câu hỏi  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi | **Câu 1:**   * Văn bản thuyết minh (kết hợp giữa thuyết minh với các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả) * Văn bản tự sự : |

? Trong chương trình Ngữ văn 9 (Tập

1) phầnTLVcó những nội dung lớn nào ? Nội dung nào là trọng tâm ?

-HS thảo luận và trình bày

? Vai trò, vị trí, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật và miêu tả trong văn bản thuyết minh ?

? Lấy ví dụ minh họa.

GV chú ý phân biệt sự khác nhau giữa miêu tả, thuyết minh -> để tránh lạm dụng yếu tố miêu tả trong thuyết minh.

* GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm

? Văn thuyết minh có yếu tố miêu tả, tự sự có gì giống và khác văn bản miêu tả ?

* HS thảo luận và trình bày

? Vai trò, vị trí và tác dụng yếu tố miêu tả, nghị luận trong văn bản tự sự ?

? Tìm một đoạn văn tự sự trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm ?

? Tìm một đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận ?

? Tìm một đoạn văn tự sự kết hợp cả hai yếu tố miêu tả và nghị luận ?

+ Tự sự kết hợp biểu cảm, miêu tả, nghị luận.

+ Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm ...

+ Người kể chuyện trong văn bản tự sự.

# Câu 2 :

* Các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả có tác dụng làm cho bài văn thuyết minh sinh động, hấp dẫn, dễ hiểu về đối tượng.

VD : Khi thuyết minh về ngôi chùa, người thuyết minh sử dụng NT : tưởng tượng, so sánh, nhân hóa, miêu tả để người nghe hình dung ra ngôi chùa có dáng vẻ như thế nào, màu sắc, không gian...

# Câu 3 :

1. Văn bản thuyết minh :

* Trung thành với đặc điểm của đối tượng một cách khách quan, khoa học.
* Cung cấp đầy đủ tri thức về đối tượng

1. Văn bản miêu tả :

* Xây dựng hình tượng thông qua quan sát, liên tưởng, so sánh, nhận xét theo ý chủ quan, làm cho người đọc cảm nhận rõ đặc điểm của đối tượng.

1. Văn bản tự sự :

* Cung cấp về nội dung, cốt truyện, sự vật, sự việc, nhân vật thông qua lời kể, đối thoại, độc thoại...

# Câu 4 :

* Làm cho bài văn sinh động, hấp dẫn, có hình ảnh
* Đan lồng ý kiến, nhận xét bài văn sẽ chặt chẽ

+ Đoạn văn có miêu tả nội tâm

''Thực sự ... dài và hẹp'' (Cổng trường mở ra - Lý Lan)

+ Đoạn văn có yếu tố nghị luận :

''Vua Quang Trung ... không nói trước'' (Hoàng Lê nhất thống chí - Ngô gia văn phái)

+ Đoạn văn có miêu tả nội tâm và nghị luận :

'' Lão không hiểu ... thêm đáng buồn'' (Lão Hạc - Nam Cao)

# Hoạt động vận dụng

* Giáo viên yêu cầu HS hệ thống hóa lại kiến thức trong tiết ôn tập

+ Lí thuyết : Văn thuyết minh, văn miêu tả, văn tự sự

+ Thực hành : Các biện pháp nghệ thuật và miêu tả trong văn thuyết minh.

Miêu tả nội tâm, nghị luận..

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng kiến thức

* Ôn tập theo nội dung tiết học
* Hoàn thành các bài tập
* Chuẩn bị các câu hỏi còn lại

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 17 - **Tiết 82** : **ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN (Tiếp)**

# MỤC TIÊU

* + 1. **Kiến thức**: Học sinh tiếp tục củng cố hệ thống hóa kiến thức tập làm văn đã học ở học kì I của lớp 9.
    2. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức.
    3. **Thái độ**: Học sinh có ý thức tự giác, hứng thú học tập.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
* HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

* Soạn bài, hệ thống hóa kiến thức TLV của HKI
* Tích hợp với các văn bản đã học.

1. ***Trò:*** - Chuẩn bị bài

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1.PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành. 2.KT : Đặt câu hỏi

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP 1.Hoạt động khởi động

## \*Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra*** : ( Trong giờ học)

## \*Vào bài mới

1. **Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| .PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành.  2.KT : Đặt câu hỏi  ? Thế nào là đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm? | **Câu 5 :**  - Đối thoại: + Là hình thức đối đáp , trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người  + Gạch đầu dòng ở đầu lời trao và lời đáp |

? Tác dụng của các hình thức này?

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Em hãy tìm các đoạn văn có yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm?

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Tìm 2 đoạn văn : Một đoạn văn người kể chuyện ở ngôi thứ nhất, một đoạn văn người kể chuyện ở ngôi thứ 3?

? Nhận xét vai trò của mỗi loại ngôi kể?

-GV yêu cầu HS thảo luận nhóm

? Các nội dung văn bản tự sự đã học ở lớp 9 có gì giống với nội dung về kiểu văn bản này học ở lớp dưới?

? Còn điểm khác nhau là gì?

? Tại sao trong một văn bản có nhiều yếu tố (miêu tả, biểu cảm, nghị luận) mà vẫn gọi là văn bản tự sự?

* Độc thoại : + Lời nói với chính mình hoặc ai đó trong tưởng tưởng

+ Độc thoại nói thành lời thì phía trước câu nói có dâu gạch đầu dòng

* Độc thoại nội tâm : + Lói nói không thành lời ( Suy nghĩ )

+ Không có gạch đầu dòng

-> Tác dụng : Góp phần thể hiện tính cách, tình cảm, trân trọng của nhân vật.

+ Trích ''Dế Mèn phiêu lưu ký'' (Tô Hoài)

+ ''Làng'' (Kim Lân)

+ ''Lão Hạc'' (Nam Cao)

+ ''Lặng lẽ Sa Pa'' (Nguyễn Thành Long)

# Câu 6 :

* Học sinh tự tìm trong các văn bản đã học 2 đoạn văn :

+ Ngôi thứ nhất

+ Ngôi thứ ba

* Ngôi thứ nhất : Người kể chuyện tham gia vào câu chuyện, sự việc mang tính chủ quan chân thực có độ tin cậy cao.
* Ngôi thứ ba : Người kể chuyện giấu tên nhưng biết hết sự việc, mang tính khách quan, linh hoạt.

# Câu 7 :

* Giống :
* Là tự sự phải có cốt truyện, nhân vật và các sự việc... nhân vật chính, nhân vật phụ, sự việc chính và sự việc phụ...
* Khác :
* ở lớp dưới xét văn bản tự sự ở điểm thuần túy là tự sự -> giúp học sinh nhận biết được thế nào là tự sự.
* Lớp 9 xét tự sự trong sự tổng hợp với các phương thức khác nhau như : nghị luận, miêu tả, biểu cảm, các biện pháp nghệ thuật, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm, người kể chuyện.

# Câu 8 :

* Trong các văn bản tuy có nhiều phương thức biểu đạt khác nhau nhưng vẫn xác định được kiểu văn bản vì căn cứ vào phương thức biểu đạt chính.

# Hoạt động vận dụng

- Giáo viên yêu cầu HS khái quát nội dung tiết học :

+ Văn tự sự lớp 9 nâng cao hơn kết hợp nhiều yếu tố.

+ Tuy nhiên yếu tố chính là tự sự vẫn chủ yếu

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Học bài theo nội dung ôn tập

- Hoàn chỉnh câu hỏi SGK

- Chuẩn bị 4 câu hỏi còn lại (Từ 9 -> 12)

=======================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 Tuần 18- Bài 16

# MỤC TIÊU

**Tiết 83** : **ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN (Tiếp)**

* + 1. **Kiến thức**: Học sinh tiếp tục củng cố hệ thống hóa kiến thức tập làm văn còn lại đã học ở học kì I của lớp 9.
    2. **Kĩ năng**: Rèn kĩ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức.
    3. **Thái độ**: Học sinh có ý thức tự giác, hứng thú học tập.

# Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

# CHUẨN BỊ

## Thầy:

- Soạn bài, hệ thống hóa kiến thức TLV của HKI

- Tích hợp với các văn bản đã học.

1. ***Trò:*** - Chuẩn bị bài

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1.PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành. 2.KT : Đặt câu hỏi

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP 1.Hoạt động khởi động

## \*Ổn định lớp:

***\*Kiểm tra*** : ( Trong giờ học)

## \*Vào bài mới

1. **Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, | **Câu 9 :** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| luyện tập thực hành. KT : Đặt câu hỏi  -GV yêu cầu HS kẻ bảng theo mẫu SGK.  Sau đó yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi điền vào bảng phụ | | | |  | | | |
| STT | Kiểu văn bản | Các yếu tố kết hợp với văn bản chính | | | | | |
| Tự sự | Miêu tả | Ngh.luận | B.cảm | Th.minh | Đ.hành |
| 1 | Tự sự |  | x | x | x | x |  |
| 2 | Miêu tả | x |  | x | x | x |  |
| 3 | Nghị luận |  | x |  | x | x |  |
| 4 | Biểu cảm | x | X | x |  |  |  |
| 5 | Thuyết minh | x | X | x |  |  |  |
| 6 | Điều hành | x |  | x |  |  |  |
| ? Tại sao các tác phẩm tự sự được học không phải khi nào cũng phân biệt 3 phần nhưng bài làm của học sinh vẫn có đủ 3 phần.  ? Những kiến thức, kĩ năng về văn bản tự sự của phần Tập làm văn có giúp gì cho em khi học các văn bản tự sự trong SGK.  ? Lấy ví dụ để phân tích.  ? Những kiến thức về văn học và Tiếng Việt giúp gì cho em khi học tập làm văn khi viết bài văn tự sự. | | | | **Câu 10 :**   * Bố cục 3 phần của văn bản tự sự là bắt buộc mang tính quy phạm khuôn mẫu. Do đó với học sinh cần phải làm quen để có ý thức vận dụng, xây dựng kết cấu bài viết. Còn với các nhà văn thì không cần theo quy phạm nữa mà mỗi nhà văn có một sự sáng tạo riêng.   **Câu 11 :**   * Những kiến thức TLV đã giúp ích nhiều khi học phần Đọc - hiểu văn bản tự sự (SGK)   VD: Dùng yếu tố đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm để thấy rõ tâm trạng của ông Hai Thu trong văn bản ''Làng'' của Kim Lân.  **Câu 12 :**   * Giúp cho học sinh thấy được những tri thức cần thiết để làm một bài văn tự sự   VD : Cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, cách kết hợp các yếu tố trong văn bản tự sự. | | | |

# Hoạt động vận dụng

- Giáo viên yêu cầu HS hệ thống kiến thức của tiết học :

+ Sự kết hợp của tự sự với các yếu tố khác

+Tích hợp, mối quan hệ giữa Tập làm văn, Văn, Tiếng Việt

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Học bài theo các nội dung
* Hoàn chỉnh các câu hỏi
* Ôn tập tiết sau kiểm tra học kì I

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018 ( Theo lịch của PGD )

# Tiết 84, 85 : KIỂM TRA TỔNG HỢP HỌC KÌ I

1. **MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA**

HS cần :

1. **Kiến thức**: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết vấn đề của đề bài Tiếng Việt - Tập làm văn - Văn học.
2. **Kĩ năng**: Rèn luyện cách trình bày một bài kiểm tra hoàn chỉnh.
3. **Thái độ**: Thái độ nghiêm túc, cố gắng khi làm bài.

# Năng lực và phẩm chất :

-Năng lực : Tổng hợp, giải quyết vấn đề, tự học

* Phẩm chất : Tự tin,tự chủ

# HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

**- Tự luận : 100%**

1. **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
| **Bậc thấp** | **Bậc cao** |  |
| **I. Phần đọc - hiểu văn bản** Cho một đoạn thơ hoặc đoạn truyện trong tác phẩm văn học Việt Nam đã học. | Nhớ tên tác giả, phương thức biểu  đạt của  đoạn trích (0,5 điểm); nhận biết được nghĩa của từ ngữ hoặc các phép tu từ trong đoạn trích (0,5 điểm). | Hiểu nội  dung ý  nghĩa của  đoạn thơ, văn đã cho (1,0 điểm); hiểu ý nghĩa nhan đề của tác phẩm có đoạn trích  trên (1,0 điểm). |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm, tỉ lệ* | *½ câu (a,b) 1,0 đ=10%* | *½ câu (c,d) 2,0 đ=20%* |  |  | *01(a,b,c,d) 3,0 đ=30%* |
| **II. Phần tạo lập văn bản**  - Lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp; |  |  | Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về bài học cuộc sống rút ra từ một câu | Viết bài văn kể chuyện tưởng  tượng: mình gặp gỡ và |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| * Yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận trong văn tự sự; * Các hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn tự sự. |  |  | chuyện ngắn (ngữ liệu có thể ngoài SGK). Trong đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp. | trò chuyện với nhân vật trong tác phẩm  truyện hiện đại. |  |
| *Số câu*  *Số điểm, tỉ lệ* |  |  | *01*  *2,0 đ=20%* | *01*  *5,0 đ=50%* | *02*  *7,0 đ=70%* |
| **Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ** | **1/2 câu 1,0 điểm**  **10%** | **1/2 câu 2,0 điểm**  **20%** | **01**  **2,0 điểm**  **20%** | **01**  **5,0 điểm**  **50%** | **03**  **10 điểm**  **100%** |

# THIẾT LẬP ĐỀ KIỂM TRA Câu 1: Cho đoạn thơ sau :

“ Hồi nhỏ sống với đồng với sông rồi với bể

hồi chiến tranh ở rừng vầng trăng thành tri kỉ ”

1. Đoạn thơ trên được trích trong tác phẩm nào, của ai ? Phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên?
2. Chỉ ra biện pháp tu từ trong đoạn thơ ?
3. Nêu cảm nhận của em về nội dung, ý nghĩa của đoạn thơ ?
4. Em hãy giải thích ý nghĩa nhan đề của tác phẩm ?

**Câu 2** : Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa câu chuyện, trong đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp.

# NGỌN GIÓ VÀ CÂY SỒI

Một ngọn gió dữ dội băng qua khu rừng già. Nó ngạo nghễ thổi tung tất cả các sinh vật trong rừng, cuốn phăng những đám lá, quật gẫy các cành cây. Nó muốn mọi cây cối đều phải ngã rạp trước sức mạnh của mình. Riêng một cây sồi già vẫn đứng hiên ngang, không bị khuất phục trước ngọn gió hung hăng. Như bị thách thức ngọn gió lồng lộn, điên cuồng lật tung khu rừng một lần nữa. Cây sồi vẫn bám chặt đất, im lặng chịu đựng cơn giận dữ của ngọn gió và không hề gục ngã.

Ngọn gió mỏi mệt đành đầu hàng và hỏi:

- Cây sồi kia! Làm sao ngươi có thể đứng vững như thế? Cây sồi từ tốn trả lời:

- Tôi biết sức mạnh của ông có thể bẻ gẫy hết các nhánh cây của tôi, cuốn sạch đám lá của tôi và làm thân tôi lay động. Nhưng ông sẽ không bao giờ quật ngã được tôi. Bởi tôi có những nhánh rễ vươn dài, bám sâu vào lòng đất. Đó chính là sức mạnh sâu thẳm nhất của tôi. Nhưng tôi cũng phải cảm ơn ông ngọn gió ạ!

Chính cơn điên cuồng của ông đã giúp tôi chứng tỏ được khả năng chịu đựng và sức mạnh của mình."

(Theo : Hạt giống tâm hồn, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2011)

**Câu 3** : Em hãy tưởng tượng mình được gặp gỡ và trò chuyện với nhân vật Bé Thu trong tác phẩm **Chiếc lược ngà** của nhà văn Nguyễn Quang Sáng . Em hãy kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

# V . Đáp án và biểu điểm

1. **Đáp án**

Câu 1:

1. Đoạn thơ trên được trích trong bài thơ **Ánh trăng** của Nguyễn Duy. PTBĐ của đoạn thơ trên là biểu cảm kết hợp với miêu tả và tự sự.
2. Biện pháp tu từ trong đoạn thơ trên là điệp ngữ, liệt kê
3. Nội dung đoạn thơ trên là :

* Tuổi thơ của nhân vật trữ tình được hòa mình với thiên nhiên; được ngắm trăng trên cánh đồng, bên bờ sông và bên bãi bể. Người và trăng là đôi bạn thân thiết.
* Trong những năm chiến tranh ở rừng, người lính và vầng trăng trở thành đôi tri kỉ. Người lính và vầng trăng trở thành đồng chí, đồng đội.

-> Trăng gắn liền với tuổi thơ tươi mát, với những năm tháng gian lao trong cuộc đời người lính. Vầng trăng gắn liền với quá khứ nghĩa tình.

Câu 2 : \* Hình thức : Đoạn văn

\*Ý nghĩa rút ra từ câu chuyện :

* Gió tượng trưng cho những gian khổ, thử thách.
* Cây sồi tượng trưng cho ý chí, nghị lực, lòng dũng cảm trước những gian khổ.
* Ý nghĩa :+ Trong cuộc sống, con người cần có lòng dũng cảm, ý chí, nghị lực và bản lĩnh vững vàng trước khó khăn gian khổ.

+Con người chỉ có thể thành công khi có niềm tin vào bản thân, ý chí và khát vọng vươn lên để chiến thắng mọi gian khổ.

+Trước những thử thách và gian nan, con người sẽ thất bại nếu không có nghị lực.

+Chúng ta không nên tuyệt vọng, bi quan trước những khó khăn mà hãy bình tĩnh để tìm ra giải pháp vượt qua những khó khăn đó.

+Mỗi người hãy biết rèn luyện, tu dưỡng bản thân để vững vàng trước những thử thách của cuộc sống và phải biết lên án, phê phán những người sống thiếu nghị lực

( HS có thể lấy vd thực tế để minh họa)

* Trong đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp. Câu 3
  + Yêu cầu

A . Mở bài : - HS tưởng tượng được tình huống gặp gỡ nhân vật

B. Thân bài : + Cuộc gặp gỡ và trò chuyện với nhân vật bé Thu cần đảm bảo những nội dung sau :

* Hoàn cảnh gia đình bé Thu
* Cảm xúc của hai cha con bé Thu khi lần đầu gặp nhau
* Cảm xúc của hai cha con bé Thu trong ba ngày ông Sáu được nghỉ phép
* Cảm xúc của hai cha con bé Thu trong buổi sáng ông Sáu lên đường trở về đơn vị
* Cảm xúc của bé Thu khi nghe bác Ba kể về những ngày ông Sáu ở chiến trường

+ Người viết cần bộc lộ cảm xúc , suy nghĩ khi được trò chuyện với nhân vật

+ Bài viết có sử dụng:

* Yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận;
* Các hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.

C, kết bài : Tình cảm của người viết với nhân vật , người viết có liên hệ phù hợp

# Biểu điển

Câu 1: 3đ a,0,5đ

b,0,5đ c, 1đ d, 1đ

Câu 2: 2đ Câu 3 : 5đ

* **Biểu điểm** : 5 điểm. Thang điểm cụ thể như sau :
  + Điểm 5 : Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, không sai chính tả, diễn đạt tốt.
  + Điểm 4 : Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, còn sai ít chính tả, diễn đạt

khá. loát.

* Điểm 3 : Cơ bản đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của bài nhưng chưa thật lưu
* Điểm 2 : Chưa đủ ý trên. Còn có lỗi sai nhiều.
* Điểm 1 : Sơ sài, thiếu quá nhiều ý. Hành văn yếu.
* Điểm 0 : Không xác định được đề bài.

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# TUẦN 18 - TIẾT 86

1. **MỤC TIÊU :**

**TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ**

(Tiếp theo tiết 54)

Qua bài học này, HS cần :

# Kiến thức :

* + - Tiếp tục tìm hiểu những bài thơ tám chữ hay của các nhà thơ, từ đó nắm rõ hơn đặc điểm của thể thơ tám chữ.

# Kĩ năng :

* + - Tập làm thơ tám chữ theo đề tài tự chọn hoặc viết tiếp những câu thơ vào một bài thơ cho trước.
  1. **Thái độ:** Tích cực tham gia bài học.

# Năng lực và phẩm chất:

* Năng lực ***:*** Tự học, giao tiếp, cảm thụ, hợp tác, giải quyết vấn đề.
* Phẩm chất : Tự tin, tự chủ, yêu quê hương - gia đình- trường lớp.

# CHUẨN BỊ

1. **GV**: Sách giáo khoa, Gv chuẩn bị 1 số bài thơ tám chữ hay.
2. **HS**: sưu tầm 1 số bài thơ tám chữ, tập làm thơ theo chủ đề.

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. PP : Gợi mở - vấn đáp, luyện tập thực hành, hoạt động nhóm,
2. Kĩ thuật :Động não, trình bày một phút, đặt câu hỏi

# III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức
* kiểm tra bài cũ : - Luật làm thơ tám chữ ?
* Vào bài mới : GV giới thiệu bài mới

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| Hoạt động 1 : Nhận diện thể thơ tám chữ  \*PP : Gợi mở - vấn đáp  \* KT : Đặt câu hỏi  ? Trình bày lại đặc điểm của thể thơ tám chữ?  - Gv: Thơ tám chữ thường sử dụng vần chân một cách linh hoạt : liền, gián cách | ***I. Nhận diện thể thơ tám chữ***   * 8 chữ/1dòng * Vần chân liền * Vần chân giãn cách * Nhịp đa dạng linh hoạt.   2/3/3  3/2/3   * Số câu không hạn định |

# Hoạt động luyên tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| \*PP : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm  \* KT : Đặt câu hỏi, động não, trình bày một phút  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm  ? Chỉ ra đặc điểm của thể thơ tám chữ trong những VD sau ?  ? Nêu chủ đề về nội dung đoạn thơ trên  - HS thảo luận và trình bày  \*GV sử dụng kĩ thuật động não và trình bày một phút   * GV: đưa khổ thơ còn thiếu câu * Hoàn thiện các khổ thơ sau (Viết thêm câu cuối)?   \* Yêu cầu :   * Câu mới viết phải đủ tám chữ * Phải đảm bảo lôgíc về ý nghĩa với những câu đã cho. * Phải có vần chân liền hoặc cách | II. Luyện tập tìm hiểu một số đoạn thơ tám chữ  \* Xuân Diệu  Cây bên đường, trụi lá đứng tần ngần Khắp xương nhánh chuyển một buồng tê tái.  Và giữa vườn im, hoa run sợ hãi Bao nỗi phôi pha, khô héo rụng rời.  (Tiếng gió)  \* Hàn Mặc Tử  Cứ để ta ngất ngủ trên vũng huyết  Trải niềm đau trên mảnh đất mong manh  Đừng nắm lại, nguồn thơ ta đang siết Cả lòng ta trong mơ chữ rung rinh  ...  Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút Bao lời thơ đều dính não cân ta  Bao dòng chữ quay cuồng như máu vọt Cho mê man tê điếng cả làn da  (Trăng...) III. Tập hoàn thiện khổ thơ tám chữ. a.  Biết làm thơ cha hẳn là thi sĩ  Như người yêu khác hẳn với tình nhân Biển dù nhỏ không phải là ao  rộng  (Một cành đào chưa thể gọi mùa xuân) b.  Cành mùa thu đã mùa xuân nảy  lộc  Hoa gạo nở rồi, nở đỏ bến sông |

# Hoạt động vận dụng

- Tập làm bài thơ tám chữ theo chủ đề lựa chọn

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Sưu tầm những bài thơ tám chữ

- Chuẩn bị bài giờ sau thi làm thơ tám chữ theo đề tài tự chon và đề tài bắt buộc.

===================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# TUẦN 18 - TIẾT 87

1. **MỤC TIÊU**

**TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ**

( tiếp theo)

Qua bài học này, HS cần :

1. **Kiến thức :** Vận dụng các kiến thức về thể thơ tám chữ để làm một bài thơ hoàn chỉnh.
2. **Kĩ năng** : Tập làm thơ tám chữ theo đề tài tự chọn.
3. **Thái độ :** Tích cực tham gia bài học.

# Năng lực và phẩm chất:

* Năng lực ***:*** Tự học, giao tiếp, cảm thụ, hợp tác, giải quyết vấn đề.
* Phẩm chất : Tự tin, tự chủ, yêu quê hương - gia đình- trường lớp.

# CHUẨN BỊ

1. **GV**: Chuẩn bị 1 số bài thơ tám chữ hay
2. **HS** : sưu tầm 1 số bài thơ tám chữ, tập làm thơ theo chủ đề.

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. **PP** : Gợi mở - vấn đáp, luyện tập thực hành, hoạt động nhóm,
2. **Kĩ thuật** : Động não, trình bày một phút, đặt câu hỏi

# TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức
* kiểm tra bài cũ : - Luật làm thơ tám chữ ?
* Vào bài mới : GV giới thiệu bài mới

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| \*PP : Hoạt động nhóm, gợi mở - vấn đáp, pp luyện tập thực hành  \*Kĩ thuật : Động não, trình bày một phút   * GV : Yêu cầu các nhóm thảo luận   : tự chọn đề tài, làm đúng thể loại, nội dung trong sáng, có ý nghĩa tích cực.   * GV: - Gọi đại diện trình bày   + Gọi nhóm khác nhận xét * GV: nhận xét, biểu dương   GV: Chia nhóm cho học thảo luận  - Cả lớp chia 4 nhóm, mỗi tổ là một nhóm.   * + Cử trưởng nhóm & thư kí   + Thời gian: 10 phút   - Gv cho học sinh bốc thăm đề tài. 1- Đề tài : nhớ trường   1. Đề tài: Tình bạn. 2. Đề tài : con sông quê hương. 4- Đề tài : Thiên nhiên  * Yêu cầu : làm đúng thể loại, nội dung trong sáng, có ý nghĩa tích cực.   + Gọi đại diện trình bày   + Gọi nhóm khác nhận xét, bình   GV: nhận xét, biểu dương nhóm làm tốt về thể loại, ý nghĩa  GV: Đưa một số đoạn thơ theo chủ đề đã cho.  Gv: Bình một số bài thơ hay và khuyến khích tinh thần sáng tác thơ văn của HS | ***IV. Tập làm thơ tám chữ theo đề tài tự chọn.*** Thi làm thơ tám chữ theo đề tài cho trước:  * 1. Nhớ trường.   Nơi ta đến hàng ngày quen thuộc  thế  Sân trường mênh mông, nắng cũng mênh mông  Khăn quàng tung bay rực rỡ sắc hồng  Xa bạn bè, sao bỗng thấy bâng khuâng   * 1. Nhớ bạn   Ta chia tay nhau phượng đỏ đầy trời Nhớ những ngày vui rộn rã tiếng  cười  Và nhớ những đêm lửa trại tuyệt vời Quây quần bên nhau long lanh rơi lệ.   * 1. Con sông quê hương   Con sông quê ru tuổi thơ trong  mơ  Giữa những hoàng hôn ngời lên ánh mắt  Gặp nhau hồn nhiên nụ cười rất  thật  Để mai ngày thao thức viết thành thơ. |

# Hoạt động vận dụng

- Tiếp tục làm thơ tám chữ ?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* + Về tập làm thơ tám chữ theo đề tài
    - Chuẩn bị bài giờ sau học bài “Những đứa trẻ”

+ Đọc Vb

+ Trả lời các câu hỏi / SGK

=========================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# TUẦN 18 - TIẾT 88 + 89

**NHỮNG ĐỨA TRẺ ( ĐỌC THÊM )**

**(Trích *Thời thơ ấu*)**

# Mác- xim Go-rơ-ki

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Qua bài học này, HS cần :

* + 1. **Kiến thức** : Rung cảm trước những tâm hồn tuổi thơ trong trắng, sống thiếu tình thương và hiểu rõ nghệ thuật kể chuyện Go-rơ-ki trong đoạn trích tiểu thuyết tự thuật này .
    2. **Kĩ năng**: Rèn khả năng phát hiện, phân tích các chi tiết, các yếu tố nghệ thuật .
    3. **Thái độ**: Bồi dưỡng tinh thần nhân ái, yêu thương con người .

# Năng lực và phẩm chất

* + Năng lực : Giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học
  + Phẩm chất : Tự tin, tự chủ, yêu thương con người, nhân ái

# II .CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên: Tham khảo tài liệu có liên quan, máy chiếu
2. Trò: Ôn lại kiến thức đã học, chuẩn bị kiểm tra .

# III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. **PP** : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm,phân tích, bình giảng
2. **Kĩ thuật** : Động não, trình bày một phút, đặt câu hỏi

# III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. **Hoạt động khởi động**

\*Ổn định tổ chức :

* + Kiểm tra bài cũ :
  + Tóm tắt văn bản Cố hương ? Nêu nghệ thuật và nội dung của văn bản ?
  + Tổ chức khởi động :
  + GV cho Hs thi tìm các câu thơ, lời hát về tình bạn.
  + Cảm nhận về tình bạn qua các lời thơ trên?

# Hoạt động hình thành kiến thức

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| Yêu cầu theo dõi sgk/ 232  - Nêu những hiểu biết của em về tác giả M.Gorki? | **I .Đọc, Tìm hiểu chung 1. Tác giả,**  Mácxim Gorki(1868-1936) là bút danh của A.Pêscốp-Nhà văn lớn của Nga và thế giới trong thế kỉ XX. |

GV giới thiệu chân dung nhà văn.

* + Xuất xứ của đoạn trích ? GV: Hướng dẫn, đọc mẫu,

gọi hs đọc, nhận xét GV : yêu cầu HS tóm tắt GV tóm tắt lại .

* + Giải thích chú thích 5,7,9,10 ?
  + Xác định thể loại của văn bản ?
  + Những PTBĐ trong tác phẩm ?
  + Bài có thể chia mấy phần? nêu nội dung từng phần ?
  + GV : yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi :
  + Hoàn cảnh của A-li-ô-sa và bọn trẻ ?
  + Cảm nhận của em về hoàn cảnh của chúng ?
  + HS trả lời, NX
  + Vì sao những đứa trẻ lại chơi với nhau?

? Vì sao ông đại tá không cho con chơi với Aliôsa?

* + Gorki (cay đắng )
  + Tác giả viết ba tiểu thuyết tự thuật .

## + Thời thơ ấu, Kiếm sống, Những trường đại học của tôi.

**2. Tác phẩm**

***\* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ***

* + Trích từ chương IX tác phẩm ‘‘Thời thơ ấu’’ (13 chương )

\*. Đọc , tóm tắt, chú thích :

* + Đọc
    - Tóm tắt
  + Hiểu chú thích sgk /233

\*Thể loại : Tiểu thuyết

* PTBĐ : Tự sự + miêu tả và biểu cảm
* Bố cục : 3 phần :
  + - Phần 1: Từ đầu .....đến “ ấn em nó cúi xuống”

(Tình bạn tuổi thơ trong trắng )

* + - Phần hai : tiếp ....đến “ không được đến nhà tao”

(Tình bạn bị cấm đoán )

* + - Phần ba : còn lại .

(Tình bạn vẫn cứ tiếp diễn )

# Phân tích :

1. **Tình bạn của những đứa trẻ**
   * Aliôsa mất bố, mẹ lại đi lấy chồng khác ,ông ngoại hay đánh đòn , chỉ có bà là người hiền hậu ...
   * Những đứa trẻ: sống trong cảnh giàu sang nhưng cũng chẳng sung sướng gì

,mẹ chết sống với dì ghẻ ,bị cấm đoán , đánh đòn

-> Là những đứa trẻ thiếu tình thương ...

-> Do tình cờ ,Aliôsa góp sức cứu đứa nhỏ bị rơi xuống giếng nên 3 đứa trẻ hiểu và chơi với Aliôsa.

* Ông bà ngoại của Aliôsa là hàng xóm với đại tá ốpxiannicốp nhưng hai gia đình thuộc những thành phần xã hội khác nhau ( dân thường – quan chức giàu sang) nên đại tá không cho con
* Tuy bị cấm đoán nhưng chúng vẫn chơi với nhau bằng cách nào ?
* Nhận xét gì về nghệ thuật trong đoạn văn này ?
* Tình cảm gì của bọn trẻ với nhau ntn? GV : Bình .............
* Ali có tâm trạng gì khi nói chuyện với bọn trẻ?
* Em thử giải thích vì sao A-li có tâm trạng đó?
* Chi tiết A-li bắt chim song chú bé từ bỏ ý định đó vì sao?
* Qua đó, em hiểu thêm gì về bọn trẻ?
* Khi nhắc đến dì ghẻ, bọn trẻ có hành động gì?
* Tg sử dụng nghệ thuật gì và tác dụng của nó ra sao?

# - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm :

* Em hãy nêu nhận xét về cách kể chuyện của tác giả?
* Qua đó, em thấy hình ảnh bọn trẻ hiện lên như thế nào?
* A-li là chú bé ntn?
* HS thảo luận -> trình bày, NX

# ( Tiết 2)

* Hình ảnh người cha của bọn trẻ xuất hiện như thế nào?
* Hình ảnh đó gợi cho em liên tưởng đến nhân vật nào?
* Hành động của ông ta ra sao? Qua đó, em thấy ông ta là người như thế nào.

chơi với Aliôsa.

* Cả bọn chui vào xe trượt tuyết , trò chuyện

+ Ngôn ngữ đối thoại ....

=> Yêu thương, quý mến nhau, thân thiết như anh em ruột .

* Khó mà tin được rằng... cảm thấy tức thay cho chúng

-> A-li thấy chúng hiền lành và yếu ớt, chúng mất mẹ nhưng còn có bố, cậu bé muốn bênh vực bạn nhưng bất lực.

* A-li từ bỏ ý định bắt chim khi đứa bé phản đối
* A-li bắt một con bạch yến theo ý muốn của bạn

-> Chúng biết sống cho bạn và hết lòng yêu quý bạn.

-“..ngồi sát vào nhau giống như những chú gà con”

-> Phép so sánh: sự cô đơn, yếu ớt, đáng thương, cần được người chở che, bảo vệ.

+ Ngôn ngữ đối thoại, kết hợp chuyện đời thường với chuyện cổ tích

=> Hình ảnh những đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ, đáng yêu và tình bạn gắn bó.

-> A-li là người bạn tốt, biết sẻ chia.

# Những đứa trẻ bị cấm đoán:

“- Một ông già với bộ ria trắng...

... khung cảnh: những đám mây đỏ..”.

-> Hình ảnh đẹp, gợi lên nhân vật thần tiên

“.... Đứa nào...” -> Một con người hách dịch.

“.. Đẩy ra khỏi cổng...” -> lạnh lùng và tàn nhẫn.

# GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi:

* Tg sử dụng nghệ thuật gì để bộc lộ tình cách nhân vật?
* Đó là con người có tính cáchnhư thế nào?

GV; giảng

* Kể lại cái cách bọn trẻ chơi với nhau?
* Em có nhận xét gì về cách chơi đó?
* Bọn trẻ đã kể những gì cho A-li nghe?
* Qua đó, em có nhận xét gì về cuộc sống của bọn trẻ?
* A-li đã làm gì?
* Qua đó, em thấy A-li là người bạn như thế nào?
* Qua tìm hiểu, em hiểu thế nào về cuộc sống của bọn trẻ?

# GV sử dụng kĩ thuật động não :

* Em cảm nhận gì về tình bạn và người bạn A-li.?

# GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút:

* Em hãy tổng kết giá trị nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?
* Qua tìm hiểu văn bản, em hiểu gì về tác giả Mác-xim Gor-ki ?
* Câu chuyện cho em bài học gì?

# Hoạt động luyện tập

* Tóm tắt ngắn gọn văn bản ?

+ NT: Sự tương phản giữa ngoại hình với hành động.

=> Tính cách thô lỗ, lạnh lùng, tàn nhẫn

# Những đứa trẻ gặp nhau:

“...Bọn trẻ tiếp tục chơi.....”

-> Đó là một cuộc chơi không bình thường: Đoàn kết, có tổ chức nhưng phải bí mật và trốn tránh (lẽ ra chúng không phải làm như vậy)

* “... Cuộc sống buồn tẻ...... Chưa bao giờ chúng nói một lời nào về bố và về dì ghẻ”

=> Cuộc sống âm thầm và cô độc; thiếu vắng niềm vui; thiếu vắng tình thương ruột thịt.

* A-li kể chuyện cổ tích. muốn làm cho chúng vui thích

->Người bạn có sự đồng cảm, sẻ chia và nâng đỡ.

*******Cuộc sống đơn độc, sợ hãi, thiếu tình yêu thương của bố mẹ. Đó là cuộc sống bất hạnh*

* *Tình bạn gắn bó. Đó là một tình bạn trong trắng, ấm áp.*
* *A-li-ô-sa là người hiểu biết, chân thành, giàu lòng nhân ái. Đó là một người bạn cao cả*

# Tổng kết

* Nghệ thuật : Sgk
* Nội dung: Sgk
* Tác giả: Một con người có tấm lòng cao cả, nhân ái, đồng cảm và nâng đỡ, sẻ chia bất hạnh của mọi người.
* Bài học về cách sống: Sống gắn bó và yêu thương mọi người, sẵn sàng sẻ chia những khó khăn, bất hạnh của họ
* Cảm nhận của em về tình cảm của bọn trẻ ?

# Hoạt động vận dụng

* Viết đoạn văn kể về tình bạn của em ?

# Hoạt động tìm tòi và mở rộng

* Tìm đọc các bài viết về tác phẩm.
* Học bài .
* Chuẩn bị : ôn lại những kiến thức đã học -> giờ sau trả bài kiểm tra học kì ( Theo lịch của PGD )

====================================================

Ngày soạn: / /2018 Ngày dạy: / /2018

# TIẾT 90 - TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I

1. **Mục tiêu** :
   1. **Kiến thức :**

- Học sinh hệ thống hóa những kiến thức đã học ở học kì I

# Kĩ năng :

- So sánh đối chiếu với đáp án để rút ra nhận xét về bài làm của mình ,tìm cách khắc phục những hạn chế .

# Thái độ :

- Nghiêm túc học tập

# Năng lực và phẩm chất

* Năng lực : Hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học.
* Phẩm chất : Tự tin.